

Điều kiện Hợp đồng FIDIC

ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
NHÀ MÁY VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
DỰ ÁN EPC CHÌA KHÓA TRAO TAY

Conditions of Contract

FIDIC

CONDITIONS OF CONTRACT FOR
PLANT AND DESIGN – BUILD
CONDITIONS OF CONTRACT FOR
EPC TURNKEY PROJECTS

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN

Điều kiện Hợp đồng FIDIC

ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
DỰ ÁN EPC CHÌA KHÓA TRAO TAY

Condition of Contract FIDIC

CONDITIONS OF CONTRACT FOR
PLANT AND DESIGN – BUILD
CONDITIONS OF CONTRACT FOR
EPC TURNKEY PROJECTS

HIỆP HỘI TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM (VECAS)
THÀNH VIÊN CỦA FIDIC LÀ CƠ QUAN BIÊN DỊCH
CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2002

FIDIC là chữ viết tắt bằng tiếng pháp của Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn

FIDIC được ba hiệp hội quốc gia các kỹ sư tư vấn ở châu Âu sáng lập ra năm 1913. Mục đích thành lập Hiệp hội là để cùng nhau đề xuất những lợi ích về nghiệp vụ của các hiệp hội thành viên và phổ biến các thông tin cần quan tâm đến các hiệp hội quốc gia thành viên.

Tới nay, số lượng thành viên của FIDIC là trên 60 nước trên toàn cầu và Hiệp hội là đại diện cho phần lớn các kỹ sư tư vấn làm ăn độc lập trên thế giới.

FIDIC bố trí sắp xếp các cuộc hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác theo sự phát triển của các mục tiêu của mình: duy trì đạo lý cao và các tiêu chuẩn về nghề nghiệp; trao đổi quan điểm và thông tin, thảo luận các vấn đề cùng quan tâm giữa các hiệp hội thành viên và người đại diện của các tổ chức tài chính quốc tế, và mở rộng nghề nghiệp có tính kỹ thuật ở các nước đang phát triển.

Các ấn phẩm của FIDIC bao gồm các bài tham luận ở các cuộc hội thảo và hội nghị, thông tin cho các kỹ sư tư vấn, chủ dự án và các cơ quan phát triển quốc tế, các dạng chuẩn để đánh giá, các tài liệu về hợp đồng và các thỏa thuận giữa khách hàng/tư vấn. Những thứ này đều có sẵn tại văn phòng ở Thụy Sĩ.

Hiệp hội Quốc tế các kỹ sư Tư vấn

FIDIC xuất bản

P.O Box 86

CH-1000 Lausanne 12 Thụy Sĩ.

Điện thoại +4121654 4411

Fax +4121653 3432

E.mail fidic @ pobox.com.

w w w <http://www.fidic.org>

LỜI GIỚI THIỆU

Đã từ lâu, các mẫu Điều kiện về Hợp đồng của FIDIC dùng cho các chủ đầu tư và Nhà thầu trong các dự án xây dựng quốc tế như trong mỗi nước (có điều chỉnh) đã được sử dụng một cách rộng rãi trên thế giới. Ở nước ta, từ khi có chính sách mở cửa theo cơ chế thị trường, các dạng mẫu Điều kiện Hợp đồng này đã trở thành quen thuộc với các cơ quan nhà nước, các giới kinh doanh xây dựng. Quyển sách đỏ “Điều kiện hợp đồng đối với các công việc ở các công trình xây dựng do FIDIC xuất bản năm 1984 đã được xem như cẩm nang của những người xây dựng. Nghị định số 43/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định số 88/CP ngày 1/9/1999 của Chính phủ về quy chế đấu thầu đều đã yêu cầu áp dụng “Các điều kiện chung và điều kiện cụ thể các Hợp đồng” theo hướng dẫn của FIDIC (Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn) trong công tác đấu thầu.

FIDIC không ngừng thu thập tình hình, nghiên cứu và đến nay nhận thấy một số dự án đã nằm ngoài phạm vi của các biểu mẫu Điều kiện Hợp đồng đã có. Qua một thời gian dự thảo, lấy ý kiến rộng rãi của các chuyên gia đầu ngành, của các tổ chức tài chính quốc tế, của các Hội, Hiệp hội có liên quan và áp dụng thử, đến tháng 9/1999 một bộ gồm 4 dạng mẫu Điều kiện Hợp đồng mới đã ra đời. Các mẫu Điều kiện Hợp đồng mới có thể thích ứng cho đại bộ phận các dự án xây dựng và lắp đặt trên thế giới.

Bộ mới này được liên tục phổ biến trên khắp năm châu và dần dần đã thay thế các bộ cũ và ngày càng mở rộng phạm vi tác dụng của nó trong công tác đấu thầu xây dựng. Trong đó dạng hợp đồng ngắn gọn đã được ngân hàng Thế giới WB xem như là các điều kiện tiêu chuẩn trong “Tài liệu về đấu thầu tiêu chuẩn trong các công trình nhỏ”.

Được sự cho phép của FIDIC với tư cách là đại diện duy nhất của FIDIC tại Việt Nam, Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam đã dịch để phổ biến mới “Các điều kiện Hợp đồng xây dựng” nhằm giúp các doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các thông lệ quốc tế trong kinh doanh xây dựng.

Để thuận tiện cho việc sử dụng, bộ mới của FIDIC đã được dịch và xuất bản thành 2 tập:

- Tập 1: + Các điều kiện của Hợp đồng về xây dựng cho các công trình kiến trúc và công trình kỹ thuật do chủ công trình (đầu tư) thiết kế:
- Tập 2: + Các điều kiện Hợp đồng về nhà máy và thiết kế xây dựng.
+ Các điều kiện về Hợp đồng cho các dự án EPC chìa khóa trao tay.

Sau khi đã xuất bản tập 1, Hiệp hội xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả tập 2 của bộ mới nói trên. Đây là một tài liệu có tính tổng hợp bao quát nhiều lĩnh vực nên trong khi dịch không tránh khỏi thiếu sót mong được sự góp ý của quý vị.

Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Bộ Xây dựng (trực tiếp là Nhà xuất bản xây dựng), các chuyên gia xây dựng và quản lý đầu ngành trong công tác dịch và xuất bản bộ sách này.

HIỆP HỘI TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN

Điều kiện Hợp đồng

NHÀ MÁY VÀ THIẾT KẾ - XÂY DỰNG

**DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ**

Điều kiện chung

Hướng dẫn soạn thảo điều kiện riêng

Mẫu thư dự thầu, thỏa thuận hợp đồng và

Thỏa thuận xử lý tranh chấp

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

**Điều kiện Hợp đồng
NHÀ MÁY VÀ
THIẾT KẾ - XÂY DỰNG**

**DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ**

Sửa đổi lần thứ nhất – 1999

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN

©FIDIC 1999

LỜI CẢM ƠN

Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC) xin chân thành cảm ơn các thành viên sau đây của Tổ công tác cập nhật tài liệu: Christopher Wade (Trưởng nhóm), SWECO-VBB Thụy Điển; Peter L Booen, Đức; Christopher R Seppala (Cố vấn pháp lý), White & Case, Pháp; và Jose F Speziale, IATASA, Achentina.

Việc chuẩn bị được tiến hành dưới sự chỉ đạo chung của Ủy ban về Các Hợp đồng của FIDIC bao gồm các ông Dohn B Bowcock, kỹ sư tư vấn, Vương quốc Anh (Chủ tịch); Michael Mortimer Hawkins, Swedpower, Thụy Điển; và Axel-Volkmar Jaeger, Schmidt Reuter Partner, Đức; cùng với ông K B (Tony) Norris, cố vấn đặc biệt.

Các dự thảo đã được nhiều cá nhân và tổ chức có tên trong danh sách dưới đây rà soát lại. Những nhận xét của họ đã được Nhóm công tác cập nhật nghiên cứu kịp thời và ở những chỗ thích hợp các nhận xét đã có sửa lại lời văn của các điều khoản, Mushtag Ahmad, NESPAK, Pakistan; Peter Batty, Post Buckley International, Mỹ, Roeland Bertrams Clifford Chance, Hà Lan; Charles G Borthwich, SwedoPower, Thụy Điển; Manfred Breege, Lahmeyer International, Đức, Pablo Bueno, TYPASA, Tây Ban Nha; Nael G Bunni, Kỹ sư Tư vấn, Ai len; Ian Fraser, Beca Carter Hollisng & Femer Niu Di lớn; Roy Goode, Đại học Oxford, Vương quốc Anh; Dan W Graham, Brittows Cooke & Carpmael, Vương quốc Anh; Tonny Jensen (Chủ tịch Ủy ban quản lý chất lượng của FIDIC); COWI, Đan Mạch; Philip Loots và Hiệp hội Nam Phi; Neil McCole, Merz and McLellan, Vương quốc Anh; Tim Reynolds, Constant & Constant, Anh; Matthew Needham-Laing, Victoria Russell & Paul J Taylor, Berrynams Lace Mawer, Vương quốc Anh; David R. Wightman & Gerlando Butera, Nabarro Nathanson, Vương quốc Anh; Hiệp hội các kỹ sư Tư vấn Nhật Bản; Cơ quan Công nghiệp Xây dựng Phi Lip Pin; Tổ chức Quốc tế Các Nhà thầu Châu Âu (EIC); Cơ quan Liên lạc Công nghiệp Kim loại Châu Âu ("ORGALIME"); Hiệp hội Quốc tế các Nhà thầu làm công việc nạo vét, Hội luật gia Quốc tế; Ngân hàng Phát triển châu Á; và Ngân hàng Thế giới. Sự thừa nhận của những cá nhân và tổ chức nói trên không có nghĩa là họ đã thông qua cách diễn đạt của tất cả các điều khoản.

FIDIC xin được đánh giá cao thời gian và công sức đã bỏ ra của tất cả cá nhân và tổ chức trên đây.

Quyết định cuối cùng về hình thức và nội dung của tài liệu vẫn thuộc về FIDIC.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong năm 1999, Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC) đã công bố lần xuất bản thứ nhất của 4 dạng hợp đồng tiêu chuẩn mới.

Điều kiện của Hợp đồng Xây dựng

Dạng này được khuyến nghị cho các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư, các nhà tư vấn thiết kế. Theo sự sắp xếp thông thường đối với các loại hợp đồng này thì Nhà thầu xây dựng thực hiện công trình đúng với thiết kế do Chủ đầu tư cung cấp. Tuy nhiên công trình có thể bao gồm một số hạng mục về cơ điện và/hoặc xây dựng do Nhà thầu thiết kế.

Điều kiện của Hợp đồng Nhà máy và thiết kế - Xây dựng,

Dạng này được khuyến nghị dùng cho việc cung cấp nhà máy điện và/hoặc cơ khí và cho việc thiết kế và thi công các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật. Theo sự sắp xếp thông thường đối với loại Hợp đồng này thì Nhà thầu thiết kế và cung cấp các nhà máy và/hoặc các công việc khác theo các yêu cầu của Chủ đầu tư mà có thể kết hợp cả các công việc hạ tầng, cơ, điện và/hoặc xây dựng.

Điều kiện Hợp đồng cho các dự án EPC/Chìa khóa trao tay,

Dạng này có thể thích hợp với việc cung cấp trên cơ sở chìa khóa trao tay một dây chuyền hay một nhà máy điện, một xí nghiệp hay cơ sở tương tự hoặc một dự án hạ tầng hoặc một loại dự án phát triển khác mà ở đó: (i) giá thành và thời gian được yêu cầu cao hơn, và (ii) Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn thành đối với thiết kế thi công công trình, với sự tham gia rất ít của Chủ đầu tư. Theo sự sắp xếp thông thường, đối với các dự án chìa khóa thì Nhà thầu thực hiện mọi công việc tư vấn, Mua sắm và xây dựng (EPC): cung cấp trang thiết bị đồng bộ, sẵn sàng để vận hành (tại lúc “chìa khóa trao tay”).

Dạng Hợp đồng ngắn,

Dạng này được khuyến nghị dùng cho các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật có vốn tương đối nhỏ. Tùy theo loại công việc và điều kiện cụ thể, dạng này cũng có thể thích hợp đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn, đặc biệt đối với công trình tương đối đơn giản, lắp đi lắp lại hoặc công tình làm trong thời gian ngắn. Theo sắp xếp thông thường đối với loại hợp đồng này thì Nhà thầu xây dựng công trình phù hợp theo thiết kế do chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư (nếu có) cung cấp, nhưng dạng này cũng có thể thích hợp đối với một hợp đồng có hoặc bao gồm toàn bộ các công việc hạ tầng về cơ, điện và/hoặc xây dựng do Nhà thầu thiết kế.

Các dạng hợp đồng được khuyến nghị cho việc sử dụng chung khi việc đấu thầu được mời trên cơ sở quốc tế. Có thể yêu cầu sửa đổi ở một số quyền hạn pháp lý nào đó, đặc biệt nếu các điều kiện được dùng trong những hợp đồng trong nước. FIDIC coi các văn bản chính thức và đáng tin cậy là bằng tiếng Anh.

Khi soạn thảo các Điều kiện Hợp đồng Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng này, đã thấy rằng, trong khi có nhiều khoản sẽ được áp dụng rộng rãi thì có một số khoản nào đó cần thiết phải thay đổi để tính đến các tình huống liên quan đến hợp đồng riêng. Những khoản được xem là có thể áp dụng cho nhiều (nhưng không phải là cho tất cả) hợp đồng đều đã được đưa vào trong Điều kiện chung để chúng kết hợp chặt chẽ trong mỗi hợp đồng.

Điều kiện chung và điều kiện riêng sẽ cùng bao gồm các Điều kiện của Hợp đồng chi phối các quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên. Cần thiết phải soạn thảo các Điều kiện riêng cho mỗi hợp đồng riêng lẻ và phải tính đến những khoản đó trong các Điều kiện chung có đề cập tới các Điều kiện riêng.

Đối với đợt công bố này, Điều kiện chung được soạn thảo dựa trên các cơ sở sau đây:

- (i) các khoản thanh toán tạm liên quan đến giá hợp đồng trọn gói sẽ được thực hiện theo tiến trình công việc và thành từng đợt được trình bày chi tiết trong một lịch trình thanh toán.
- (ii) Nếu lời văn trong Điều kiện chung đòi hỏi phải có thêm dữ liệu thì (trừ khi được mô tả là phải được chi tiết hóa trong các yêu cầu của Chủ đầu tư) Khoản tham chiếu tới những dữ liệu được chứa đựng trong Phụ lục của Hồ sơ thầu, dữ liệu hoặc được quy định bởi bên Chủ đầu tư hoặc được người dự thầu đưa vào.
- (iii) Khi một Khoản trong Điều kiện chung đề cập đến một trường hợp mà các thuật ngữ hợp đồng khác nhau được áp dụng cho các hợp đồng khác nhau thì các nguyên tắc được vận dụng, để viết điều khoản này ra thành văn, như sau:
 - (a) nếu những quy định nào đó người sử dụng không muốn áp dụng thì có thể đơn giản gạch bỏ hoặc không viện dẫn; họ sẽ cảm thấy thuận tiện hơn là phải viết đoạn văn bổ sung (trong Điều kiện riêng) bởi vì trong Điều kiện chung đã không có các yêu cầu của họ; hoặc
 - (b) trong những trường hợp khác, ở những chỗ mà việc áp dụng (a) không thích hợp thì khoản nên có các quy định được xem là có thể áp dụng cho hầu hết các hợp đồng.

Ví dụ, Khoản 14.2 [*Ứng trước*] được đưa vào là để cho thuận tiện chứ không phải vì chính sách nào đó của FIDIC liên quan đến việc tạm ứng. Khoản này sẽ không áp dụng được (thậm chí cả nếu có không bị gạch bỏ) nếu nó bị bỏ qua do không trình bày rõ chi tiết số tiền thanh toán trước. Cần lưu ý rằng một vài quy định nằm trong Điều kiện chung có thể không thích hợp đối với một hợp đồng mang tính đặc thù.

Những thông tin tiếp theo về mặt này, ví dụ câu chữ cho những quy định khác, và những tài liệu giải thích khác và những ví dụ về câu chữ để giúp soạn thảo Điều kiện riêng và những hồ sơ mời thầu khác được gộp chung lại trong lần xuất bản này thành Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng. Trước khi đưa thêm bất cứ ví dụ về câu văn nào, cần kiểm tra để đảm bảo là nó hoàn toàn phù hợp cho tình huống riêng đó; nếu không nó sẽ phải sửa lại.

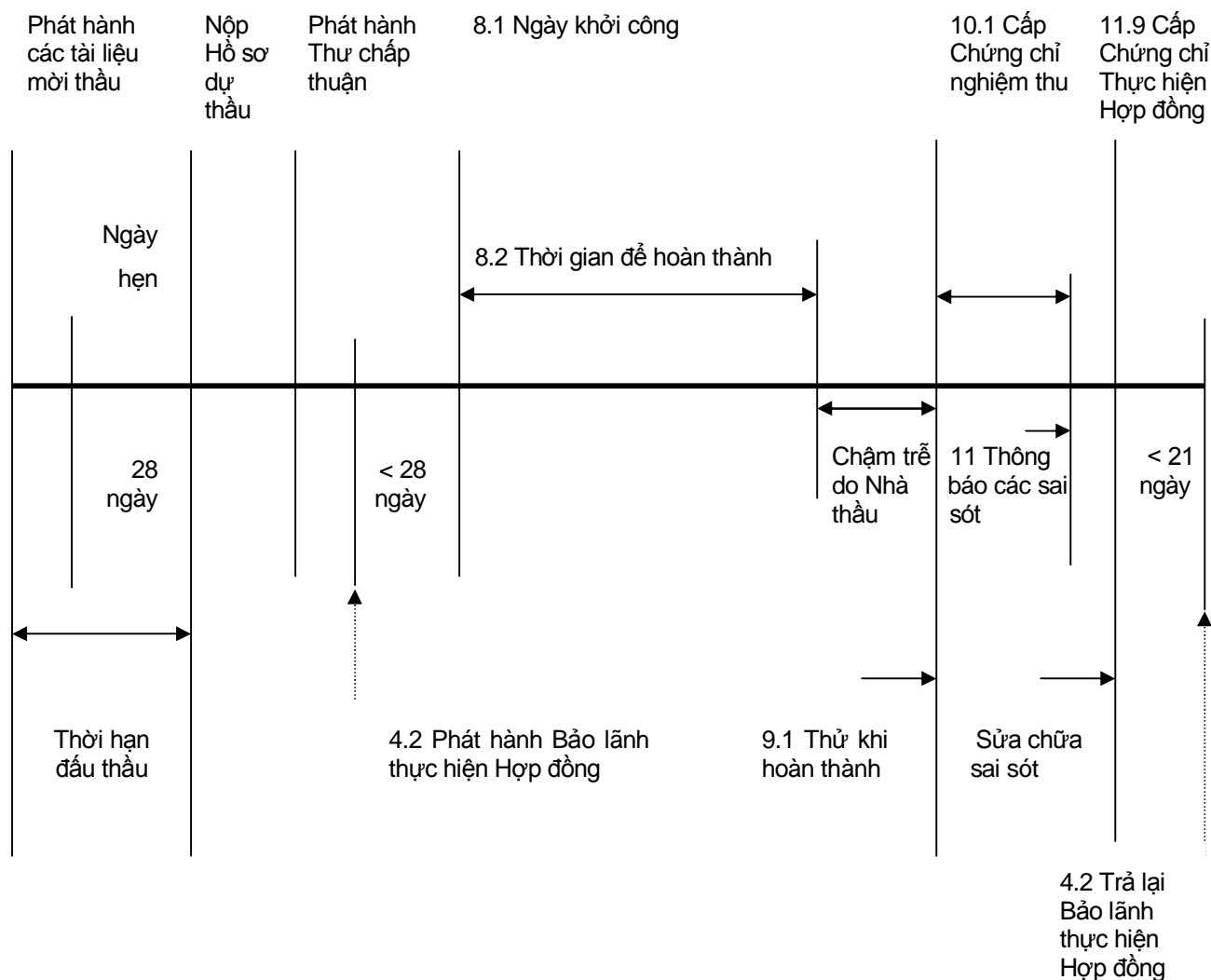
Ở những chỗ mà văn đưa ra làm ví dụ được sửa lại và trong trường hợp khi có những sửa đổi về lời văn hoặc có các bổ sung khác, cần phải thận trọng để đảm bảo không tạo ra những chỗ tối nghĩa hoặc là của Điều kiện chung hoặc giữa các điều khoản của Điều kiện riêng. Một điều rất cơ bản là tất cả những nhiệm vụ dự theo này và toàn bộ việc soạn thảo hồ sơ mời thầu phải được giao phó cho người có trình độ thích ứng kể cả về mặt hợp đồng, kỹ thuật và mua sắm.

Tài liệu xuất bản này kết thúc với các mẫu Thư Dự thầu, phụ lục Hồ sơ mời thầu (cung cấp một danh sách các Khoản mà nó tham chiếu tới), Bản thỏa thuận hợp đồng, các phương án Thỏa thuận về xử lý tranh chấp. Bản thỏa thuận xử lý tranh chấp này đưa ra lời văn cho bản thỏa thuận giữa Bên Chủ đầu tư và Bên Nhà thầu và người được chỉ định làm nhiệm vụ hoặc là người hòa giải duy nhất hoặc là thành viên của ban hòa giải ba người; và bao gồm (theo tham chiếu) các Khoản của Phụ lục của Điều kiện chung.

FIDIC dự định xuất bản một hướng dẫn sử dụng Điều kiện hợp đồng cho Xây dựng, cho Nhà máy và thiết kế - Xây dựng và cho các Dự án Kỹ thuật, Mua sắm, xây dựng (EPC)/ chìa khóa trao tay – Một ấn phẩm thích hợp khác của FIDIC là “trình tự đấu thầu” giới thiệu một cách thức có hệ thống để chọn lựa những người dự thầu, thu nhận và đánh giá các hồ sơ thầu.

Nhằm làm rõ trình tự của các hoạt động theo Hợp đồng, có thể tham chiếu các sơ đồ ở hai trang tiếp theo và các Khoản được liệt kê dưới đây (một vài số của Khoản cũng được nêu ra trong các sơ đồ). Những sơ đồ là để minh họa và không được xem là sự diễn giải các Điều kiện của Hợp đồng.

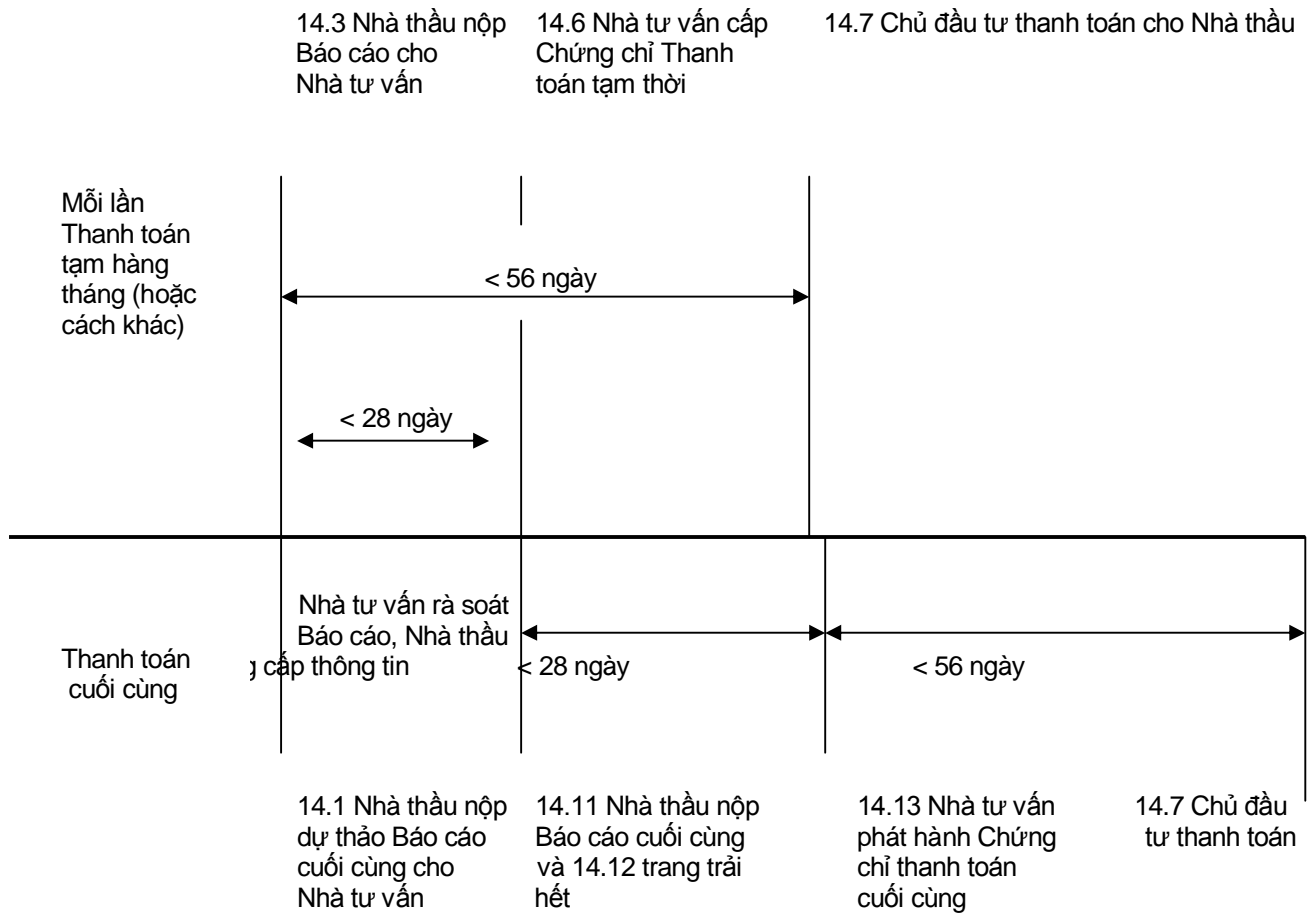
- 1.1.3.1 & 13.7 Ngày hẹn
- 1.1.3.2 & 8.1 Ngày khởi công
- 1.1.6.6 & 4.2 Bảo lãnh thực hiện
- 1.1.4.7 & 14.3 Chứng chỉ Thanh toán tạm
- 1.1.3.3 & 8.2 Thời gian hoàn thành (như được kéo dài theo khoản 8.4)
- 1.1.3.4 & 9.1 Kiểm định khi hoàn thành
- 1.1.3.5 & 10.1 Chứng chỉ nghiệm thu
- 1.1.3.6 & 12.1 Kiểm định sau khi hoàn thành (nếu có)
- 1.1.3.7 & 11.1 Thời hạn thông báo sai sót (như đã được kéo dài theo 11.3)
- 1.1.3.8 & 11.9 Chứng chỉ thực hiện
- 1.1.4.4 & 14.13 Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng



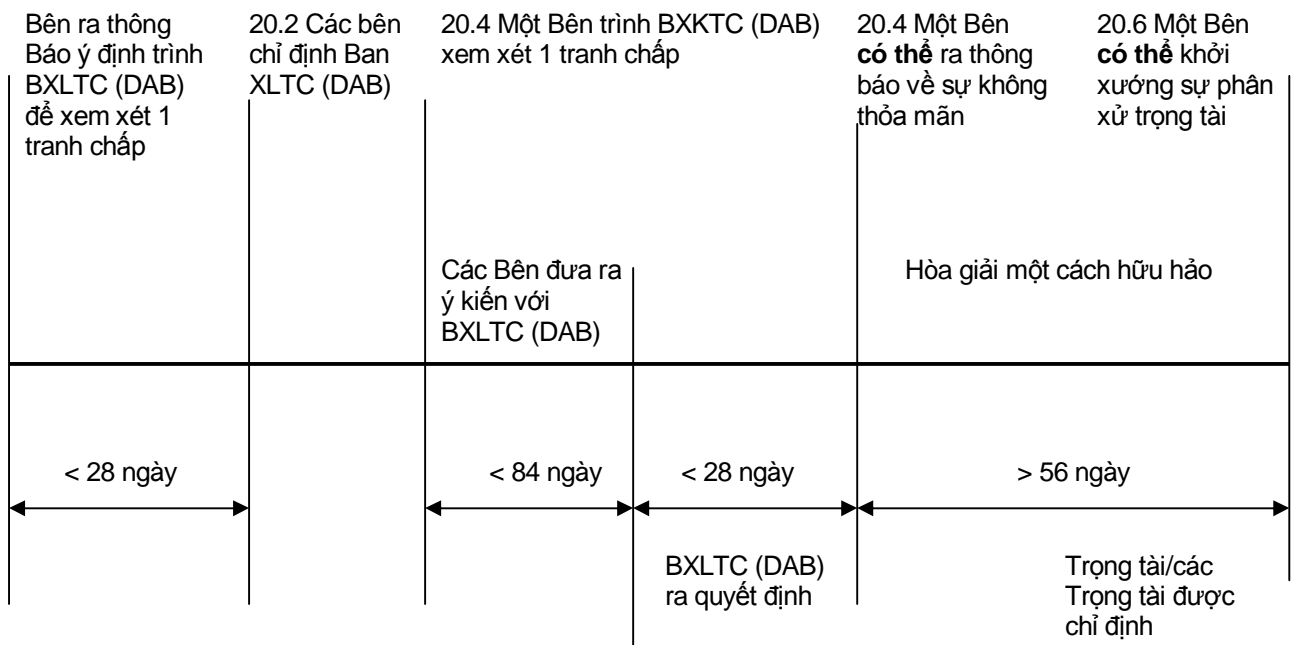
Trình tự diễn hình của các sự việc chính trong các Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng

1. Thời gian để hoàn thành phải được nói rõ (trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu) như số ngày, có bổ sung thời gian kéo dài theo Khoản 8.4.
2. Nhằm chỉ được ra trình tự của các sự việc, sơ đồ trên đây dựa trên thí dụ về nhà thầu không tuân thủ đúng với Khoản 8.2.
3. Thời hạn thông báo các sai sót phải được nêu rõ (trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu) số ngày, có bổ sung thời gian kéo dài theo Khoản 11.3.
4. Tùy thuộc vào loại công trình mà có thể yêu cầu kiểm định sau khi hoàn thành.

©FIDIC 1999



Trình tự điển hình của các sự việc thanh toán được trừ tính trong Điều 14



Tính liên tục điển hình của các sự kiện tranh chấp được trừ tính trong Điều 20

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

**Điều kiện Hợp đồng
NHÀ MÁY VÀ
THIẾT KẾ - XÂY DỰNG**

**DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ**

Điều kiện chung

Điều kiện Chung

NỘI DUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Định nghĩa
- 1.2 Diễn giải
- 1.3 Các cách thông tin
- 1.4 Luật và ngôn ngữ
- 1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu
- 1.6 Thỏa thuận hợp đồng
- 1.7 Nhượng lại
- 1.8 Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu
- 1.9 Các sai sót trong các yêu cầu của Chủ đầu tư
- 1.10 Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu
- 1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư
- 1.12 Các chi tiết bí mật
- 1.13 Tuân thủ luật pháp
- 1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

2. CHỦ ĐẦU TƯ

- 2.1 Quyền tiếp cận Công trường
- 2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận
- 2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư
- 2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư
- 2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

3. NHÀ TƯ VẤN

- 3.1 Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà tư vấn
- 3.2 Ủy quyền của Nhà tư vấn
- 3.3 Chỉ dẫn của Nhà tư vấn
- 3.4 Thay thế Nhà tư vấn
- 3.5 Quyết định

4. NHÀ THẦU

- 4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu

- 4.2 Bảo lãnh thực hiện
- 4.3 Đại diện Nhà thầu
- 4.4 Nhà thầu phụ
- 4.5 Các Nhà thầu phụ được đề cử
- 4.6 Hợp tác
- 4.7 Định vị các mốc
- 4.8 Các quy định về an toàn
- 4.9 Đảm bảo chất lượng
- 4.10 Dữ liệu về công trường
- 4.11 Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp thuận
- 4.12 Điều kiện vật chất không lường trước được
- 4.13 Quyền về đường đi và các phương tiện
- 4.14 Tránh can thiệp
- 4.15 Đường vào công trường
- 4.16 Vận chuyển hàng hóa
- 4.17 Thiết bị Nhà thầu
- 4.18 Bảo vệ môi trường
- 4.19 Điện, nước và khí đốt
- 4.20 Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư
- 4.21 Báo cáo tiến độ
- 4.22 An ninh công trường
- 4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường
- 4.24 Cổ vật

5. THIẾT KẾ

- 5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung
- 5.2 Các tài liệu của Nhà thầu
- 5.3 Đảm bảo của Nhà thầu
- 5.4 Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật
- 5.5 Đào tạo
- 5.6 Các tài liệu hoàn công
- 5.7 Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- 5.8 Lỗi thiết kế

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- 6.1 Thuê mượn nhân viên và lao động

- 6.2 Mức lương và điều kiện lao động
- 6.3 Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư
- 6.4 Luật lao động
- 6.5 Giờ lao động
- 6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động
- 6.7 Sức khỏe và an toàn lao động
- 6.8 Sự giám sát của Nhà thầu
- 6.9 Nhân lực Nhà thầu
- 6.10 Hồ sơ về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu
- 6.11 Hành vi gây rối

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

- 7.1 Cách thức thực hiện
- 7.2 Mẫu mã
- 7.3 Giám định
- 7.4 Kiểm định (thử)
- 7.5 Từ chối
- 7.6 Công việc sửa chữa
- 7.7 Quyền sở hữu về thiết bị và vật liệu
- 7.8 Lệ phí sử dụng

8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

- 8.1 Khởi công
- 8.2 Thời gian hoàn thành
- 8.3 Chương trình tiến độ
- 8.4 Gia hạn thời gian hoàn thành
- 8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách
- 8.6 Tiến độ thực hiện
- 8.7 Những thiệt hại do chậm trễ
- 8.8 Tạm ngừng công việc
- 8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng
- 8.10 Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng
- 8.11 Kéo dài tình trạng tạm ngừng
- 8.12 Nói lại công việc

9. THỬ (KIỂM ĐỊNH) KHI HOÀN THÀNH

- 9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu
- 9.2 Việc thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 9.3 Thử (kiểm định) lại
- 9.4 Không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- 10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình
- 10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình
- 10.3 Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành
- 10.4 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

- 11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót
- 11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót
- 11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót
- 11.4 Không sửa chữa được sai sót
- 11.5 Di chuyển công việc bị sai sót
- 11.6 Các kiểm định thêm
- 11.7 Quyền được ra vào
- 11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân
- 11.9 Chứng chỉ thực hiện
- 11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành
- 11.11 Giải phóng mặt bằng

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

- 12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành
- 12.2 Thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 12.3 Thử (kiểm định) lại
- 12.4 Không vượt qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

13. BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

- 13.1 Quyền được biến đổi
- 13.2 Tư vấn về giá trị công trình
- 13.3 Thủ tục biến đổi
- 13.4 Thanh toán bằng tiền tệ qui định
- 13.5 Tiền tạm ứng

- 13.6 Công việc hàng ngày
- 13.7 Điều chỉnh do thay đổi luật lệ
- 13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

- 14.1 Giá hợp đồng
- 14.2 Ứng trước
- 14.3 Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm
- 14.4 Lịch trình thanh toán
- 14.5 Thiết bị và các vật liệu dùng cho công trình
- 14.6 Cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm
- 14.7 Thanh toán
- 14.8 Thanh toán bị chậm trễ
- 14.9 Thanh toán tiền giữ lại
- 14.10 Báo cáo khi hoàn thành
- 14.11 Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng
- 14.12 Trang trải xong
- 14.13 Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng
- 14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư
- 14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

- 15.1 Thông báo sửa chữa
- 15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
- 15.3 Xác định giá tại ngày chấm dứt hợp đồng
- 15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng
- 15.5 Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

- 16.1 Quyền Nhà thầu tạm ngừng công việc
- 16.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu
- 16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu
- 16.4 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

- 17.1 Bồi thường
- 17.2 Sự can thiệp của Nhà thầu đối với công trình

- 17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư
- 17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư
- 17.5 Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp
- 17.6 Giới hạn của trách nhiệm

18. BẢO HIỂM

- 18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm
- 18.2 Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu
- 18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản
- 18.4 Bảo hiểm cho nhân lực Nhà thầu

19. BẤT KHẢ KHÁNG

- 19.1 Định nghĩa về bất khả kháng
- 19.2 Thông báo về bất khả kháng
- 19.3 Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất
- 19.4 Các hậu quả của bất khả kháng
- 19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ
- 19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm
- 19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

- 20.1 Khiếu nại của Nhà thầu
- 20.2 Việc cử Ban xử lý tranh chấp
- 20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp
- 20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp
- 20.5 Hòa giải một cách hữu hảo
- 20.6 Trọng tài
- 20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp
- 20.8 Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp

PHỤ LỤC

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

BẢN MỤC LỤC CÁC KHOẢN

Các Định nghĩa được Liệt kê theo Bảng chữ cái

1.1.4.1	Số tiền được chấp thuận theo hợp đồng	1.1.6.5	Luật
1.1.1.9	Phụ lục của Hồ sơ dự thầu	1.1.1.3	Thư chấp thuận
1.1.3.1	Ngày hẹn	1.1.1.4	Thư dự thầu
1.1.3.2	Ngày khởi công	1.1.4.5	Nội tệ
1.1.3.3	Hợp đồng	1.1.5.3	Vật liệu
1.1.3.4	Thỏa thuận Hợp đồng	1.1.2.1	Bên
1.1.4.2	Giá Hợp đồng	1.1.4.9	Chứng chỉ thanh toán
1.1.2.3	Nhà thầu	1.1.3.8	Chứng chỉ thực hiện
1.1.6.1	Hồ sơ Nhà thầu	1.1.6.6	Bảo lãnh thực hiện
1.1.5.1	Thiết bị Nhà thầu	1.1.5.4	Công trình vĩnh cửu
1.1.2.7	Nhân lực Nhà thầu	1.1.5.5	Thiết bị
1.1.1.7	Đề xuất của Nhà thầu	1.1.4.10	Số tiền tạm thời
1.1.2.5	Đại diện Nhà thầu	1.1.4.11	Tiền giữ lại
1.1.4.3	Chi phí	1.1.1.6	Tiến độ
1.1.6.2	Nước sở tại lãnh	1.1.1.10	Bảng các nội dung bảo
1.1.2.9	DAB – Ban xử lý tranh chấp	1.1.1.10	Tiến độ thanh toán
1.1.3.9	Ngày	1.1.5.6	Hạng mục công trình
1.1.3.7	Thời hạn thông báo sai sót	1.1.6.7	Công trường
1.1.2.2	Chủ đầu tư	1.1.4.12	Bản kê khai
1.1.6.3	Thiết bị Chủ đầu tư	1.1.2.8	Nhà thầu phụ
1.1.2.6	Nhân lực Chủ đầu tư	1.1.3.5	Chứng chỉ nghiệm thu
1.1.1.5	Các yêu cầu của Chủ đầu tư	1.1.5.7	Công trình tạm
1.1.2.4	Nhà tư vấn	1.1.1.4	Hồ sơ dự thầu
1.1.2.10	FIDIC	1.1.3.6	Thử sau khi hoàn thành
1.1.4.4	Chứng chỉ thanh toán cuối cùng	1.1.3.4	Thử khi hoàn thành
1.1.4.5	Bản kê khai cuối cùng	1.1.3.3	Thời hạn hoàn thành
1.1.6.4	Bất khả kháng	1.1.6.8	Không lường trước được
1.1.4.6	Ngoại tệ	1.1.6.9	Biến đổi
1.1.5.2	Hàng hóa	1.1.5.8	Công trình
1.1.4.7	Chứng chỉ thanh toán tạm	1.1.3.9	Năm

ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Định nghĩa

Trong Những Điều kiện của Hợp đồng (“Những Điều kiện này”) bao gồm Điều kiện riêng và Điều kiện chung này, những từ và cụm từ liệt kê dưới đây sẽ có nghĩa như quy định ở bên dưới. Những từ chỉ người hoặc các bên, có ý nghĩa bao gồm công ty và các đơn vị pháp nhân khác, trừ những chỗ mà ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác.

1.1.1 Hợp đồng

- 1.1.1.1 **“Hợp đồng”** là thỏa thuận Hợp đồng, Thư Chấp thuận, Thư Dự thầu, những Điều kiện này, Yêu cầu của Chủ đầu tư, Tiến độ, Đề xuất của Nhà thầu và các tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng hoặc trong Thư Chấp thuận.
- 1.1.1.2 **“Thỏa thuận Hợp đồng”** là thỏa thuận Hợp đồng (nếu có) được tham chiếu tại Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*]
- 1.1.1.3 **“Thư chấp thuận”** là thư thể hiện sự chấp thuận chính thức Thư dự thầu, được Chủ đầu tư ký, trong đó chứa đựng bất kỳ bản ghi nhớ nào được kèm theo bao gồm các thỏa thuận được ký giữa hai Bên. Nếu không có một thư chấp thuận như thế thì cụm từ “Thư chấp thuận” có nghĩa là Thỏa thuận hợp đồng và ngày phát hành hoặc nhận được Thư chấp thuận nghĩa là ngày ký Thỏa thuận Hợp đồng.
- 1.1.1.4 **“Thư dự thầu”** là tài liệu được lấy tiêu đề là thư dự thầu, được Nhà thầu hoàn thành và gồm bản chào thầu được ký và gửi cho Chủ đầu tư.
- 1.1.1.5 **“Các yêu cầu của Chủ đầu tư”** là tài liệu có tiêu đề các yêu cầu của Chủ đầu tư, như có trong Hợp đồng, và bất kỳ sự bổ sung và sửa đổi tài liệu này phù hợp với Hợp đồng. Tài liệu này nêu cụ thể mục đích, phạm vi và/hoặc các tiêu chuẩn thiết kế và/hoặc các đặc tính kỹ thuật khác đối với công trình.
- 1.1.1.6 **“Bảng danh mục”** là văn bản được gọi là bản danh mục do Nhà thầu hoàn thành và đệ trình kèm theo Thư Dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng. Văn bản như vậy có thể gồm các dữ liệu, liệt kê và biểu các tỷ giá và/hoặc giá.
- 1.1.1.7 **“Đề xuất của Nhà thầu”** là tài liệu có tên đề xuất mà Nhà thầu nộp cùng Thư Dự thầu, như có trong Hợp đồng. Tài liệu này có thể gồm thiết kế sơ bộ của Nhà thầu.

- 1.1.1.8 **“Hồ sơ dự thầu”** là Thư dự thầu và tất cả các văn bản khác mà Nhà thầu đệ trình cùng với Thư dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng.
- 1.1.1.9 **“Phụ lục của Hồ sơ dự thầu”** là các trang hoàn chỉnh có tên phụ lục hồ sơ dự thầu và được kèm theo và làm thành một phần của Thư dự thầu.
- 1.1.1.10 **“Bảng các Nội dung bảo đảm”** và **“Lịch trình thanh toán”** là tài liệu có tên như vậy (nếu có) trong các bảng biểu.

1.1.2 Các Bên và các cá nhân

- 1.1.2.1 **“Bên”** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu như ngữ cảnh yêu cầu.
- 1.1.2.2 **“Chủ đầu tư”** là người được gọi là Chủ đầu tư trong Thư dự thầu và những người kế thừa hợp pháp theo chức danh này.
- 1.1.2.3 **“Nhà thầu”** là những người có tên là Nhà thầu trong Thư dự thầu và những người kế thừa hợp pháp nhân danh những người này.
- 1.1.2.4 **“Nhà tư vấn”** là người được Chủ đầu tư chỉ định là Nhà tư vấn nhằm thực hiện mục đích của Hợp đồng và được gọi như vậy trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu, hoặc người khác được Chủ đầu tư chỉ định theo từng thời gian và báo cho Nhà thầu theo Khoản 3.4 [*Thay thế Nhà tư vấn*].
- 1.1.2.5 **“Đại diện Nhà thầu”** là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu thỉnh thoảng chỉ định theo Khoản 4.3 [*Đại diện Nhà thầu*] và hành động thay mặt Nhà thầu.
- 1.1.2.6 **“Nhân lực Chủ đầu tư”** là kỹ sư, trợ lý được nói tới trong Khoản 3.2 [*Ủy quyền của Nhà tư vấn*] và tất cả những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Nhà tư vấn và của Chủ đầu tư, và bất kỳ nhân lực nào khác do Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu là nhân lực Chủ đầu tư.
- 1.1.2.7 **“Nhân lực Nhà thầu”** là đại diện của Nhà thầu và tất cả nhân lực mà Nhà thầu sử dụng trên công trường, có thể bao gồm những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Nhà thầu và của từng Nhà thầu phụ và bất kỳ nhân lực nào khác giúp việc cho Nhà thầu trong việc thi công công trình.
- 1.1.2.8 **“Nhà thầu phụ”** là bất kỳ người nào được chỉ ra trong Hợp đồng là thầu phụ, hoặc bất kỳ người nào được chỉ định là thầu phụ cho một phần của công trình và những người kế tục hợp pháp theo chức danh của mỗi một trong số những người nói trên.
- 1.1.2.9 **“DBA”** (Ban xử lý tranh chấp) là một người hoặc ba người được gọi như vậy trong Hợp đồng, hoặc những người khác được chỉ định theo

Khoản 20.2 [*Chỉ định Ban xử lý tranh chấp*] hoặc theo Khoản 20.3 [*Bất đồng trong việc cử Ban xử lý tranh chấp*].

1.1.2.10 **“FIDIC”** là Fédération Internationaale des Ingénieurs - Conseils, nghĩa là Hiệp hội quốc tế Các Kỹ sư Tư vấn.

1.1.3 Ngày, thử, thời hạn và hoàn thành

1.1.3.1 **“Ngày hẹn”** là ngày vào 28 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp Hồ sơ dự thầu.

1.1.3.2 **“Ngày khởi công”** là ngày được thông báo theo Khoản 8.1 [*Ngày khởi công*].

1.1.3.3 **“Thời hạn hoàn thành”** là thời gian hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) theo Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*], như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu với bất kỳ sự kéo dài nào theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời hạn hoàn thành*], được tính từ ngày khởi công.

1.1.3.4 **“Thử (Kiểm định) hoàn thành”** là những cuộc thử được chỉ ra trong Hợp đồng hoặc được thỏa thuận giữa hai Bên hoặc được hướng dẫn là một Biến đổi và được tiến hành theo Điều 9 [*Kiểm định khi hoàn thành*] trước khi công trình hoặc hạng mục công trình (tùy trường hợp) được Chủ đầu tư tiếp thu bàn giao.

1.1.3.5 **“Chứng chỉ nghiệm thu”** là chứng chỉ được phát hành theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*].

1.1.3.6 **“Thử kiểm định sau khi hoàn thành”** là các cuộc thử (nếu có) được nêu trong Hợp đồng và được thực hiện theo Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*] sau khi Công trình hoặc một hạng mục (tùy trường hợp) được Chủ đầu tư tiếp nhận.

1.1.3.7 **“Thời hạn thông báo sai sót”** là thời hạn thông báo các sai sót của công trình hoặc một hạng mục (tùy từng trường hợp) theo Khoản 11.1 [*Hoàn thành Phần việc còn dở dang và sửa chữa các sai sót*], như được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (với bất cứ sự gia hạn theo Khoản 11.3 [*Gia hạn thời hạn thông báo sai sót*], được tính từ ngày công trình hoặc hạng mục công trình được hoàn thành như được xác nhận theo quy định tại Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình hoặc các hạng mục công trình*].

1.1.3.8 **“Chứng chỉ thực hiện”** là chứng nhận được phát hành theo Khoản 11.9 [*Chứng chỉ thực hiện*].

1.1.3.9 **“Ngày”** là ngày theo lịch và “năm” là 365 ngày.

1.1.4 Tiền và thanh toán

- 1.1.4.1 “**Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng**” là số tiền được chấp thuận trong thư chấp thuận để thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào.
- 1.1.4.2 “**Giá Hợp đồng**” là giá được xác định trong Khoản 14.1 [*Giá Hợp đồng*], và bao gồm các điều chỉnh phù hợp với Hợp đồng.
- 1.1.4.3 “**Chi phí**” là tất cả các khoản chi phí hợp lý do Nhà thầu chịu (hoặc sẽ phải chịu), bất kể trong hay ngoài công trường, gồm cả chi phí quản lý và các phí tương tự nhưng không gồm lợi nhuận.
- 1.1.4.4 “**Chứng chỉ thanh toán cuối cùng**” là chứng chỉ thanh toán được ban hành theo Khoản 14.13 [*Cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng*].
- 1.1.4.5 “**Bản kê khai cuối cùng**” là bản kê khai được xác định tại Khoản 14.11 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng*].
- 1.1.4.6 “**Ngoại tệ**” là tiền tệ mà bằng loại tiền đó một phần (hoặc toàn bộ) của Giá Hợp đồng phải trả, nhưng không phải là Đồng Nội tệ.
- 1.1.4.7 “**Chứng chỉ thanh toán tạm thời**” là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*], khác với Chứng chỉ thanh toán cuối cùng. “**Bản kê khai**” là một bản kê do Nhà thầu đệ trình là một phần của đơn xin thanh toán theo Điều 14 [*Giá hợp đồng và thanh toán*].
- 1.1.4.8 “**Nội tệ**” là tiền tệ của nước sở tại.
- 1.1.4.9 “**Chứng chỉ thanh toán**” là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*].
- 1.1.4.10 “**Số tiền tạm thời**” là số tiền (nếu có) được xác định trong Hợp đồng là số tiền tạm thời được cấp để thực hiện một phần công trình hoặc cung cấp thiết bị, vật liệu hoặc dịch vụ theo Khoản 13.5 [*Số tiền tạm thời*].
- 1.1.4.11 “**Tiền giữ lại**” là tiền Chủ đầu tư giữ lại theo Khoản 14.3 [*Đơn xin cấp chứng chỉ thanh toán tạm thời*] và trả theo Khoản 14.9 [*Thanh toán tiền bị giữ lại*].
- 1.1.4.12 “**Bản kê khai**” là một bản kê do Nhà thầu đệ trình làm thành một phần của Đơn xin cấp Chứng chỉ thanh toán, theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*].

1.1.5 Công trình và Hàng hóa

- 1.1.5.1 “**Thiết bị nhà thầu**” là toàn bộ thiết bị, máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, thiết bị của Nhà thầu

không bao gồm các công trình tạm, thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có), thiết bị, vật liệu và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một công trình vĩnh cửu.

- 1.1.5.2 **“Hàng hóa”** là thiết bị, vật liệu, nhà xưởng và công trình tạm của Nhà thầu hoặc bất cứ thứ nào thích hợp.
- 1.1.5.3 **“Vật liệu”** là những thứ hoặc tất cả các loại (không phải thiết bị) nhằm tạo nên hoặc đang tạo nên một phần của công trình vĩnh cửu gồm những thứ được cung cấp, chỉ nói về vật liệu (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.5.4 **“Công trình vĩnh cửu”** là các công trình vĩnh cửu sẽ do Nhà thầu thi công theo Hợp đồng.
- 1.1.5.5 **“Thiết bị”** là các bộ dụng cụ, máy móc, phương tiện xe cộ sẽ tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của các công trình vĩnh cửu.
- 1.1.5.6 **“Hạng mục”** là một phần công trình được nêu trong Phụ lục Hồ sơ Dự thầu là một hạng mục (nếu có).
- 1.1.5.7 **“Công trình tạm”** là tất cả các công trình tạm thời thuộc bất kỳ loại nào (ngoài các Thiết bị của Nhà thầu) cần thiết phải có trên công trường để thi công và hoàn thành công trình vĩnh cửu và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.
- 1.1.5.8 **“Công trình”** là các công trình vĩnh cửu và công trình tạm hoặc bất kỳ loại thích hợp nào trong đó.

1.1.6 Các định nghĩa khác

- 1.1.6.1 **“Tài liệu Nhà thầu”** là các tính toán, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, sổ tay hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng được mô tả tại Khoản 5.2 [*Tài liệu Nhà thầu*].
- 1.1.6.2 **“Nước sở tại”** là nước mà công trường (hoặc phần lớn công trường) được đặt ở nước đó, nơi các công trình vĩnh cửu sẽ được thi công.
- 1.1.6.3 **“Thiết bị Chủ đầu tư”** là máy móc, phương tiện xe cộ (nếu có) do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công Công trình, như đã nêu trong Đặc tính kỹ thuật, nhưng không bao gồm Thiết bị không được Chủ đầu tư tiếp nhận.
- 1.1.6.4 **“Bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 19 [*Bất khả kháng*].
- 1.1.6.5 **“Luật”** là toàn bộ luật pháp quốc gia (hoặc của bang), các đạo luật, pháp lệnh, và các luật khác, các quy chế, các văn bản pháp quy dưới luật của bất kỳ cơ quan công quyền được thành lập theo pháp luật.

- 1.1.6.6** “**Bảo lãnh thực hiện**” là việc bảo đảm (hoặc những bảo đảm, nếu có) theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*].
- 1.1.6.6** “**Công trường**” là nơi các công trình vĩnh cửu được thi công và là nơi mà thiết bị và vật liệu được chuyển tới và bất kỳ nơi nào khác được nêu ra trong Hợp đồng khi tạo nên một bộ phận của công trường.
- 1.1.6.7** “**Không lường trước được**” là điều không thể lường trước được một cách có lý của một Nhà thầu có kinh nghiệm tại thời điểm nộp thầu.
- 1.1.6.8** “**Biến đổi**” là bất kỳ sự biến động nào đối với yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc công việc được chỉ dẫn hoặc chấp thuận là sự biến đổi theo Điều 13 [*Biến đổi và Điều chỉnh*].

1.2 Diễn giải

Trong Hợp đồng, trừ những trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác, còn thì:

- (a) từ ngữ chỉ một giới là gồm tất cả các giới;
- (b) từ ngữ chỉ số ít cũng bao gồm số nhiều và những từ chỉ số nhiều cũng bao gồm cả số ít.
- (c) điều khoản bao gồm các từ “đồng ý”, “đã đồng ý” hoặc “thỏa thuận” yêu cầu sự thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản, và
- (d) “được viết” hoặc “bằng văn bản” nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.

Các từ ngữ bên lề và các đầu đề khác sẽ không được xem xét khi diễn dịch các Điều kiện này.

1.3 Các cách thông tin

Bất cứ chỗ nào khi Điều kiện này quy định việc đưa ra hoặc ban hành sự chấp thuận, chứng chỉ, tán thành, quyết định, thông báo và yêu cầu, thì những truyền thông này sẽ phải là:

- (a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), được gửi bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc được truyền đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử được thỏa thuận như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu; và
- (b) được chuyển, gửi hoặc truyền đến địa chỉ để thông tin được với người nhận như đã quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên:
 - (i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới một cách tương ứng; và

- (ii) nếu người nhận không thông báo gì khác khi yêu cầu một sự phê duyệt hoặc một sự đồng ý, thì thông tin có thể được gửi tới địa chỉ mà từ đó đã phát hành yêu cầu.

Những giấy phê duyệt, chứng chỉ, tán thành và quyết định không được bị cản giữ lại hoặc bị làm chậm trễ một cách vô lý. Khi một giấy chứng chỉ được cấp cho một Bên người cấp giấy chứng chỉ đó phải gửi một bản sao cho Bên kia. Khi một thông báo cho một Bên, do một Bên khác hoặc do Nhà tư vấn phát hành, phải gửi một bản sao, tùy trường hợp, cho Nhà tư vấn hoặc cho Bên kia.

1.4 Luật và Ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều tiết theo luật của nước sở tại (hoặc quyền lực pháp lý khác) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Nếu có bất cứ phần nào của Hợp đồng được dịch bằng nhiều hơn một thứ ngôn ngữ thì bản dịch thực hiện bằng ngôn ngữ chủ đạo được nêu trong phần Phụ lục Hồ sơ dự thầu, sẽ chiếm ưu thế.

Ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ đã quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Nếu trong đó không quy định ngôn ngữ giao dịch, thì phải dùng ngôn ngữ mà Hợp đồng (hoặc đa phần Hợp đồng) được soạn thảo.

1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng để giải thích chung giữa các bên. Với mục đích diễn giải, thứ tự ưu tiên của các tài liệu theo trình tự sau:

- (a) Thỏa thuận Hợp đồng (nếu có)
- (b) Thư chấp thuận
- (c) Thư dự thầu
- (d) Điều kiện riêng
- (e) Điều kiện chung
- (f) Các yêu cầu của Chủ đầu tư
- (g) Tiến độ, và
- (h) Đề xuất của Nhà thầu và các tài liệu khác là bộ phận của Hợp đồng

Nếu thấy có sự khó hiểu hoặc thiếu nhất quán trong tài liệu, Nhà tư vấn phải đưa ra những giải thích để làm rõ hoặc có chỉ dẫn.

1.6 Thỏa thuận Hợp đồng

Các bên sẽ ký Thỏa thuận Hợp đồng trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận được thư chấp thuận, trừ phi có sự thỏa thuận khác. Thỏa thuận Hợp đồng phải được dựa

vào mẫu kèm theo Điều kiện riêng. Chi phí đóng dấu và chi phí tương tự (nếu có) theo luật định liên quan đến việc ký kết Thỏa thuận Hợp đồng do Chủ đầu tư chịu.

1.7 Nhượng lại

Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, các bên:

- (a) có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng với sự thỏa thuận trước của phía bên kia theo sự suy xét thận trọng duy nhất của phía bên đó, và
- (b) có thể, dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, nhượng lại quyền thu bất kỳ số tiền đến hạn nào phải trả hoặc sắp đến hạn theo Hợp đồng.

1.8 Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu

Mỗi một tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu bảo quản, giữ gìn cẩn thận, trừ khi và cho tới khi Chủ đầu tư tiếp nhận. Trừ phi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn 6 bản sao của mỗi tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ trên công trường, một bản sao Hợp đồng, các ấn phẩm được nêu trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, Tài liệu của Nhà thầu, những biến đổi và các thông tin khác được cấp theo Hợp đồng. Người của Chủ đầu tư có quyền được xem tất cả những tài liệu này vào tất cả các thời điểm thích hợp.

Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu được chuẩn bị để dùng thi công công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

1.9 Sai sót trong Các Yêu cầu của Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí do sai sót trong Các Yêu cầu của Chủ đầu tư và tuy là một Nhà thầu có kinh nghiệm và cẩn thận nhưng đã không phát hiện ra sai sót khi kiểm tra các yêu cầu của Chủ đầu tư theo Khoản 5.1 [*Nhiệm vụ thiết kế chung*] thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và được quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) kéo dài thêm thời gian bù vào bất kỳ một sự chậm trễ nào như vậy, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành công trình*]; và
- (b) thanh toán bất kỳ Chi phí nào phát sinh do nguyên nhân như vậy, cộng với lợi nhuận hợp lý, đưa vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc xác định (i) liệu có đúng không và (nếu đúng) ở chừng mực nào mà sai sót này không thể được phát hiện một cách hợp lý, và (ii) những vấn đề được nói trong điểm (a) và (b) ở trên liên quan đến chừng mực này.

1.10 Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu

Giữa các Bên với nhau, Nhà thầu giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với các tài liệu của Nhà thầu, bản vẽ và các tài liệu thiết kế khác do (hoặc thay mặt) Nhà thầu làm.

Nhà thầu được xem như (bằng cách ký Hợp đồng) cấp cho Chủ đầu tư từ một Giấy phép có thể chuyển nhượng, không có thời hạn chấm dứt, không độc quyền, không phải trả tiền bản quyền, về việc sao chụp, sử dụng và thông tin các tài liệu của Nhà thầu, bao gồm cả tiến hành và sử dụng các cải tiến. Giấy phép này phải:

- (a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (dù dài thế nào chăng nữa) của các bộ phận liên quan đến Công trình.
- (b) giao quyền cho ai đó sở hữu một cách thích hợp các phần liên quan đến Công trình; sao chụp, sử dụng và thông tin tài liệu Nhà thầu với mục đích hoàn thành, vận hành, bảo trì, sửa đổi, điều chỉnh, sửa chữa và phá dỡ công trình, và
- (c) trường hợp tài liệu Nhà thầu ở dạng chương trình máy tính và phần mềm khác, cho phép họ sử dụng trên bất cứ máy tính nào trên công trường và các nơi khác như đã trừ tính cụ thể trong Hợp đồng, kể cả việc thay máy tính do Nhà thầu cấp.

Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu (hoặc do đại diện của mình) thực hiện. Nếu Nhà thầu không đồng ý, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của mình) không được sử dụng, sao chụp hoặc thông tin cho bên thứ 3 vì mục đích khác với những mục đích cho phép trong Khoản này.

1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư

Giữa các bên, Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác về Các Yêu cầu của Chủ đầu tư và các tài liệu khác do Chủ đầu tư hoặc do đại diện của Chủ đầu tư làm ra. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chụp, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì mục đích của Hợp đồng. Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc thông tin những tài liệu đó cho bên thứ 3, trừ khi điều đó là cần thiết vì mục đích của Hợp đồng.

1.12 Các chi tiết bí mật

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin bí mật và các thông tin khác khi Nhà tư vấn yêu cầu một cách hợp lý để điều tra và xác định việc tuân thủ Hợp đồng của Nhà thầu.

1.13 Tuân thủ luật pháp

Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ Luật hiện hành. Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng.

- (a) Chủ đầu tư phải có hoặc sẽ phải có giấy phép quy hoạch, phân vùng hoặc giấy phép tương tự cho công trình vĩnh cửu, và các giấy phép khác được mô tả trong Yêu cầu của Chủ đầu tư như Chủ đầu tư đã có hoặc sẽ có; và Chủ đầu tư phải

bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Nhà thầu về hậu quả của sai sót do mình gây ra.

- (b) Nhà thầu phải thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và phê chuẩn, theo Luật định liên quan đến thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót, và Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư những hậu quả do sai sót của mình.

1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

Nếu Nhà thầu thiết lập (theo luật hiện hành) một liên doanh, tập đoàn hoặc nhóm hợp tác gồm hai người hoặc nhiều hơn.

- (a) những người này phải có đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm đối với Chủ đầu tư để thực hiện Hợp đồng.
- (b) những người này phải thông báo với Chủ đầu tư về người đứng đầu của họ, là người sẽ có thẩm quyền liên kết Nhà thầu và từng người trong số những người này; và
- (c) Nhà thầu không được thay đổi thành phần hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

2. CHỦ ĐẦU TƯ

2.1 Quyền tiếp cận công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sở hữu toàn bộ các phần của công trường trong suốt thời gian (hoặc những thời gian) như đã quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Quyền và việc sở hữu có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu trong Hợp đồng Chủ đầu tư được yêu cầu phải cho (Nhà thầu) quyền sở hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, thiết bị hoặc phương tiện tiếp cận công trường, Chủ đầu tư phải thực hiện điều này trong thời gian và theo cách thức quy định trong phần Yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Chủ đầu tư có thể giữ lại, chưa cho bất kỳ quyền nào như vậy hoặc quyền sở hữu đó cho tới khi nào nhận được Bảo lãnh thực hiện.

Nếu không quy định thời gian trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và quyền sở hữu công trường trong khoảng thời gian yêu cầu để Nhà thầu có thể thực hiện đúng theo chương trình đã đệ trình theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*].

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí do Chủ đầu tư không cho Nhà thầu những quyền hoặc sở hữu trong thời gian như vậy, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và được quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] yêu cầu:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*],
- (b) được thanh toán chi phí phát sinh cộng với lãi suất hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà việc Chủ đầu tư không cho phép những quyền ấy cho Nhà thầu là do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu, bao gồm một sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ tài liệu nào của Nhà thầu, thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí hoặc lợi nhuận như vậy.

2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận

Chủ đầu tư phải (trường hợp ở vị thế làm được điều này) hỗ trợ hợp lý cho Nhà thầu theo yêu cầu của Nhà thầu:

- (a) có được bản sao các bộ Luật của nước sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và
- (b) về việc xin giấy phép hoặc giấy chấp thuận mà Luật nước sở tại yêu cầu, gồm những loại:
 - (i) Nhà thầu được đòi hỏi phải có theo Khoản 1.13 [*Tuân thủ luật pháp*]
 - (ii) để cung cấp hàng hóa, bao gồm thông qua thủ tục hải quan, và

(iii) để xuất các thiết bị của Nhà thầu khi đưa chúng đi khỏi công trường.

2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo người của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên công trường:

- (a) hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 4.6 [*Hợp tác*]
- (b) hành động tương tự như những gì yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 4.8 [*Những quy định về an toàn*] và theo Khoản 4.18 [*Bảo vệ môi trường*].

2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải đệ trình, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Nhà thầu, bằng chứng hợp lý là thu xếp tài chính đã được thực hiện và đang được duy trì, điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chủ đầu tư có thể thanh toán Giá Hợp đồng (như đã dự toán tại thời điểm đó) theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*], nếu Chủ đầu tư dự định thực hiện những thay đổi cụ thể nào đó đối với việc thu xếp tài chính thì Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu các chi tiết cụ thể.

2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư tự xét thấy mình có quyền đối với bất kỳ thanh toán nào theo bất cứ điều nào của những Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc kéo dài thời gian thông báo sai sót, Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu vẫn phải thông báo đối với các khoản thanh toán đúng hạn theo Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí đốt*] theo Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp tự do*] hoặc các dịch vụ khác do Nhà thầu yêu cầu.

Phải thông báo càng có tính hiện thực càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình trạng dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể Điều hoặc cơ sở khiếu nại khác, và phải bao gồm minh chứng của số tiền và/hoặc sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Nhà thầu sau đó phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định (i) số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền được Nhà thầu thanh toán và/hoặc (ii) kéo dài (nếu có) Thời hạn thông báo sai sót theo Khoản 11.3 [*Kéo dài thời hạn thông báo sai sót*].

Số tiền này có thể sẽ được đưa ra vào thành một khoản trừ đi trong Giá hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền trừ tổng số được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán, hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo Khoản này.

3. NHÀ TƯ VẤN

3.1 Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà tư vấn

Chủ đầu tư phải chỉ định Nhà tư vấn, là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Hợp đồng. Người của Nhà tư vấn phải là những kỹ sư có trình độ thích hợp và những cán bộ chuyên môn khác có đủ trình độ thực hiện các nhiệm vụ này.

Nhà tư vấn không có quyền sửa đổi Hợp đồng.

Nhà tư vấn có thể thực hiện các thẩm quyền được dành cho mình như đã quy định cụ thể trong Hợp đồng hoặc áp dụng một cách cần thiết theo Hợp Đồng. Nếu Nhà tư vấn cần phải có sự phê duyệt của Chủ đầu tư trước khi thực hiện một thẩm quyền cụ thể, các Yêu cầu này phải được quy định như trong Điều kiện riêng. Chủ đầu tư cam kết sẽ không áp đặt thêm những gò ép đối với thẩm quyền của Nhà tư vấn, trừ những gì thỏa thuận với Nhà thầu.

Tuy nhiên, bất cứ khi nào Nhà tư vấn thực hiện một thẩm quyền cụ thể mà cần có sự phê duyệt của Chủ đầu tư, thì (vì mục đích của Hợp đồng) coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận.

Trừ phi được nêu khác đi trong Điều kiện này, thì:

- (a) mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong Hợp đồng, Nhà tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư.
- (b) Nhà tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo Hợp đồng cho một bên nào, và
- (c) bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, thẩm tra, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, thử hoặc hành động tương tự nào của Nhà tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

3.2 Ủy quyền của Nhà tư vấn

Đôi khi Nhà tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy nhiệm quyền hạn cho các trợ lý, và cũng có thể hủy bỏ sự phân công hoặc ủy quyền đó. Những người trợ lý này của Nhà tư vấn có thể là một kỹ sư thường trú và/hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát và/hoặc thử các hạng mục thiết bị và/hoặc vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của Nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào cả hai Bên nhận được các văn bản đó. Tuy nhiên, trừ phi có sự thỏa thuận khác của hai Bên, Nhà tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

Những người trợ lý phải là những người có trình độ phù hợp, có đủ trình độ thực hiện các nhiệm vụ và những quyền hạn được giao, đồng thời phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp như đã xác định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Mỗi người trợ lý đã được giao việc hoặc ủy quyền chỉ được ủy quyền hướng dẫn cho Nhà thầu ở chừng mực quyền hạn quy định. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, kiến nghị, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của người trợ lý, phù hợp với sự ủy quyền, đều có hiệu lực như hành động của Nhà tư vấn thực hiện. Tuy nhiên:

- (a) bất kỳ một sự thất bại nào trong việc không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và, do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị, hoặc vật liệu đó;
- (b) nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào của trợ lý thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà tư vấn, là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc biến đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

3.3 Chỉ dẫn của Nhà tư vấn

Nhà tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu (bất cứ lúc nào) những hướng dẫn cần thiết để thực hiện Công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ thực hiện hướng dẫn của Nhà tư vấn, hoặc của người trợ lý, được ủy quyền thích hợp theo Khoản này. Nếu hướng dẫn dẫn đến một biến đổi thì áp dụng Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*]

Nhà thầu phải tuân thủ theo chỉ dẫn do Nhà tư vấn hoặc người trợ lý được ủy quyền, đối với bất cứ vấn đề nào có liên quan đến Hợp đồng. Chỉ dẫn phải được đưa ra bằng văn bản.

3.4 Thay Tư vấn

Nếu Chủ đầu tư định thay Nhà tư vấn, Chủ đầu tư trong vòng không ít hơn 42 ngày trước ngày dự định thay thế phải thông báo cho Nhà thầu biết tên, địa chỉ, kinh nghiệm thích hợp của Nhà tư vấn định thay. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà tư vấn bằng một người mà Nhà thầu đưa ra lý do phản đối hợp lý bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với các thông tin chứng minh cụ thể.

3.5 Quyết định

Bất kể khi nào Điều kiện này quy định rằng Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 để đồng ý hay quyết định vấn đề, Nhà tư vấn phải trao đổi với từng Bên để cố gắng đi đến thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận, Nhà tư vấn phải đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với Hợp đồng, với sự xem xét kỹ tất cả các bối cảnh liên quan.

Nhà tư vấn phải thông báo cho hai Bên từng thỏa thuận hoặc quyết định với các thông tin cụ thể chứng minh. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ phi hoặc cho tới khi được rà soát theo Điều 20 [*Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài*].

4. NHÀ THẦU

4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu

Nhà thầu phải thiết kế, thi công và hoàn thành công trình theo Hợp đồng, và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình. Khi đã hoàn thành, công trình phải đúng theo mục đích dự định như xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị, máy móc và các tài liệu của Nhà thầu được nêu trong Hợp đồng, và toàn bộ người của Nhà thầu, hàng hóa, vật liệu tiêu dùng, những thứ khác và dịch vụ bất kể là tạm thời hoặc lâu dài được yêu cầu trong và cho thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Công trình này phải bao gồm tất cả công việc cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư, đề xuất và tiến độ của Nhà thầu, hoặc được đề cập đến trong Hợp đồng và tất cả các công việc (kể cả không được nêu trong Hợp đồng) cần thiết để ổn định hoặc an toàn và vận hành tốt Công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự thoả đáng, ổn định và an toàn cho việc hoạt động trên công trường, các phương pháp xây dựng và toàn bộ công trình.

Bất kỳ lúc nào Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các phương pháp mà Nhà thầu đề xuất áp dụng cho việc thi công công trình. Không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các phương pháp nếu không thông báo trước cho Nhà tư vấn.

4.2 Bảo lãnh thực hiện

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải có được Bảo lãnh thực hiện về số lượng và loại tiền tệ đã xác định trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu để thực hiện đúng Hợp đồng. Nếu không quy định số lượng cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, sẽ không áp dụng Khoản này.

Nhà thầu phải gửi Bảo lãnh thực hiện cho Chủ đầu tư trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Thư chấp thuận trúng thầu, và phải gửi một bản sao cho Nhà tư vấn. Bảo lãnh thực hiện phải do một thể nhân cấp và phải là từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) cấp và được Chủ đầu tư chấp thuận, và phải theo mẫu ở phụ lục Điều kiện riêng hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh thực hiện có giá trị và hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành xong công trình và sửa chữa xong các sai sót. Nếu các điều khoản của Bảo lãnh thực hiện nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa được phép nhận Chứng nhận thực hiện vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo lãnh thực hiện cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư không được đòi thanh toán tiền Bảo lãnh thực hiện ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư được quyền hưởng theo Hợp đồng trong trường hợp:

- (a) Nhà thầu không gia hạn được hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện như đã mô tả ở đoạn trên, trong trường hợp đó Chủ đầu tư có thể đòi toàn bộ số tiền của Bảo lãnh thực hiện.
- (b) Nhà thầu không trả cho Chủ đầu tư khoản nợ như Nhà thầu phải trả như đã thỏa thuận hoặc được xác định theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] hoặc theo Điều 20 [Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài] trong vòng 42 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả.
- (c) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót trong vòng 42 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa sai sót, hoặc
- (d) Trường hợp cho phép Chủ đầu tư được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng*], bất kể có thông báo chấm dứt hay chưa.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những thiệt thòi cho Nhà thầu về những hư hỏng, tổn thất, và chi phí (bao gồm chi phí và lệ phí pháp lý) do việc khiếu nại về Bảo lãnh thực hiện gây nên ở phạm vi mà Chủ đầu tư không được phép khiếu nại.

Chủ đầu tư phải trả lại Bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu trong vòng 21 ngày sau khi nhận được một bản sao Chứng chỉ nghiệm thu.

4.3 Đại diện Nhà thầu

Nhà thầu phải chỉ định đại diện Nhà thầu và ủy quyền cho người này hành động thay mặt Nhà thầu trong Hợp đồng.

Trừ phi Đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn tên và các chi tiết của người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu để được xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp thuận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không đảm bảo hoạt động với tư cách là người Đại diện Nhà thầu thì, một cách tương tự, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này.

Nếu không được sự đồng ý trước của Nhà tư vấn, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.

Đại diện Nhà thầu phải được dành toàn bộ thời gian để chỉ đạo việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu. Nếu Đại diện Nhà thầu buộc phải vắng mặt tạm thời tại hiện trường trong thời gian thi công công trình thì phải bổ nhiệm người thay thế thích hợp với sự nhất trí từ trước của Nhà tư vấn và phải thông báo kịp thời cho Nhà tư vấn.

Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn theo Khoản 3.3 [*Chỉ dẫn của Nhà tư vấn*]

Đại diện Nhà thầu có thể ủy nhiệm quyền hạn, chức năng và thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực và có thể hủy bỏ việc ủy thác này vào bất cứ thời điểm nào. Việc ủy thác hoặc hủy bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Nhà tư vấn nhận được thông báo trước do Đại diện Nhà thầu ký, nêu tên người này và quy định quyền hạn, chức năng và thẩm quyền được giao hoặc hủy bỏ.

Đại diện Nhà thầu và những người này phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được xác định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

4.4 Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được giao cho thầu phụ toàn bộ công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động hoặc sai sót của thầu phụ, các đại diện hoặc nhân viên của họ như thể đó là hành động hoặc sai sót của Nhà thầu, trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng:

Không yêu cầu Nhà thầu phải đồng ý người cung cấp vật liệu hoặc đối với một hợp đồng thầu phụ mà thầu phụ của hợp đồng này có tên trong Hợp đồng.

Phải có sự đồng ý trước của Nhà tư vấn đối với các Nhà thầu phụ được đề xuất khác; và

Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn trong vòng 28 ngày trước ngày dự định bắt đầu thực hiện mỗi công việc của Nhà thầu phụ và ngày bắt đầu thực hiện công trình này trên công trường.

4.5 Nhà thầu phụ được đề cử

Trong Khoản này, “Nhà thầu phụ được đề cử” là một thầu phụ mà Nhà tư vấn, theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*], chỉ dẫn cho Nhà thầu thuê làm như một thầu phụ. Nhà thầu không có nghĩa vụ phải thuê một thầu phụ được đề cử mà Nhà thầu không đồng ý một cách hợp lý bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn càng nhanh càng tốt với các chi tiết chứng minh.

4.6 Hợp tác

Như đã được quy định trong Hợp đồng hoặc theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn, Nhà thầu phải tạo các cơ hội thích hợp để việc thực hiện công việc đối với:

- (a) nhân lực của Chủ đầu tư,
- (b) các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và
- (c) các nhân viên của những cơ quan Nhà nước có quyền lực hợp pháp là những người có thể được thuê để thực hiện công việc không có trong Hợp đồng ở trên hoặc ở gần công trường.

Bất cứ sự chỉ dẫn nào như thế sẽ dẫn đến sự Biến đổi nếu và ở một mức độ nào đó sẽ làm cho Nhà thầu phải chịu các chi phí không lường trước được. Các dịch vụ cho những người này và cho các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng, nếu Chủ đầu tư được yêu cầu giao cho Nhà thầu quyền sử dụng bất cứ nền móng, kết cấu, nhà xưởng hoặc phương tiện tiếp cận nào theo tài liệu của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp những tài liệu này cho Nhà tư vấn vào thời gian và theo thể thức quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư.

4.7 Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các điểm gốc, tuyến và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng hoặc do Nhà tư vấn cung cấp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm định vị đúng toàn bộ các hạng mục của công trình và phải sửa chữa bất kỳ về sai sót nào về vị trí, cao trình, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất cứ sai sót nào của những hạng mục tham chiếu được quy định cụ thể hoặc đã được thông báo, nhưng Nhà thầu phải cố gắng kiểm tra độ chính xác trước khi sử dụng chúng

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí trong thi công do sai sót trong những hạng mục tham chiếu này, và mặc dù là một Nhà thầu có kinh nghiệm và bằng mọi cách đã không thể (một cách hợp lý) phát hiện ra sai sót này và tránh sự chậm trễ và/hoặc tổn thêm chi phí thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] yêu cầu:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho mọi sự chậm trễ đó, nếu việc hoàn thành bị trì hoãn hoặc sẽ bị trì hoãn, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*]
- (b) thanh toán các chi phí cộng với lợi nhuận hợp lý và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định (i) liệu và (nếu có) ở mức độ nào mà sai sót đã không thể được phát hiện, và (ii) vấn đề được mô tả trong điểm (a) và (b) ở trên có liên quan đến mức độ này hay không.

4.8 Các quy định về an toàn

Nhà thầu phải:

- (a) tuân thủ tất cả quy định an toàn hiện hành,
- (b) quan tâm tới sự an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên công trường,
- (c) nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo công trường và công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người này,
- (d) đảm bảo có hàng rào, chiếu sáng, bảo vệ và coi sóc công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Điều 10 [*Nghiệm thu bàn giao của Chủ đầu tư*], và
- (e) cung cấp các công trình tạm (gồm đường xá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho thực hiện công trình để sử dụng và bảo vệ công chúng và các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận.

4.9 Đảm bảo chất lượng

Nhà thầu phải xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng để tuân thủ yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải thích hợp với các chi tiết đã nêu trong Hợp đồng. Nhà tư vấn có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào của hệ thống.

Chi tiết của tất cả các thủ tục và tài liệu chứng minh sự phù hợp phải được nộp cho Nhà tư vấn để thông tin trước khi bắt đầu mỗi giai đoạn thiết kế và thi công. Khi bất cứ tài liệu kỹ thuật nào được gửi cho Nhà tư vấn, bằng chứng của việc chấp thuận từ trước của Nhà thầu phải được thể hiện trên chính tài liệu đó.

Sự phù hợp với hệ thống bảo đảm chất lượng không làm giảm bớt đi bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.

4.10 Dữ liệu về công trường

Chủ đầu tư phải có sẵn để thông báo cho Nhà thầu, trước Ngày hẹn, toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện ngầm dưới đất và thủy văn tại công trường, gồm cả về mặt môi trường. Tương tự như vậy, Chủ đầu tư phải có sẵn cho Nhà thầu tất cả số liệu mà Chủ đầu tư có được sau Ngày hẹn. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hiểu thấu được toàn bộ các số liệu này.

Ở mức độ có thể được (có tính đến chi phí và thời gian), Nhà thầu phải được coi là đã có được tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến rủi ro, bất trắc và các điều kiện khác có thể ảnh hưởng đến Hồ sơ dự thầu hoặc công trình. Ở mức độ như vậy, Nhà thầu phải được coi như đã xem xét và thẩm tra công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu nêu trên và thông tin khác và phải hoàn tất xong trước khi nộp Hồ sơ dự thầu cũng như các vấn đề liên quan, bao gồm (không hạn chế):

- (a) hình thể và tính chất công trường, bao gồm cả các điều kiện ngầm dưới đất;
- (b) điều kiện khí hậu và thủy văn;
- (c) phạm vi và tính chất công việc và hàng hóa cần thiết để thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót;
- (d) Luật, thủ tục và các quy định lao động của nước sở tại, và
- (e) yêu cầu về đường vào, ăn ở, cơ sở vật chất, nhân viên, điện, giao thông, nước và các dịch vụ khác.

4.11 Tính chất đầy đủ của Giá hợp đồng

Nhà thầu được coi là đã:

- (a) được thỏa mãn về sự chính xác và đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp nhận, và
- (b) tính toán Giá hợp đồng được chấp nhận dựa trên cơ sở dữ liệu, sự diễn giải, các thông tin cần thiết, giám định, xem xét và sự thỏa mãn về tất cả các vấn đề có

liên quan được tham chiếu tới ở Khoản 4.10 [*Dữ liệu về công trường*] và bất cứ số liệu liên quan tới thiết kế của Nhà thầu.

Trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng, giá Hợp đồng được chấp nhận bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng (bao gồm cả các nghĩa vụ theo tiền tạm ứng, nếu có) và toàn bộ những thứ cần thiết để thiết kế, thực hiện và hoàn thành tốt công trình và sửa chữa các sai sót.

4.12 Điều kiện vật chất không lường trước được

Trong Khoản này, “các điều kiện vật chất” là điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo, chất gây ô nhiễm và những cản trở vật chất khác mà Nhà thầu gặp phải tại công trường khi thi công, bao gồm các điều kiện ngầm dưới đất và điều kiện thủy văn nhưng không gồm điều kiện khí hậu.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện vật chất bất lợi mà không lường trước được, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Nhà tư vấn.

Thông báo phải mô tả điều kiện vật chất để Nhà tư vấn có thể kiểm định chúng và phải đưa ra lý do tại sao Nhà thầu cho rằng những điều kiện vật chất này là không thể lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công công trình, sử dụng các biện pháp hợp lý, phù hợp với các điều kiện vật chất, và phải tuân thủ chỉ dẫn của Nhà tư vấn. Nếu chỉ dẫn tạo ra sự biến đổi thì sẽ áp dụng Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*].

Nếu và ở chừng mực nào đó mà Nhà thầu gặp phải điều kiện vật chất không lường trước được, có thông báo về việc đó và nếu bị chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do các điều kiện này gây nên, thì Nhà thầu được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] đòi:

- (a) kéo dài thời gian cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành công trình bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí, được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo và thẩm tra và/hoặc điều tra những điều kiện vật chất này, Nhà tư vấn phải theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc xác định (i) liệu và (nếu có) ở mức độ nào những điều kiện vật chất là không thể lường trước, và (ii) các vấn đề được mô tả trong điểm (a) và (b) ở trên liên quan đến mức độ này.

Tuy nhiên, trước khi thông nhất hoặc xác định lần cuối cùng chi phí phát sinh theo điểm (ii), Nhà tư vấn có thể xem xét liệu những điều kiện vật chất khác ở các hạng mục tương tự của công trình (nếu có) lại tỏ ra thuận lợi hơn là đã có thể được nhìn thấy một cách hợp lý trước khi Nhà thầu nộp thầu. Nếu và ở chừng mực nào đó mà gặp được những điều kiện thuận lợi hơn thì Nhà tư vấn có thể tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định giảm bớt chi phí phát sinh do những điều kiện này, được coi là phần khấu trừ trong Giá hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. Tuy nhiên, hiệu quả thực của việc điều chỉnh theo điểm (b) và phần khấu trừ cho toàn bộ điều kiện vật chất xảy ra trong các hạng mục tương tự của công trình sẽ không được dẫn đến một sự giảm giá thực trong Giá hợp đồng.

Nhà thầu vẫn có thể xem xét bất kỳ bằng chứng nào về những điều kiện vật chất được Nhà thầu lường trước khi nộp Hồ sơ dự thầu, có thể do Nhà thầu làm sẵn nhưng sẽ không bị giới hạn bởi những bằng chứng này.

4.13 Quyền về đi đường và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu, tự mình và bằng rủi ro và chi phí của mình, cũng phải có các cơ sở vật chất khác bên ngoài Công trình mà Nhà thầu có thể cần vì mục đích của công trình.

4.14 Tránh can thiệp

Nhà thầu phải không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:

- (a) sự thuận tiện của công chúng; hoặc
- (b) việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát sở hữu của Chủ đầu tư hoặc những người khác

Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

4.15 Đường vào công trường

Nhà thầu phải được coi là đã thỏa mãn về sự có sẵn và phù hợp của các tuyến đường tới công trường. Nhà thầu phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm cả việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ phi được quy định khác trong các Điều kiện này:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng nếu Nhà thầu có yêu cầu khi sử dụng các tuyến đường đó;
- (b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- (c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- (d) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào, và
- (e) chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường vào cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

4.16 Vận chuyển Hàng hóa

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn không muộn hơn 21 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hóa chính khác được vận chuyển tới công trường;
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, tiếp nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết cho công trình, và
- (c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả chi phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hóa và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải của họ.

4.17 Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị Nhà thầu. Khi được đưa đến công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được chuyển các hạng mục thiết bị chính của Nhà thầu ra khỏi công trường nếu không được sự đồng ý của Nhà tư vấn. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa và người của Nhà thầu ra khỏi công trường.

4.18 Bảo vệ môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các bước hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác do hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và không được vượt quá mức quy định của Luật hiện hành.

4.19 Điện, nước và khí đốt

Trừ những trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng cho mục đích thi công Công trình việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu, tự mình phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và đo đạc số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả (theo giá cả này) cho các dịch vụ phải được chấp thuận hoặc xác định bởi Nhà tư vấn theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán những khoản tiền này cho Chủ đầu tư.

4.20 Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải có sẵn các thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có) để Nhà thầu dùng cho thi công công trình theo các chi tiết, sự sắp xếp và giá cả được nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ khi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư thì:

- (a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị của Chủ đầu tư, trừ khi:
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Chủ đầu tư phải được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp, miễn phí, “các vật liệu cung cấp tự do” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra bằng mắt những vật liệu này, và phải thông báo kịp thời cho Nhà tư vấn về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra bằng mắt, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra bằng mắt.

4.21 Báo cáo Tiến độ

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng sẽ được Nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Nhà tư vấn sáu bản. Báo cáo đầu tiên phải tính từ ngày khởi công đến ngày cuối cùng của tháng đầu. Sau đó các báo cáo phải được nộp hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong vòng 7 ngày sau ngày cuối cùng của khoảng thời gian liên quan.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn lại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Mỗi báo cáo phải có:

- (a) sơ đồ và miêu tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế, tài liệu của Nhà thầu, mua sắm thiết bị, gia công, vận chuyển tới công trình, thi công, lắp dựng, kiểm tra và vận hành thử;
- (b) ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên công trường
- (c) đối với việc gia công chế tạo hạng mục chính của thiết bị và vật tư, tên của nơi sản xuất, tiến độ phần trăm và ngày thực sự hoặc dự kiến:

- (i) bắt đầu gia công chế tạo
 - (ii) kiểm định của Nhà thầu,
 - (iii) kiểm định, và
 - (iv) vận chuyển và tới công trường;
- (d) các chi tiết được mô tả tại Khoản 6.10 [Hồ sơ nhân lực và thiết bị của Nhà thầu]
- (e) bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử và chứng chỉ của vật liệu
- (f) danh mục các thay đổi, thông báo được đưa ra theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và thông báo được đưa ra theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*];
- (g) số liệu thống kê về an toàn, bao gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và quan hệ công cộng; và
- (h) so sánh tiến độ theo kế hoạch và thực tế, với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

4.22 An ninh công trường

Trừ phi có những quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường, và
- (b) Hạn chế số người được phép của Nhà thầu và Chủ đầu tư; và đối với những người khác được Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu là người được phép của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên công trường.

4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi thực hiện hoạt động trên công trường và khu vực phụ mà Nhà thầu có và được Nhà tư vấn đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực phụ và không được cho thiết bị và nhân lực của mình ra ngoài khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc xếp đặt thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không còn cần nữa.

Sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm

khỏi những bộ phận của công trường và công trình mà đã được cấp Chứng chỉ nghiệm thu. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những hàng hóa cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.24 Cổ vật

Toàn bộ các hóa thạch, đồng xu, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Nhà tư vấn để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo tiếp cho Nhà tư vấn biết và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] đòi:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí đó và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định những vấn đề này.

5. THIẾT KẾ

5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung

Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với thiết kế công trình. Thiết kế phải do các nhà thiết kế có năng lực là các kỹ sư hoặc các nhà chuyên môn có trình độ thực hiện, tuân thủ các tiêu chuẩn (nếu có) được quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ phi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn duyệt đồng ý tên và các đặc điểm của từng người thiết kế được đề xuất và thầu phụ thiết kế.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Nhà thầu, những người thiết kế của Nhà thầu và Thầu phụ thiết kế có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thiết kế. Nhà thầu đảm bảo rằng những người thiết kế phải có mặt để tham gia thảo luận với Nhà tư vấn tại tất cả các thời điểm thích hợp, cho tới ngày hết hạn thời gian thông báo sai sót liên quan.

Khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [*Khởi công*], Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ các yêu cầu của Chủ đầu tư (gồm Tiêu chuẩn thiết kế và tính toán, nếu có) và các hạng mục tham khảo được đề cập tại Khoản 4.7 [*Định vị các mốc*]. Trong khoảng thời gian được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, được tính từ ngày bắt đầu, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn sai sót, lỗi hoặc thiếu sót được phát hiện ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc những hạng mục tham khảo này.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải xác định xem có áp dụng Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*] không và phải thông báo chi Nhà thầu ngay. Nếu và ở mức độ nào mà (có tính đến chi phí và thời gian) một Nhà thầu có kinh nghiệm làm việc cẩn trọng lẽ ra đã có thể phát hiện ra sai sót, lỗi hoặc thiếu sót khi kiểm tra công trường và các yêu cầu của Chủ đầu tư trước khi nộp thầu, thì thời hạn hoàn thành không được kéo dài và Giá hợp đồng không được điều chỉnh.

5.2 Tài liệu của Nhà thầu

Tài liệu của Nhà thầu phải bao gồm tài liệu kỹ thuật được quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu yêu cầu để đáp ứng sự phê duyệt theo pháp quy, và tài liệu mô tả trong Khoản 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*]. Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu của Nhà thầu phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp quy định tại Khoản 1.4 [*Luật và ngôn ngữ*].

Nhà thầu phải chuẩn bị tất cả tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu cần thiết khác để chỉ dẫn cho người của Nhà thầu. Người của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc chuẩn bị các tài liệu này bất cứ lúc nào trong lúc tài liệu đang được chuẩn bị.

Nếu các yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả các tài liệu của Nhà thầu sẽ được trình cho Nhà tư vấn xem xét và/hoặc chấp thuận thì tài liệu này sẽ được trình cùng với thông báo được dưới đây. Trong các quy định dưới đây của Khoản này, (i) “thời gian xem xét” có nghĩa là thời gian mà Nhà tư vấn cần để xem xét và (nếu có quy định cụ thể) chấp thuận và (ii) “các tài liệu của Nhà thầu” loại trừ các tài liệu không được quy định là cần trình lên để xem xét và/hoặc chấp thuận.

Trừ các quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư thì mỗi thời kỳ xem xét không được vượt quá 21 ngày tính từ ngày Nhà tư vấn nhận được tài liệu của Nhà thầu và thông báo của Nhà thầu. Thông báo này phải nêu rõ là tài liệu của Nhà thầu đã được chuẩn bị sẵn sàng để xem xét (và chấp thuận nếu có quy định như vậy) theo Khoản này và để sử dụng. Thông báo cũng phải nêu rõ tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng, hoặc phạm vi mà nó không làm đúng được.

Nhà tư vấn, có thể, trong thời gian xem xét, sẽ thông báo cho Nhà thầu rằng tài liệu của Nhà thầu ở mức độ nào đó không đúng với Hợp đồng. Nếu một tài liệu của Nhà thầu không đúng với Hợp đồng thì Nhà thầu phải điều chỉnh lại, trình lại để xem xét lại (nếu có quy định rõ thì chấp thuận) theo Khoản này và Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí.

Trong mỗi hạng mục của công trình, trừ phi đã có sự đồng ý hoặc chấp thuận trước của Nhà tư vấn, phải thực hiện những công việc:

- (a) trong trường hợp một tài liệu của Nhà thầu đã (nếu quy định rõ) được trình cho Nhà tư vấn chấp thuận:
 - (i) Nhà tư vấn sẽ thông báo cho Nhà thầu là tài liệu của Nhà thầu đã được chấp thuận, mà có hoặc không có bình luận, hoặc tài liệu của Nhà thầu không đúng với Hợp đồng;
 - (ii) việc thực hiện hạng mục công trình như vậy sẽ không được bắt đầu tiến hành nếu như Nhà tư vấn vẫn chưa chấp thuận tài liệu của Nhà thầu;
 - (iii) Nhà tư vấn sẽ được coi như là đã chấp thuận tài liệu của Nhà thầu vào thời điểm hết hạn thời gian xem xét các tài liệu của Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thi công hạng mục công trình đó, nếu trước đó không có thông báo cho Nhà thầu như đoạn (i)
- (b) việc thi công hạng mục công trình như vậy sẽ không được bắt đầu trước khi hết hạn thời gian xem xét tất cả các tài liệu của Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thi công
- (c) việc thi công hạng mục công trình như vậy phải theo đúng những tài liệu của Nhà thầu đã được xem xét này (và chấp thuận nếu được nêu rõ); và
- (d) Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn ngay nếu Nhà thầu muốn thay đổi về thiết kế hoặc tài liệu nào mà trước đó đã được trình để xem xét (và nếu có quy định thì chấp thuận). Sau đó, Nhà thầu sẽ trình các tài liệu đã được sửa đổi cho Nhà tư vấn theo đúng các thủ tục nêu trên.

Nếu Nhà tư vấn hướng dẫn là cần thêm tài liệu của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị ngay lập tức.

Bất cứ sự chấp thuận hoặc tán thành hoặc xem xét nào như vậy (theo Khoản này hoặc Khoản khác) cũng không làm giảm bớt đi nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu.

5.3 Đảm bảo của Nhà thầu

Nhà thầu phải đảm bảo việc thiết kế, các tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và hoàn thành công trình sẽ phải theo đúng với:

- (a) Luật của nước sở tại, và
- (b) hồ sơ hình thành Hợp đồng, như đã được bổ sung hay sửa đổi bằng các biến đổi.

5.4 Những tiêu chuẩn và các quy định kỹ thuật

Công tác thiết kế, các tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và hoàn thành công trình sẽ phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn kỹ thuật của nước sở tại, Luật xây dựng, và Luật môi trường, các Luật hiện hành cho các sản phẩm được tạo ra từ công trình, và các tiêu chuẩn khác được nêu rõ trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, được áp dụng cho công trình hoặc do các luật hiện hành quy định.

Tất cả những Luật này, đối với công trình và mỗi hạng mục công trình phải là những Luật hiện hành khi công trình hay hạng mục được Chủ đầu tư nghiệm thu theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Các điều khoản tham chiếu trong Hợp đồng về các tiêu chuẩn được ban hành sẽ được hiểu là những điều khoản tham chiếu đối với lần xuất bản được áp dụng vào Ngày hẹn, trừ phi quy định khác.

Nếu những tiêu chuẩn được áp dụng đã được sửa đổi hay là tiêu chuẩn mới có hiệu lực ở Nước sở tại sau Ngày hẹn thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và (nếu phù hợp) sẽ kiến nghị áp dụng. Trong trường hợp:

- (a) Nhà tư vấn xác định là cần phải áp dụng, và
- (b) kiến nghị áp dụng sẽ dẫn đến biến đổi,

Khi đó Nhà tư vấn sẽ bắt đầu ghi một sự biến đổi để phù hợp với Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*].

5.5 Đào tạo

Nhà thầu sẽ tiến hành đào tạo nhân lực của Chủ đầu tư về việc vận hành và bảo dưỡng công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu Hợp đồng nêu rõ việc đào tạo phải được tiến hành trước khi bàn giao công trình, công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1. [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi đào tạo được hoàn thành.

5.6 Tài liệu hoàn công

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và kịp thời cập nhật một bộ hồ sơ đầy đủ các tài liệu hoàn công về công tác thi công công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ và các chi tiết của công trình xây dựng như đã được thi công. Những tài liệu này sẽ được giữ ở công trường và được sử dụng riêng cho những mục đích của Khoản này. Nhà tư vấn sẽ được cung cấp 02 bản copy của những hồ sơ này trước khi tiến hành kiểm định khi hoàn thành.

Ngoài ra, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn các bản vẽ hoàn công của các công trình, cho thấy tất cả những chi tiết công trình được thực hiện và trình những bản vẽ đó cho Chủ đầu tư để xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]. Nhà thầu sẽ nhận được sự đồng ý của Nhà tư vấn về kích cỡ của chúng, hệ thống tham chiếu và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi ban hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Nhà tư vấn những con số cụ thể và các loại bản sao của các bản hoàn công theo các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi Nhà tư vấn đã nhận được những tài liệu này.

5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

Trước khi tiến hành kiểm định khi hoàn thành, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn những tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời đầy đủ các chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành, bảo dưỡng, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa các thiết bị.

Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi Nhà tư vấn đã nhận được những tài liệu hướng dẫn chi tiết cuối cùng về vận hành và bảo dưỡng và những tài liệu hướng dẫn khác được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư cho những mục đích này.

5.8 Lỗi thiết kế

Nếu phát hiện ra trong tài liệu của Nhà thầu có các lỗi, bỏ sót, không rõ ràng, không nhất quán hay không phù hợp, Chủ thầu phải chịu mọi chi phí cho việc sửa chữa các lỗi này cũng như các công trình dẫn cho đã có sự chấp thuận hoặc đồng ý theo điều này.

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.1 Tuyển mộ nhân viên và lao động

Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ sắp xếp việc thuê nhân viên và người lao động, người địa phương hay ở nơi người khác và trả lương, bố trí ăn ở và đi lại cho họ.

6.2 Mức lương và các điều kiện lao động

Nhà thầu sẽ trả mức lương và tôn trọng các điều kiện lao động, không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện lao động được quy định cho các nghề và ngành công nghiệp trong đó công việc của người lao động được thực hiện. Nếu không có mức lương hoặc điều kiện lao động nào đã được quy định mà có thể áp dụng được thì Nhà thầu sẽ áp dụng các mức lương và điều kiện lao động chung ở địa phương mà các chủ thuê người trả cho các nghề và ngành công nghiệp tương tự như của Nhà thầu.

6.3 Những người trong bộ máy Chủ đầu tư

Nhà thầu không được tuyển mộ, hay toan tính tuyển nhân viên và người lao động từ trong bộ máy của Chủ đầu tư.

6.4 Luật lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các Luật lao động hiện hành được áp dụng cho nhân lực của Nhà thầu, bao gồm cả Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và tất cả các những quyền lợi hợp pháp của họ.

Nhà thầu phải yêu cầu các nhân công của mình tuân thủ các Luật đang được áp dụng, bao gồm cả những Luật liên quan đến an toàn lao động.

6.5 Giờ lao động

Không tiến hành làm việc trên công trường vào những ngày nghỉ của địa phương, hoặc ngoài giờ làm việc bình thường được nêu trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu, trừ phi:

- (a) có quy định khác trong Hợp đồng,
- (b) có sự chấp thuận của Nhà tư vấn, hoặc
- (c) công việc không thể tránh được hoặc cần thiết phải làm để bảo vệ cho sự tồn tại hoặc tài sản hay sự an toàn của công trình, trong trường hợp đó Nhà thầu sẽ phải thông báo ngay cho Nhà tư vấn.

6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động

Trừ phi được quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các phương tiện ăn ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp mọi điều kiện cho nhân viên của Chủ đầu tư như đã nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu không được cho phép bất cứ nhân công nào của Nhà thầu có chỗ ở tạm thời hoặc vĩnh cửu trong khu vực kết cấu của công trình vĩnh cửu.

6.7 Sức khỏe và an toàn lao động

Nhà thầu luôn luôn có những sự cân trọng hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu, phòng chăm sóc người ốm, dịch vụ cấp cứu phải luôn luôn sẵn sàng trên công trường và tại các nơi ở của nhân lực của Nhà thầu và Chủ đầu tư, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.

Nhà thầu sẽ chỉ định một an toàn viên ở công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn. Người này phải có trình độ để đảm nhận trọng trách này, và có quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cung cấp những gì mà người này cần thiết để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

Nhà thầu sẽ gửi cho Nhà tư vấn các chi tiết về tai nạn càng sớm càng tốt sau khi nó xảy ra. Nhà thầu sẽ gửi những giấy tờ liên quan đến tình trạng sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, thiệt hại về mặt tài sản, như Nhà tư vấn đã yêu cầu một cách hợp lý.

6.8 Giám sát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thiết kế và thi công công trình, và cả thời gian cần thiết sau đó để hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ có sự giám sát cần thiết để vạch kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra và thử nghiệm công việc.

Việc giám sát sẽ được giao cho một số lượng đầy đủ người có đủ kiến thức về ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*] và về các hoạt động sẽ được tiến hành (bao gồm cả các phương pháp và các kỹ thuật cần thiết, những khó khăn có thể sẽ gặp phải và những biện pháp để phòng tai nạn) để thỏa mãn yêu cầu công trình cũng như việc thi công công trình được an toàn.

6.9 Nhân lực Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp tương xứng về nghề nghiệp, công việc làm của mình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân công nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó:

- (a) khăng khăng giữ thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận,
- (b) thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cẩu thả,
- (c) không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, hoặc
- (d) cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Nếu đúng như vậy, Nhà thầu sẽ bổ nhiệm (hoặc buộc phải bổ nhiệm) một người khác thích hợp để thay thế.

6.10 Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Nhà tư vấn những chi tiết về số lượng từng cấp hạng nhân viên của Nhà thầu và của mỗi loại thiết bị của Nhà thầu có trên công trường. Các chi tiết sẽ được trình lên hàng tháng, theo biểu mẫu mà Nhà tư vấn đã quy định, cho đến khi Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các công việc còn dở dang vào ngày hoàn thành công trình được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

6.11 Hành vi gây rối

Nhà thầu phải luôn luôn cẩn trọng để tránh bất kỳ các hành vi, phạm luật gây rối hoặc mất trật tự nào do nhân viên của Nhà thầu gây ra và để giữ sự bình ổn và để bảo vệ sự yên bình cho con người và tài sản ở trên và gần công trường.

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

7.1 Cách thức thực hiện

Nhà thầu sẽ thực hiện việc chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công các vật liệu và tất cả các công việc thi công công trình:

- (a) theo cách thức (nếu có) được nêu ra trong Hợp đồng,
- (b) với một tay nghề thành thạo và một cách cẩn thận, phù hợp với cách làm thực tế đã được thừa nhận, và
- (c) với các phương tiện trang bị phù hợp và các vật liệu không nguy hiểm, trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng.

7.2 Mẫu mã

Nhà thầu phải nộp các mẫu vật liệu và các thông tin cần thiết sau đây cho Nhà tư vấn xem xét theo các thủ tục cho tài liệu của Nhà thầu được miêu tả trong Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]:

- (a) các mẫu vật liệu tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các mẫu mã khác được nêu cụ thể trong Hợp đồng, và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, và
- (b) các mẫu bổ sung Nhà tư vấn yêu cầu như là một biến đổi.

Từng mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và việc sử dụng được dự kiến trong công trình.

7.3 Giám định

Người của Chủ đầu tư trong mọi thời điểm thích hợp sẽ:

- (a) được quyền vào tất cả các nơi trên công trường và các nơi để khai thác nguyên vật liệu tự nhiên, và
- (b) trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng (ở trên công trường, hay ở nơi khác) được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn mỗi khi một công việc nào đó đã xong, trước khi được phủ lấp, hoặc không còn nhìn thấy, hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Nhà tư vấn sẽ hoặc là tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc thử, không được chậm trễ mà không có lý do hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Nhà tư vấn không đòi hỏi phải làm như vậy. Trường hợp Nhà thầu không gửi

được thông báo thì, nếu và khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải mở lại công trình ra, sau đó lấp lại và hoàn thiện, tất cả đều bằng chi phí của mình.

7.4 Thử (kiểm định)

Khoản này sẽ được áp dụng cho tất cả các cuộc thử được nêu trong Hợp đồng, ngoài việc thử sau khi hoàn thành (nếu có).

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành những kiểm định cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Nhà tư vấn về thời gian, địa điểm tiến hành kiểm định cụ thể của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình khác.

Nhà tư vấn có thể, theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*] có thể thay đổi địa điểm hoặc các chi tiết của các cuộc kiểm định cụ thể hoặc hướng dẫn Nhà thầu để tiến hành các cuộc kiểm định bổ sung. Nếu những cuộc kiểm định bổ sung hoặc thay đổi này cho thấy thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề được kiểm định không phù hợp với Hợp đồng thì các chi phí cho việc tiến hành những biến đổi này sẽ do Nhà thầu chịu bất kể những điều khoản khác của Hợp đồng.

Nhà tư vấn phải thông báo trước 24 tiếng đồng hồ cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào cuộc kiểm định. Nếu như Nhà tư vấn không tham gia vào cuộc kiểm định tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành kiểm định, trừ phi có sự chỉ dẫn khác từ phía Nhà tư vấn, và các cuộc kiểm định coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Nhà tư vấn hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn, và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được quyền đòi:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ này, nếu như việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán những chi phí cộng với lợi nhuận hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn sẽ theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu phải trình ngay cho Nhà tư vấn các báo cáo có xác nhận về các cuộc kiểm định. Khi các cuộc kiểm định cụ thể đã được tiến hành xong, Nhà tư vấn sẽ chứng thực chứng chỉ kiểm định của Nhà thầu hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả đó. Nếu như Nhà tư vấn không tham gia vào các cuộc kiểm định, coi như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

7.5 Từ chối

Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề hoặc không phù hợp với Hợp

đồng, Nhà tư vấn có thể từ chối các thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc nhân lực tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà thầu với các lý do. Nhà thầu phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo cho các mục đích đã bị bác bỏ được xử lý cho phù hợp với Hợp đồng.

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu là thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề cần được kiểm định lại, các cuộc kiểm định sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện đã làm trước đó. Nếu như việc từ chối và kiểm định lại dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Chủ đầu tư theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*].

7.6 Công việc sửa chữa

Mặc dù đã có những cuộc kiểm định trước đó hay đã cấp chứng chỉ, Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn Nhà thầu tiến hành:

- (a) đưa đi khỏi công trường hoặc thay thế các thiết bị, vật liệu không phù hợp với Hợp đồng,
- (b) dỡ bỏ và tiến hành lại công việc nếu không phù hợp với hợp đồng, và
- (c) tiến hành công việc cần gấp để đảm bảo an toàn công trình hoặc do một tai nạn, sự kiện không lường trước hoặc nguyên nhân khác.

Nhà thầu phải tuân thủ những chỉ dẫn của Nhà tư vấn trong khoảng thời gian thích hợp là thời gian (nếu có) được xác định trong chỉ dẫn hoặc phải tiến hành ngay nếu tính chất cấp bách được xác định theo đoạn phụ (c).

Nếu Nhà thầu không tuân theo chỉ dẫn, Chủ đầu tư sẽ có quyền thuê và trả lương cho người khác tiến hành các công việc. Trừ phi Nhà thầu được hưởng quyền thanh toán cho công việc, Nhà thầu sẽ phải trả theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] tiền thanh toán cho Chủ đầu tư toàn bộ chi phí do không tuân thủ chỉ dẫn gây ra.

7.7 Quyền sở hữu thiết bị và vật liệu

Mỗi hạng mục thiết bị và vật liệu trong phạm vi phù hợp với Luật của nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, nếu nó có trước những thời điểm được nêu dưới đây mà không bị chiếm giữ và bị cản trở:

- (a) khi chúng được cung cấp tới công trường;
- (b) khi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu theo Khoản 8.10 [*Thanh toán đối với thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công trình*].

7.8 Bản quyền

Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ phải trả tiền bản quyền, tiền thuê và những tiền khác cho:

- (a) các vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài công trường, và

- (b) các vật liệu thải do phá dỡ, đào bới và các vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo) trừ trường hợp có bãi thải trên công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng

8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

8.1 Khởi công

Nhà tư vấn sẽ thông báo cho Nhà thầu ít nhất là 7 ngày về ngày khởi công. Trừ phi có các quy định khác trong những điều kiện riêng. Ngày khởi công sẽ là trong vòng 42 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thiết kế và thi công công trình ngay trên cơ sở thực tế sau ngày khởi công và sẽ thực hiện công trình đúng thời hạn mà không được chậm trễ.

8.2 Thời hạn hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình, và mỗi hạng mục (nếu có) trong khoảng thời hạn hoàn

- (a) đã qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng được yêu cầu cho công trình hoặc hạng mục để được xem xét là đã hoàn thành cho các mục đích bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*].

8.3 Chương trình tiến độ

Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn chương trình kế hoạch thời gian chi tiết trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [*Khởi công*]. Nhà thầu cũng sẽ trình chương trình thời gian đã được sửa đổi nếu chương trình kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi chương trình tiến độ sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu sẽ tiến hành để thực hiện công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn thiết kế, chuẩn bị tài liệu của Nhà thầu, mua sắm thiết bị, gia công chế tạo, kiểm tra, vận chuyển đến công trường, xây lắp, thử nghiệm và vận hành thử.
- (b) thời gian xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*] và cho các việc trình, phê duyệt và chấp thuận khác được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.
- (c) quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng, và
- (d) báo cáo bổ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình, và
 - (ii) các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Nhà thầu về số lượng mỗi loại nhân công của Nhà thầu và mỗi loại thiết bị của Nhà thầu cần trên công trường cho mỗi giai đoạn chính.

Trừ phi Nhà tư vấn, trong vòng 21 ngày sau khi nhận được chương trình kế hoạch, thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình không phù hợp với Hợp đồng,

Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình kế hoạch và nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Người của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình kế hoạch khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Nhà tư vấn về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu đối với công việc, hay làm tăng Giá hợp đồng hoặc làm chậm trễ việc thi công công trình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu trình bản dự tính về những ảnh hưởng của các sự kiện hoặc tình huống trong tương lai và/hoặc đề xuất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*].

Nếu bất cứ lúc nào, Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu rằng chương trình kế hoạch đã không tuân thủ (trong phạm vi đã định) với Hợp đồng hoặc không phù hợp với tiến độ thực tế và những ý định đã nêu của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải trình một chương trình kế hoạch được sửa đổi cho Nhà tư vấn theo Khoản này.

8.4 Gia hạn Thời gian hoàn thành

Nhà thầu sẽ được phép theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn thời gian hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) có sự biến đổi, trừ phi việc điều chỉnh thời gian hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*],
- (b) nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được kéo dài thêm về mặt thời gian theo một Khoản của những Điều kiện này,
- (c) trong những điều kiện thời tiết xấu bất thường,
- (d) việc thiếu nhân lực hay hàng hóa không thể lường trước được do các hoạt động của Chính phủ hay dịch bệnh gây ra, hoặc
- (e) sự chậm trễ, trở ngại hoặc cản trở trên công trường do Chủ đầu tư, Nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy cho.

Nếu Nhà thầu tự coi như mình đã được phép gia hạn thời gian hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc kéo dài thời gian theo Khoản 20.1, Nhà tư vấn phải xem xét lại những quyết định trước đó và có thể tăng, chứ không được giảm tổng thời gian kéo dài.

8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) Nhà thầu đã thực hiện đúng các thủ tục do các nhà chức trách tại nước sở tại quy định,
- (b) Các nhà chức trách này đã làm chậm trễ hoặc đổ vỡ công việc của Nhà thầu, và
- (c) việc chậm trễ hoặc đổ vỡ là không thể biết trước được,

khi đó việc chậm trễ hoặc đổ vỡ này sẽ được coi là nguyên nhân gây chậm trễ theo phần (b) của Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*].

8.6 Tiến độ thực hiện

Nếu, bất cứ lúc nào:

- (a) tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành công việc trong khoảng thời gian hoàn thành, và/hoặc
- (b) tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với chương trình kế hoạch hiện tại theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*],

mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], khi đó Nhà tư vấn có thể hướng dẫn cho Nhà thầu, theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*], trình một chương trình được sửa đổi và báo cáo hỗ trợ mô tả các phương pháp được sửa đổi mà Nhà thầu đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành.

Trừ phi Nhà tư vấn có thông báo khác, Nhà thầu sẽ áp dụng những phương pháp đã được sửa đổi này, mà chúng có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng nhân lực của Nhà thầu và/hoặc hàng hóa mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và mọi chi phí. Nếu những phương pháp được sửa đổi này dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư, theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], Nhà thầu sẽ phải thanh toán những chi phí này cho Chủ đầu tư, ngoài những thiệt hại do việc chậm trễ gây ra (nếu có) theo Khoản 8.7 dưới đây.

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*], thì Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] sẽ phải chi trả cho Chủ đầu tư đối với những thiệt hại do lỗi này. Những thiệt hại này sẽ là số tiền được nêu trong phụ lục của Hồ sơ dự thầu, sẽ được trả hàng ngày trong khoảng thời gian giữa thời gian hoàn thành và ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Tuy nhiên, tổng số tiền theo Khoản này sẽ không vượt quá tổng số tiền tối đa do thiệt hại vì chậm trễ gây ra (nếu có) được nêu trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi đã gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong Hợp đồng.

8.8 Tạm ngừng công việc

Nhà tư vấn vào bất cứ lúc nào đều có thể hướng dẫn Nhà thầu tạm ngừng tiến độ của một hạng mục hay toàn bộ công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc công trình không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng.

Nhà tư vấn sẽ thông báo nguyên nhân tạm ngừng. Nếu và ở phạm vi nguyên nhân được thông báo, và là trách nhiệm của Nhà thầu, khi đó những Khoản 8.9, 8.10 và 8.11 sẽ không được áp dụng.

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Nhà tư vấn theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] và/hoặc từ việc tiến hành lại công việc, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và theo quy định của Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí, được tính trong Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định những vấn đề này.

Nhà thầu sẽ không được quyền kéo dài thời gian, hay thanh toán các chi phí cho việc sửa các hậu quả của lỗi thiết kế, tay nghề hay vật liệu của Nhà thầu gây ra hoặc lỗi của Nhà thầu không bảo vệ, cất giữ hoặc bảo quản theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*].

8.10 Thanh toán tiền thiết bị và các vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công việc

Nhà thầu sẽ được thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu đã không được vận chuyển đến công trường (vào ngày tạm ngừng) nếu:

Công việc đối với thiết bị hoặc sự cung cấp thiết bị và/hoặc các vật liệu đã bị trì hoãn hơn 28 ngày, và

Nhà thầu đã đánh dấu thiết bị và hoặc các vật liệu là tài sản của Chủ đầu tư theo hướng dẫn của Nhà tư vấn.

8.11 Tạm ngừng quá lâu

Nếu việc tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] đã tiếp tục diễn ra quá 84 ngày, Nhà thầu có thể yêu cầu Nhà tư vấn cho phép tiếp tục tiến hành công việc. Nếu Nhà tư vấn không cấp phép trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu đã yêu cầu, Nhà thầu có thể thông báo cho Nhà tư vấn và coi như việc tạm ngừng sẽ bị bỏ qua theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*] của hạng mục công trình bị ảnh hưởng. Nếu việc tạm ngừng ảnh hưởng đến toàn bộ công trình, Nhà thầu có thể thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Kết thúc Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

8.12 Tiếp tục tiến hành công việc

Sau khi đã nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành, Nhà thầu và Nhà tư vấn sẽ cùng kiểm tra công trình, thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Nhà thầu sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của công trình, thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.

9. KIỂM ĐỊNH KHI HOÀN THÀNH

9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [*Kiểm định*], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo Khoản 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*].

Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn không muộn hơn 21 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành. Trừ phi đã có thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày mà Nhà tư vấn đã hướng dẫn.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được tiến hành theo tuần tự sau:

- (a) các kiểm định trước khi đưa vào vận hành thử, sẽ bao gồm các cuộc kiểm tra thích hợp và các cuộc kiểm định chức năng (“khô” hoặc “lạnh”) để đảm bảo rằng mỗi hạng mục thiết bị có thể đảm bảo an toàn cho bước tiếp theo, (b);
- (b) các cuộc kiểm định vận hành thử, sẽ bao gồm cả những cuộc kiểm định vận hành cụ thể để thấy rằng công trình hay hạng mục có thể định vận hành một cách an toàn và nếu có quy định, trong tất cả điều kiện có thể xảy ra, và
- (c) vận hành thử, để cho thấy rằng công trình hay hạng mục hoạt động tốt và đúng với Hợp đồng.

Trong khi vận hành thử, khi công trình đang hoạt động trong điều kiện ổn định; Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn rằng công trình đã sẵn sàng cho bất cứ cuộc kiểm định khi hoàn thành khác, trong đó có các cuộc kiểm định thao tác để thấy được công trình đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và với các bảo lãnh thực hiện.

Vận hành thử sẽ không được tính vào nghiệm thu công trình theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Trừ phi có quy định khác trong Các Điều kiện riêng, sản phẩm do công trình tạo ra trong quá trình vận hành thử sẽ là tài sản của Chủ đầu tư.

Khi xem xét kết quả của các cuộc kiểm định khi hoàn thành, Nhà tư vấn sẽ xem xét đến hiệu quả của việc sử dụng công trình do Chủ đầu tư yêu cầu về hoạt động hoặc các đặc tính khác của công trình. Ngay sau khi các công trình hay hạng mục đã vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành như đã nêu trong phần (a), (b) hay (c), Nhà thầu sẽ trình bản báo cáo đã được chứng nhận về kết quả của các cuộc kiểm định này cho Nhà tư vấn.

9.2 Việc kiểm định bị chậm trễ

Nếu các cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Chủ đầu tư, thì Khoản 7.4 [*Kiểm định*] (đoạn 5) và/hoặc Khoản 10.3 [*Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành*] sẽ được áp dụng.

Nếu các cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Nhà thầu, Nhà tư vấn có thể bằng thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc kiểm định trong vòng 21 ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định vào ngày hoặc các ngày trong thời gian đó được Nhà thầu ấn định và phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu không tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành trong vòng 21 ngày thì người của Chủ đầu tư có thể tiến hành các cuộc kiểm định mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và chi phí cho các cuộc kiểm định đó. Các cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được coi là đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả kiểm định sẽ được chấp nhận là chính xác.

9.3 Kiểm định lại

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành, thì Khoản 7.5 [*Từ chối*] sẽ được áp dụng và Nhà tư vấn hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các công việc có liên quan theo những quy trình và điều kiện tương tự trước đó.

9.4 Không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành đã được tiến hành lại theo Khoản 9.3 [*Kiểm định lại*], khi đó Nhà tư vấn có quyền:

- (a) yêu cầu tiếp tục tiến hành kiểm định lại theo Khoản 9.3;
- (b) nếu như việc công trình hay hạng mục không vượt qua các cuộc kiểm định làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư có được từ đó, sẽ loại bỏ công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp), trong trường hợp đó Chủ đầu tư sẽ được các sự bù đắp như phần (c) của Khoản 11.4 [*Không sửa chữa được sai sót*]; hoặc
- (c) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, nếu Chủ đầu tư yêu cầu.

Trong trường hợp của phần (c), Nhà thầu khi đó sẽ thực hiện tất cả các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ bị giảm đi một số tiền để bù vào số tiền mà Chủ đầu tư bị thiệt từ việc giá trị công trình bị giảm đi do việc không qua được kiểm định. Trừ phi việc giảm giá do nguyên nhân này gây ra được nêu cụ thể (hay xác định được phương pháp tính toán) trong Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu việc giảm Giá được: (i) hai bên thỏa thuận (khi hoàn thành vừa lòng chỉ riêng về vấn đề này) và sẽ thanh toán trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, hoặc (ii) xác định và thanh toán theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình

Trừ những quy định trong Khoản 9.4 [*Không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành*], công trình sẽ được Chủ đầu tư tiếp nhận khi (i) công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*] và trừ những nội dung được cho phép trong phần (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ theo Khoản này.

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn đề xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, công trình đã được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục bằng cách tương tự, Nhà thầu có thể xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho mỗi hạng mục.

Chủ đầu tư, trong vòng 28 ngày sau nhận được đơn của Nhà thầu, sẽ:

- (a) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho Nhà thầu, nêu rõ ngày mà công trình hay hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình hay các hạng mục cho mục đích ban đầu (cho đến khi hoặc trong khi những việc này đang được hoàn thành và các sai sót đang được sửa chữa), hoặc
- (b) bác bỏ đơn và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo Khoản này.

Nếu Nhà tư vấn không cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hay bác bỏ đơn của Nhà thầu trong thời gian 28 ngày và nếu công trình hay hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng, Chứng chỉ nghiệm thu công trình coi như đã được cấp vào ngày thứ 28.

10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình

Nhà tư vấn có thể, theo sự chỉ đạo duy nhất của Chủ đầu tư, sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho từng phần của công trình vĩnh cửu.

Chủ đầu tư sẽ không sử dụng bất cứ phần nào của công trình (trừ trường hợp sử dụng tạm thời nhưng đã được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc hai bên cùng đồng ý) trừ khi và cho đến khi Nhà tư vấn đã cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình đó. Tuy nhiên, nếu Chủ đầu tư sử dụng bất cứ phần nào của công trình trước khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, thì:

- (a) phần công trình được sử dụng sẽ được coi là đã được tiếp nhận kể từ ngày nó được đưa vào sử dụng,
- (b) Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về phần công trình đó kể từ ngày này, khi đó trách nhiệm sẽ thuộc về Chủ đầu tư, và

- (c) nếu Nhà thầu yêu cầu, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho phần công trình này.

Sau khi Nhà tư vấn đã cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho một phần công trình, Nhà thầu sẽ được tạo cơ hội sớm nhất để thực hiện các bước cần thiết để tiến hành những cuộc kiểm định khi hoàn thành còn tồn lại. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành này càng sớm càng tốt trước khi hết hạn của thời hạn thông báo sai sót.

Nếu Nhà thầu phải chịu các chi phí do việc nghiệm thu và/hoặc sử dụng của Chủ đầu tư mà không phải là việc sử dụng được nêu cụ thể trong Hợp đồng và được hai bên đồng ý, khi đó Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được quyền thanh toán những chi phí đó cộng với lợi nhuận hợp lý và được tính vào Giá hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định chi phí này và lợi nhuận theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

Nếu Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp cho một phần công trình (chứ không phải là một hạng mục) thì những thiệt hại do chậm trễ để hoàn thành những phần còn lại của công trình sau đó sẽ phải giảm bớt. Tương tự, những thiệt hại do chậm trễ cho phần còn lại của hạng mục (nếu có) mà phần này là một bộ phận cũng sẽ phải giảm bớt. Đối với bất cứ thời kỳ chậm trễ nào sau ngày được nêu cụ thể trong Chứng chỉ nghiệm thu này, sự giảm bớt theo tỷ lệ trong các thiệt hại do chậm trễ này sẽ được tính như là một tỷ lệ mà giá trị của phần đã được xác nhận mang đến cho giá trị công việc hoặc phần việc (nếu trường hợp xảy ra) được xem như là một tổng thể. Theo Khoản 3.5 [*Quyết định*], Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định những phần thiệt hại do trì hoãn gây ra hàng ngày theo Khoản 8.7 [*Những thiệt hại do chậm trễ*], và sẽ không ảnh hưởng đến giá trị tối đa các thiệt hại này.

10.3 Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu quá 14 ngày mà Nhà thầu không tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành vì nguyên nhân do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thì khi đó Chủ đầu tư sẽ coi như đã tiếp nhận công trình hay hạng mục (tùy từng trường hợp) vào ngày mà lẽ ra các cuộc kiểm định hoàn thành đã được hoàn tất.

Theo đó Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình và Nhà thầu sẽ tiến hành ngay các cuộc kiểm định hoàn thành càng sớm càng tốt trước ngày hết hạn của thời gian thông báo sai sót. Nhà tư vấn sẽ thông báo trước 14 ngày về yêu cầu tiến hành các cuộc kiểm định hoàn thành theo những điều khoản của Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ hay phải chịu các chi phí do sự chậm trễ tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành gây ra, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn biết và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được quyền:

- (a) gia hạn thời gian để bù lại cho sự chậm trễ đó, nếu như việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí cộng thêm lợi nhuận hợp lý, tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10.4 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

Trừ phi có nội dung khác trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình, một chứng chỉ cho một hạng mục hay một phần công trình sẽ không được xem là xác nhận hoàn thành một khu vực nào đó hoặc yêu cầu khôi phục lại mặt bằng.

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

Để công trình và tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục cần phải luôn ở trong tình trạng do Hợp đồng quy định (trừ trường hợp bị rách hay hỏng) đến ngày hết hạn của thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Nhà tư vấn yêu cầu, và
- (b) thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) thông báo vào ngày hoặc trước ngày Thời hạn thông báo sai sót của công trình hay hạng mục hết hạn (trường hợp nếu xảy ra).

Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) thông báo.

11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót

Tất cả công việc được nêu trong phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*] sẽ được tiến hành và Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

- (a) thiết kế của công trình, ngoài phần thiết kế mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm (nếu có),
- (b) thiết bị, các vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng,
- (c) vận hành hoặc bảo dưỡng không đúng cách mà trách nhiệm thuộc về Nhà thầu (theo Khoản 5.5 đến 5.7 hoặc khác), hoặc
- (d) Nhà thầu không tuân thủ các nghĩa vụ khác.

Nếu và ở mức độ mà việc đó được quy cho nguyên nhân khác, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư (hay đại diện của Chủ đầu tư) thông báo ngay lập tức và khi đó sẽ áp dụng Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*].

11.3 Kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót

Theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót về công trình hoặc hạng mục nếu và ở mức độ mà công trình, hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Nhà máy (tùy từng trường hợp và sau khi đã nghiệm thu) không thể sử dụng được cho mục đích đã định do sai sót hoặc hư hỏng. Tuy nhiên, thời gian thông báo sai sót sẽ không được kéo dài quá 2 năm.

Nếu việc cung cấp và/hoặc lắp đặt thiết bị và/hoặc các vật liệu bị tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] hay Khoản 16.1 [*Quyền Nhà thầu tạm ngừng công việc*], theo Điều này nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không áp dụng cho những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra quá 2 năm sau khi thời gian thông báo sai sót cho thiết bị, các vật liệu lẽ ra đã không còn hiệu lực.

11.4 Không sửa chữa được sai sót

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về ngày này.

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã thông báo và việc sửa chữa sẽ được thực hiện mà Nhà thầu phải chịu chi phí theo Khoản 11.2 [*Chi phí sửa chữa sai sót*], Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể:

- (a) tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này; và Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] phải trả cho Chủ đầu tư những chi phí hợp lý phát sinh từ việc Chủ đầu tư sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng;
- (b) yêu cầu Nhà thầu đồng ý hoặc quyết định khấu trừ hợp lý trong Giá hợp đồng theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; hoặc
- (c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, theo Hợp đồng hay không, Chủ đầu tư sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả công trình hoặc một phần công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần công trình đó, dọn dẹp công trường và trả thiết bị, các vật liệu lại cho Nhà thầu.

11.5 Di chuyển công việc bị sai sót

Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường hạng mục hạng mục thiết bị bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tăng số tiền cho bảo lãnh Hợp đồng bằng chi phí thay thế toàn bộ các phần này hay cung cấp sự bảo đảm phù hợp khác.

11.6 Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và/hoặc kiểm định sau khi hoàn thành đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng sự rủi ro và kinh phí của bên chịu trách nhiệm theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] cho chi phí sửa chữa sai sót.

11.7 Quyền được ra vào

Khi Chứng chỉ thực hiện hợp đồng đã được cấp, Nhà thầu sẽ được quyền tiếp cận tất cả các phần của công trình và các hồ sơ về hoạt động và sự thực hiện của công trình, trừ phi không phù hợp với những hạn chế hợp lý về mặt an ninh của Chủ đầu tư.

11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân

Nhà thầu sẽ, nếu Nhà tư vấn yêu cầu, tìm nguyên nhân dẫn đến sai sót theo hướng dẫn của Nhà tư vấn. Trừ phi sai sót đã được sửa chữa bằng chi phí của Nhà thầu theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*], chi phí của việc tìm kiếm nguyên nhân cộng với lợi nhuận hợp lý sẽ được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

11.9 Chứng chỉ thực hiện

Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được coi là đã hoàn thành nếu Nhà thầu chưa được Nhà tư vấn cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.

Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng trong vòng 28 ngày sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu và đã hoàn thành và kiểm định tất cả công trình, bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót. Chủ đầu tư sẽ nhận được 01 bản của Chứng chỉ thực hiện.

Chỉ có Chứng chỉ thực hiện mới được coi là cấu thành nên việc chấp nhận công trình.

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp Chứng chỉ thực hiện, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với các mục đích xác định nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa thực hiện.

11.11 Giải phóng mặt bằng

Khi nhận được Chứng chỉ thực hiện hợp đồng, Nhà thầu sẽ dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Nhà thầu, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại.

Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi công trường trong vòng 28 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được 01 bản sao Chứng chỉ thực hiện, Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hay lưu các vật dụng đó trên công trường.

Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí phát sinh dôi ra cho Chủ đầu tư.

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành được nêu cụ thể trong Hợp đồng, khi đó sẽ áp dụng Điều này. Trừ phi có những quy định khác trong Điều kiện riêng, Chủ đầu tư sẽ:

- (a) cung cấp điện, thiết bị, nhiên liệu, dụng cụ, lao động, vật liệu và các nhân viên có trình độ và kinh nghiệm thích hợp cần thiết để tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành một cách hiệu quả, và
- (b) tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành theo các tài liệu hướng dẫn của Nhà thầu thuộc Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*] và việc hướng dẫn mà Nhà thầu được yêu cầu trong quá trình tiến hành các cuộc kiểm định này; và với sự có mặt nhân viên của Nhà thầu hoặc các bên kia được yêu cầu.

Các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được thực hiện ngay nếu được sau khi Chủ đầu tư nghiệm thu công trình hoặc hạng mục. Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày về ngày sẽ tiến hành kiểm định sau khi hoàn thành. Trừ phi có sự thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày được thông báo, vào ngày hay các ngày được Chủ đầu tư quyết định.

Nếu Nhà thầu không tham gia vào kiểm định tại thời điểm và ở nơi được thỏa thuận, Chủ đầu tư có thể tiến hành kiểm định sau khi hoàn thành, khi đó cuộc kiểm định coi như đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và Nhà thầu sẽ phải chấp nhận kết quả kiểm định là chính xác.

Kết quả của kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được cả hai bên tập hợp và đánh giá. Khi đó, báo cáo sẽ tính đến ảnh hưởng của việc Chủ đầu tư đã sử dụng công trình trước đó.

12.2 Các cuộc kiểm định bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được thanh toán các chi phí đó cộng với lợi nhuận hợp lý và tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định về chi phí và lợi nhuận này.

Nếu vì lý do nào đó, không phải do lỗi của Nhà thầu, một cuộc kiểm định sau khi hoàn thành công trình hoặc hạng mục sẽ không thể hoàn thành trong thời gian thông báo sai sót (hoặc bất cứ thời gian nào được hai bên thỏa thuận), khi đó công trình hay hạng mục sẽ được coi như đã vượt qua cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

12.3 Kiểm định lại

Nếu công trình, hoặc hạng mục không qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành thì:

- (a) sẽ áp dụng phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*], và
- (b) mỗi bên có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành của công việc có liên quan với các hạng mục và điều kiện tương tự trong cuộc kiểm định trước đó.

Nếu và ở mức độ mà công trình không vượt qua cuộc kiểm định và phải kiểm tra lại là do những vấn đề nêu trong phần (a) đến (d) của Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] và việc đó dẫn đến phát sinh các chi phí thêm cho Chủ đầu tư, thì theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Nhà thầu sẽ phải trả các chi phí này cho Chủ đầu tư.

12.4 Không vượt qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định nào đó hoặc tất cả các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,
- (b) số tiền phải trả cho những thiệt hại do không qua được cuộc kiểm định nêu rõ (hoặc phương pháp tính toán được xác định) trong Hợp đồng, và
- (c) Nhà thầu trả số tiền này cho Chủ đầu tư trong thời hạn thông báo sai sót.

Khi đó công trình hoặc hạng mục sẽ được coi như đã qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,

Nếu công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành và Nhà thầu đề nghị điều chỉnh hoặc sửa đổi công trình hay hạng mục đó, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) có thể hướng dẫn cho Nhà thầu rằng Nhà thầu sẽ không được ra vào công trình hoặc hạng mục đó nếu chưa thuận tiện cho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm tiến hành điều chỉnh hoặc sửa đổi và để đạt được cuộc kiểm tra, trong khoảng thời gian thích hợp mà Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư thông báo và cho biết thời gian đó là thuận tiện. Tuy nhiên, nếu Nhà thầu không nhận được thông báo này trong thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm và công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) coi như đã qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong việc không cho phép Nhà thầu ra vào công trình hay nhà máy, để điều tra các nguyên nhân dẫn đến việc không qua được cuộc kiểm định hay để điều chỉnh hoặc sửa đổi, Nhà thầu phải (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được thanh toán các chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, và được tình vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định về chi phí và lợi nhuận này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

13. BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

13.1 Quyền được biến đổi

Việc biến đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu hoặc hướng dẫn cho Nhà thầu trình đề xuất. Việc sửa đổi sẽ không bao gồm việc bỏ sót công việc nào đó do người khác thực hiện.

Nhà thầu sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm về mỗi việc biến đổi, trừ phi Nhà thầu thông báo ngay cho Nhà tư vấn nêu rõ (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng (i) Nhà thầu không thể có được những phương tiện cần thiết theo yêu cầu cho việc biến đổi, (ii) việc đó sẽ làm giảm sự an toàn hoặc ổn định của công trình hoặc (iii) việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đạt được các bảo lãnh thực hiện. Khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ hủy bỏ, khẳng định hoặc thay đổi hướng dẫn.

13.2 Tư vấn giá trị công trình

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu sẽ đề đạt lên Nhà tư vấn các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục ở Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*].

13.3 Thủ tục biến đổi

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu một đề xuất trước khi hướng dẫn biến đổi, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu là trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) bản mô tả thiết kế được đề xuất và/hoặc công việc sẽ tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng,
- (b) đề xuất của Nhà thầu về các biến đổi cần thiết cho chương trình tiến độ theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*] và cho thời gian hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc điều chỉnh Giá hợp đồng.

Nhà tư vấn, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [*Tư vấn về giá trị công trình*]) sẽ trả lời nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn công việc nào trong khi đợi sự phản hồi từ phía Nhà tư vấn.

Mỗi hướng dẫn thực hiện việc biến đổi đối với bất cứ yêu cầu nào về việc ghi lại các chi phí sẽ được Nhà tư vấn cung cấp cho Nhà thầu và họ sẽ xác nhận là đã nhận được.

Khi hướng dẫn hay chấp thuận một biến đổi, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc quyết định điều chỉnh Giá hợp đồng và Lịch trình thanh toán theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Những

điều chỉnh này sẽ bao gồm cả lợi nhuận hợp lý và sẽ tính đến việc đề xuất của Nhà thầu theo Khoản 13.3 [*Tư vấn về giá trị công trình*] nếu được áp dụng.

13.4 Thanh toán bằng tiền tệ quy định

Nếu Nhà thầu thanh toán Giá hợp đồng bằng 2 loại tiền tệ trở lên khi việc điều chỉnh được nhất trí, chấp thuận hoặc quyết định như đã nêu ở trên, số tiền phải trả bằng mỗi loại đơn vị tiền tệ sẽ được xác định cụ thể. Cho mục đích này, tỷ lệ tiền tệ thực tế hoặc dự kiến cho Chi phí của công việc được sửa đổi và tỷ lệ các loại tiền tệ khác nhau được xác định trong việc thanh toán Giá hợp đồng sẽ được tham chiếu.

13.5 Tiền dự chi

Tiền dự chi sẽ chỉ được sử dụng toàn bộ hay một phần theo hướng dẫn của Nhà tư vấn, và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Toàn bộ số tiền Nhà thầu được chi trả sẽ bao gồm tiền cho công việc, cung cấp hay các dịch vụ mà tiền dự chi có liên quan như Nhà tư vấn đã hướng dẫn. Đối với mỗi khoản tiền dự chi, Nhà tư vấn có thể hướng dẫn:

- (a) công việc sẽ được Nhà thầu thực hiện và định giá trị (bao gồm thiết bị, các vật liệu hay các dịch vụ sẽ được cung cấp) theo Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*], và/hoặc
- (b) thiết bị, các vật liệu hoặc dịch vụ được Nhà thầu mua mà tính vào Giá hợp đồng;
 - (i) số tiền thực tế được Nhà thầu trả (hoặc sẽ trả), và
 - (ii) số chi phí quản lý và lợi nhuận, được tính là phần trăm của số tiền thực tế này bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm phù hợp (nếu có) được nêu trong bảng giá thích hợp. Nếu không có tỷ lệ đó, tỷ lệ phần trăm được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu sẽ được áp dụng.

Khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải cung cấp báo giá, hóa đơn phiếu mua hàng và giấy biên nhận để làm căn cứ.

13.6 Công việc hàng ngày

Nếu là công việc nhỏ hoặc phụ, Nhà tư vấn có thể hướng dẫn việc biến đổi sẽ được thực hiện trên cơ sở công việc hàng ngày. Công việc sau đó sẽ được chỉ định giá theo bảng kê công việc hàng ngày được nêu trong Hợp đồng, và những thủ tục tiếp theo sẽ áp dụng. Nếu bảng kê công việc hàng ngày không được nêu trong Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Trước khi đặt hàng các hàng hóa cho công việc, Nhà thầu sẽ trình bảng báo giá lên Nhà tư vấn. Khi đề nghị thanh toán, Nhà thầu sẽ trình giấy biên nhận, hóa đơn, phiếu thanh toán của các hàng hóa đó.

Trừ các mặt hàng được nêu trong lịch công việc hàng ngày rằng việc thanh toán sẽ không đúng hạn, hàng ngày Nhà thầu sẽ phải gửi các thông báo chính xác (gồm 02 bản) cho Nhà tư vấn bao gồm các chi tiết sau đây của các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các công việc của ngày trước đó:

- (a) tên, công việc và thời gian của nhân viên Nhà thầu,
- (b) xác định loại và thời gian của thiết bị Nhà thầu và công trình tạm thời, và
- (c) số lượng và chủng loại thiết bị và các vật liệu được sử dụng.

Một bản chụp của mỗi bản báo cáo nếu chính xác, hoặc khi được đồng ý, sẽ được Nhà tư vấn ký và gửi lại cho Nhà thầu. Nhà thầu khi đó sẽ trình các báo cáo giá của các nguồn đó lên cho Nhà tư vấn trước khi chúng được đưa vào báo cáo tiếp sau theo Khoản 14.8 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*].

13.7 Điều chỉnh do các thay đổi luật lệ

Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh để tính đến việc tăng hoặc giảm chi phí nảy sinh từ thay đổi trong luật pháp của nước sở tại (bao gồm việc ban hành luật mới và việc sửa đổi bổ sung các luật hiện hành) hoặc việc Chính phủ diễn giải có tính pháp lý hoặc chính thức về các Luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc những chi phí phát sinh thêm do việc thay đổi luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được phép:

- (a) kéo dài thời gian cho sự chậm trễ đó nếu việc hoàn thành bị (hoặc sẽ bị) trì hoãn theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí đó, sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

Trong Khoản này, “bảng số liệu điều chỉnh” có nghĩa là bảng hoàn chỉnh các số liệu điều chỉnh được đưa vào trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Nếu không có bảng số liệu điều chỉnh, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nếu Khoản này được áp dụng, các khoản tiền thanh toán cho Nhà thầu sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo chi phí lao động, hàng hóa và các đầu vào khác cho công trình, bằng việc thêm hoặc bớt các khoản tiền được xác định theo công thức được nêu trong Khoản này. Trong phạm vi mà việc bù trừ đầy đủ cho việc tăng hoặc giảm chi phí không được nêu trong Điều này hoặc các Điều khác, số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng sẽ được coi là đã tính cả các khoản tiền dự phòng cho việc tăng và giảm các chi phí.

Việc điều chỉnh sẽ được áp dụng đối với số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu, như được tính toán theo Bảng giá thích hợp và được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán sẽ được xác định theo công thức cho mỗi loại tiền tệ sẽ thanh toán cho Giá Hợp đồng. Sẽ không áp dụng điều chỉnh đối với các công việc được định giá dựa trên cơ sở của Chi phí hoặc giá cả hiện hành. Công thức sẽ theo kiểu thông dụng sau:

$$P_n = a + b \frac{L_n}{L_o} + c \frac{E_n}{E_o} + d \frac{M_n}{M_o}$$

trong đó:

“ P_n ” là số nhân điều chỉnh được áp dụng cho giá trị hợp đồng ước tính cho các công việc được tiến hành trong thời gian “ n ” theo tiền tệ tương ứng, thời gian này có nghĩa là 1 tháng trừ khi được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;

“ a ” là hệ số cố định, được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh tương ứng, thể hiện phần không điều chỉnh của các khoản thanh toán theo hợp đồng;

“ b ”, “ c ”, “ d ”, ... là những hệ số biểu hiện tỷ lệ ước tính của mỗi phần chi phí liên quan đến việc thi công công trình, được nêu trong bảng các số liệu điều chỉnh tương ứng; như các phần chi phí trong bảng có thể thể hiện các nguồn như lao động, thiết bị và vật liệu;

“ L_n ”, “ E_n ”, “ M_n ”, ... là những chỉ số chi phí hiện thời hoặc những giá tham khảo cho thời gian “ n ”, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào thời điểm 49 ngày trước ngày cuối cùng của thời gian (mà Chứng nhận thanh toán riêng có liên quan đến), và

“ L_o ”, “ E_o ”, “ M_o ”, ... là những chỉ số chi phí cơ bản hoặc giá tham khảo cho thời gian “ n ”, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào Ngày khởi công.

Các chỉ số chi phí hoặc các giá tham khảo được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ được sử dụng. Nếu có nghi ngờ về nguồn của chúng, Nhà tư vấn sẽ xác định. Cho mục đích này, việc tham khảo sẽ được thực hiện đối với các giá trị của các chỉ số vào những ngày được nêu (được nêu riêng trong cột 4 và cột 5 của bảng) nhằm làm sáng tỏ về nguồn của giá tham khảo; mặc dù những ngày này (và các giá trị này) có thể không khớp với các chỉ số chi phí cơ bản.

Trong trường hợp mà “tiền tệ của chỉ số” (được nêu trong bảng) không phải là tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được chuyển đổi sang tiền tệ thanh toán tương ứng theo tỷ giá bán ra, do Ngân hàng Trung ương của nước sở tại ấn định, của tiền tệ tương ứng này vào ngày đã nêu trên, ngày mà chỉ số sẽ được yêu cầu áp dụng.

Khi mà mỗi chỉ số chi phí hiện hành còn chưa có, Nhà tư vấn sẽ xác định một chỉ số tạm thời để cấp Chứng nhận thanh toán tạm thời. Khi một chỉ số chi phí hiện hành có rồi thì việc điều chỉnh sẽ được tính toán lại cho phù hợp.

Nếu Nhà thầu không hoàn thành công trình trong khoảng thời gian hoàn thành, việc điều chỉnh giá sẽ được thực hiện dựa trên (i) mỗi chỉ số hoặc giá được áp dụng vào thời điểm 49 ngày – ngày trước ngày hết hạn Thời gian hoàn thành công trình hoặc (ii) chỉ số hoặc giá cả hiện hành: tùy theo cách thức nào thuận lợi hơn cho Chủ đầu tư.

Các hệ số cho mỗi yếu tố chi phí được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ chỉ được điều chỉnh nếu chúng đã được chứng tỏ là không hợp lý, không cân bằng hoặc không áp dụng được, dẫn đến thay đổi.

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

14.1 Giá hợp đồng

Trừ phi có các quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Giá hợp đồng sẽ là Giá hợp đồng được chấp thuận trả trọn gói và được điều chỉnh theo Hợp đồng;
- (b) Nhà thầu sẽ phải trả tất cả loại thuế, phí được yêu cầu phải trả theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho bất cứ khoản nào của các chi phí này, loại trừ được nêu trong Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*].
- (c) khối lượng công việc được nêu trong Lịch trình được coi là những khối lượng ước tính và sẽ không được coi là những khối lượng thực tế và đúng của công trình mà Nhà thầu được yêu cầu thực hiện; và
- (d) bất kỳ khối lượng công việc nào hoặc số liệu giá cả được nêu trong Lịch trình sẽ được sử dụng cho mục đích được nêu trong Lịch trình và có thể không áp dụng cho những mục đích khác.

Tuy nhiên, nếu một phần công trình được thanh toán theo khối lượng được cung cấp hoặc công việc được thực hiện, các quy định về tính toán và đánh giá sẽ được nêu trong Điều kiện riêng. Giá hợp đồng sẽ được xác định theo đó, tùy theo việc điều chỉnh theo Hợp đồng.

14.2 Ứng trước

Chủ đầu tư sẽ ứng trước, như một khoản vay không có lãi suất cho việc huy động và thiết kế, khi Nhà thầu trình một giấy bảo lãnh theo Khoản này. Tổng số ứng trước, số lần và thời gian của thanh toán (nếu hơn 1 lần) và tiền tệ và tỷ lệ được áp dụng sẽ như được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh này, hoặc nếu tổng số thanh toán trước không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ thanh toán tạm thời cho lần thanh toán đầu tiên sau khi nhận được một bản Báo cáo theo Khoản 14.3 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán tạm*] và sau khi Chủ đầu tư nhận được (i) Bảo lãnh thực hiện theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và (ii) một bảo lãnh bằng số lượng và tiền tệ tương đương với số tiền ứng trước. Bảo lãnh này sẽ được một cơ quan cấp và từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) do Chủ đầu tư chấp thuận, và sẽ theo biểu mẫu phụ lục của các Điều kiện riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi việc ứng trước được hoàn trả, nhưng số tiền này có thể sẽ được chiết khấu lũy tiến bởi số tiền mà Nhà thầu trả lại như đã nêu trong Chứng chỉ thanh toán. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh và việc ứng trước đã không được hoàn trả

trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả.

Việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các chiết khấu phần trăm trong Chứng chỉ thanh toán. Trừ phi có các phần trăm khác được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu thì:

- (a) các chiết khấu sẽ bắt đầu trong Chứng chỉ thanh toán, trong đó tổng số tất cả thanh toán tạm thời được xác nhận (trừ thanh toán trước và các chiết khấu và việc trả lại số tiền giữ lại) lớn hơn 10% của số tiền Hợp đồng được chấp thuận trừ đi số tiền tạm thời; và
- (b) các chiết khấu sẽ được tính dựa trên tỷ lệ trả dần của 25% số tiền của mỗi Chứng chỉ thanh toán (không tính đến việc thanh toán trước và chiết khấu và hoàn trả số tiền giữ lại) bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ của thanh toán trước, cho đến khi thanh toán trước đã được hoàn trả.

Nếu việc ứng trước vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], Điều 16 [*Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19 [*Bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số nợ sẽ là nợ đến kỳ và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3 Xin cấp thanh toán tạm

Nhà thầu sẽ nộp báo cáo (6 bản) lên Nhà tư vấn sau khi hết thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng (nếu không có nêu thì báo cáo sau mỗi tháng) bằng biểu mẫu mà Nhà tư vấn chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ theo Khoản 4.21 [*Báo cáo tiến độ*].

Báo cáo sẽ bao gồm những mục sau, những mục này sẽ được nêu cụ thể bằng các loại tiền tệ khác nhau mà Giá hợp đồng có thể thanh toán theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của công trình được thi công và các tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị cho đến cuối tháng (bao gồm cả biến đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong phần (b) đến (f) dưới đây);
- (b) bất cứ số tiền nào được thêm vào hay giảm đi do có sự thay đổi về luật pháp và thay đổi về chi phí theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do các thay đổi về chi phí*];
- (c) bất cứ số tiền nào bị chiết khấu đi để giữ lại được tính toán bằng cách áp dụng phần trăm do giữ lại được nêu trong Điều kiện riêng đối với tổng số tiền trên cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại đạt tới giới hạn của Số tiền giữ lại (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;
- (d) số tiền thêm vào hoặc giảm đi cho thanh toán trước và hoàn trả theo Khoản 14.2 [*Ứng trước*],

- (e) số tiền được thêm vào hoặc bớt đi đối với thiết bị và các vật liệu theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và các vật liệu cho công trình*];
- (f) việc thêm vào hoặc bớt đi nào có thể trở thành nợ đến hạn theo Hợp đồng hoặc quy định khác thuộc các nội dung của Điều 20 [*Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài*], và
- (g) việc chiết khấu số tiền được xác nhận trong các Chứng chỉ thanh toán trước đó.

14.4 Lịch trình thanh toán

Nếu Hợp đồng có một Lịch trình thanh toán nêu cụ thể các đợt thanh toán trong đó Giá hợp đồng sẽ được thanh toán, khi đó trừ phi được nêu khác với quy định trong Lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong Lịch trình thanh toán sẽ là các giá trị hợp đồng ước tính cho các mục đích của phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp thanh toán tạm*];
- (b) Khoản 14.5 [*Thiết bị và các vật liệu dùng cho công trình*] sẽ không được áp dụng; và
- (c) nếu những đợt thanh toán này không được xác định bằng các tham khảo tiến độ thực tế đạt được trong quá trình thi công công trình và nếu tiến độ thực tế được phát hiện thấy chậm hơn tiến độ của Lịch trình thanh toán, căn cứ vào đó Nhà tư vấn có thể đồng ý hoặc quyết định những đợt thanh toán sửa đổi theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hơn so với tiến độ đã được xác định trước đó.

Nếu Hợp đồng không có Lịch trình thanh toán, Nhà thầu sẽ trình dự toán không ràng buộc đối với các khoản thanh toán mà Nhà thầu muốn được trả góp đúng hạn trong mỗi quý. Dự toán đầu tiên sẽ được trình trong vòng 42 ngày sau Ngày khởi công. Các dự toán được sửa đổi sẽ được nộp theo định kỳ hàng quý cho đến khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp.

14.5 Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình

Nếu áp dụng khoản này, Chứng chỉ thanh toán tạm, theo phần (e) của Khoản 14.3, sẽ bao gồm, (i) số tiền cho thiết bị và vật liệu đã được gửi tới công trường để được thể hiện trong công trường vĩnh cửu, và (ii) một chiết khấu khi giá trị hợp đồng của thiết bị và các vật liệu này được gộp vào làm một phần của công trình vĩnh cửu theo phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán tạm*]

Nếu những danh sách được đề cập tới trong phần (b) (i) hoặc phần (c) (i) dưới đây không có trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn sẽ xác định và chứng nhận cho mỗi bổ sung nếu những điều kiện sau đây được thỏa mãn

- (a) Nhà thầu đã

- (i) giữ những biên bản hồ sơ tốt (bao gồm đơn đặt hàng, giấy biên nhận, các chi phí và việc sử dụng thiết bị và vật liệu) sẵn sàng cho giám sát, và
- (ii) trình báo cáo các chi phí mua và vận chuyển thiết bị và vật liệu đến công trường, có các chứng từ hợp lý;

và hoặc

(b) Thiết bị và các vật liệu liên quan:

- (i) Là những thứ được liệt kê trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu để thanh toán khi được vận chuyển xuống tàu.
- (ii) đã được vận chuyển đến Nước sở tại, trên đường tới công trường, theo Hợp đồng; và
- (iii) được mô tả trong vận đơn đường biển rõ ràng hoặc các chứng từ vận tải biển đã được trình cho Nhà tư vấn cùng với các chứng từ thanh toán vận tải và bảo hiểm, các giấy tờ khác được yêu cầu hợp lý và giấy bảo lãnh của ngân hàng theo mẫu và do một pháp nhân được Chủ đầu tư chấp nhận cấp với số tiền và các loại tiền tệ tương đương với số tiền đúng theo Khoản này, giấy bảo lãnh này có thể theo mẫu tương tự mẫu trong Khoản 14.2 [*Ứng trước*] và sẽ có giá trị cho đến khi thiết bị và vật liệu được bảo quản đúng cách trên công trường và được bảo vệ tránh bị mất mát hư hại.

hoặc

(c) Thiết bị và các vật liệu liên quan

- (i) là những thứ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu để thanh toán khi được vận chuyển tới công trường, và
- (ii) đã được vận chuyển tới và được bảo quản đúng cách trên công trường và được bảo vệ không mất mát, hư hại hoặc xuống cấp và thể hiện theo đúng Hợp đồng;

Số tiền bổ sung để được chứng nhận sẽ là tương đương với 80% của chi phí cho thiết bị và các vật liệu mà Nhà tư vấn xác định (bao gồm việc vận chuyển tới công trường) có tính đến các tài liệu được nêu trong Khoản này và của giá trị Hợp đồng đối với các thiết bị và các vật liệu.

Tiền tệ cho số tiền bổ sung này cũng sẽ giống như tiền tệ trong khoản thanh toán đến hạn khi giá trị hợp đồng được tính đến theo phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán tạm*]. Lúc đó, Chứng chỉ thanh toán bao gồm cả chiết khấu tương đương, với số tiền bổ sung cho thiết bị và các vật liệu tương ứng cũng cùng loại tiền tệ và tỷ lệ này.

14.6 Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm

Sẽ không có số tiền nào được chứng nhận hoặc thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận và thông qua bảo lãnh thực hiện. Sau đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được báo cáo và các tài liệu liên quan khác, Nhà tư vấn sẽ cấp cho Chủ đầu tư chứng chỉ thanh toán tạm nêu rõ số tiền mà Nhà tư vấn sẽ xác định rõ là nợ đến hạn phải trả với các tài liệu hỗ trợ khác.

Tuy nhiên, trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà tư vấn sẽ không bị bắt buộc phải cấp Chứng chỉ thanh toán tạm của một số tiền (sau việc giữ lại và các chiết khấu khác) ít hơn số tiền tối thiểu của Chứng chỉ thanh toán tạm (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp này, Nhà tư vấn sẽ thông báo cho Nhà thầu ngay.

Chứng chỉ thanh toán tạm sẽ không bị từ chối vì bất cứ lý do nào khác, dù cho:

- (a) nếu cái gì được cung cấp hoặc công việc được thực hiện bởi Nhà thầu không đúng với Hợp đồng, chi phí cho việc sửa chữa hay thay thế có thể bị từ chối cho đến khi việc sửa chữa hay thay thế đã hoàn tất, và/hoặc
- (b) nếu Nhà thầu đã hoặc đang không thực hiện công việc nào hoặc nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng và đã được Nhà tư vấn thông báo như vậy, giá trị của công việc này hoặc nghĩa vụ này có thể bị từ chối cho đến khi công việc hoặc nghĩa vụ được thực hiện xong.

Nhà tư vấn trong bất cứ Chứng chỉ thanh toán nào cũng có thể điều chỉnh hoặc sửa cho phù hợp với bất cứ Chứng chỉ thanh toán trước đó. Chứng chỉ thanh toán sẽ không được coi là biểu thị việc chấp thuận, phê duyệt hoặc đồng ý thỏa mãn của Nhà tư vấn.

14.7 Thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) đợt ứng trước đầu tiên trong vòng 42 ngày sau khi cấp thư Chấp thuận hoặc trong vòng 21 ngày sau khi nhận được các tài liệu theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và Khoản 14.2 [*Ứng trước*], tùy theo việc nào đến sau;
- (b) số tiền được chứng nhận trong mỗi Chứng chỉ thanh toán tạm thời trong vòng 56 ngày sau khi Nhà tư vấn nhận được Báo cáo và các tài liệu liên bổ trợ, và
- (c) số tiền được chứng nhận trong Chứng chỉ thanh toán cuối cùng trong vòng 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được Chứng chỉ thanh toán này.

Việc thanh toán số tiền đến hạn phải trả bằng mỗi loại tiền tệ sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng, do Nhà thầu đề xuất, tại nước thanh toán (cho loại tiền tệ này) được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

14.8 Thanh toán bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [*Án định thời hạn thanh toán*], Nhà thầu sẽ được nhận các thanh toán tài chính theo từng tháng trên cơ sở

số tiền đã không được thanh toán trong thời gian chậm trễ. Thời gian này được coi như sẽ được coi như bắt đầu từ ngày thanh toán được nêu cụ thể trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] bất kể đến (trong trường hợp của phần (b)) ngày mà Chứng chỉ thanh toán được cấp.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, những khoản thanh toán tài chính này sẽ được tính theo tỷ lệ hàng năm là 3% trên tỷ suất chiết khấu của Ngân hàng Trung ương ở nước của tiền tệ thanh toán, và sẽ được thanh toán theo tiền tệ đó.

Nhà thầu sẽ được nhận khoản thanh toán này mà không cần có thông báo hoặc chứng nhận chính thức và không làm ảnh hưởng quyền lợi hoặc phương sách khác.

14.9 Thanh toán tiền giữ lại

Khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp, và công trình đã qua tất cả các cuộc kiểm định cụ thể (bao gồm cả kiểm định sau khi hoàn thành, nếu có), một nửa đầu của số tiền giữ lại sẽ được Nhà tư vấn chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, phần trăm tương ứng của nửa đầu số tiền giữ lại sẽ được thanh toán khi hạng mục đó đã vượt qua tất cả các cuộc kiểm định.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời hạn thông báo sai sót, việc cân đối nợ tồn đọng của số tiền giữ lại sẽ được Nhà tư vấn chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, tỷ lệ phần trăm tương ứng của nửa sau số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán ngay sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót của hạng mục.

Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [*Trách nhiệm về sai sót*] hoặc theo Điều 12 [*Kiểm tra sau khi hoàn thành*], Nhà tư vấn sẽ có quyền từ chối chứng nhận về chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc đó được tiến hành xong.

Tỷ lệ phần trăm tương ứng cho mỗi hạng mục sẽ là giá trị phần trăm của hạng mục như đã nêu trong hợp đồng. Nếu giá trị phần trăm của hạng mục không được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, không có phần trăm nào của mỗi nửa số tiền giữ lại sẽ được áp dụng theo Khoản này cho hạng mục đó.

14.10 Báo cáo khi hoàn thành

Trong vòng 84 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn 06 bản của Báo cáo khi hoàn thành cùng với các tài liệu bổ trợ theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*], cho thấy:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm đúng với Hợp đồng cho đến ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình,
- (b) bất cứ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán, và
- (c) dự toán của các khoản tiền khác mà Nhà thầu coi là sẽ đến hạn thanh toán theo Hợp đồng. Các số tiền ước tính sẽ được trình bày riêng lẻ trong báo cáo khi hoàn thành này.

Sau đó Nhà tư vấn sẽ chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*].

14.11 Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng

Trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ thực hiện, Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn 06 bản của dự thảo báo cáo cuối cùng với các tài liệu bổ trợ trình bày chi tiết theo mẫu mà Nhà tư vấn đã chấp thuận:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng, và
- (b) số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác.

Nếu Nhà tư vấn không đồng ý hoặc không có thể chứng thực một phần nào của dự thảo báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình thêm thông tin khi Nhà tư vấn có thể yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Nhà tư vấn báo cáo cuối cùng như hai bên đã nhất trí. Báo cáo này sẽ được gọi là “Báo cáo cuối cùng” trong các điều kiện này.

Tuy nhiên nếu sau khi có những cuộc thảo luận giữa Nhà tư vấn và Nhà thầu và những thay đổi nào trong dự thảo báo cáo cuối cùng mà hai bên đã nhất trí, hiển nhiên là sẽ có tranh chấp, Nhà tư vấn sẽ gửi cho Chủ đầu tư (và gửi cho Nhà thầu một bản) Chứng chỉ thanh toán tạm cho các phần cả hai bên đã nhất trí của dự thảo báo cáo cuối cùng. Sau đó, nếu tranh chấp được giải quyết theo Khoản 20.4 [*Khi có quyết định của ban xử lý tranh chấp*] hoặc Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*]. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư (gửi cho Nhà tư vấn 01 bản) báo cáo cuối cùng.

14.12 Trang trải xong

Khi trình báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình Bản thanh toán trên giấy tờ khẳng định rằng toàn bộ Báo cáo cuối cùng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản thanh toán này có thể nêu rằng nó sẽ có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh Hợp đồng và việc cân bằng nợ nần của số tiền này mà Bản thanh toán sẽ có hiệu lực vào ngày đó.

14.13 Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng

Trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Báo cáo cuối cùng và Bản thanh toán hết nợ trên giấy tờ phù hợp với Khoản 14.11 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Trang trải xong*], Nhà tư vấn sẽ phát hành cho Chủ đầu tư, Chứng chỉ thanh toán cuối cùng nêu rõ

- (a) số tiền thanh toán cuối cùng, và
- (b) sau khi trao tín dụng cho Chủ đầu tư đối với tất cả các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã ứng trước đó và tất cả số tiền mà Chủ đầu tư được hưởng, hoặc việc cân bằng nợ từ Chủ đầu tư sang Nhà thầu hoặc từ Nhà thầu sang Chủ đầu tư, tùy từng trường hợp.

Nếu Nhà thầu không xin Chứng chỉ thanh toán cuối cùng theo Khoản 14.11 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Trang trải xong*], Nhà tư vấn sẽ yêu

cầu Nhà thầu làm điều đó. Nếu Nhà thầu không trình đơn xin trong vòng 28 ngày, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng cho số tiền mà họ xác định đúng là phải thanh toán.

14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thi công công trình, trừ khi Nhà thầu đã nêu cụ thể một số tiền dùng cho việc đó:

- (a) trong báo cáo cuối cùng và cũng
- (b) (trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình) trong báo cáo khi hoàn thành được nêu trong Khoản 14.10 [*Báo cáo khi hoàn thành*].

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường hay trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý vi phạm hay tiên hành sai công việc do lơ là của Chủ đầu tư.

14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán bằng một loại tiền tệ hoặc nhiều loại tiền tệ được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Trừ phi có các quy định khác trong các Điều kiện riêng nếu có hơn một loại tiền tệ được nêu, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau:

- (a) nếu số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng chỉ được tính bằng nội tệ khi:
 - (i) Tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng nội tệ và ngoại tệ và tỷ giá trao đổi ấn định được sử dụng để tính tiền thanh toán như đã nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, trừ khi có thỏa thuận khác của cả hai bên;
 - (ii) việc thanh toán và chiết khấu theo Khoản 13.5 [*Tiền tạm ứng*] và Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do thay đổi luật pháp*] sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được áp dụng; và
 - (iii) việc thanh toán và chiết khấu trong phần (a) đến (d) của Khoản 14.3 [*Xin cấp chứng chỉ thanh toán tạm*] sẽ được tính bằng các tiền tệ và tỷ lệ được nêu rõ trong phần (a) (i) ở trên;
- (b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;
- (c) các thanh toán khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sẽ được tính bằng loại tiền tệ mà số tiền do Chủ đầu tư đã chi tiêu bằng loại tiền đó hoặc bằng tiền tệ mà cả hai Bên có thể thỏa thuận;
- (d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng loại tiền tệ riêng vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền tệ đó, Chủ đầu tư có thể thu lại phần cân đối của số tiền này từ các khoản tiền khác thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và

- (e) nếu không có tỷ giá trao đổi nào được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào ngày khởi công và do Ngân hàng nhà nước sở tại xác định.

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15.1 Thông báo sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Nhà tư vấn có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

15.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] hoặc với một thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo sửa chữa*],
- (b) bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (c) không có lý do chính đáng mà lại không
 - (i) tiếp tục công trình theo Điều 8 [*Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng*], hoặc
 - (ii) tuân thủ thông báo đã được đưa ra theo Khoản 7.5 [*Từ chối*] hoặc khoản 7.6 [*Công việc sửa chữa*] trong vòng 28 ngày sau khi nhận được thông báo,
- (d) cho Thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản hoặc bị vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này, hoặc
- (f) đưa hoặc có ngò ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) dứt lốt, quà cáp hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc:
 - (i) để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
 - (ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngò ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc như được mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng hay ủy lạo một cách hợp pháp cho Người của Nhà thầu sẽ không cho quyền chấm dứt Hợp đồng.

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các hàng hóa cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Nhà tư vấn. Tuy nhiên Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng phụ, và (ii) bảo vệ cuộc sống và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ hàng hóa, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần Công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

15.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Nhà tư vấn theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] sẽ đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- (a) tiến hành theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*],
- (b) không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập, và/hoặc
- (c) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu theo Khoản 15.3 [*Xác định giá tại ngày chấm dứt Hợp đồng*]. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối cho Nhà thầu.

15.5 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực 28 ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp cho để Nhà thầu khác thi công công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành theo Khoản 16.3 [*Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu*] và sẽ được thanh toán theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*].

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

16.1 Quyền tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

Nếu Nhà tư vấn không chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*] hoặc khoản 14.7 [*Thanh toán*], Nhà thầu có thể sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ phi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng chỉ thanh toán, tùy trường hợp và như mô tả trong thông báo.

Hành động của Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán chậm*] và để chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được Chứng chỉ thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu có quyền*]:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán cho chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc các định các vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

16.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng chỉ thanh toán trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Báo cáo và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán đúng theo Chứng chỉ thanh toán Tạm thời trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được tiến hành trong thời gian đó (trừ việc chiết khấu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),

- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng tạm ngừng*], hoặc
- (g) Chủ đầu tư bị phá sản hay vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của phần (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của bản thân mình, theo Hợp đồng hay không theo.

16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 15.5 [*Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư*], Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*] đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

- (a) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Nhà tư vấn hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.
- (b) chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và
- (c) di dời tất cả hàng hóa khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi công trường.

16.4 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

- (a) trả lại Bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu,
- (b) thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*], và
- (c) thanh toán cho Nhà thầu số tiền do mất mát về lợi nhuận hoặc mất mát hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt Hợp đồng này.

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

17.1 Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- (a) tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau, bệnh tật hay chết, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ phi có thể quy cho việc cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ, và
- (b) hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:
 - (i) phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót,
 - (ii) được quy cho sự cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến (1) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết được quy cho sự cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, và (2) các vấn đề mà trách nhiệm không thuộc bảo hiểm, như đã mô tả trong phần (d) (i), (ii) và (iii) của Khoản 18.3 [*Bảo hiểm đối với việc tổn thương người và thiệt hại tài sản*].

17.2 Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, hàng hóa hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm coi sóc, do bất cứ lý do nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Những rủi ro của Chủ đầu tư*],

Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư

Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 17.4 dưới đây là:

- (a) chiến tranh, thái độ thù địch (bất kể chiến tranh được tuyên bố hay không), xâm lược, hoạt động thù địch nước ngoài,
- (b) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự, hoặc chiếm đoạt quyền lực, hoặc nội chiến,
- (c) nổi loạn, bạo động gây hỗn loạn trong nước sở tại do những người không phải là nhân viên của Nhà thầu và người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra.
- (d) bom đạn của chiến tranh, chất nổ, ion hóa gây phóng xạ trong nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh, chất nổ, phát xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ, và
- (e) áp lực của các loại sóng gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh.
- (f) Chủ đầu tư sử dụng hoặc chiếm giữ bất cứ phần nào của công việc lâu bền, ngoại trừ việc có thể được quy định trong Hợp đồng,
- (g) thiết kế bất cứ phần nào của công trình bởi nhân viên của Chủ đầu tư hay bởi những người khác mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm, nếu có, và
- (h) bất cứ hoạt động nào của thiên nhiên không lường trước được mặc dầu có kinh nghiệm cũng không thể tính toán trước để có các biện pháp đề phòng thích hợp.

17.4 Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, hàng hóa hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Nhà tư vấn và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Nhà tư vấn yêu cầu.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do sửa chữa những mất mát hay hư hỏng này Nhà thầu phải gửi một thông báo cho Nhà tư vấn và sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) kéo dài thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi chi phí sẽ được cộng vào Giá hợp đồng. Trong trường hợp phần (f) và (g) của Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*] lợi nhận hợp lý về chi phí này cũng được gộp vào.

Sau khi nhận thông báo tiếp theo này, Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

17.5 Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ

Trong Khoản này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ một bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, quyền sao chụp, nhãn hiệu, mác thương mại, bí mật thương mại hay quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ khác liên quan đến công trình; và “khiếu nại” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay kiện tụng đòi hỏi quyền lợi) do thấy rằng bị xâm phạm.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 28 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là mất mọi quyền bồi thường theo Khoản này.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Nhà thầu đối với bất kỳ khiếu nại cho rằng bị xâm phạm, đó là hoặc đã là:

- (a) một kết quả không tránh khỏi của sự phục tùng của Nhà thầu đối với các yêu cầu của Chủ đầu tư, hay
- (b) kết quả của việc công trình đang được sử dụng bởi Chủ đầu tư;
 - (i) vì một mục đích hơn là mục đích được chỉ ra hoặc đã được suy ra một cách thích đáng bởi hợp đồng, hoặc
 - (ii) liên quan đến bất kỳ thứ gì không được cung cấp bởi Nhà thầu, trừ phi việc sử dụng như vậy được tiết lộ cho Nhà thầu trước Ngày khởi công hay được nêu trong Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Chủ đầu tư đối với bất kỳ khiếu nại khác nảy sinh hoặc liên quan đến (i) thiết kế, chế tạo, xây dựng hoặc thực hiện công trình của Nhà thầu, (ii) sử dụng thiết bị của Nhà thầu, hoặc (iii) sử dụng công trình một cách đúng đắn.

Nếu một bên có quyền được đền bù theo khoản này, Bên bồi thường có thể (bằng chi phí của mình) tiến hành các cuộc đàm phán để giải quyết khiếu nại và bất cứ kiện tụng hay phân xử nào có thể nảy sinh từ đó. Bên khác sẽ, theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên đền bù, hỗ trợ trong tranh luận về khiếu nại. Bên khác này (cùng với nhân viên của mình) sẽ không được làm bất cứ điều gì có thể làm tổn hại đến các đến Bên đền bù, trừ phi bên đền bù không thực hiện bất kỳ cuộc đàm phán, kiện tụng hay giải quyết tranh chấp khi được Bên kia yêu cầu.

17.6 Giới hạn của trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ công trình nào, sự mất mát về lợi nhuận, sự mất mát của bất kỳ Hợp đồng nào hay sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hay do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, ngoài những quy định trong Khoản 16.4 [*Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng*] và Khoản 17.1 [*Bồi thường*].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí ga*], Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và vật tư cấp không*], Khoản 17.1 [*Bồi thường*] và Khoản 17.5 [*Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ*], phải không được vượt quá tổng số tiền đã nêu trong Điều kiện riêng hay (nếu tổng số này không được nêu) số tiền được chấp nhận theo Hợp đồng.

Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liêu lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

18. BẢO HIỂM

18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm

Trong Điều khoản này, đối với mỗi loại bảo hiểm “Bên bảo hiểm” có nghĩa là Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì bảo hiểm được quy định trong Khoản liên quan.

Khi Nhà thầu là Bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản mục được Chủ đầu tư duyệt. Các khoản mục này phải tương thích với các khoản mục được cả hai Bên thỏa thuận trước ngày có Thư chấp thuận. Thỏa thuận về các khoản mục này phải được quyền ưu tiên đứng trước các quy định của Điều này.

Khi Chủ đầu tư là bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản thích hợp với các chi tiết được kèm theo Điều kiện riêng.

Nếu yêu cầu phải bồi thường cho đối tượng bảo hiểm chung thì việc bồi thường phải được áp dụng riêng cho mỗi đối tượng bảo hiểm như thể hiện một Hợp đồng bảo hiểm riêng biệt đã được phát hành cho mỗi đối tượng trong bảo hiểm chung. Nếu yêu cầu phải bồi thường cho đối tượng được bổ sung vào bảo hiểm chung tức là về danh nghĩa được bổ sung vào cho bảo hiểm được quy định trong Điều này, (i) Nhà thầu phải theo Hợp đồng đại diện cho đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung này ngoại trừ việc Chủ đầu tư đại diện cho các nhân viên của mình, (ii) đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung sẽ không có quyền nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà bảo hiểm hoặc có bất kỳ quan hệ trực tiếp nào với nhà bảo hiểm, và (iii) Bên bảo hiểm phải yêu cầu mọi đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Mỗi Hợp đồng bảo hiểm cho sự mất mát hay thiệt hại sẽ thanh toán bằng các loại tiền tệ được yêu cầu để bù đắp mất mát và thiệt hại. Các khoản thanh toán được nhận từ nhà Bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp mất mát hay thiệt hại.

Bên bảo hiểm liên quan, trong các khoảng thời gian riêng được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (được tính toán từ ngày khởi công) phải nộp cho bên kia:

- (a) bằng chứng về việc những bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã được thực hiện, và
- (b) các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*], và Khoản 18.3 [*Bảo hiểm tổn thương về người và thiệt hại về tài sản*].

Khi tiền đóng bảo hiểm đã được thanh toán, Bên bảo hiểm phải nộp chứng từ thanh toán cho Bên kia. Một khi chứng từ hay Hợp đồng Bảo hiểm được nộp, Bên Bảo hiểm cũng phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Mỗi bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện quy định trong mỗi Hợp đồng bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thông báo các thông tin liên quan đến các thay đổi trong thực hiện thi công công trình cho Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Không bên nào được thay đổi tài liệu đối với các khoản mục bảo hiểm mà không có thỏa thuận trước của Bên kia. Nếu một Nhà bảo hiểm thay đổi (hay dự định) thay đổi, thì Bên được Nhà bảo hiểm thông báo trước phải thông báo ngay cho Bên kia.

Nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và đảm bảo hiệu lực bảo hiểm như yêu cầu thực hiện và đảm bảo theo Hợp đồng, hoặc không cung cấp chứng cứ đầy đủ và các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm đầy đủ phù hợp với Khoản này, Bên kia có thể (theo sự lựa chọn của mình và không gây tổn hại cho bất cứ quyền lợi hay biện pháp đền bù khác) thực hiện bảo hiểm cho sự cố liên quan và trả tiền đóng bảo hiểm thích đáng. Bên bảo hiểm sẽ thanh toán các khoản tiền đóng bảo hiểm này cho bên kia và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Không có gì trong khoản này giới hạn nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm của Nhà thầu hay Chủ đầu tư theo các điều khoản khác của Hợp đồng hay các khoản mục khác. Mọi khoản không được bảo hiểm hay không được bồi thường bởi nhà bảo hiểm phải do Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư chịu theo các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và không đảm bảo hiệu lực mỗi bảo hiểm hiện có mà nó yêu cầu thực hiện và duy trì theo Hợp đồng, và Bên kia cũng không đồng ý hủy bỏ và cũng không thực hiện Bảo hiểm cho đền bù liên quan đến sai phạm này, thì mọi khoản tiền lẽ ra đã được hoàn trả theo bảo hiểm này phải được Bên bảo hiểm trả.

Các thanh toán bởi một Bên cho Bên khác sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hay Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để áp dụng.

18.2 Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho công trình, máy móc thiết bị, vật tư và tài liệu của Nhà thầu không thấp hơn toàn bộ chi phí phục hồi bao gồm cả các chi phí phá dỡ, di dời chất thải xây dựng và các phí nghiệp vụ và lợi nhuận. Bảo hiểm này sẽ có hiệu lực từ ngày chứng từ được nộp theo phần (a) của Khoản 18.1 [*Yêu cầu chung đối với bảo hiểm*], tới ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Bên bảo hiểm phải duy trì bảo hiểm này để cung cấp bảo hiểm cho đến ngày phát hành Chứng chỉ thực hiện, cho mất mát hay hư hỏng mà Nhà thầu chịu trách nhiệm xuất phát từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, và cho mất mát hay hư hỏng gây nên bởi Nhà thầu trong quá trình hoạt động khác bao gồm những mất mát hay hư hỏng theo Điều 11 [*Trách nhiệm đối với các sai sót*] và Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*].

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho các thiết bị của Nhà thầu không ít hơn toàn bộ giá trị thay thế, bao gồm cả vận chuyển đến công trình. Đối với mỗi hạng mục thiết bị của Nhà thầu, bảo hiểm phải có hiệu lực trong khi thiết bị đang được vận chuyển đến công trình và cho đến khi nó không còn cần thiết như là thiết bị của Nhà thầu nữa.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm theo Khoản này:

- (a) phải được thực hiện và duy trì bởi Nhà thầu như Bên bảo hiểm,

- (b) phải đứng tên chung của các Bên, mà họ có quyền cùng nhận các khoản thanh toán từ các Nhà bảo hiểm, các khoản thanh toán đang giữ hoặc phân bổ giữa các bên cho mục đích duy nhất là bù đắp mất mát hay thiệt hại.
- (c) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại do bất cứ nguyên nhân nào không liệt kê trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*],
- (d) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại cho một phần của công trình được quy cho việc sử dụng hoặc chiếm giữ bởi Chủ đầu tư đối với phần khác của công trình, và mất mát hay thiệt hại từ những rủi ro được liệt kê trong phần (c), (g) và (h) của Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*], loại trừ (trong mỗi trường hợp) những rủi ro mà không thể bảo hiểm được với các khoản mục hợp lý về mất thương mại, với sự chiết khấu cho từng sự cố không lớn hơn khoản được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu (nếu khoản này không được nêu, phần (d) sẽ không được áp dụng) và
- (e) tuy nhiên có thể loại trừ mất mát hay thiệt hại và sự phục hồi của:
 - (i) một phần của các công trình ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề (nhưng đền bù sẽ gồm các phần khác bị mất mát hay thiệt hại như là kết quả trực tiếp của điều kiện bị khuyết tật này và không giống như được miêu tả trong phần (ii) dưới đây),
 - (ii) một phần của các công trình bị mất mát hay thiệt hại nhằm phục hồi một phần khác của các công trình nếu phần kia ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề,
 - (iii) một phần của các công trình được bàn giao cho Chủ đầu tư, trừ phi Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý vì mất mát hay thiệt hại, và
 - (iv) các hàng hóa không có trong nước, theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và các vật liệu dự định dùng cho các công trình*].

Nếu quá một năm sau ngày khởi công, sự bồi thường được mô tả trong phần (d) trên đây không còn là các khoản mục hợp lý có tính thương mại, Nhà thầu phải (với tư cách là Bên bảo hiểm) thông báo cho Chủ đầu tư với các chi tiết hỗ trợ. Chủ đầu tư sau đó (i) sẽ có quyền theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán một khoản tương đương các khoản mục hợp lý có tính thương mại như Nhà thầu muốn được trả một khoản bồi thường như vậy, và (ii) được coi như, trừ phi họ có được sự bồi thường ở các khoản mục hợp lý có tính thương mại, đã thông qua sự bỏ sót theo Khoản 18.1 [*Các yêu cầu chung về bảo hiểm*].

18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên về bất kỳ sự mất mát hay hư hỏng, tử vong hay tổn hại thân thể có thể xảy ra đối với mọi tài sản vật chất, ngoại trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*] hoặc đối với người (trừ những người được bảo hiểm theo Khoản

18.4 [*Bảo hiểm chi nhân lực của Nhà thầu*]), có thể xảy ra do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận thực hiện.

Bảo hiểm này phải giới hạn cho mỗi sự cố không ít hơn số tiền được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu với không giới hạn số lượng sự cố. Nếu số tiền không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, thì khoản này sẽ không áp dụng.

Ngoại trừ có quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm được nêu rõ trong Khoản này:

- (a) phải có hiệu lực và được duy trì bởi Nhà thầu với tư cách là Bên bảo hiểm,
- (b) phải có các tên chung của các Bên,
- (c) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho mọi mất mát hay hư hỏng về tài sản của Chủ đầu tư (trừ những thứ được bảo hiểm theo khoản 18.2) nảy sinh do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (d) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm pháp lý trong phạm vi phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư có các công trình vĩnh cửu được thi công trên, phía trên, bên dưới, trong hoặc xuyên qua bất kỳ vùng đất nào, và chiếm giữ vùng đất này cho các công trình vĩnh cửu,
 - (ii) sự hư hỏng là kết quả không tránh khỏi của các trách nhiệm của Nhà thầu trong thi công các công trình và sửa chữa mọi khuyết tật, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], ngoại trừ việc có khoản bồi thường cho các khoản mục hợp lý có tính thương mại.

18.4 Bảo hiểm cho nhân lực của Nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện và duy trì bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại về hư hỏng, mất mát và chi phí (bao gồm các phí pháp lý và các chi phí) do tổn thất, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ nhân viên nào khác của Nhà thầu.

Chủ đầu tư và Nhà thầu cũng phải được bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm, ngoại trừ việc bảo hiểm này có thể không gồm các mất mát và khiếu nại phát sinh từ một hành vi hay sự bất cẩn của Chủ đầu tư hay các nhân viên của Chủ đầu tư.

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này giúp thi công công trình. Đối với các nhân công của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với việc tuân thủ theo Điều này.

19. BẤT KHẢ KHÁNG

19.1 Định nghĩa về Bất khả kháng

Trong Điều này, “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- (a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,
- (b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,
- (c) đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và
- (d) thực chất không thể quy cho Bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

- (i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,
- (ii) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến,
- (iii) nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ,
- (iv) vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ, và
- (v) các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.

19.2 Thông báo về bất khả kháng

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

19.3 Nghĩa vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất

Mỗi Bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để tối thiểu hóa chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng do bất khả kháng.

Một bên phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.

19.4 Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo về bất khả kháng*], và chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]:

- (a) kéo dài thời gian do sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Khoản 19.1 [*Định nghĩa về bất khả kháng*] và, trong trường hợp từ phần (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hay theo thỏa thuận liên quan đến các công việc làm giảm nhẹ tình trạng bất khả kháng theo các khoản bổ sung hay rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự việc và tình trạng bất khả kháng khoản bổ sung hay rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu khỏi phải thực hiện hoặc cho phép họ được giảm nhẹ theo Điều này.

19.6 Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 84 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo Bất khả kháng*] hoặc trong nhiều khoản thời gian mà tổng số là trên 140 ngày do cùng bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [*Chấm dứt công việc và di dời các thiết bị của Nhà thầu*].

Đối với trường hợp chấm dứt này, Nhà tư vấn phải xác định giá trị công việc đã được thực hiện và cấp một Chứng chỉ thanh toán bao gồm:

- (a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- (b) chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng:

thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

- (c) mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý với hy vọng hoàn thành công trình;
- (d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và
- (e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật định

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng của họ hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của Bên này cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

- (a) các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể Bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước, và
- (b) tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt theo Khoản 19.6.

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP & TRỌNG TÀI PHÂN XỬ

20.1 Khiếu nại của Nhà thầu

Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất kỳ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/hoặc bất cứ sự thanh toán thêm bất kỳ Điều khoản nào của các Điều kiện này hoặc có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn mô tả sự việc hay trường hợp dẫn tới việc phát sinh khiếu nại. Thông báo phải được đưa ra ngay và không được quá 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã ý thức được sự việc hoặc trường hợp này.

Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại, trong vòng 28 ngày thì thời gian hoàn thành sẽ không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về khiếu nại. Nếu không sẽ áp dụng những quy định sau đây của Khoản này.

Nhà thầu cũng phải trình các thông báo khác theo Hợp đồng yêu cầu và các chi tiết bổ sung cho việc khiếu nại, tất cả đều có liên quan tới sự việc hoặc trường hợp này.

Nhà thầu phải giữ các bản hồ sơ hiện có ở tại công trường hoặc là ở một nơi mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận vì có thể sẽ cần thiết để minh chứng cho khiếu nại. Với việc không thừa nhận trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà tư vấn có thể sau khi nhận được bất cứ một thông báo nào theo Khoản này, phải giám sát việc lưu giữ các hồ sơ và/hoặc hướng dẫn Nhà thầu tiếp tục lưu giữ lâu hơn các hồ sơ hiện có. Nhà thầu phải cho phép Nhà tư vấn kiểm tra tất cả các hồ sơ, và phải nộp các bản sao (nếu được yêu cầu) cho Nhà tư vấn.

Trong thời gian 42 ngày sau khi Nhà thầu ý thức được (hoặc lẽ ra đã phải ý thức được), về sự việc hoặc trường hợp đưa đến khiếu nại, hoặc là trong khoảng thời gian khác tương tự mà có thể được Nhà thầu đưa ra và được Nhà tư vấn phê duyệt, Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn đầy đủ chi tiết khiếu nại bao gồm cả các chi tiết hỗ trợ về cơ sở của việc khiếu nại và của yêu cầu kéo dài thời gian và/hoặc thanh toán thêm. Nếu sự việc hoặc trường hợp dẫn đến khiếu nại vẫn tiếp tục có hiệu lực thì:

- (a) các chi tiết đầy đủ của khiếu nại sẽ được xem xét như là tạm thời;
- (b) Nhà thầu phải gửi trực tiếp các khiếu nại tạm thời hàng tháng cho thấy sự chậm trễ tích lại và/hoặc khoản tiền khiếu nại và những chi tiết cụ thể mà Nhà tư vấn có thể yêu cầu; và
- (c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong vòng 28 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà thầu đề xuất và được Nhà tư vấn đồng ý.

Trong vòng 42 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà tư vấn đề xuất và được Nhà thầu chấp nhận, Nhà tư vấn phải trả lời với sự tán thành hay không tán thành và các nhận xét chi tiết. Họ cũng có thể yêu cầu thêm bất cứ chi tiết nào, nhưng tuy nhiên phải được trả lời trên các nguyên tắc của vụ khiếu nại trong khoảng thời gian đó.

Mỗi Chứng chỉ thanh toán phải bao gồm các khoản tiền khiếu nại như đã được chứng minh hợp lý đúng với các điều khoản liên quan của Hợp đồng. Ngoại trừ và cho đến khi các chi tiết được cung cấp đầy đủ để chứng minh toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được quyền thanh toán cho phần của khiếu nại mà đã có thể chứng minh được.

Nhà tư vấn sẽ phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định (i) gia hạn (nếu có) Thời gian hoàn thành (trước hoặc sau hạn định) theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*] và/hoặc (ii) thanh toán thêm (nếu có) mà Nhà thầu được quyền theo Hợp đồng.

Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho mọi khoản khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến khiếu nại, thì bất cứ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/hoặc khoản thanh toán thêm sẽ phải được xét đến mức độ (nếu có) mà sự vi phạm này đã cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến việc điều tra khiếu nại, trừ phi khiếu nại không nằm trong đoạn thứ hai của Khoản này.

20.2 Việc cử Ban xử lý tranh chấp

Các tranh chấp phải được phân xử bởi Ban xử lý tranh chấp theo Khoản 20.4 [*Quyết định của Ban xử lý tranh chấp*]. Các Bên sẽ cùng chỉ định ra Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn 28 ngày sau khi một Bên thông báo cho Bên kia về ý định của mình về việc đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp dựa theo Khoản 20.4.

Ban xử lý tranh chấp gồm, như quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, một hoặc ba người có trình độ phù hợp (“những thành viên”). Nếu số lượng thành viên không đủ quy định như vậy và các Bên không thống nhất, thì Ban xử lý tranh chấp sẽ gồm ba người.

Nếu Ban xử lý tranh chấp bao gồm ba người, thì mỗi Bên sẽ cử một thành viên cho bên kia chấp thuận. Các bên sẽ lấy ý kiến của hai thành viên này và sẽ thuận về thành viên thứ ba, người sẽ được chỉ định làm Chủ tịch.

Tuy nhiên, nếu như có danh sách các thành viên hiện có trong Hợp đồng, thì thành viên sẽ được chọn từ danh sách này hơn là một người nào khác mà không thể hoặc không tự nguyện chấp nhận sự chỉ định vào Ban xử lý tranh chấp.

Sự thống nhất giữa các Bên và cả thành viên duy nhất (“người xử lý tranh chấp”) hoặc là từng người một trong ba thành viên được sẽ kết hợp chặt chẽ bằng việc tham khảo Điều kiện chung, với các sửa đổi được thống nhất giữa các thành viên.

Các khoản thù lao cho thành viên duy nhất hoặc của mỗi một trong ba thành viên sẽ được các bên thống nhất khi thỏa thuận các mục chỉ định. Mỗi Bên sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa khoản thù lao này.

Nếu ở thời điểm nào đó mà các bên thỏa thuận, họ có thể chỉ định một người thích hợp hoặc các người để thay thế một hoặc nhiều thành viên của Ban xử lý. Trừ phi các Bên thỏa thuận khác, việc chỉ định sẽ có hiệu lực nếu một thành viên từ chối đảm nhận hoặc không thể đảm nhận bởi nguyên nhân tử vong, không có năng lực, từ chức hoặc

kết thúc nhiệm kỳ. Việc thay thế phải được chỉ định theo cách tương tự như đối với việc chỉ định hoặc thỏa thuận người bị thay thế như mô tả trong khoản này.

Việc chỉ định bất cứ thành viên nào có thể bị kết thúc bằng sự nhất trí của cả hai Bên, nhưng không được bởi Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tự ý hành động. Mặt khác trừ phi có sự đồng ý của cả hai Bên, việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp (gồm mỗi thành viên) sẽ chấm dứt khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về việc phân xử tranh chấp theo Khoản 20.4 trừ phi các tranh chấp khác đã được đưa lên Ban xử lý tranh chấp vào thời gian đó theo Khoản 20.4, ở trường hợp mà thời điểm liên quan sẽ là khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về những tranh chấp này.

20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp

Nếu có bất cứ điều kiện nào dưới đây gồm:

- (a) các Bên bất đồng trong việc chỉ định thành viên duy nhất của Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn được nêu trong đoạn đầu của Khoản 20.2 [*Việc cử Ban xử lý tranh chấp*].
- (b) một trong hai Bên không đề cử được thành viên (để Bên kia chấp thuận) cho Ban xử lý tranh chấp gồm ba người vào thời hạn đó.
- (c) các Bên không thống nhất việc chỉ định thành viên thứ ba (để giữ vai trò Chủ tịch của Ban xử lý tranh chấp) vào thời hạn đó.
- (d) các Bên không thống nhất việc chỉ định một người thay thế trong 42 ngày ngay sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc do từ vong, không đủ khả năng, từ chức hoặc hết nhiệm kỳ, mà sau đó cơ quan chỉ định hoặc viên chức có tên trong các Điều kiện riêng, dựa trên yêu cầu của một Bên nào hoặc cả hai Bên và sau khi trao đổi thỏa đáng với hai Bên, sẽ chỉ định thành viên vào Ban xử lý tranh chấp. Việc chỉ định này sẽ là kết luận cuối cùng. Mỗi bên phải có trách nhiệm trả một nửa tiền thù lao cho cơ quan hoặc viên chức được quyền chỉ định này.

20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu một tranh chấp (bất cứ loại nào) xảy ra giữa các Bên liên quan đến, hoặc phát sinh ngoài Hợp đồng hoặc việc thi công công trình, bao gồm bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc chứng nhận, xác định, hướng dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Chủ đầu tư, thì ngay sau khi Ban xử lý tranh chấp được chỉ định theo Khoản 20.2 [*Việc cử Ban xử lý tranh chấp*] và 20.3 [*Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp*] mỗi bên có thể đề đạt tranh chấp bằng văn bản cho Ban xử lý tranh chấp để ra quyết định, có gửi các bản sao cho Bên kia. Các ý kiến này phải được nêu rõ là chúng được thực hiện theo Khoản này.

Đối với Ban xử lý tranh chấp có ba người thì Ban xử lý tranh chấp sẽ được coi như đã nhận các ý kiến này vào ngày Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp cũng nhận được.

Hai Bên phải ngay lập tức có đủ mọi thông tin cho Ban xử lý tranh chấp, tạo điều kiện tiếp cận công trường và các phương tiện phù hợp mà Ban xử lý tranh chấp có thể yêu

cầu cho mục đích đưa ra quyết định cho việc tranh chấp, Ban xử lý tranh chấp phải được coi là không hành động như các trọng tài.

Trong thời gian 84 ngày sau khi nhận được các ý kiến như vậy, hoặc nhận được khoản tạm ứng theo như Điều 6 của Phụ lục - Những Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, bất cứ kỳ hạn nào muộn hơn, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Ban xử lý tranh chấp đề xuất và được hai Bên chấp thuận Ban xử lý tranh chấp phải đưa ra quyết định của mình, những quyết định này phải hợp lý và phải được công bố rằng nó phù hợp với khoản này. Tuy nhiên nếu như không Bên nào thanh toán đầy đủ các hóa đơn được nộp bởi mỗi thành viên đúng theo Điều 6 của Phụ lục, Ban xử lý tranh chấp sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra quyết định cho đến khi hóa đơn được thanh toán đầy đủ. Quyết định sẽ ràng buộc hai Bên, phải thực hiện ngay lập tức quyết định trừ phi và cho đến khi được xem xét lại theo sự hòa giải hoặc một quyết định trọng tài như được mô tả dưới đây. Trừ phi Hợp đồng đã chấm dứt, khước từ hoặc hủy bỏ, Nhà thầu phải tiếp tục thực hiện công trình theo Hợp đồng.

Nếu một Bên không thỏa mãn với quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì Bên đó trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định, có thể thông báo chi Bên kia về việc chưa thỏa mãn của mình. Nếu Ban xử lý tranh chấp không đưa ra quyết định trong vòng 84 ngày (hoặc thời gian khác được chấp nhận) sai khi nhận được hồ sơ hoặc khoản thanh toán như vậy thì bên này trong vòng 28 ngày sau thời hạn này có thể thông báo cho Bên kia về việc chưa thỏa mãn.

Trong mỗi sự kiện, thông báo về việc chưa thỏa mãn phải công bố là nó phù hợp với Khoản này, và trình bày những vấn đề của Tranh chấp và những lý do chưa thỏa mãn. Ngoại trừ những quy định trong Khoản 20.7 [*Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và 20.8 [*Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp*], không Bên nào được quyền khởi sự phân xử tranh chấp trừ khi một thông báo về việc chưa thỏa mãn đã được đưa ra theo khoản này.

Nếu Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định của mình về một vấn đề tranh chấp cho hai Bên, và không có thông báo việc chưa thỏa mãn do các bên đưa ra trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì quyết định sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai Bên.

20.5 Hòa giải một cách hữu hảo

Đối với nội dung mà thông báo chưa thỏa mãn được đưa ra theo Khoản 20.4 ở trên, các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước khi khởi kiện. Tuy nhiên trừ phi các Bên thỏa thuận khác, việc trọng tài phân xử có thể tiến hành vào hoặc sau ngày thứ 56 sau ngày thông báo không thỏa mãn được đưa ra, thậm chí đã không có một cố gắng hòa giải nào.

20.6 Trọng tài

Trừ phi tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải, còn bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến quyết định của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) chưa phải là cuối cùng và ràng buộc đều phải được giải quyết bởi trọng tài quốc tế. Ngoại trừ có những thỏa thuận khác bởi hai Bên:

- (a) tranh chấp phải được giải quyết xong theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế,
- (b) tranh chấp phải được giải quyết bởi ba trọng tài được chỉ định theo các Quy tắc này, và
- (c) việc giải quyết tranh chấp của trọng tài phải được thực hiện bằng ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Các trọng tài sẽ có toàn quyền được xem xét duyệt lại mọi chứng chỉ, xác định, hướng dẫn, các ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn và mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp liên quan đến tranh chấp. Sẽ không gì làm cản trở việc Nhà tư vấn được gọi ra làm chứng và đưa ra các chứng cứ trước các trọng tài về bất kỳ vấn đề liên quan đến tranh chấp

Sẽ không bên nào bị hạn chế trong việc đưa ra trước các trọng tài những bằng chứng hay luận cứ trước đây đã được trình tại Ban xử lý tranh chấp hoặc những lý do không thỏa mãn được nêu ra trong thông báo không thỏa mãn. Mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp phải được xem xét như chứng cứ trong phân xử trọng tài.

Việc trọng tài phân xử có thể được bắt đầu trước hoặc sau khi hoàn thành công trình. Trách nhiệm của các Bên, của Nhà tư vấn và Ban xử lý tranh chấp sẽ không bị thay đổi bởi bất kỳ lý do nào gây ra bởi việc phân xử trọng tài được diễn ra trong quá trình thực hiện công trình.

20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Trong trường hợp mà:

- (a) không Bên nào đưa ra thông báo không thỏa mãn trong thời gian được quy định tại Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*],
- (b) quyết định có liên quan của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) là cuối cùng và bắt buộc, và
- (c) một Bên không tuân thủ quyết định này thì Bên kia có thể trong khi không làm tổn hại đến các quyền lợi khác có thể có, tự đưa việc không tuân thủ này lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*]. Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*] sẽ không được áp dụng cho việc này.

20.8 Hết hạn việc chỉ định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu tranh chấp xảy ra giữa các bên liên quan đến hoặc phát sinh ngoài hợp đồng hoặc việc thực hiện công trình và không có Ban xử lý tranh chấp tại chỗ, do bởi hết hạn chỉ định hay lý do khác thì:

- (a) Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*] sẽ không áp dụng, và
- (b) Tranh chấp có thể được trực tiếp đưa lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*].

PHỤ LỤC

Điều kiện chung của Thỏa thuận xử lý tranh chấp

1. Định nghĩa

Mỗi “Thỏa thuận xử lý tranh chấp” là một thỏa thuận 3 Bên bởi và giữa:

- (a) “Chủ đầu tư”,
- (b) “Nhà thầu”; và
- (c) “Thành viên” người được xác định trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp như là:
 - (i) Thành viên duy nhất của Ban xử lý tranh chấp hoặc “Người phân xử” và trong trường hợp này mọi tham khảo đối với các “Thành viên khác” không áp dụng, hoặc
 - (ii) một trong 3 người được gọi chung là Ban xử lý tranh chấp và ở trường hợp mà hai người còn lại được gọi là “Các thành viên khác”.

Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký (hoặc dự định ký) một hợp đồng được gọi là “Hợp đồng” và được nêu rõ trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp kết hợp với Phụ lục này. Trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp, các cụm từ và từ không được định nghĩa cách khác sẽ có các nghĩa định cho chúng trong Hợp đồng.

2. Các điều khoản chung

Thỏa thuận xử lý tranh chấp sẽ có hiệu lực khi Chủ đầu tư, Nhà thầu và mỗi một thành viên (hoặc thành viên) đều từng người một đã ký vào bản thỏa thuận xử lý tranh chấp.

Khi Thỏa thuận xử lý tranh chấp có hiệu lực, Chủ đầu tư và Nhà thầu phải thông báo cho các thành viên một cách phù hợp. Nếu thành viên không nhận được thông báo nào trong vòng sáu tháng sau khi ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp thì nó sẽ hết hạn và vô hiệu.

Việc tuyển dụng thành viên là sự chỉ định cá nhân. Không được phép có sự ủy nhiệm hay hình thức Thầu phụ của Thỏa thuận xử lý tranh chấp nếu không có thỏa thuận trước bằng văn bản của các bên về việc này và của các thành viên khác (nếu có).

3. Sự bảo đảm

Thành viên bảo đảm và thỏa thuận rằng ông/bà ta phải và sẽ phải vô tư và độc lập với Chủ đầu tư, Nhà thầu và Nhà tư vấn. Thành viên sẽ thông báo ngay cho mỗi người trong số họ và cho các thành viên khác (nếu có), mọi sự việc hay tình huống có thể xuất hiện mâu thuẫn với sự bảo đảm và thỏa thuận của ông/bà ta là vô tư và độc lập.

Khi chỉ định thành viên, Chủ đầu tư và Nhà thầu dựa vào những khả năng tiêu biểu của thành viên là người:

- (a) có kinh nghiệm trong công việc mà Nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng,
- (b) có kinh nghiệm trong diễn giải tài liệu Hợp đồng, và
- (c) thành thạo về ngôn ngữ giao tiếp được xác định trong Hợp đồng.

4. Nghĩa vụ chung của thành viên

Thành viên phải:

- (a) không có lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác từ Chủ đầu tư Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn cũng như lợi ích tài chính nào trong Hợp đồng ngoại trừ việc thanh toán theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (b) trước đây không được từ Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà tư vấn thuê làm Tư vấn hoặc vị trí khác, ngoại trừ trong những trường hợp như đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và Nhà thầu trước khi họ ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (c) đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có), trước khi ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp và theo sự hiểu biết và hồi tưởng tốt nhất của ông/bà ta, mọi quan hệ nghề nghiệp hay cá nhân với giám đốc, cán bộ hay nhân viên của Chủ đầu tư hay Nhà thầu và mọi dính líu trước đây đến dự án tổng thể mà Hợp đồng là một phần;
- (d) trong thời gian của Thỏa thuận xử lý tranh chấp không được Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu hay Nhà tư vấn thuê làm tư vấn hoặc vị trí khác ngoại trừ đã được thỏa thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các thành viên khác (nếu có); và
- (e) tuân theo các quy định về thủ tục nêu trong Phụ lục và Khoản 20.4 của Điều kiện của Hợp đồng;
- (f) không đưa ra lời khuyên cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và các nhân viên của Chủ đầu tư hay nhân viên của Nhà thầu liên quan đến quản lý chỉ đạo Hợp đồng, ngoài việc tuân thủ với các quy định về thủ tục trong Phụ lục;
- (g) không được tham gia vào các cuộc bàn bạc hay ký bất kỳ thỏa thuận nào với Chủ đầu tư, Nhà thầu hay Nhà tư vấn liên quan đến việc làm thuê cho bất kỳ trong họ như là Nhà tư vấn hoặc vị trí khác, sau khi chấm dứt hoạt động trong khuôn khổ Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (h) đảm bảo sự sẵn sàng của ông/bà ta cho mọi đợt đi hiện trường hoặc thăm vấn nếu cần; và
- (i) xử lý các vấn đề chi tiết của Hợp đồng và mọi hoạt động của Ban xử lý tranh chấp và các thăm dò riêng và bí mật và không công bố hay tuyên bố chúng khi không được sự cho phép trước bằng văn bản của Chủ đầu tư hay Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có).

5. Các nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư và của Nhà thầu

Chủ đầu tư, Nhà thầu, các nhân viên của Chủ đầu tư và các nhân viên của Nhà thầu không được yêu cầu lời khuyên hoặc tham khảo ý kiến của Thành viên về Hợp đồng, ngoại trừ những gì trong sự tiến triển bình thường của các hoạt động của Ban xử lý tranh chấp theo Hợp đồng và Thỏa thuận xử lý tranh chấp ngoại trừ phạm vi đã có thỏa thuận trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có). Chủ đầu tư và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm riêng về sự tuân thủ theo điều khoản này, của các nhân viên của Chủ đầu tư và các nhân viên của Nhà thầu.

Ngoại trừ có sự nhất trí bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu, thành viên và các thành viên khác (nếu có), Chủ đầu tư và Nhà thầu cam kết với nhau và với thành viên rằng thành viên sẽ không:

- (a) được chỉ định là nhà trọng tài trong bất kỳ cuộc phân xử trọng tài nào thuộc Hợp đồng;
- (b) được coi là người làm chứng để đưa ra các chứng cứ có liên quan đến bất kỳ tranh chấp nào trước các trọng tài được chỉ định để phân xử theo Hợp đồng; hoặc
- (c) chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ khiếu nại nào về bất cứ việc gì đã được làm hoặc bị bỏ sót trong việc thực hiện hoặc có ý thực hiện các chức năng của thành viên ngoại trừ hành động hay sự bỏ sót biểu hiện tình trạng quá mất tin cậy.

Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng bồi thường chung và bồi thường riêng và gánh chịu cho thành viên những tổn hại từ những khiếu nại, mà ông/bà ta không phải chịu trách nhiệm pháp lý theo như đoạn ở trên.

6. Thanh toán

Thành viên phải được thanh toán như sau, bằng tiền tệ được quy định trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp:

- (a) một khoản chi phí hàng ngày sẽ được coi như là thanh toán đầy đủ cho:
 - (i) mỗi ngày làm việc dành cho việc đọc các hồ sơ đã nộp, tham gia nghe các ý kiến (nếu có), chuẩn bị các quyết định, hoặc đi hiện trường (nếu có);
 - (ii) mỗi ngày hay một phần của ngày cho tới thời gian tối đa chuyển đi là 2 ngày mỗi chiều (nếu có) giữa nhà của thành viên và công trường hoặc đến địa điểm họp khác với các thành viên khác (nếu có) hay với Chủ đầu tư và Nhà thầu.
- (b) tất cả các chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến các nhiệm vụ của thành viên, bao gồm cả các chi phí cho dịch vụ thư ký, điện thoại, gửi thư, fax và điện tín, chi phí đi lại, khách sạn, tiền ăn, yêu cầu có biên nhận cho mỗi khoản vượt trên 5% của chi phí hàng ngày nói đến trong phần (a) của Khoản này; và

- (c) mọi khoản thuế quy định cụ thể của nước sở tại về các khoản thanh toán cho Thành viên (trừ phi là người bản địa hoặc thường trú) theo Khoản 6.

Chi phí hàng ngày phải được quy định trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp.

Ngay sau khi Thỏa thuận xử lý tranh chấp có hiệu lực, Thành viên sẽ, trước khi tham gia bất cứ hoạt động nào theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp, nộp cho Nhà thầu, với một bản sao cho Chủ đầu tư một danh đơn cho (a) khoản ứng trước 25% của tổng dự toán các chi phí hàng ngày mà ông/bà ta được hưởng và (b) ứng trước một khoản tương đương với tổng chi phí dự toán mà ông/bà ta chịu liên quan đến công việc. Thanh toán cho danh đơn như vậy sẽ do Nhà thầu thực hiện khi nhận danh đơn. Thành viên không có nghĩa vụ phải tiến hành các hoạt động theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp cho đến khi mỗi thành viên đã được thanh toán đầy đủ các danh đơn đã nộp theo đoạn này quy định.

Sau đó thành viên phải nộp cho Nhà thầu, với một bản sao cho Chủ đầu tư, các hóa đơn để cân đối các phí và chi phí của ông/bà ta hàng ngày, trừ đi các khoản đã ứng trước. Ban xử lý tranh chấp sẽ không có nghĩa vụ phải nộp quyết định của mình cho đến khi các danh đơn cho tất cả các phí và chi phí hàng ngày của mỗi thành viên để đưa ra quyết định đã được thanh toán đầy đủ.

Ngoại trừ được trả sớm hơn quy định nêu trên, Nhà thầu phải thanh toán đầy đủ cho mỗi danh đơn của thành viên trong vòng 28 ngày theo lịch sau khi nhận được mỗi danh đơn và sẽ yêu cầu Chủ đầu tư (trong các giải trình theo Hợp đồng) thanh toán một nửa số tiền của các danh đơn này. Chủ đầu tư sau đó phải thanh toán cho Nhà thầu theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu không trả cho thành viên khoản mà ông/bà ta được quyền hưởng theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp, Chủ đầu tư phải thanh toán khoản tiền thích đáng cho thành viên và bất cứ khoản nào khác có thể cần để duy trì hoạt động của Ban xử lý tranh chấp; và không làm tổn hại đến quyền lợi hoặc sự bù đắp của Chủ đầu tư. Bổ sung cho các quyền lợi khác phát sinh từ lỗi này, Chủ đầu tư được quyền hưởng sự chi trả toàn bộ số tiền đã trả vượt quá nửa khoản thanh toán này, cộng thêm mọi chi phí để trang trải các khoản tiền này và chi trả các chi phí tính theo tỷ giá quy định ở khoản 14.8 của các Điều kiện hợp đồng.

Nếu Thành viên không nhận được khoản thanh toán đúng trong thời gian 28 ngày sau khi nộp danh đơn hợp lệ, Thành viên có thể (i) tạm ngừng dịch vụ của ông/bà ta (không cần thông báo) cho đến khi nhận được thanh toán và/hoặc (ii) xin thôi việc bằng cách gửi thông báo tới Chủ đầu tư và Nhà thầu. Thông báo sẽ có hiệu lực khi cả hai cùng nhận được. Mọi thông báo như vậy sẽ là thông báo cuối cùng và ràng buộc Chủ đầu tư, Nhà thầu và Thành viên.

7. Vi phạm của Thành viên

Nếu Thành viên không tuân thủ các nghĩa vụ theo Khoản 4, ông/bà ta sẽ không được quyền hưởng mọi phí và chi phí nêu trên và phải không làm ảnh hưởng đến quyền lợi khác của họ, trả lại cho Chủ đầu tư và Nhà thầu mọi phí và chi phí mà Thành viên và các Thành viên khác đã nhận (nếu có), vì việc kiện tụng hay các quyết định (nếu có) của Ban xử lý tranh chấp đã bị vô hiệu.

8. Các tranh chấp

Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh ngoài hoặc liên quan đến Thỏa thuận xử lý tranh chấp, hoặc do vi phạm, chấm dứt hoặc không còn giá trị của nó, cuối cùng sẽ phải được giải quyết theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế bởi một trọng tài được chỉ định theo Quy tắc trọng tài này.

PHỤ LỤC

Các quy tắc về thủ tục

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ phải cung cấp cho Ban xử lý tranh chấp một bản sao tất cả các tài liệu mà Ban xử lý tranh chấp có thể đòi hỏi, bao gồm các tài liệu Hợp đồng, các báo cáo về tiến trình thực hiện các chỉ dẫn về biến đổi, các chứng chỉ và các tài liệu khác liên quan đúng với vấn đề tranh chấp. Mọi trao đổi thông tin giữa Ban xử lý tranh chấp và Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu đều phải được sao lại cho Bên kia. Nếu Ban xử lý tranh chấp gồm có 3 người, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ gửi các bản sao tài liệu được yêu cầu và những thông tin trên tới từng thành viên một.
2. Ban xử lý tranh chấp phải thực hiện theo Khoản 20.4 và các quy định này. Tùy thuộc vào thời gian cho phép để đưa ra thông báo về một quyết định và các yếu tố có liên quan khác, Ban xử lý tranh chấp sẽ:
 - (a) hành động một cách công bằng và vô tư đối với cả Chủ đầu tư và Nhà thầu, tạo cho họ cơ hội thích hợp và thuận lợi để thực hiện trường hợp của mình và có trách nhiệm với trường hợp khác, và
 - (b) áp dụng các thủ tục phù hợp với tranh chấp, tránh sự chậm trễ hoặc chi phí không cần thiết.
3. Ban xử lý tranh chấp có thể tiến hành nghe các ý kiến về các ý kiến tranh chấp, tùy từng vụ việc mà Ban sẽ quyết định thời gian và địa điểm để nghe ý kiến và có thể yêu cầu các tài liệu và các luận cứ bằng văn bản từ Chủ đầu tư và Nhà thầu được gửi trước cho Ban hoặc trình bày tại cuộc họp
4. Ngoại trừ có thỏa thuận khác bằng văn bản của Chủ đầu tư và Nhà thầu, Ban xử lý tranh chấp có quyền áp dụng thủ tục thẩm tra, từ chối việc xin tham dự nghe các ý kiến hoặc làm thính giả của bất cứ người nào không phải là các đại diện của Chủ đầu tư và Nhà thầu, và tiến hành trong sự vắng mặt bất cứ bên nào mà Ban xử lý tranh chấp đã thỏa mãn sau khi nhận được các thông báo về thăm dò; nhưng sẽ tự mình quyết định có thể thực hiện quyền này hay không và phạm vi đến đâu.
5. Chủ đầu tư và Nhà thầu tạo điều kiện cho Ban xử lý tranh chấp trong số các việc khác, có quyền:
 - (a) làm thủ tục để áp dụng trong quyết định cho một tranh chấp,
 - (b) quyết định dựa trên quyền hạn của Ban xử lý tranh chấp, và phạm vi của tranh chấp được gửi tới họ,
 - (c) tiến hành bất kỳ cuộc nghe ý kiến nào cho là thích hợp, không bị ràng buộc bởi bất cứ quy tắc hay thủ tục nào khác ngoài những điều quy định trong Hợp đồng và các quy tắc này,
 - (d) chủ động nắm chắc các sự việc và các vấn đề cần cho một quyết định,
 - (e) tận dụng sự hiểu biết của chính chuyên gia của mình, nếu có,

- (f) quyết định thanh toán tài chính theo Hợp đồng,
 - (g) quyết định về việc giảm nhẹ tạm thời như các biện pháp tạm thời hoặc bảo lưu ý kiến, và
 - (h) xem xét kiểm tra và soát lại các chứng chỉ, quyết định, xác định, hướng dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn, có liên quan đến tranh chấp.
- 6.** Ban xử lý tranh chấp sẽ không bày tỏ bất cứ quan điểm nào trong các cuộc nghe ý kiến liên quan đến sự phải trái của các luận cứ các Bên đưa ra từ trước. Ban sẽ đưa ra và thông báo về quyết định của mình theo Khoản 20.4 hoặc là được thỏa thuận trước bằng văn bản với Chủ đầu tư và Nhà thầu. Nếu Ban xử lý tranh chấp gồm ba người thì:
- (a) ban sẽ nhóm họp riêng sau một cuộc nghe ý kiến, nếu có, để thảo luận và chuẩn bị quyết định của mình;
 - (b) ban sẽ cố gắng đạt tới quyết định thống nhất. Nếu chứng minh là không thể thống nhất được, thì quyết định đem áp dụng phải được tán thành bởi đa số các thành viên, những người có thể yêu cầu thiểu số còn lại chuẩn bị văn bản báo cáo đề nộp cho Chủ đầu tư và Nhà thầu; và
 - (c) nếu một thành viên không tham dự buổi họp nghe các ý kiến hoặc không thực hiện đầy đủ các chức năng theo yêu cầu, thì hai thành viên còn lại có thể tiến hành đưa ra quyết định, trừ phi:
 - (i) hoặc Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu không đồng ý họ làm như vậy hoặc
 - (ii) Thành viên vắng mặt là Chủ tịch và ông/bà ta chỉ thị cho thành viên khác không được đưa ra quyết định.

BẢNG MỤC LỤC CÁC KHOẢN

	Khoản	Trang
An ninh công trường	4.22	44
Bản vẽ hoặc hướng dẫn bị chậm trễ	1.9	28
Bảng chứng thanh toán	5.4	48
Báo cáo khi hoàn thành	14.10	79
Báo cáo tiến độ	4.21	43
Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu	6.10	52
Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu	18.2	94
Bảo hiểm nhân lực Nhà thầu	18.4	96
Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản	18.3	95
Bảo lãnh Hợp đồng	4.2	35
Bảo vệ môi trường	4.18	42
Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu	19.5	98
Bất khả kháng: chấm dứt không bắt buộc	19.6	98
Bồi thường	17.1	89
Các cách thông tin	1.3	26
Các chỉ dẫn hoặc bản vẽ bị chậm	1.9	28
Các chi tiết mật	1.12	29
Các hậu quả của bất khả kháng	19.4	98
Các kiểm định thêm	11.6	67
Các quy định về an toàn	4.8	38
Các yêu cầu chung Bảo hiểm	18.1	93
Cách thức thực hiện	7.1	53
Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành	10.3	64
Cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng	14.13	81
Cấp Chứng chỉ thanh toán tạm	14.6	78
Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ Đầu Tư	15.2	84
Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu	16.2	87
Chấm dứt Hợp đồng có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm	19.6	98
Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư	14.14	82
Chậm trễ do Nhà chức trách	8.5	58
Chỉ dẫn của Nhà tư vấn	3.3	34

Chỉ định Ban xử lý tranh chấp	20.2	101
Chi phí cho việc sửa chữa sai sót	11.2	66
Chứng chỉ thực hiện	11.9	68
Chương trình tiến độ	8.3	57
Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp	20.4	102
Cổ vật	4.24	45
Công việc cần đo lường	12.1	69
Công việc sửa chữa	7.6	55
Đại diện của Nhà thầu	4.3	36
Đảm bảo chất lượng	4.9	39
Đánh giá	12.3	69
Đánh giá	12.3	69
Di chuyển công việc bị sai sót	11.5	67
Điện, nước và khí đốt	4.19	42
Điện, nước và khí ga	4.19	42
Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ	13.7	73
Điều chỉnh do thay đổi luật pháp	13.7	73
Điều chỉnh do thay đổi về chi phí	13.8	73
Điều kiện vật chất không lường trước được	4.12	40
Định nghĩa “Nhà thầu phụ được chỉ định”	5.1	46
Định nghĩa bất khả kháng	19.1	97
Định nghĩa	1.1	21
Định vị các mốc	4.7	38
Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm	1.14	30
Dữ liệu về công trường	4.10	39
Đường vào công trường	4.15	41
Giá Hợp đồng	14.1	75
Giải phóng mặt bằng	11.11	68
Giám định	7.3	53
Giám sát của Nhà thầu	6.8	51
Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận	2.2	31
Giờ lao động	6.5	50
Giới hạn trách nhiệm của Nhà thầu	17.6	92
Giới hạn trách nhiệm	17.6	92

Hành vi gây rối	6.11	52
Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư	17.4	90
Hậu quả của bất khả kháng	19.4	98
Hậu quả của việc tạm ngừng	8.9	60
Hết hạn chỉ định Ban xử lý tranh chấp	20.8	104
Hết trách nhiệm thực hiện theo luật	19.7	99
Hòa giải một cách hữu hảo	20.5	103
Hoàn thành các công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót	11.1	66
Hoạt động của Nhà thầu trên công trường	4.23	44
Hợp tác	4.6	37
Kéo dài thời gian hoàn thành	8.4	58
Kéo dài thời gian thông báo sai sót, hư hỏng	11.3	66
Kéo dài tình trạng tạm ngừng	8.11	60
Khiếu nại của Chủ đầu tư	2.5	32
Khiếu nại của Nhà thầu	20.1	100
Khiếu nại về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	17.5	91
Khởi công	8.1	57
Không sửa chữa được sai sót, hư hỏng	11.4	67
Không thỏa thuận được với Ban xử lý tranh chấp	20.3	102
Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp	20.7	104
Không vượt qua được các cuộc kiểm tra khi hoàn thành	9.4	62
Kiểm định (thứ)	7.4	54
Kiểm tra	7.3	53
Lệ phí sử dụng	7.8	55
Loại tiền dùng để thanh toán	14.15	82
Luật lao động	6.4	50
Luật và Ngôn ngữ	1.4	27
Mẫu mã	7.2	53
Mức lương và các điều kiện lao động	6.2	50
Ngày công	13.6	72
Nghĩa vụ Nhà thầu	9.1	61
Nghiệm thu bộ phận công trình	10.2	63
Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình	10.1	63
Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu	16.3	88

Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư	6.3	50
Nhà thầu phụ	4.4	37
Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	29
Nhà thầu tìm nguyên nhân	11.8	68
Nhân lực của Chủ đầu tư	2.3	32
Nhân lực của Nhà thầu	6.9	51
Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà tư vấn	3.1	33
Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành	11.10	68
Những thiệt hại do chậm trễ	8.7	59
Nhượng lại lợi ích của Hợp đồng phụ	4.5	37
Nhượng lại	1.7	28
Nói lại công việc	8.12	60
Phản đối việc chỉ định	5.2	46
Phương pháp đo lường	12.2	69
Phương tiện cho nhân viên và lao động	6.6	50
Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư	15.5	86
Quyền của Nhà thầu tạm ngừng công việc	16.1	87
Quyền được biến đổi	13.1	71
Quyền được ra vào	11.7	68
Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp	17.5	91
Quyền sở hữu về thiết bị vật liệu	7.7	55
Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu	16.1	87
Quyền tiếp cận công trường	2.1	31
Quyền về đường đi và phương tiện	4.13	41
Quyết định	3.5	34
Rủi ro của Chủ đầu tư	17.3	90
Sự bỏ sót	12.4	70
Sự cẩn thận và cung cấp tài liệu	1.8	28
Sự can thiệp của Nhà thầu đối với công trình	17.2	89
Sự diễn giải	1.2	26
Sự thu xếp của Chủ đầu tư	2.4	32
Sức khỏe an toàn lao động	6.7	51
Sức khỏe và an toàn	6.7	51
Tạm ngừng công việc	8.8	59

Thanh toán bằng tiền tệ quy định	13.4	72
Thanh toán bị chậm trễ	14.8	78
Thanh toán cho Nhà thầu phụ được chỉ định	5.3	48
Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng	16.4	88
Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng	15.4	85
Thanh toán tiền bị giữ lại	14.9	79
Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng	8.10	60
Thanh toán	14.4	77
Thanh toán	14.7	78
Thay tư vấn	3.4	34
Thiết bị của Nhà thầu	4.17	42
Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình	14.5	77
Thiết bị và vật liệu cấp tư do của Chủ đầu tư	4.20	43
Thỏa thuận Hợp đồng	1.6	28
Thời gian hoàn thành	8.2	57
Thông báo bất khả kháng	19.2	97
Thông báo sửa chữa	15.1	84
Thử (kiểm định) lại	9.3	62
Thứ tự ưu tiên của các tài liệu	1.5	27
Thủ tục biến đổi	13.3	71
Thủ tục khiếu nại	20.1	100
Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư	2.4	32
Tiến độ thực hiện	8.6	59
Tiền tạm ứng	13.5	72
Tính chất đầy đủ của giá trị Hợp đồng được chấp nhận	14.11	81
Trách nhiệm chung của Nhà thầu	4.1	35
Tránh can thiệp	4.14	41
Trọng tài	20.6	103
Trọng tài phân xử	20.6	103
Từ chối	7.5	54
Tư vấn về Giá trị công trình	13.2	71
Tuân thủ luật pháp	1.13	29
Tuyển mộ nhân viên và lao động	6.1	50
Ứng trước	14.2	75

Ủy quyền của Nhà tư vấn	3.2	33
Vận chuyển hàng hóa	4.16	42
Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu	1.10	29
Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	29
Việc thử (kiểm định) bị trễ	9.2	61
Việc ủy quyền của Nhà tư vấn	3.2	33
Xác định giá vào ngày chấm dứt	15.3	85
Xin cấp chứng chỉ thanh toán cuối cùng	14.11	81
Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm thời	14.3	76
Yêu cầu bố trí lại mặt bằng	10.4	65
Yêu cầu chung với bảo hiểm	18	93

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

**Điều kiện Hợp đồng
NHÀ MÁY VÀ
THIẾT KẾ - XÂY DỰNG**

**DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ**

Hướng dẫn soạn thảo điều kiện riêng

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU

CHÚ Ý VỀ VIỆC CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

1. Các quy định chung
2. Chủ đầu tư
3. Nhà tư vấn
4. Nhà thầu
5. Thiết kế
6. Nhân viên và lao động
7. Thiết bị, vật liệu và tay nghề
8. Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng
9. Kiểm định khi hoàn thành
10. Nghiệm thu của Chủ đầu tư
11. Trách nhiệm về sai sót
12. Kiểm định sau khi hoàn thành
13. Biến đổi và điều chỉnh
14. Giá Hợp đồng và thanh toán
15. Chấm dứt bởi Chủ đầu tư
16. Tạm ngừng và chấm dứt bởi Nhà thầu
17. Rủi ro và trách nhiệm
18. Bảo hiểm
19. Bất khả kháng
20. Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài

PHỤ LỤC CÁC MẪU BẢO LÃNH

Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng

Giới thiệu

Các điều khoản của Điều kiện Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng đã được Hiệp hội Quốc tế Các kỹ sư Tư vấn (FIDIC) chuẩn bị và được khuyến nghị sử dụng chung cho việc mua sắm (bao gồm thiết kế, chế tạo, vận chuyển và lắp đặt) Nhà máy và cho thiết kế và thi công các công trình xây dựng và kỹ thuật mà các nhà dự thầu được tham dự đấu thầu quốc tế. Việc điều chỉnh các điều kiện có thể cần thiết trong một số phạm vi quyền hạn pháp lý, đặc biệt nếu được sử dụng với các hợp đồng trong nước.

Theo những sự thu xếp thông thường đối với các loại hợp đồng này, Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế và cung cấp – theo các yêu cầu của Chủ đầu tư - thiết bị nhà máy và/hoặc các công trình xây dựng và/hoặc các công trình kỹ thuật.

Hướng dẫn sau đây nhằm trợ giúp cho những người soạn thảo các Điều kiện riêng bằng các đưa ra các phương án cho các khoản khác nhau ở những nơi thích hợp. Trong chừng mực có thể, các cách viết mẫu cũng được đưa xen vào. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chỉ đưa ra bản ghi nhớ.

Trước khi đưa bất kỳ các viết mẫu nào, cần phải kiểm tra để đảm bảo rằng nó hoàn toàn thích hợp cho các trường hợp cụ thể. Trừ phi nó được coi là thích hợp, cách viết mẫu cần phải được sửa đổi trước khi sử dụng.

Ở chỗ nào cách viết mẫu được sửa đổi, và trong mọi trường hợp có các sửa đổi hoặc bổ sung khác, cần chú ý để đảm bảo không làm cho tối nghĩa, hoặc ở trong Điều kiện chung hoặc ở giữa các điều của Điều kiện riêng.

Trong khi chuẩn bị các Điều kiện của Hợp đồng để đưa vào tài liệu thầu, đoạn sau có thể được sử dụng:

Các Điều kiện Hợp đồng bao gồm “Điều kiện chung”, là một phần của “Điều kiện Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng” Xuất bản lần thứ nhất 1999 của Hiệp hội Quốc tế Các kỹ sư Tư vấn (FIDIC) và “Điều kiện riêng” sau đây bao gồm các sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung.

Không có các Khoản trong Điều kiện chung yêu cầu các số liệu được đưa vào Điều kiện riêng. Như đã nêu trong phần (ii) của Lời nói đầu, Điều kiện chung nói đến bất cứ số liệu cần thiết nào có trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu hoặc (đối với các vấn đề kỹ thuật) trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.

FIDIC đã xuất bản một tài liệu với tựa đề “Các thủ tục đấu thầu” giới thiệu các tiếp cận có hệ thống để lựa chọn các nhà dự thầu và việc đánh giá các Hồ sơ dự thầu; được xuất bản lần thứ hai năm 1994. Tài liệu nhằm giúp cho Chủ đầu tư có được những Hồ sơ dự thầu có tính cạnh tranh lành mạnh với số lượng tối thiểu các công việc tuyển chọn. FIDIC dự tính sẽ bổ sung cập nhật thủ tục Đấu thầu và xuất bản một Hướng dẫn sử dụng Điều kiện Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng.

Các lưu ý khi soạn thảo các Hồ sơ dự thầu

Hồ sơ dự thầu phải được soạn thảo bởi các kỹ sư có trình độ phù hợp quen với các khía cạnh kỹ thuật của các công trình được yêu cầu, và nên được các luật sư có trình độ thích hợp soát xét.

Các Hồ sơ mời thầu được cấp cho các ứng thầu sẽ bao gồm các Điều kiện Hợp đồng, các yêu cầu của Chủ đầu tư, và Thư dự thầu và các bảng biểu để các ứng thầu điền vào. Ngoài ra, mỗi ứng thầu cần nhận được các dữ liệu nêu trong Khoản 4.10 và các Hướng dẫn cho ứng thầu để thông báo cho họ các vấn đề mà Chủ đầu tư muốn họ đưa vào đề xuất của họ nhưng không phải là một phần của các yêu cầu của Chủ đầu tư cho công trình. Khi Chủ đầu tư chấp thuận Thư dự thầu, Hợp đồng (khi đó sẽ có hiệu lực và tác dụng hoàn toàn) bao gồm đề xuất được chấp thuận và các bảng biểu được hoàn thành.

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần nêu rõ các yêu cầu cụ thể cho công trình khi được hoàn thành, bao gồm các yêu cầu về chức năng, chất lượng và phạm vi, và có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các vật dụng nào đó, như các mặt hàng tiêu dùng có thể được nêu trong một danh mục. Các vấn đề được đề cập trong một số hoặc tất cả các Khoản sau đây có thể gồm có:

- 1.8 Số các bản sao của các tài liệu của Nhà thầu
- 1.13 Các Giấy phép mà Chủ đầu tư có
- 2.1 Sở hữu theo giai đoạn các móng, kết cấu, máy móc hoặc phương tiện ra vào
- 4.1 Các mục đích được yêu cầu cho công trình
- 4.6 Các Nhà thầu khác (và các người khác) trên công trường
- 4.7 Các mốc, tuyến và cao độ để tham khảo
- 4.14 Các bên thứ ba
- 4.18 Hạn chế về môi trường
- 4.19 Điện, nước, khí ga và các dịch vụ khác sẵn có trên công trường
- 4.20 Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp không
- 5.1 Tiêu chuẩn đối với Người thiết kế
- 5.2 Các tài liệu của Nhà thầu được yêu cầu, và có thể để phê duyệt
- 5.4 Các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy tắc xây dựng
- 5.5 Đào tạo vận hành cho nhân lực của Chủ đầu tư
- 5.6 Các bản vẽ hoàn công và các hồ sơ khác của công trình
- 5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- 6.6 Điều kiện sinh hoạt của nhân viên
- 7.2 Các mẫu vật liệu
- 7.3 Kiểm định trong quá trình gia công, chế tạo và/hoặc xây dựng
- 9.1 Kiểm định khi hoàn thành
- 9.4 Thiệt hại do không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành
- 12.1 Kiểm định sau khi hoàn thành
- 12.4 Thiệt hại do không vượt quá các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành
- 13.5 Các số tiền dự phòng

Nhiều Khoản trong Điều kiện chung có đề cập tới các số liệu có trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, giành một vị trí thuận tiện cho các số liệu thường được yêu cầu. Những mẫu làm ví dụ trong ấn phẩm này cung cấp một phiếu kiểm tra các dữ liệu được yêu cầu; nhưng không có chỉ dẫn, cả ở trong Điều kiện chung lẫn ở trong ví dụ về Phụ lục Hồ sơ dự thầu, là số liệu được Chủ đầu tư yêu cầu hoặc do Nhà thầu đưa vào. Chủ đầu tư cần chuẩn bị Phụ lục Hồ sơ dự thầu, dựa trên biểu mẫu này, với các nội dung được hoàn thành theo yêu cầu của mình.

Chủ đầu tư cũng có thể yêu cầu các dữ liệu khác từ các ứng thầu, và bao gồm một Bản câu hỏi trong các danh mục.

Chủ đầu tư cũng có thể yêu cầu các dữ liệu khác từ các ứng thầu, và bao gồm một Bản câu hỏi trong các danh mục.

Các chỉ dẫn cho các ứng thầu có thể cần nêu rõ mọi khó khăn hạn chế trong việc hoàn thiện Phụ lục Hồ sơ dự thầu và/hoặc các bảng biểu, và/hoặc nêu rõ phạm vi các thông tin khác mà mỗi ứng thầu sẽ đưa vào cùng với Hồ sơ dự thầu. Nếu mỗi ứng thầu phải có bảo lãnh của công ty mẹ và/hoặc Bảo lãnh dự thầu, các yêu cầu này (áp dụng trước khi Hợp đồng có hiệu lực) sẽ đưa vào Các chỉ dẫn cho ứng thầu: các biểu mẫu sẽ được kèm vào tài liệu này như là Phụ lục A và B. Các chỉ dẫn có thể bao gồm cả các vấn đề được đề cập đến trong một số hoặc tất cả các Khoản sau:

- 4.3 Đại diện Nhà thầu (họ, tên và lý lịch)
- 4.9 Hệ thống đảm bảo chất lượng
- 9.1 Kiểm định khi hoàn thành
- 18 Bảo hiểm
- 20 Giải quyết tranh chấp

Một hợp đồng thiết kế - xây dựng có thể cấu thành một hợp đồng chìa khóa trao tay và bao gồm thiết kế, xây dựng, tài sản cố định, máy móc và thiết bị (f.f.e), mà phạm vi của chúng được nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Cần phải xem xét đầy đủ đến các yêu cầu chi tiết như mức độ mà công trình được trang bị đầy đủ, sẵn sàng để vận hành, với các phụ tùng thay thế và vật liệu tiêu hao được Chủ đầu tư cung cấp đặc biệt cho vận hành (trong một thời gian cụ thể). Ngoài ra, Nhà thầu có thể được yêu cầu vận hành công trình, vận hành thử trong một vài tháng theo Khoản 9.1 (c) hoặc vận hành trong một vài năm.

Điều dễ hiểu là các ứng thầu thường miễn cưỡng khi phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, phải chịu chi phí lớn trong việc chuẩn bị các thiết kế dự thầu. Khi chuẩn bị các hướng dẫn cho ứng thầu, cần phải nghĩ đến phạm vi chi tiết mà các ứng thầu có thể thực sự chuẩn bị được và đưa vào các đề xuất của mình. Mức độ chi tiết cần được nêu cụ thể trong hướng dẫn ứng thầu. Cần chú ý rằng có thể không có việc mô tả trong các tài liệu cấu thành nên Hợp đồng, mà nó chỉ có hiệu lực và tác dụng khi các đề xuất của ứng thầu được chấp thuận.

Cần xem xét đến việc có trả công cho các nhà dự thầu nếu, để cung cấp một Hồ sơ dự thầu tốt, họ phải tiến hành các nghiên cứu hoặc tiến hành công việc thiết kế có tính nguyên tắc (thiết kế sơ bộ N.D).

Điều 1 **Các quy định chung**

Khoản 1.1 **Các định nghĩa**

Có thể cần thiết phải sửa đổi một số định nghĩa. Ví dụ:

- 1.1.3.1 Ngày hẹn có thể xác định là một ngày theo lịch cụ thể.
- 1.1.4.6 Có thể yêu cầu một loại ngoại tệ cụ thể
- 1.1.4.7 Có thể yêu cầu một loại tiền tệ khác là đồng nội tệ của Hợp đồng
- 1.1.6.2 Cách dùng từ “Nước sở tại” có thể không thích hợp cho công trường ở khu vực cắt qua biên giới.

Khoản 1.2 **Sự Diễn giải**

Nếu việc dùng từ “lợi nhuận” sẽ được quy định chính xác hơn, Khoản này có thể đổi khác:

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 1.2, thêm vào:

Trong các Điều kiện này, những quy định bao gồm cụm từ “chi phí cộng lợi nhuận hợp lý” yêu cầu lợi nhuận này phải là 1/20 (5%) của chi phí đó.

Khoản 1.5 **Thứ tự ưu tiên của tài liệu**

Thông thường cần có một thứ tự ưu tiên dự phòng khi sau này phát hiện có sự mâu thuẫn trong các tài liệu hợp đồng. Nếu trình tự ưu tiên không được nêu trước, Khoản này phải được thay đổi:

VÍ DỤ: Bỏ Khoản 1.5 và thay bằng:

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng phải được lấy làm giải thích chung cho các bên với nhau. Nếu thấy có sự tối nghĩa hoặc không nhất quán, trình tự ưu tiên có thể sẽ theo luật hiện hành chi phối. Nhà tư vấn có quyền đưa ra hướng dẫn mà họ thấy cần thiết để giải quyết sự tối nghĩa hoặc không nhất quán đó.

Khoản 1.6 **Thỏa thuận Hợp đồng**

Mẫu của thỏa thuận cần phải đưa vào trong Hồ sơ dự thầu được đính kèm điều kiện riêng: một mẫu làm ví dụ được đưa vào cuối sách trong lần xuất bản này. Nếu cần thiết phải đàm phán dài trong đấu thầu, thỏa thuận hợp đồng cần ghi nhận giá hợp đồng đã được chấp nhận, Ngày hẹn và/hoặc Ngày khởi công. Việc ký kết Hợp đồng có thể cần phải theo luật hiện hành.

Khoản 1.10 **Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu**

Có thể cần các điều Khoản bổ sung nếu toàn bộ quyền sử dụng các phần riêng của phần mềm máy tính (ví dụ) được giao cho Chủ đầu tư. Các điều Khoản này cần phải tuân theo các luật hiện hành.

Khoản 1.13 **Tuân thủ Luật pháp**

Đối với hợp đồng nhà máy, cần sửa đổi cho thích hợp:

KHOẢN MẪU CHO HỢP ĐỒNG NHÀ MÁY

Thêm vào phần cuối của Khoản 1.13:

Tuy nhiên, Nhà thầu, vào đúng thời điểm, phải nộp các chi tiết về hàng hóa cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư cần nhanh chóng có toàn bộ giấy phép hoặc chứng chỉ nhập khẩu cần thiết cho những hàng hóa này.

Chủ đầu tư cũng phải có hoặc cấp giấy phép đồng ý bao gồm giấy phép thi công, quyền đi lại và các thỏa thuận được yêu cầu cho công trình.

Khoản 1.14 **Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm**

Đối với một Hợp đồng lớn, cần có quy định cụ thể các yêu cầu chi tiết đối với liên doanh. Ví dụ, mỗi thành viên cần có bảo lãnh của công ty mẹ: một mẫu ví dụ được đưa kèm tài liệu này, xem Phụ lục A.

Những đòi hỏi này, cái nào cần được áp dụng trước khi Hợp đồng có hiệu lực, thì cần phải đưa vào bản chỉ dẫn cho các ứng thầu. Chủ đầu tư sẽ yêu cầu sớm chỉ định ra người đứng đầu của liên doanh, nhằm sau đó chỉ tiếp xúc với một đầu mối duy nhất và không muốn bị lôi cuốn vào một cuộc tranh cãi giữa các thành viên của liên doanh, Chủ đầu tư cần phải nghiên cứu tỉ mỉ hợp đồng liên doanh một cách thận trọng và cũng có thể nó phải được sự chấp thuận của cơ quan cung cấp tài chính của dự án.

Khoản Bổ sung **Chi tiết cần bí mật**

Nếu cần giữ bí mật, cần thêm một Khoản bổ sung:

KHOẢN MẪU

Nhà thầu phải giữ kín và bí mật những chi tiết của Hợp đồng, trừ phi cần thiết để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc tuân thủ các luật hiện hành. Nhà thầu không được xuất bản, hoặc các chi tiết nào cụ thể của công trình trong các tài liệu kỹ thuật hoặc thương mại nào hoặc ở bất cứ đâu nếu không được sự đồng ý từ trước của Chủ đầu tư.

Điều 2 **Chủ đầu tư**

Khoản 2.1 **Quyền tiếp cận công trường**

Có thể cần thiết phải cho phép Nhà thầu sớm tiếp cận công trường để khảo sát và điều tra dưới mặt đất. Nếu không được phép tiếp cận công trường sớm và cả được dành riêng sau đó, cần có các chi tiết cụ thể nêu rõ trong những Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Khoản 2.3 **Nhân lực của Chủ đầu tư**

Khoản này cần phải được phản ánh trong các Hợp đồng của Chủ đầu tư với các Nhà thầu khác trên công trường.

Điều 3 Nhà tư vấn

Khoản 3.1 Quyền và nhiệm vụ của Nhà tư vấn

Bất cứ yêu cầu nào cần được Chủ đầu tư chấp thuận đều phải được nêu trong Điều kiện riêng:

VÍ DỤ: Nhà tư vấn cần phải có sự chấp nhận cụ thể của Chủ đầu tư trước khi hành động theo các Khoản sau đây của Điều kiện này:

(a) Khoản.....**

(b) Khoản.....**

** (điền số, mô tả hành động, trừ phi tất cả đều cần có sự chấp thuận)

Danh sách này phải được thêm hoặc bớt khi cần. Nếu sự bắt buộc phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư chỉ áp dụng khi vượt một số giới hạn, tài chính hoặc gì khác, thì cách viết mẫu phải được thay đổi.

Khoản bổ sung Các cuộc họp của Ban lãnh đạo

KHOẢN MẪU:

Nhà tư vấn hoặc Đại diện của Nhà thầu có thể yêu cầu người khác tham gia cuộc họp của lãnh đạo để xem xét việc thu xếp cho các công việc trong tương lai. Nhà tư vấn phải ghi lại nội dung của cuộc họp lãnh đạo và cung cấp các bản sao biên bản cuộc họp cho những người dự họp và cho Chủ đầu tư. Trong biên bản, trách nhiệm đối với mọi hành động tiến hành phải phù hợp với Hợp đồng.

Điều 4 Nhà thầu

Khoản 4.2 Bảo lãnh thực hiện

Những mẫu bảo lãnh thực hiện có thể chấp nhận được phải được đưa vào trong các tài liệu Hồ sơ dự thầu, làm thành phụ lục của Điều kiện riêng. Các dạng mẫu được đưa vào làm phụ lục của tài liệu này Phụ lục C và Phụ lục D. Các mẫu kết hợp hai Bộ luật thống nhất do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản. ("ICC", dựa vào 38 Cours Albert 1er, 75008 Paris, Pháp), họ cũng xuất bản hướng dẫn sử dụng những luật điều chỉnh này. Những mẫu và cách viết của Khoản có thể được sửa đổi để phù hợp với luật hiện hành.

VÍ DỤ: ở phần cuối điểm 2 của Khoản 4.2, thêm vào:

Nếu Bảo lãnh thực hiện là theo mẫu bảo lãnh của ngân hàng, thì nó phải được phát hành bởi (a) hoặc ngân hàng ở nước sở tại hoặc (b) trực tiếp từ một ngân hàng nước ngoài được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu Bảo lãnh thực hiện không theo mẫu của ngân hàng, nó phải do một cơ quan tài chính có đăng ký hoặc được phép kinh doanh ở nước sở tại cấp.

Khoản 4.3 Đại diện của Nhà thầu

Nếu đã biết Đại diện tại thời điểm nộp Hồ sơ dự thầu, ứng thầu có thể đề xuất Đại diện này. Ứng thầu có thể đề xuất người khác, đặc biệt nếu việc giao hợp đồng có thể bị chậm. Nếu ngôn ngữ quy định theo luật không giống ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày (theo Khoản 1.4) hoặc nếu vì lý do nào khác cần quy định Đại diện Nhà thầu phải thông thạo một thứ tiếng cụ thể, cần bổ sung một trong số câu sau:

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 4.3, thêm vào:

Đại diện Nhà thầu và tất cả những người khác đều phải thông thạo
.....(điền tên ngôn ngữ)

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 4.3, thêm vào:

Nếu Đại diện Nhà thầu, hoặc những người này không thông thạo tiếng.....(điền tên thứ tiếng), Nhà thầu phải có phiên dịch giỏi có mặt thường xuyên trong suốt thời gian làm việc.

Khoản 4.4 Nhà thầu phụ

Cách viết trong Điều kiện chung gồm những điều kiện sẽ thường xuyên được áp dụng. Nếu yêu cầu có sự đồng ý ít hơn hoặc không cần, một số (hoặc toàn bộ) các điểm từ (a) đến (c) có thể phải bỏ, hoặc nói rõ trong Điều kiện riêng:

VÍ DỤ: không cần có sự đồng ý từ trước nếu giá trị hợp đồng phụ nhỏ hơn một phần trăm (1%) giá trị đã được chấp thuận trong hợp đồng.

Khoản 4.8 Các thủ tục về an toàn

Nếu Nhà thầu cùng sử dụng công trường với các Nhà thầu khác, sự không phù hợp cho họ nếu phải cung cấp một số hạng mục được liệt kê. Trong những trường hợp này, nghĩa vụ của Chủ đầu tư cần được quy định cụ thể.

Khoản 4.12 Những điều kiện vật chất không lường trước được

Trong trường hợp của những công trình ngầm lớn, việc phân bổ rủi ro của điều kiện ngầm là một khía cạnh cần được xem xét khi chuẩn bị Hồ sơ dự thầu. Nếu rủi ro này do các bên cùng chịu, Khoản này có thể được sửa đổi:

VÍ DỤ: Bỏ điểm (b) của Khoản 4.12 và thay thế:

(c) việc thanh toán cho bất cứ chi phí nào như vậy,
phần trăm (.....%) sẽ được đưa vào trong Giá hợp đồng (số
phần trăm chênh lệch (%) của chi phí sẽ do Nhà thầu chịu)

Khoản 4.16 Vận chuyển hàng hóa

Đối với Hợp đồng Nhà máy, việc thu xếp có lựa chọn có thể thích hợp:

VÍ DỤ: Bổ sung ở phần cuối của Khoản 4.16:

Nhà thầu phải đề nghị Nhà tư vấn cho phép cung cấp bất kỳ hạng mục hàng hóa nào tới công trường. Không được cung cấp hàng hóa nếu không được sự cho phép đó, điều đó cũng sẽ không loại trừ cho Nhà thầu bất cứ nghĩa vụ nào.

Khoản 4.17 Thiết bị Nhà thầu

Nếu Nhà thầu không cung cấp tất cả các thiết bị cần thiết của Nhà thầu để hoàn thành công trình, nghĩa vụ của Chủ đầu tư cần được quy định cụ thể: xem khoản 4.20. Nếu có yêu cầu giao thiết bị của Nhà thầu, cần bổ sung thêm các đoạn, phù hợp với luật hiện hành:

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 4.17, bổ sung các đoạn sau:

Các thiết bị của Nhà thầu thuộc sở hữu của Nhà thầu (trực tiếp hoặc gián tiếp) sẽ được coi là tài sản của Chủ đầu tư từ khi thiết bị được đưa tới công trường. Việc giao tài sản phải không được:

- (a) ảnh hưởng đến trách nhiệm hoặc nghĩa vụ của Chủ đầu tư,
- (b) ảnh hưởng đến quyền của Nhà thầu được sử dụng độc quyền thiết bị riêng của Nhà thầu đã được giao cho mục đích của công trình, hoặc
- (c) ảnh hưởng tới trách nhiệm của Nhà thầu trong việc vận hành và bảo dưỡng thiết bị của Nhà thầu.

Tài sản trong mỗi hạng mục được coi như là đã giao lại cho Nhà thầu khi Nhà thầu được phép chuyển tài sản đó ra khỏi công trường hoặc nhận Chứng chỉ nghiệm thu công trình, tùy theo việc nào xảy ra trước.

Khoản 4.19 Điện, nước và khí đốt

Nếu những dịch vụ này đã có sẵn để Nhà thầu sử dụng, đặc tính kỹ thuật cần đưa ra các chi tiết, bao gồm địa điểm và giá cả.

Khoản 4.20 Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp không

Để áp dụng Khoản này, đặc tính kỹ thuật cần mô tả từng hạng mục mà Chủ đầu tư sẽ cung cấp và/hoặc vận hành và cần nêu rõ các chi tiết cần thiết. Đối với một số loại phương tiện, có thể cần thêm một số điều Khoản, để làm rõ các khía cạnh như trách nhiệm và bảo hiểm.

Khoản 4.22 An ninh của Công trường

Nếu Nhà thầu cùng sử dụng công trường với các Nhà thầu khác, có thể sẽ không hợp lý cho Nhà thầu khi phải chịu trách nhiệm về an ninh công trường. Trong những trường hợp này, nghĩa vụ của Chủ đầu tư cần phải được xác định cụ thể.

Điều 5 **Thiết kế**

Khoản 5.1 **Các nghĩa vụ thiết kế chung**

Nhà thầu bắt đầu bằng việc xem xét kỹ các yêu cầu của Chủ đầu tư, mà trong đó có thể bao gồm thiết kế sơ bộ. Thiết kế này có thể đã cần để lập dự án khả thi. Các ứng thầu phải được thông báo phạm vi mà thiết kế sơ bộ của Chủ đầu tư là một gợi ý hoặc một yêu cầu.

Khoản 5.2 **Tài liệu của Nhà thầu**

“Các tài liệu của Nhà thầu” được định nghĩa là các tài liệu mà Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn, như đã nêu ở đâu đó trong hợp đồng mà nó không cần có (ví dụ) tất cả tài liệu kỹ thuật mà người của Nhà thầu sẽ cần để thi công công trình.

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần phải nêu rõ phạm vi mà tài liệu của Nhà thầu được yêu cầu, tài liệu nào trong số đó cần phải có sự chấp thuận (chứ không chỉ rà soát), và thủ tục nộp. Ví dụ, đối với các yêu cầu của Chủ đầu tư cho một hợp đồng Nhà máy có thể là thích hợp khi quy định rằng tài liệu của Nhà thầu phải có các bản vẽ cho thấy Nhà máy được lắp như thế nào và yêu cầu mọi thông tin khác để:

- (a) chuẩn bị các móng thích hợp hoặc các phương tiện chống đỡ khác,,
- (b) cung cấp lối vào thích hợp trên công trường cho Nhà máy và mọi trang bị cần thiết và đến địa điểm lắp ráp Nhà máy, và/hoặc
- (c) nối các phương tiện cần thiết tới Nhà máy.

Có thể phải xác định cụ thể các “thời kỳ xem xét” khác nhau, có tính đến thời gian cần thiết để rà soát các loại bản vẽ khác nhau, và/hoặc khả năng nộp trình thực tế ở các giai đoạn cụ thể của quá trình Thiết kế - Xây dựng.

Điều 6 **Nhân viên và lao động**

Khoản 6.5 **Số giờ làm việc**

Nếu Chủ đầu tư không muốn quy định cụ thể số giờ làm việc trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, hoặc để cho ứng thầu quy định cụ thể (nhằm lập kế hoạch giám sát của Nhà tư vấn), thì Khoản này có thể bỏ.

Khoản 6.6 **Cơ sở vật chất cho nhân viên và lao động**

Nếu Chủ đầu tư sẽ làm sẵn chỗ ở, phải quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ đầu tư làm việc này.

Khoản 6.8 **Giám sát của Nhà thầu**

Nếu ngôn ngữ được quy định không giống ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày (theo Khoản 1.4) hoặc nếu vì một lý do nào đó, cần phải quy định là nhân viên giám sát của Nhà thầu phải thông thạo một thứ tiếng cụ thể, cần bổ sung các câu sau:

VÍ DỤ: Bổ sung vào phần cuối của Khoản 6.8:

Một tỷ lệ thích hợp các nhân viên giám sát của Nhà thầu phải có trình độ.....(điền tên ngôn ngữ).....để làm việc hoặc Nhà thầu phải có số lượng đầy đủ các phiên dịch giỏi luôn có mặt tại công trường trong giờ làm việc.

Các Khoản bổ sung:

Có thể bổ sung các ví dụ cho các điều Khoản thích hợp, để tính đến tình trạng và vị trí công trường, có trong Điều kiện Hợp đồng xây dựng của FIDIC.

Điều 7 Thiết bị, vật liệu và tay nghề

Khoản bổ sung

Nếu Hợp đồng được một tổ chức cung cấp tài chính mà các nguyên tắc hoặc chính sách của tổ chức đó yêu cầu một sự hạn chế về việc sử dụng vốn của họ, cần bổ sung thêm Khoản:

KHOẢN MẪU: Toàn bộ hàng hóa phải có xuất xứ ở nước có nguồn thích hợp như đã quy định trong(điền tên tài liệu hướng dẫn mua sắm thiết bị đã được phát hành).

Hàng hóa phải được vận chuyển bởi các phương tiện vận chuyển từ những nước có nguồn thích hợp, trừ phi được Chủ đầu tư miễn cho bằng văn bản trên cơ sở các chi phí quá khả năng hoặc sự chậm trễ. Bảo lãnh, bảo hiểm và dịch vụ ngân hàng phải do Nhà bảo hiểm và ngân hàng của các nước có nguồn thích hợp cung cấp.

Điều 8 Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng công việc

Khoản 8.2 Thời gian hoàn thành

Nếu công trình được nghiệm thu theo các giai đoạn, những giai đoạn này cần được định rõ theo hạng mục, trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Khoản 8.7 Thiệt hại do chậm trễ

Theo nhiều hệ thống pháp luật, số tiền của những thiệt hại được định trước này phải được ước tính hợp lý tổn thất có thể xảy ra cho Chủ đầu tư trong trường hợp chậm trễ. Nếu số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng được ấn định là số tiền trọn gói bằng nhiều loại tiền tệ, thì tốt hơn hết là xác định những hư hỏng này (theo ngày) bằng cách khấu trừ phần trăm cho mỗi một nội dung. Nếu số tiền được chấp nhận theo Hợp đồng được tính bằng đồng nội tệ: xem Khoản 14.15 (b).

Khoản bổ sung:

Việc khuyến khích hoàn thành sớm có thể có trong tài liệu thầu (mặc dù Khoản 13.2 đề cập tới việc hoàn thành nhanh hơn).

KHOẢN MẪU: Các hạng mục được yêu cầu hoàn thành vào các ngày được đưa ra trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu để những hạng mục này có thể được Chủ đầu tư nắm giữ và sử dụng trước khi hoàn thành toàn bộ công trình. Các chi tiết của công việc được yêu cầu thực hiện để cho phép Nhà thầu được hưởng tiền thưởng được quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Để tính tiền thưởng, phải xác định các ngày hoàn thành các hạng mục trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Không cho phép điều chỉnh các ngày hoàn thành với lý do gia hạn thời gian hoàn thành.

Điều 9 Kiểm định khi hoàn thành

Khoản 9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần phải mô tả các cuộc kiểm định mà Nhà thầu tiến hành trước khi được cấp Chứng chỉ nghiệm thu. Có thể là thích hợp cho các đề xuất của Nhà thầu nếu có các sắp xếp chi tiết, sự phối hợp v.v...Nếu công trình được kiểm định và nghiệm thu theo các giai đoạn, các yêu cầu kiểm định có thể phải xem xét ảnh hưởng của một số phần của công trình còn chưa hoàn thành.

Cách viết trong các phần gồm các điều kiện được áp dụng điển hình cho một Hợp đồng Nhà máy, nhưng mặt khác có thể yêu cầu sửa đổi. Cụ thể là, điểm (c) đề cập tới việc vận hành thử, trong quá trình đó bất cứ sản phẩm nào do công trình tạo ra sẽ thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Vì vậy Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý sản phẩm đó, và được quyền giữ lại số tiền bán sản phẩm đó. Nếu Nhà thầu giữ lại sản phẩm đó, Khoản này cần phải được sửa đổi thích hợp.

Khoản 9.4 Không qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu phần khấu trừ được đề cập trong đoạn cuối, dựa trên mức độ không đạt được, được nêu trong Điều kiện riêng hoặc các yêu cầu của Chủ đầu tư, tiêu chuẩn vận hành tối thiểu có thể chấp nhận được cần được quy định cụ thể.

Điều 10 Nghiệm thu của Chủ đầu tư

Khoản 10.1 Chứng chỉ nghiệm thu

Nếu công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn, các giai đoạn này cần được xác định theo các hạng mục trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Cần xác định chính xác về địa lý và Phụ lục cần có một bảng biểu để xác định các mặt liên quan đến việc trả số tiền giữ lại, thời gian hoàn thành và các thiệt hại do chậm trễ: bảng được mô tả trong Phụ lục mẫu.

Điều 11 Trách nhiệm đối với sai sót, hư hỏng

Khoản 11.10 Các nghĩa vụ chưa hoàn thành

Có thể cần phải xem xét ảnh hưởng của Khoản này liên quan tới thời hạn trách nhiệm theo quy định của luật hiện hành.

Điều 12 **Kiểm định sau khi hoàn thành**

Khoản 12.1 **Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành**

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần mô tả các cuộc kiểm định mà Chủ đầu tư yêu cầu, sau khi nghiệm thu, để xác định rõ công trình có đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hoạt động hay không. Đối với một số loại công trình, thật khó có thể quy định rõ những cuộc kiểm định này, mặc dù chúng cần thiết để có một kết quả thành công. Có thể là thích hợp nếu đề xuất của Nhà thầu bao gồm các sắp xếp chi tiết, và/hoặc nêu rõ thiết bị được yêu cầu, ngoài những thứ đã có ở nhà máy.

Đối với nhiều loại công trình khác, có thể nhất thiết phải xác định được đầu vào vật chất, và/hoặc để ứng thầu ấn định (trong một danh mục về các bảo đảm nếu có thể) được tiêu chuẩn vận hành mà Nhà máy của họ sẽ phải đạt được.

Các điều khoản trong Điều kiện chung được dựa trên các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành do Chủ đầu tư và người vận hành của Chủ đầu tư thực hiện, theo sự hướng dẫn của nhân viên Nhà thầu. Nếu trù liệu có sự sắp xếp khác thì chúng cần phải được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, và Khoản này cần được sửa đổi cho thích hợp. Ví dụ, các Điều khoản trong Điều kiện Hợp đồng EPC/dự án Chìa khóa trao tay của FIDIC được dựa trên các cuộc kiểm định do Nhà thầu thực hiện, Chủ đầu tư cung cấp các vật dụng, nhân viên và năng lượng.

Khoản 12.4 **Không qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành**

Nếu sẽ áp dụng phần đầu của Khoản này, phương pháp tính thiệt hại do không đạt được (dựa trên mức độ không đạt) cần được định rõ trong Điều kiện riêng hoặc trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, và cũng phải định rõ tiêu chuẩn hoàn thiện thành tối thiểu có thể chấp nhận.

Điều 13 **Biến đổi và điều chỉnh**

Các biến đổi có thể tiến hành bằng bất kỳ 1 trong 3 cách:

- (a) Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn biến đổi theo Khoản 13.1, mà không có thỏa thuận trước về sự khả thi hoặc giá cả;
- (b) Nhà thầu có thể đề xuất của riêng mình theo Khoản 13.2, mà sẽ có lợi cho cả hai bên, hoặc;
- (c) Nhà tư vấn có thể có một đề xuất theo Khoản 13.3, tìm kiếm sự thống nhất để giảm thiểu sự tranh chấp.

Khoản 13.5 **Các khoản tiền dự chi**

Mặc dù, nói chung, không thích hợp cho loại Hợp đồng này, có thể yêu cầu số tiền dự chi cho các phần công trình mà chúng không yêu cầu phải định giá với rủi ro của Nhà thầu. Ví dụ cần có Khoản tiền dự chi để mua hàng hóa mà Chủ đầu tư muốn lựa chọn, hoặc giải quyết sự không chắc chắn lắm về các điều kiện mặt bằng. Nhất thiết phải xác định phạm vi của từng Khoản tiền dự chi (trong một danh mục, có thể) vì phạm vi được xác định sau đó

sẽ không được tính vào các phần khác của Khoản tiền đã được chấp thuận theo Hợp đồng. Nếu định giá được Khoản tiền dự chi theo Khoản 13.5 (b), tỷ lệ phần trăm phải được Nhà Dự thầu tính trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Khoản 13.8 Điều chỉnh đối với việc thay đổi chi phí

Có thể yêu cầu các Khoản về điều chỉnh nếu việc Nhà thầu phải chịu rủi ro bất hợp lý của việc tăng giá do lạm phát. Trừ phi không áp dụng Khoản này, Phụ lục Hồ sơ dự án thầu phải gồm một bảng biểu cho từng loại tiền tệ thanh toán: bảng biểu thích hợp được trình bày ở Phụ lục mẫu. Cần thận trọng trong việc tính sự điều hòa giá cả/hệ số “a”, “b”, “c”,..., tổng số không được vượt quá số thống nhất), và trong việc lựa chọn và xác định cụ thể các chỉ số chi phí. Lời khuyên của chuyên gia có thể sẽ thích hợp. Đối với Hợp đồng Nhà máy, sẽ thích hợp hơn khi áp dụng công thức tính liên quan trực tiếp nhiều hơn tới việc xác định thời gian đối với chi phí mà nhà chế tạo phải chịu.

Điều 14 Giá hợp đồng và thanh toán

Khoản 14.1 Giá hợp đồng

Khi viết Điều kiện riêng, cần xem xét số tiền và thời gian thanh toán cho Nhà thầu. Dòng tiền mặt chủ động rõ ràng có lợi cho Nhà thầu, các ứng thầu phải xem xét thủ tục thanh toán tạm thời khi chuẩn bị Hồ sơ dự thầu của mình.

Thông thường, loại Hợp đồng này dựa vào giá trọn gói, không điều chỉnh giá hoặc điều chỉnh ít. Vì vậy, Nhà thầu phải chịu rủi ro khi thay đổi chi phí phát sinh từ thiết kế của họ. Giá trọn gói có thể gồm hai hoặc nhiều Khoản tiền, được tính theo loại tiền tệ thanh toán (có thể, nhưng không cần, bao gồm cả đồng nội tệ).

Để đánh giá sự biến đổi, có thể yêu cầu các Ứng thầu gửi kèm bảng thông kê chi tiết về giá, bao gồm số lượng, tỷ giá đơn vị và các thông tin khác về giá. Thông tin này có thể cũng sẽ hữu ích cho việc định giá Khoản thanh toán tạm. Tuy nhiên thông tin không thể đã mang tính cạnh tranh. Khi Hồ sơ dự thầu đang được chuẩn bị, Chủ đầu tư vì vậy phải quyết định có chấp nhận trả số tiền theo bảng tính chi tiết của Ứng thầu hay không. Nếu không chấp nhận, Chủ đầu tư cần đảm bảo Nhà tư vấn phải có kinh nghiệm cần thiết để đánh giá những thay đổi có thể được yêu cầu.

Có thể yêu cầu các Khoản bổ sung để bao trùm được các ngoại lệ đối với việc lựa chọn trong Khoản 14.1 và các vấn đề khác liên quan tới việc thanh toán.

Nếu không áp dụng Khoản 14.1 (a), phương pháp xác định giá Hợp đồng cần phải được quy định trong các Khoản bổ sung và được đưa vào trong câu cuối của Khoản 14.1. Nếu việc thanh toán cho bất cứ phần nào của công trình được thực hiện trên cơ sở tính giá, phần công trình này phải được nêu trong Hợp đồng, và cách dùng từ ngữ sau có thể phù hợp cho một trong những Khoản bổ sung:

KHOẢN MẪU VỀ ĐỊNH GIÁ:

Nhà tư vấn phải đồng ý hoặc xác định giá trị của những phần công trình được định giá, theo khoản 3.5. Việc định giá phải được thực

hiện bằng khối lượng thực tế của những phần công trình này, không theo thông lệ địa phương.

Bất cứ khi nào Nhà tư vấn yêu cầu phần nào của công trình phải được định giá, cần có thông báo cho đại diện của Nhà thầu mà người đó phải:

- (a) tham gia ngay hoặc cử đại diện khác có trình độ để trợ giúp cho Nhà tư vấn định giá, và
- (b) cung cấp mọi thứ theo yêu cầu của Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu không tham gia hoặc không cử đại diện, việc định giá của Nhà tư vấn hoặc đại diện sẽ được chấp thuận là chính xác.

Loại trừ có quy định khác trong Hợp đồng, bất cứ chỗ nào công trình vĩnh cửu được định giá bằng biên bản đều phải do Nhà tư vấn chuẩn bị. Nhà thầu, theo và khi được yêu cầu, phải tham gia kiểm tra và đồng ý các biên bản với Nhà tư vấn, và phải ký các nội dung như đã đồng ý. Nếu Nhà thầu không tham gia kiểm tra và đồng ý những biên bản này, chúng sẽ được chấp thuận là chính xác.

Nếu Nhà thầu kiểm tra và không đồng ý với các biên bản, và/hoặc không ký biên bản, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn những nội dung được đưa vào biên bản là không chính xác. Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải xem xét kỹ biên bản và/hoặc khẳng định hoặc điều chỉnh chúng. Nếu Nhà thầu không thông báo như vậy cho Nhà tư vấn trong vòng 14 ngày sau khi được yêu cầu kiểm tra biên bản, biên bản sẽ được chấp nhận là chính xác.

Nếu không áp dụng Khoản 14.1 (b), cần bổ sung thêm các Khoản:

KHOẢN MẪU VỀ MIỄN THUẾ QUAN

Tất cả hàng hóa do Nhà thầu nhập khẩu vào nước sở tại phải được miễn thuế hải quan và các thuế nhập khẩu khác, nếu có sự cho phép bằng văn bản từ trước của Chủ đầu tư để nhập khẩu. Chủ đầu tư phải ký xác nhận các giấy tờ miễn thuế cần thiết do Nhà thầu chuẩn bị để xuất trình cho việc thông qua hàng hóa và cũng phải cung cấp các tài liệu xin miễn thuế sau:

(Mô tả tài liệu cần thiết mà Nhà thầu không thể chuẩn bị được)

Nếu không được cấp thủ tục miễn thuế, thuế hải quan phải trả và đã trả phải được Chủ đầu tư hoàn lại.

Toàn bộ hàng hóa nhập khẩu không kết hợp với hoặc không dùng hết cho công trình phải được xuất khẩu khi kết thúc hợp đồng.

Nếu không xuất khẩu, những hàng hóa này phải được đánh giá để nộp thuế như áp dụng với những hàng hóa liên quan theo luật của nước này.

Tuy nhiên không được miễn thuế đối với:

- (a) hàng hóa giống như những hàng hóa được sản xuất trong nước, trừ phi không có đủ số lượng hoặc hàng hóa có tiêu chuẩn khác cần cho công trình; và
- (b) các yếu tố thuế hoặc thuế quan vốn có trong giá hàng hóa hoặc dịch vụ được mua trong nước mà chúng được coi như đã có trong số tiền được chấp thuận theo giá Hợp đồng đã thỏa thuận.

Thuế cảng, cầu cảng và loại trừ những gì đã đề ra ở trên, các yếu tố thuế hoặc thuế quan vốn có trong giá hàng hóa hoặc dịch vụ sẽ được coi như đã bao gồm trong giá hợp đồng đã thỏa thuận.

KHOẢN MẪU VỀ MIỄN THUẾ

Nhân viên người nước ngoài không phải nộp thuế thu nhập tại nước sở tại đối với thu nhập được trả bằng ngoại tệ, hoặc đối với thuế thu nhập đánh vào tiền chi tiêu, thuê nhà và các dịch vụ tương tự do Nhà thầu chi trả trực tiếp cho nhân viên của Nhà thầu, hoặc các Khoản phụ cấp tại chỗ. Nếu nhân viên của Nhà thầu nhận được phần thu nhập ở nước sở tại bằng một ngoại tệ, họ có thể chuyển về nước (sau khi hoàn thành thời hạn công tác ở công trình) các khoản tiền còn lại của số tiền thu nhập được trả bằng ngoại tệ.

Chủ đầu tư phải xin miễn thuế đối với Khoản này. Nếu không xin được, Chủ đầu tư phải hoàn trả các Khoản thuế liên quan đã trả.

Khoản 14.2 Ứng trước

Khi soạn thảo Điều kiện riêng, cần xem xét lợi ích của việc ứng trước. Trừ phi không áp dụng Khoản này, tổng số tiền ứng trước (và số lần thanh toán nếu là hơn một lần) phải được quy định cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Tỷ lệ chiết khấu cho phần hoàn lại phải được kiểm tra để đảm bảo rằng số tiền hoàn lại phải được thực hiện xong trước khi hoàn thành. Các số tiền cụ thể trong phần (a) và (b) của Khoản Điều kiện chung phải được dựa trên giả định tổng số tiền thanh toán là nhỏ hơn 22% số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng.

Mẫu bảo lãnh có thể chấp nhận được phải có trong tài liệu thầu, kèm với Điều kiện riêng: mẫu ví dụ được kèm theo tài liệu này, là Phụ lục E.

Nếu Nhà thầu phải cung cấp các hạng mục thiết bị chính, cần xem xét lợi ích của việc thanh toán theo giai đoạn trong khi chế tạo. Chủ đầu tư có thể xem xét có nên có một mẫu bảo lãnh, vì lẽ những thanh toán này không liên quan tới những thứ thuộc sở hữu của mình. Nếu Nhà thầu được thanh toán theo giai đoạn trước khi xếp hàng xuống tàu, tài liệu thầu có thể gồm:

- (a) các điều khoản trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu liên quan tới thời gian ứng trước (theo Khoản này) theo các giai đoạn chế tạo;
- (b) trong lịch trình thanh toán hoặc các tài liệu khác sẽ được sử dụng để xác định giá trị Hợp đồng theo Khoản 14.3 (a), một giá cho từng giai đoạn này (có yêu cầu điều Khoản bổ sung về bảo lãnh); hoặc
- (c) sửa đổi chi tiết Khoản 14.5.

Khoản 14.4 Lịch trình thanh toán

Điều kiện chung bao gồm các Điều Khoản thanh toán tạm thời cho Nhà thầu, có thể được dựa trên một lịch trình thanh toán. Nếu sử dụng các cơ sở khác để xác định giá trị tạm thời, cần bổ sung các chi tiết vào Điều kiện riêng. Nếu các thanh toán được quy định cụ thể trong lịch trình thanh toán, “số tiền tối thiểu của chúng chỉ tạm thời” có thể được lược bỏ trong phần Phụ lục Hồ sơ dự thầu, và lịch trình thanh toán có thể là một trong số các mẫu sau:

- (a) số tiền (hoặc phần trăm của giá dự toán theo Hợp đồng cuối cùng) có thể được đưa vào theo từng tháng (hoặc thời gian khác) trong thời gian hoàn thành, mà có thể tỏ ra là không hợp lý, nếu tiến độ của Nhà thầu khác nhiều so với dự kiến mà dựa vào nó lịch trình thanh toán được lập; hoặc
- (b) lịch trình thanh toán có thể được dựa trên tiến độ thực tế đạt được khi thi công công trình, điều đó cần quy định cụ thể các mốc thanh toán. Có thể xảy ra bất đồng khi công việc được yêu cầu cho một mốc thanh toán gần đạt được nhưng bản cân đối chỉ có thể được hoàn thành một vài tháng sau đó.

Những con số được ứng thầu đưa vào lịch trình thanh toán có thể được so sánh với chương trình ở Hồ sơ dự thầu của họ (nếu có), để đánh giá xem có phù hợp với nhau không.

Thay vào đó, nếu công trình bao gồm nhiều loại hình hoạt động khác nhau, một phương thức đánh giá đơn giản giá trị tạm thời có thể là thích hợp.

KHOẢN MẪU VỀ THỦ TỤC ĐỊNH GIÁ TẠM THỜI

Trước khi khởi công xây dựng công trình vĩnh cửu, Nhà thầu phải nộp bộ chứng từ khối lượng chính của công trình vĩnh cửu (BPQPW), cùng với thông tin bổ trợ và các tính toán hợp lý mà Nhà tư vấn yêu cầu. BPQPW phải gồm khối lượng cuối cùng của các hạng mục chính đã được định trước của công trình vĩnh cửu mà chúng đã được định giá theo phương thức tất cả theo định mức sao cho tổng số tiền bằng Giá hợp đồng đã dự toán. BPQPW không gồm các hạng mục đã được định giá cho thiết kế hoặc công trình tạm thời. Giá trị của mỗi thành phần công việc nào của bất kỳ thành phần nào của công việc khác không được mô tả trong BPQPW, phải được đưa vào trong các định mức cho công trình vĩnh cửu sẽ được xây nên sau khi thành phần này được thực hiện.

BPQPW phải được sự chấp thuận của Nhà tư vấn, có thể bị rút bỏ vào bất cứ thời điểm nào, và không được ảnh hưởng đến số tiền phải trả cuối cùng theo Hợp đồng. BPQPW được sửa đổi và ban hành lại nếu ở vào bất kỳ thời điểm nào trước khi nghiệm thu cho thấy nó không thể hiện toàn bộ công trình vĩnh cửu khi hoàn thành.

Trong thời gian hoàn thành, giá trị Hợp đồng cho mục đích của điểm (a) của Khoản 14.3 không được vượt quá số tiền đã tính từ BPQPW hiện hành, dựa trên khối lượng công trình vĩnh cửu đã được xây dựng theo Hợp đồng. Mỗi bản giải trình phải:

- (a) giống mẫu của BPQPW hiện hành,
- (b) bao gồm giải trình đã ký mà BPQPW hiện hành (gồm số lượng cuối cùng được định trước) và khối lượng đã được xây dựng là chính xác, và
- (c) gửi kèm chứng nhận do đại diện Nhà thầu ký, chứng nhận rằng phần công trình được xây dựng tới nay đều tuân theo Hợp đồng.

Khoản 14.7 Thanh toán

Nếu áp dụng một thời hạn thanh toán khác, Khoản này có thể được sửa đổi:

VÍ DỤ: Trong điểm (b) của Khoản 14.7, xóa “56” thay bằng “42”

Nếu nước/các nước thanh toán cần được quy định, có thể nêu chi tiết trong một lịch trình.

Khoản 14.8 Thanh toán chậm trễ

Nếu tỷ suất chiết khấu tại ngân hàng trung ương ở nước có đồng tiền thanh toán không thích hợp để định giá chi phí tài chính của Nhà thầu, có thể phải quy định một tỷ giá mới. Một cách chọn lựa khác, có thể thanh toán chi phí tài chính thực, có xem xét đến việc thu xếp tài chính trong nước.

Khoản 14.9 Thanh toán số tiền giữ lại

Nếu một phần của số tiền bị giữ lại được trả, và được thay bằng một bảo lãnh thích hợp, có thể thêm Khoản bổ sung. Mẫu bảo lãnh chấp nhận được cần có trong Hồ sơ dự thầu, cùng với Điều kiện riêng: mẫu ví dụ được kèm theo tài liệu, là phụ lục F.

KHOẢN MẪU VỀ GIẢI PHÓNG NGOẠI LỆ

Khi số tiền giữ lại đã tới 3/5 (60%) của giới hạn số tiền giữ lại như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Nhà tư vấn phải xác nhận và Chủ đầu tư phải thanh toán một nửa (50%) giới hạn tiền giữ lại cho Nhà thầu nếu họ có giấy bảo lãnh, theo mẫu và được một pháp nhân cung cấp do Chủ đầu tư chấp thuận với số tiền và tiền tệ bằng số tiền thanh toán.

Nhà thầu phải đảm bảo Giấy Bảo lãnh còn hạn và có hiệu lực cho tới khi Nhà thầu đã thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các hư hỏng, như đã quy định trong phần Bảo lãnh Hợp đồng thực hiện tại Khoản 4.2, và được hoàn trả cho Nhà thầu một cách thích hợp. Việc trả khoản tiền giữ lại này được thay cho việc trả nửa số tiền còn lại của số tiền giữ lại theo đoạn hai của Khoản 14.9.

Khoản 14.15 Tiền tệ thanh toán

Nếu toàn bộ số tiền được thanh toán phải là đồng nội tệ và toàn bộ số tiền thanh toán theo Hợp đồng phải là đồng nội tệ. Khoản tiền thanh toán bằng đồng nội tệ phải được tự do chuyển đổi, loại trừ những số tiền thanh toán chi phí trong nước. Phần trăm tính cho chi phí trong nước được quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Thu xếp tài chính

Đối với Hợp đồng lớn ở một số thị trường, có thể cần có đảm bảo về tài chính từ các pháp nhân như: cơ quan viện trợ, ngân hàng phát triển, cơ quan tín dụng xuất khẩu hoặc các tổ chức tài chính quốc tế khác. Nếu đầu tư tài chính là từ những nguồn này, Điều kiện riêng có thể cần phối hợp với các yêu cầu đặc biệt của chúng. Việc dùng từ chính xác phụ thuộc vào tổ chức liên quan, vì vậy cần tham khảo để đảm bảo yêu cầu của họ, và sự phê duyệt dự thảo Hồ sơ dự thầu.

Tổ chức tài chính hoặc ngân hàng có thể muốn Hợp đồng phải có các tham chiếu cho phần thu xếp tài chính, đặc biệt nếu Khoản tiền được thu xếp từ nhiều nguồn cho các nội dung công việc khác nhau. Sẽ là bình thường đối với Điều kiện riêng bao gồm các Khoản đặc biệt xác định các hạng, loại thiết bị khác nhau và quy định cụ thể các tài liệu sẽ được trình lên tổ chức cung cấp tài chính liên quan để được thanh toán. Nếu các yêu cầu của tổ chức tài chính không được đáp ứng, có thể gặp khó khăn (hoặc thậm chí không thể) đảm bảo việc cấp tài chính phù hợp cho dự án, và/hoặc tổ chức tài chính có thể khước từ cung cấp tài chính cho một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng.

Tuy nhiên, ở những nơi mà việc cấp tài chính không bị ràng buộc đối với xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ một nước nào đó nhưng được cung cấp đơn giản bởi các ngân hàng thương mại cho Chủ đầu tư vay, những ngân hàng này có thể quan tâm đến việc đảm bảo rất hạn chế quyền của Nhà thầu. Những ngân hàng này có thể muốn Hợp đồng được dựa trên Điều kiện Hợp đồng cho EPC/ các dự án chìa khóa trao tay của FIDIC.

Ở góc độ khác, Nhà thầu có thể được chuẩn bị để bắt đầu việc thu xếp tài chính và duy trì trách nhiệm đối với chúng, mặc dù Nhà thầu có thể không có khả năng hoặc không sẵn sàng cung cấp tài chính từ nguồn chính của mình. Các yêu cầu của ngân hàng cung cấp tài chính của Nhà thầu sẽ có những tác động đến thái độ của họ trong thương thảo Hợp đồng. Họ có thể yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán tạm thời, mặc dù tỷ lệ lớn giá Hợp đồng có thể được giữ lại cho tới khi công trình được hoàn thành. Vì Nhà thầu sau đó sẽ phải thu xếp tài chính của mình để trang trải thâm hụt giữa tiền thanh toán và số tiền phải bỏ ra, Nhà thầu (và ngân hàng cung cấp tài chính của mình) có thể sẽ yêu cầu một số mẫu bảo lãnh, bảo lãnh thanh toán khi nợ.

Có thể là thích hợp cho Chủ đầu tư, khi chuẩn bị tài liệu thầu, dự tính yêu cầu tiếp theo bằng việc đảm bảo cung cấp một bảo lãnh cho nội dung thanh toán mà Nhà thầu sẽ nhận

khi hoàn thành công trình. (Các) mẫu bảo lãnh chấp nhận được phải có trong Hồ sơ dự thầu, kèm với Điều kiện riêng: một mẫu ví dụ được đưa ra kèm tài liệu này, Phụ lục G. Có thể bổ sung Khoản sau:

CÁC QUY ĐỊNH MẪU CHO TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Chủ đầu tư phải xin (bằng chi phí của mình) một giấy bảo lãnh thanh toán số tiền và những loại tiền tệ và do một pháp nhân cấp, như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Chủ đầu tư phải chuyển bảo lãnh cho Nhà thầu trong vòng 28 ngày sau khi hai bên ký Thỏa thuận Hợp đồng. Giấy bảo lãnh phải theo mẫu đính kèm Điều kiện riêng này hoặc theo mẫu khác được Nhà thầu chấp thuận. Trừ phi và cho tới khi Nhà thầu nhận được giấy bảo lãnh, Nhà tư vấn không được thông báo theo Khoản 8.1.

Bảo lãnh phải được trả lại cho Chủ đầu tư tại thời điểm sớm nhất của những thời điểm sau:

- (a) khi Nhà thầu đã được thanh toán số tiền chấp thuận theo Hợp đồng.
- (b) khi nghĩa vụ theo bảo lãnh hết hạn hoặc đã được hoàn thành; hoặc
- (c) khi Chủ đầu tư đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 15 Chấm dứt bởi Chủ đầu tư

Khoản 15.2 Chấm dứt bởi Chủ đầu tư

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư cần phải kiểm tra rõ ràng cách dùng từ của Khoản này, và mỗi lý do chấm dứt dự kiến là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng.

Khoản 15.5 Quyền chấm dứt của Chủ đầu tư

Trừ phi không phù hợp với các yêu cầu của Chủ đầu tư và/hoặc các tổ chức tài chính, cần bổ sung thêm một câu:

VÍ DỤ: thêm vào phần cuối của Khoản 15.5

Chủ đầu tư cũng phải trả cho Nhà thầu số tiền do bất cứ sự mất mát hoặc thiệt hại nào do sự chấm dứt gây ra.

Điều 16 Tạm ngừng và chấm dứt bởi Nhà thầu

Khoản 16.2 Chấm dứt bởi Nhà thầu

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư cần phải kiểm tra kỹ cách dùng từ ngữ của Khoản này là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng. Nhà thầu cần phải kiểm tra kỹ mỗi lý do chấm dứt dự kiến là phù hợp với luật này.

Điều 17 **Rủi ro và trách nhiệm**

Khoản 17.6 **Giới hạn trách nhiệm**

VÍ DỤ: Trong Khoản 17.6, số tiền được đề cập trong câu gần cuối phải là:

Khoản bổ sung: Sử dụng chỗ ở/ phương tiện của Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu sử dụng tạm thời phương tiện của Chủ đầu tư, cần bổ sung một Khoản:

KHOẢN MẪU: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cản trở đối với các hạng mục được nêu chi tiết ở dưới, từ thời hạn sử dụng hoặc chiếm giữ của Nhà thầu, cho tới thời hạn chuyển giao hoặc trả lại (ở nơi nào mà việc chuyển giao hoặc trả lại được tiến hành sau thời hạn được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình):

(điền chi tiết)

Nếu có mất mát hoặc hư hỏng xảy ra đối với các hạng mục trên trong thời gian Nhà thầu phải chịu trách nhiệm, xuất phát từ bất cứ lý do nào ngoài những lý do mà Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm, Chủ thầu phải, bằng chi phí của mình, sửa chữa hư hỏng và mất mát đáp ứng yêu cầu của Nhà tư vấn.

Điều 18 **Bảo hiểm**

Việc dùng từ trong Điều kiện chung thể hiện việc bảo hiểm sẽ được thu xếp do “Bên Bảo hiểm” đó là Nhà thầu trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng. Do đó bảo hiểm được Nhà thầu cung cấp phải phù hợp theo các khoản chung đã thỏa thuận với Chủ đầu tư. Chỉ dẫn cho những Ứng thầu, vì vậy, có thể yêu cầu những Ứng thầu cung cấp chi tiết các khoản dự kiến.

Nếu Chủ đầu tư thu xếp một bảo hiểm nào đó theo Điều này, tài liệu thầu cần phải có các chi tiết như là phụ lục của Điều kiện riêng (để Ứng thầu có thể ước tính các bảo hiểm khác họ muốn có để bảo đảm cho bản thân họ), bao gồm các điều kiện, giới hạn, sự loại trừ và miễn bồi thường; theo mẫu của một bản sao của mỗi loại bảo hiểm. Chủ đầu tư có thể thấy khó ký những bảo hiểm đã mô tả trong đoạn 3 của Khoản 18.2 (đối với thiết bị của Nhà thầu, bao gồm thiết bị của Thầu phụ) vì Chủ đầu tư không biết số tiền hoặc trị giá những hạng mục thiết bị này. Cần có câu sau đây trong Điều kiện riêng:

VÍ DỤ: Xóa đoạn cuối của Khoản 18.2 và thay bằng:

Tuy nhiên, những bảo hiểm được nêu trong hai đoạn đầu của Khoản 18.2 phải do Chủ đầu tư ký và duy trì như là Bên Bảo hiểm, và không phải do Nhà thầu.

Khoản bổ sung: Bảo hiểm thiết kế

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu bảo hộ thêm cho bảo hiểm thiết kế, có thể bổ sung một khoản:

KHOẢN MẪU: Nhà thầu phải ký bảo hiểm bồi thường nghề nghiệp, gồm rủi ro sơ xuất về nghề nghiệp trong thiết kế công trình. Bảo hiểm này phải là có một giới hạn không kém hơn việc.....

Nhà thầu phải với nỗ lực của mình duy trì hiệu lực và tác dụng của bảo hiểm bồi thường nghề nghiệp cho tới khi.....Nhà thầu cam kết thông báo cho Chủ đầu tư kịp thời về bất cứ khó khăn nào trong việc gia hạn hoặc thay mới hoặc thu xếp lại bảo hiểm này.

Điều 19 Bất khả kháng

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư phải xác minh rằng từ ngữ của điều này là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng.

Điều 20 Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài

Khoản 20.2 Chỉ định Ban xử lý tranh chấp

Trừ phi Nhà tư vấn (mặc dù được Chủ đầu tư chỉ định) phải đưa ra các quyết định phân xử trước theo Điều 20 này, theo sự lựa chọn được nêu rõ ở phần dưới. Hợp đồng phải gồm các quy định theo điều 20, trong khi khuyến khích các bên đạt được sự thỏa thuận về tranh chấp trong lúc công trình vẫn tiếp tục, cho phép họ đưa các vấn đề tranh chấp lên một Ban xử lý tranh chấp công bằng (“BXLTC”).

Thành công của việc xử lý phụ thuộc vào, trong số các yếu tố khác, niềm tin của các bên đối với các cá nhân đã được thỏa thuận sẽ nằm trong Ban xử lý tranh chấp. Vì vậy, nhất thiết là các ứng cử viên vào vị trí này không bị áp đặt do một trong hai bên, và nếu cá nhân được chọn theo Khoản 20.3, việc lựa chọn phải do một cơ quan hoàn toàn vô tư thực hiện. FIDIC sẽ thực hiện vai trò này, nếu cơ quan này được ủy thác đúng với cách viết trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Khoản 20.2 đưa ra việc bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp sau khi một bên thông báo dự định của mình sẽ đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp. Tuy nhiên, đối với một số loại dự án nhất định, đặc biệt là những dự án liên quan đến công việc lớn trên công trường, nơi mà sẽ thích hợp nếu Ban xử lý tranh chấp đến thăm công trường thường xuyên, có thể quyết định duy trì hoạt động của một Ban xử lý tranh chấp thường xuyên. Trong trường hợp này, Khoản 20.2 và 20.4 cùng với Phụ lục và Phụ thêm vào Điều kiện chung, và Thỏa thuận xử lý tranh chấp, phải được sửa đổi để tuân thủ với các viết phù hợp trong Điều kiện Hợp đồng Xây dựng FIDIC.

Khoản 20.2 cung cấp 2 cách sắp xếp khác nhau cho Ban xử lý tranh chấp (BXLTC):

- (a) một người, với tư cách là thành viên duy nhất của BXLTC, đã ký thỏa thuận tay ba với cả hai bên; hoặc
- (b) một Ban xử lý tranh chấp gồm 3 người, mỗi người đã ký thỏa thuận tay ba với hai bên.

Mẫu của thỏa thuận tay ba này có thể là một trong hai cách đã trình bày ở phần cuối của ấn phẩm này, thích hợp cho việc sắp xếp được áp dụng. Cả hai mẫu này kết hợp (để tham khảo) Điều kiện chung của Thỏa thuận xử lý tranh chấp, là Phụ lục của Điều kiện chung bởi vì chúng cũng được đề cập tới trong Khoản 20.2. Theo mẫu nào trong hai mẫu Thỏa thuận xử lý tranh chấp này, mỗi cá nhân được tham khảo như một thành viên.

Trước khi ký kết Hợp đồng, cần xem xét liệu Ban xử lý tranh chấp 1 người hay 3 người sẽ thích hợp hơn cho một dự án cụ thể, có tính đến quy mô, thời gian và các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

Việc bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp có thể được thuận lợi bằng cách có một danh sách các thành viên tiềm năng đã được chấp thuận trong Hợp đồng: một bảng.

Một cách khác, Nhà tư vấn có thể quyết định phân xử trước. Sự lựa chọn này, đã là vai trò truyền thống của Nhà tư vấn ở những nước có luật chung, có thể thích hợp nếu Nhà tư vấn là một chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp độc lập có kinh nghiệm và nguồn lực đáp ứng cho việc quản lý mọi khía cạnh của Hợp đồng. Chủ đầu tư cần phải nhìn nhận rằng, mặc dù Nhà tư vấn thông thường làm việc cho Chủ đầu tư như đã quy định tại Khoản 3.1 (a), Nhà tư vấn sẽ có quyết định phân xử trước một cách vô tư và Chủ đầu tư không được làm ảnh hưởng đến sự vô tư này. Nếu sự lựa chọn này được xem là thích hợp, Khoản này có thể được thay đổi:

KHOẢN MẪU CHO QUYẾT ĐỊNH PHÂN XỬ TRƯỚC CỦA NHÀ TƯ VẤN:

Bỏ Khoản 20.2 và 20.3.

Xóa bỏ Khoản 20.4 và thay bằng Khoản 20.4 đã ấn hành trong Các Điều kiện của Hợp đồng Xây dựng của FIDIC xuất bản lần đầu năm 1999, và sau đó xóa bỏ 2 đoạn 2 của Khoản 20.4 đã được thay thế này và bổ sung đoạn sau:

Nhà tư vấn phải đóng vai trò là Ban xử lý tranh chấp theo Khoản 20.4 này, làm việc một cách công bằng, không thiên vị và bằng chi phí của Chủ đầu tư. Trong trường hợp, Chủ đầu tư định thay Nhà tư vấn thông báo của Chủ đầu tư theo Khoản 3.4 phải gồm những đề xuất chi tiết về việc chỉ định một Ban xử lý tranh chấp thay thế.

Khoản 20.5 Hòa giải

Những quy định của Khoản này là để khuyến khích các bên giải quyết một tranh chấp một cách hữu hảo, không cần trọng tài: ví dụ, bằng thương lượng trực tiếp, hòa giải, dàn xếp, hoặc các dạng giải quyết tranh chấp lựa chọn khác. Thủ tục hòa giải, để thành công, thường phụ thuộc vào niềm tin và sự chấp thuận thủ tục của cả hai bên. Vì vậy, không bên nào được tìm cách nắm bắt bên kia chấp nhận thủ tục.

Khoản 20.6 Trọng tài

Hợp đồng nên gồm các điều khoản cho giải quyết bằng trọng tài quốc tế đối với bất cứ tranh chấp nào mà nó không giải quyết được bằng hòa giải. Trong các Hợp đồng xây dựng

quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế có nhiều lợi thế về vụ kiện ở tòa án quốc gia, và có thể dễ được các bên chấp thuận hơn.

Cần xem xét cẩn thận để đảm bảo rằng những quy định trọng tài quốc tế được chọn là tương hợp với các quy định của Khoản 20 và với các nội dung khác được đưa ra trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Các quy định trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế (“ICC” được đóng ở 38 Cours Albert 1^{er}, 75008 Paris, Pháp) thường có trong các Hợp đồng quốc tế. Trong sự thiếu vắng các quy định cụ thể về số lượng trọng tài và nơi trọng tài phân xử, Tòa án trọng tài quốc tế của ICC sẽ quyết định số lượng trọng tài (thường là 3 trong tranh chấp xây dựng lớn) và nơi trọng tài phân xử.

Nếu các quy định trọng tài UNCITRAL (hoặc các đơn vị trọng tài khác không phải là ICC) được lựa chọn, cần chỉ định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, một tổ chức chỉ định trọng tài hoặc quản lý việc trọng tài, trừ phi tổ chức này được nêu tên (và vai trò cụ thể của họ) trong Các quy định trọng tài. Có thể cũng cần đảm bảo, trước khi chỉ định một tổ chức trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, là có chuẩn bị bổ nhiệm hoặc quản lý.

Đối với các dự án lớn được đấu thầu quốc tế, thông thường nơi phân xử phải là ở một nước khác với nước của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu. Nước này cần phải có luật trọng tài hiện đại và không thành kiến và đã phê chuẩn một công ước song phương hoặc đa phương (như Công ước Niu Oóc 1958 về thừa nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài) hoặc cả hai, mà sẽ tạo điều kiện thi hành một quyết định trọng tài ở các nước của các bên.

Có thể xem là mong muốn trong một số trường hợp cho các Bên khác tham gia vào phân xử trọng tài giữa các Bên, tạo ra một trọng tài đa Bên. Trong khi điều này có thể là khả thi, các điều khoản về trọng tài đa Bên yêu cầu soạn thảo kỹ, và thường cần được soạn thảo trên cơ sở từng trường hợp. Chưa có mẫu tiêu chuẩn về điều khoản trọng tài đa Bên cho sử dụng quốc tế nào được ban hành

Các Phụ lục

CÁC MẪU BẢO LÃNH

(Các) mẫu bảo lãnh có thể chấp nhận được cần phải có trong tài liệu thầu: đối với Phụ lục A và/hoặc B, trong phần chỉ dẫn cho các Ứng thầu; và đối với các Phụ lục C đến G, được kèm theo Điều kiện riêng. Các mẫu sau đây, (loại trừ Phụ lục A) kết hợp với Các quy tắc thống nhất do Phòng thương mại quốc tế xuất bản (“ICC”, được đóng ở 38 Cours Albert 1^{er}, 75008 Paris, Pháp), có thể phải được điều chỉnh cho đúng với luật hiện hành. Mặc dù ICC xuất bản các hướng dẫn Các quy tắc thống nhất này, cần có sự cố vấn về pháp lý trước khi soạn thảo các bảo lãnh. Chú ý rằng số tiền được bảo lãnh phải được tính bằng tất cả các loại tiền tệ, như đã quy định trong Hợp đồng, theo đó người bảo lãnh trả cho người thụ hưởng.

Phụ lục A: MẪU BẢO LÃNH CỦA CÔNG TY MẸ

{Xem trang 30, và các ý kiến tại Khoản 1.14}

Mô tả tóm tắt Hợp đồng(cùng với những người kế thừa và thừa hưởng)

Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư(cùng với những người kế thừa và thừa hưởng)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Nhà thầu”) đang đề trình một bản chào cho Hợp đồng này theo thư mời thầu của các ông, và các điều kiện trong thư mời thầu của các ông yêu cầu bản chào của Nhà thầu phải được hỗ trợ bằng một bảo lãnh của công ty mẹ.

Để các ông, với tư cách là Chủ đầu tư, xem xét, giao Hợp đồng cho Nhà thầu, chúng tôi (tên của công ty mẹ).....bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện với các ông, như một nghĩa vụ đầu tiên, việc thực hiện đúng tất cả các trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng, gồm việc Nhà thầu tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện theo ý nghĩa và ý định của chúng.

Nếu Nhà thầu không thực hiện như vậy các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình và không tuân thủ Hợp đồng, chúng tôi sẽ bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ mất mát, thiệt hại và các chi phí (gồm chi phí và phí pháp lý) phát sinh từ việc không thực hiện này mà Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với Chủ đầu tư theo Hợp đồng..

Bảo lãnh này sẽ chính thức có hiệu lực và tác dụng khi Hợp đồng chính thức có hiệu lực và tác dụng. Nếu Hợp đồng chưa chính thức có hiệu lực và tác dụng trong vòng một năm kể từ ngày có giấy bảo lãnh này, hoặc nếu các ông tỏ thái độ rằng các ông không định ký kết Hợp đồng với Nhà thầu, bảo lãnh này sẽ bị hủy bỏ và vô hiệu. Bảo lãnh này sẽ tiếp tục có hiệu lực và tác dụng cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng, khi bảo lãnh này sẽ hết hạn và sẽ được trả lại cho chúng tôi, và theo đó nghĩa vụ của chúng tôi sẽ được hoàn thành đầy đủ.

Bảo lãnh này sẽ áp dụng và bổ sung cho Hợp đồng khi được Chủ đầu tư và Nhà thầu sửa đổi hoặc thay đổi theo từng đợt. Chúng tôi sau đây cho phép họ thỏa thuận bất kỳ sửa đổi hoặc thay đổi nào, việc thực hiện đúng những cái và tuân thủ những cái mà Nhà thầu cũng được bảo lãnh dưới đây. Nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng tôi trước bảo lãnh đó sẽ không được hoàn thành do một sự cho phép về thời gian hoặc bất kể đặc ân nào khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu, hoặc do sự biến đổi hoặc tạm dừng công trình được thực hiện theo Hợp đồng, hoặc do bất cứ sửa đổi của Hợp đồng hoặc của tổ chức Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư, hoặc do bất cứ vấn đề nào khác, bất kể là chúng tôi có biết và đồng ý hoặc không biết và không đồng ý.

Bảo lãnh này sẽ do luật của cùng một quốc gia điều chỉnh (hoặc cơ quan quyền lực khác) như luật điều chỉnh Hợp đồng và bất cứ tranh chấp nào theo bảo lãnh này sẽ được giải quyết cuối cùng theo Các quy định trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế do một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo các quy định này. Chúng tôi khẳng định rằng lợi ích của bảo lãnh này có thể chuyển nhượng chỉ phụ thuộc vào các quy định này. Chúng tôi khẳng định rằng lợi ích của bảo lãnh này có thể được chuyển nhượng chỉ phụ thuộc vào các quy định về chuyển nhượng của Hợp đồng.

Ngày.....(Các) Chữ ký

Phụ lục B: MẪU BẢO LÃNH THẦU

[Xem trang 126]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng(người mà tài liệu thầu xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) đang đệ trình một bản chào cho Hợp đồng này theo thư mời thầu của các ông, và các điều kiện trong thư mời thầu của các ông (“các điều kiện của thư mời thầu”, được đề ra trong tài liệu có tên Các hướng dẫn cho các Nhà dự thầu) yêu cầu bản chào của người có trách nhiệm này phải được hỗ trợ bằng một bảo lãnh thầu.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không quá số tiền.....(bằng chữ:.....) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản của ông và bản viết trình bày của ông (theo yêu cầu) nêu rõ rằng:

- (a) Người chịu trách nhiệm đã, không được sự đồng ý của các ông, rút lại bản chào của mình sau thời hạn cuối cùng được quy định cho đệ trình và trước khi hết hạn thời hạn hiệu lực của chúng, hoặc
- (b) Người chịu trách nhiệm đã từ chối chấp nhận việc sửa chữa các sai sót trong bản chào của mình theo các điều kiện của thư mời thầu, hoặc
- (c) Ông đã trao Hợp đồng cho người có trách nhiệm và họ không tuân thủ khoản 1.6 của Điều kiện Hợp đồng.
- (d) Ông đã trao Hợp đồng cho người có trách nhiệm và anh ta không tuân thủ khoản 4.2 của các Điều kiện Hợp đồng.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào phải có chữ ký của ông mà chữ ký đó phải được các ngân hàng của ông hoặc phòng công chứng chứng thực. Nhu cầu và biên bản được chứng thực này vào hoặc trước (*thời hạn 35 ngày sau khi hết hạn hiệu lực của Thư dự thầu*)....., khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả lại cho chúng tôi.

Bảo lãnh này theo Các quy tắc thống nhất về Bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ trường hợp đã quy định ở trên.

Ngày.....(Các) Chữ ký

Phụ lục C: MẪU BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG – BẢO LÃNH THEO NHU CẦU

[Xem ý kiến tại Khoản 4.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....(người mà Hợp đồng xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này, yêu cầu họ có bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không quá số tiền.....(“Số tiền theo giấy bảo lãnh bằng chữ:.....”) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản của ông và bản viết trình bày của ông (theo yêu cầu) nêu rõ rằng:

- (a) Người chịu trách nhiệm vi phạm trách nhiệm của mình theo Hợp đồng, và
- (b) nội dung mà người chịu trách nhiệm vi phạm.

[Theo bản sao có công chứng biên bản nghiệm thu toàn bộ công trình mà chúng tôi nhận được theo điều 10 của các Điều kiện Hợp đồng, số tiền được bảo lãnh này sẽ được giảm.....% và chúng tôi sẽ thông báo ngay cho ông rằng chúng tôi đã nhận được chứng nhận này và đã giảm số tiền bảo lãnh thích hợp]⁽¹⁾

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào cũng phải có chữ ký của [bộ trưởng/giám đốc] của các ông mà chữ ký đó phải được các ngân hàng của các ông hoặc phòng công chứng chứng thực. Nhu cầu và biên bản đã được chứng thực này phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 70 ngày sau hạn dự kiến thời hạn xác định các hư hỏng của công trình*).....(ngày hết hạn), khi bảo lãnh này hết hạn và sẽ được trả cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu chúng nhận thực hiện theo Hợp đồng còn chưa được cấp vào thời hạn 28 ngày trước ngày hết hạn này. Chúng tôi cam kết thanh toán cho các ông số tiền được bảo lãnh khi chúng tôi nhận được, trong vòng 28 ngày, yêu cầu bằng văn bản của các ông và bản trình bày viết rằng chúng chỉ thực hiện không được cấp, vì những lý do được quy cho người chịu trách nhiệm, và bảo lãnh này còn chưa được gia hạn.

Bảo lãnh này sẽ do các luật của.....điều chỉnh và phải theo các quy định về bảo lãnh theo nhu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, loại trừ đã quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký.....

⁽¹⁾ Khi soạn thảo Hồ sơ dự thầu, người soạn thảo cần xác định xem liệu có đưa đoạn văn ở trong ngoặc [] vào không.

Phụ lục D: MẪU BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG – GIẤY BẢO ĐẢM

[Xem ý kiến tại khoản 4.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....(cùng với những người kế thừa và thụ hưởng, tất cả như đã được xác định trong hợp đồng là Chủ đầu tư)

Bằng Giấy bảo lãnh này, (*tên và địa chỉ của Nhà thầu*).....(người là Nhà thầu theo Hợp đồng này) là người chịu trách nhiệm và (*tên và địa chỉ của người bảo lãnh*) là người bảo lãnh được duy trì không thể hủy ngang và ràng buộc chặt với người thụ hưởng bằng tổng số tiền..... (“Số tiền theo giấy bảo lãnh” bằng chữ:.....) cho việc thực hiện đúng toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm này của người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng. [Số tiền theo giấy bảo lãnh này sẽ được chiết khấu.....% khi phát hành Chứng nhận bàn giao toàn bộ công trình theo Điều 10 của các Điều kiện của Hợp đồng]⁽¹⁾

Giấy bảo lãnh này sẽ có hiệu lực từ ngày khởi công như đã quy định trong Hợp đồng.

Đối với sự không đáp ứng của người chịu trách nhiệm trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ Hợp đồng nào, hoặc do xảy ra bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào đã được liệt kê tại Khoản 15.2 của các Điều kiện của Hợp đồng, người bảo lãnh sẽ phải làm thỏa mãn và trả tiền cho những thiệt hại mà người thụ hưởng phải chịu do sự không đáp ứng, sự việc hoặc trường hợp đó⁽²⁾. Tuy nhiên, toàn bộ trách nhiệm của người bảo lãnh phải không được quá số tiền theo Giấy bảo lãnh.

Nghĩa vụ và trách nhiệm của người bảo lãnh sẽ không hoàn thành do bất kể sự cho phép về thời gian hoặc bất cứ đặc ân nào khác mà người thụ hưởng dành cho người chịu trách nhiệm, hoặc do bất kể sự biến đổi hoặc tạm dừng công trình được thực hiện theo Hợp đồng, hoặc do sự sửa đổi Hợp đồng hoặc quy ước của người chịu trách nhiệm hoặc người thụ hưởng, hoặc do bất cứ vấn đề nào khác, bất kể có hoặc không có sự biết rõ hoặc đồng ý của người bảo lãnh.

Bất cứ khiếu nại nào thuộc Giấy bảo lãnh này phải được người bảo lãnh nhận vào hoặc trước (*thời hạn sáu tháng sau hạn dự kiến thời hạn thông báo hư hỏng của công trình*) (“Ngày hết hạn”), khi giấy bảo lãnh này sẽ hết hạn và sẽ được trả lại cho người bảo lãnh.

Lợi ích của Giấy bảo lãnh này có thể được chuyển nhượng theo các quy định về chuyển nhượng Hợp đồng và phụ thuộc vào việc người bảo lãnh nhận được các bằng chứng về việc tuân thủ toàn bộ các quy định này.

Giấy bảo lãnh này phải được điều chỉnh bởi luật của cùng một nước (hoặc cơ quan quyền lực khác) như luật điều chỉnh Hợp đồng này. Giấy bảo lãnh này kết hợp và sẽ phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về Giấy bảo lãnh Hợp đồng, do Phòng Thương mại quốc tế phát hành số 524, và các từ ngữ được sử dụng trong Giấy bảo lãnh này phải chứa đựng các ý nghĩa được nêu trong các quy tắc này.

Do vậy, Giấy bảo lãnh này được ban hành bởi Người chịu trách nhiệm và Người bảo lãnh phát hành vào (ngày tháng năm)

Chữ ký đại diện hoặc thay mặt người chịu trách nhiệm

Chữ ký đại diện hoặc thay mặt người bảo lãnh

⁽¹⁾ Khi soạn thảo Hồ sơ dự thầu, người biên soạn phải xác định liệu có đưa vào đoạn văn lựa chọn đã trình bày trong dấu ngoặc đơn [] hay không

⁽²⁾ Bổ sung: [và không được quyền thực hiện các nghĩa vụ của người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng]

hoặc: [hoặc theo lựa chọn của Người bảo lãnh (sẽ được thực hiện bằng văn bản trong vòng 42 ngày nhận được khiếu nại nêu rõ sự không đáp ứng) thực hiện các nghĩa vụ của Người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng]

Phụ lục E: MẪU BẢO LÃNH CHO ỨNG TRƯỚC

[Xem ý kiến tại khoản 14.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....(người mà Hợp đồng quy định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này và muốn nhận được một khoản ứng trước, mà Hợp đồng yêu cầu họ phải có giấy bảo lãnh.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không quá số tiền.....(“Số tiền theo giấy bảo lãnh bằng chữ:.....”) trên cơ sở việc chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và bản trình bày viết nêu rằng:

- (a) việc người chịu trách nhiệm không thanh toán lại số tiền thanh toán trước theo các điều kiện của Hợp đồng, và
- (b) số tiền mà người chịu trách nhiệm không thanh toán lại.

Bảo lãnh này sẽ có hiệu lực khi người chịu trách nhiệm nhận được [lần đầu tiên] số tiền ứng trước. Số tiền bảo lãnh này sẽ được chiết khấu theo số tiền thanh toán trước được thanh toán cho các ông, như đã có bằng chứng bởi các thông báo của các ông được ban hành theo Khoản 14.6 của các Điều kiện của Hợp đồng. Khi nhận được (từ người chịu trách nhiệm) một bản sao của từng thông báo giải thích, chúng tôi sẽ thông báo ngay cho ông số tiền bảo lãnh đã được điều chỉnh thích hợp.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào đều phải có (các) chữ ký của ông mà phải được các ngân hàng của ông hoặc Phòng Công chứng chứng thực. Yêu cầu đã được chứng thực và biên bản phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*Thời hạn 70 ngày sau khi hết hạn theo dự kiến của thời hạn hoàn thành*).....(“Thời hạn hết hạn”), khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả lại cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu khoản tiền ứng trước không được thanh toán vào thời hạn 28 ngày trước ngày hết hạn này. Chúng tôi cam kết trả cho ông số tiền bảo lãnh này khi chúng tôi nhận được, trong vòng 28 ngày, yêu cầu bằng văn bản của ông và biên bản rằng số tiền ứng trước đã chưa được thanh toán lại và bảo lãnh này còn chưa được gia hạn.

Bảo lãnh này sẽ do các luật của.....điều chỉnh và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế phát hành số 458, trừ các quy định ở trên.

Thời gian.....(Các) chữ ký

Phụ lục F:

MẪU GIẤY BẢO LÃNH TIỀN GIỮ LẠI

[Xem ý kiến tại khoản 14.9]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....(người mà Hợp đồng xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi được thông báo(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này và muốn nhận được một thanh toán sớm (một phần) số tiền giữ lại, mà Hợp đồng yêu cầu họ phải có một bảo lãnh.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không quá số tiền.....(“Số tiền theo giấy bảo lãnh”) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và bản trình bày viết của các ông nêu rõ:

(a) người chịu trách nhiệm không thực hiện nghĩa vụ của mình để sửa chữa các thiếu sót cụ thể mà họ phải chịu trách nhiệm theo Hợp đồng, và

(b) tính chất của các sai sót này.

Tại bất cứ thời điểm nào, nghĩa vụ của chúng tôi theo bảo lãnh này sẽ không được lớn hơn tổng số tiền giữ lại mà các ông đã chuyển cho người chịu trách nhiệm, như các thông báo của ông đã chứng minh theo Khoản 14.6 của các Điều kiện của Hợp đồng với một bản sao được chuyển cho chúng tôi.

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào cũng phải có (các) chữ ký của ông mà những chữ ký đó phải được các ngân hàng của ông hoặc phòng Công chứng chứng thực. Nhu cầu và trình bày đã được chứng thực phải do chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 70 ngày sau hạn dự kiến thời hạn xác định các hư hỏng của công trình*)(“Thời hạn hết hạn”), khi bảo lãnh này hết hạn và được trả lại cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu Chứng chỉ thực hiện theo Hợp đồng không được ban hành vào thời hạn 28 ngày trước thời hạn này. Chúng tôi cam kết thanh toán cho ông số tiền bảo lãnh này khi chúng tôi nhận được, trong vòng thời hạn 28 ngày này, yêu cầu của các ông bằng văn bản và trình bày của các ông là chứng chỉ thực hiện đã không được ban hành và bảo lãnh này đã không được gia hạn.

Bảo lãnh này phải được điều chỉnh bởi các luật pháp của.....và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ các quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký.....

Phụ lục G:

MẪU BẢO LÃNH THANH TOÁN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Xem trang 32 Tài chính của Nhà thầu]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng (người mà Hợp đồng xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi được thông báo rằng(người mà Hợp đồng quy định là Chủ đầu tư và người sau đây gọi là “Người chịu trách nhiệm”) được yêu cầu có một bảo lãnh ngân hàng.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Nhà thầu, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không vượt quá(bằng chữ) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và biên bản của các ông nêu:

- (a) rằng, về thanh toán đúng theo Hợp đồng, người chịu trách nhiệm đã không thanh toán đầy đủ vào thời hạn 14 ngày sau thời hạn của thời gian đã quy định trong Hợp đồng mà trong thời gian đó việc thanh toán này lẽ ra đã phải được thực hiện, và
- (b) số tiền mà người chịu trách nhiệm đã không thanh toán.

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào đều phải được đính kèm theo một bản sao của [*danh mục tài liệu chứng minh quyền được thanh toán*]....., về việc mà người chịu trách nhiệm đã không thanh toán đầy đủ.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào đều phải có (các) chữ ký của ông mà chữ ký này phải do các ngân hàng của ông hoặc Phòng Công chứng chứng thực. Nhu cầu và trình bày đã được chứng thực phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 6 tháng sau khi hạn dự định về thời hạn thông báo hư hỏng*)..... khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả cho chúng tôi.

Bảo lãnh này phải do các luật của.....điều chỉnh và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ các quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

**Điều kiện Hợp đồng
NHÀ MÁY VÀ
THIẾT KẾ - XÂY DỰNG**

**DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ**

**Các mẫu thư dự thầu, thỏa thuận Hợp đồng
và thỏa thuận xử lý tranh chấp**

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

THƯ DỰ THẦU

HỢP ĐỒNG

KÍNH GỬI:

Chúng tôi đã kiểm tra Các điều kiện của Hợp đồng, Các yêu cầu của Chủ đầu tư, các bảng biểu, các phụ lục và chú thích kèm theo số:.....hoặc công trình được nêu trên đây. Chúng tôi đã kiểm tra, hiểu và soát xét các tài liệu này và tin rằng chúng không có sai sót. Do vậy chúng tôi xin được thiết kế, thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót nảy sinh theo đúng với Hồ sơ dự thầu này bao gồm tất cả các tài liệu và đề xuất kèm theo cho giá trọn gói là: *(loại tiền thanh toán)*

Chúng tôi chấp nhận các khuyến nghị của các ông về việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp như đã nêu trong danh sách

[Chúng tôi đã hoàn chỉnh danh sách bằng việc bổ sung khuyến nghị của chúng tôi đối với thành viên khác của Ban xử lý tranh chấp, nhưng các khuyến nghị này không phải là các điều kiện của đề nghị này].

Chúng tôi nhất trí tuân thủ theo Hồ sơ dự thầu này cho đến..... và nó sẽ ràng buộc chúng tôi và có thể được chấp nhận ở bất kỳ thời điểm nào trước ngày này. Chúng tôi xác nhận rằng Phụ lục là một phần của Thư dự thầu.

Nếu đề nghị này được chấp nhận, chúng tôi sẽ cung cấp Bảo lãnh hợp đồng theo quy định, bắt đầu công việc ngay sau khởi công và hoàn thành các công trình đúng với các tài liệu có tên trên trong thời hạn hoàn thành. Chúng tôi cam kết rằng công trình sẽ đúng với các nội dung bảo đảm.

Trừ phi và cho đến khi một thỏa thuận chính thức được lập và thực hiện, cùng với sự chấp nhận bằng văn bản của các ông, Thư dự thầu này sẽ làm thành một Hợp đồng ràng buộc giữa chúng ta.

Chúng tôi hiểu rằng các ông không bắt buộc phải chấp nhận bản chào giá thấp nhất hay bất kỳ bản chào khác mà các ông có thể nhận được.

Chữ ký: với tư cách là:

Có thẩm quyền ký Thư dự thầu và thay mặt cho.....

Địa chỉ:

.....

Ngày:

* Nếu ứng thầu không chấp nhận, đoạn này có thể được bỏ hoặc thay thế bằng:

Chúng tôi không chấp nhận các khuyến nghị của các ông về chỉ định Ban xử lý tranh chấp. Chúng tôi đã đưa các khuyến nghị của chúng tôi vào danh sách, nhưng những đề nghị này không phải là các điều kiện của đề nghị này. Nếu những khuyến nghị này không được các ông chấp nhận, chúng tôi đề xuất rằng Ban xử lý tranh chấp sẽ được chỉ định chung theo Khoản 20.2 của Các Điều kiện của Hợp đồng.

PHỤ LỤC HỒ SƠ THẦU

[Ghi chú: ngoại trừ các điều khoản mà các yêu cầu của Chủ đầu tư đã có, các thông tin sau đây phải được hoàn chỉnh trước khi hồ sơ thầu được nộp]

Khoản mục	Khoản	Mục ghi
Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư.....	1.1.2.2&1.3
Tên và địa chỉ của Nhà thầu	1.1.2.3&1.3
Tên và địa chỉ của Nhà tư vấn	1.1.2.4&1.3
Thời gian hoàn thành công trình.....	1.1.3.3ngày
Thời gian thông báo sai sót.....	1.1.3.7	365 ngày
Các hệ thống chuyển tải điện tử	1.3
Luật điều chỉnh	1.4
Ngôn ngữ quy định	1.4
Ngôn ngữ giao tiếp	1.4
Thời gian cho tiếp cận công trường	2.1ngày sau Ngày khởi công
Số tiền bảo lãnh Hợp đồng	4.2% của số tiền được chấp nhận theo Hợp đồng, bằng các loại tiền tệ và các tỷ lệ mà Giá Hợp đồng có thể thanh toán.
Thời gian thông báo các lỗi, khuyết tật và sai sót không lường trước được trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.....	5.1ngày
Giờ làm việc bình thường	6.5
Thiệt hại đến công trình do chậm trễ	8.7&14.15(b)% của Giá Hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày, bằng các loại

tiền tệ và các tỷ lệ
mà Giá Hợp đồng có
thể thanh toán

Số tiền tối đa của thiệt hại do chậm trễ.... 8.7% của Giá Hợp đồng cuối cùng

Nếu có các khoản tạm thời:

Phần trăm cho điều chỉnh các khoản tạm thời 13.5(b)%

Chữ ký tắt của người ký Hồ sơ thầu

Nếu khoản 13.8 áp dụng:

Điều chỉnh do thay đổi trong chi phí:

Bảng số liệu điều chỉnh 13.8 Cho các khoản thanh toán mỗi tháng/năm (tiền)

Hệ số; Phạm vi của chỉ số	Nước xuất xứ; Tiền tệ của chỉ số	Nguồn của chỉ số; Tên/xác định	Giá trị vào ngày công bố	
			Giá trị	Ngày
a = 0.10 cố định
b =Lao động
c =
d =

* các giá trị và các số liệu này khẳng định sự xác định của mỗi chỉ số nhưng không xác định các chỉ số vào Ngày hẹn

Tổng số ứng trước 14.2 % của số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng

Số lượng và thời gian các đợt thanh toán .. 14.2

Các loại tiền tệ và các tỷ lệ 14.2 % bằng
..... % bằng

Bắt đầu chi trả lại khoản ứng trước 14.2(a) Khi các khoản thanh toán là% của số tiền được chấp thuận theo Hợp

		đồng ít hơn các số tiền dự phòng
Chi trả dần khoản ứng trước	14.2(b).....%
Số phần trăm giữ lại	14.3%
Giới hạn số tiền giữ lại	14.3% của số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng

Nếu Khoản 14.5 áp dụng:

Thiết bị và vật tư để được thanh toán

đang trên đường tới công trường	14.5(b)[danh mục]
	[danh mục]

Thiết bị và vật tư để được thanh toán đã

được chuyển tới công trường	14.5(c)[danh mục]
	[danh mục]

Số tiền tối thiểu của các Chứng chỉ

thanh toán tạm thời	14.6% của số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng
---------------------------	------------	--

Nếu các thanh toán chỉ được thực hiện bằng loại tiền tệ/các loại tiền tệ được nêu tên trong trang đầu của Thư dự thầu:

Loại tiền tệ/các loại tiền tệ thanh toán	14.15	như đã được nêu tên trong Thư dự thầu
--	-------------	---------------------------------------

Chữ ký tắt của người ký Hồ sơ thầu

Nếu một số khoản thanh toán được trả bằng một loại tiền/các loại tiền không được nêu tên trong trang đầu của Thư dự thầu:

Các loại tiền thanh toán	14.15
--------------------------------	-------------

Đơn vị tiền tệ	Phần trăm trả bằng tiền tệ	Tỷ giá hối đoái: tỉ lệ tiền nội tệ/một đơn vị ngoại tệ
Nội tệ: {tên}	1.000

Ngoại t^ê: {t^{ên}}
..... {t^{ên}}

Các khoảng thời gian nộp bảo hiểm:

(a) Chứng từ bảo hiểm 18.1 ngày

(b) Các hợp đồng bảo hiểm liên quan 18.1 ngày

Khoản khấu trừ tối đa cho bảo hiểm đối

với các rủi ro của Chủ đầu tư 18.2(d)

Khoản bảo hiểm tối thiểu của

Bên thứ ba 18.3

Ban xử lý tranh chấp sẽ 20.2 là:

Một thành viên duy nhất/
người xử lý

Hoặc

Ban xử lý tranh chấp có ba
thành viên

Việc chỉ định (nếu không nhất trí) được

thực hiện bởi 20.3 Chủ tịch FIDIC hoặc người
được Chủ tịch chỉ định

Nếu có các hạng mục:

Định nghĩa các hạng mục:

Mô tả (Khoản 1.1.5.6)	Trị giá: phần trăm của Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng	Thời gian Hoàn thành (Khoản 1.1.3.8)	Thiệt hại do chậm trễ (Khoản 8.7)
.....
.....
.....

* Những phần trăm này cũng sẽ được áp dụng cho mỗi nửa phần tiền giữ lại theo Khoản 14.9.

[Trong Phụ lục trên, phần in nghiêng nhằm giúp người soạn thảo một Hợp đồng riêng bằng việc cung cấp hướng dẫn về các điều khoản liên quan đến Hợp đồng riêng này. Phần in nghiêng này không cần gộp vào trong Hồ sơ thầu vì nhìn chung nó tỏ ra không thích hợp cho các Ứng thầu]

.....
Chữ ký tắt của người ký Hồ sơ thầu

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Thỏa thuận này được lập vào ngày tháng năm

Giữa của (dưới đây được gọi là “Chủ đầu tư”) của một Bên

Và của (dưới đây được gọi là “Nhà thầu”) của Bên kia

Căn cứ mong muốn của Chủ đầu tư đối với công trình được biết đến là cần được thực hiện bởi Nhà thầu, và đã chấp nhận hồ sơ thầu của Nhà thầu để thực hiện và hoàn thành công trình này và sửa chữa mọi sai sót trong đó.

Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận như sau:

1. Trong thỏa thuận này các từ ngữ và câu chữ phải có cùng nghĩa được ấn định riêng cho chúng trong các Điều kiện Hợp đồng được tham khảo dưới đây.
2. Các tài liệu sau đây phải được coi như là để tạo thành, được hiểu và diễn giải như một phần của thỏa thuận này:
 - (a) Thư chấp thuận ngày...
 - (b) Thư dự thầu ...
 - (c) Phần phụ chú
 - (d) Các Điều kiện của Hợp đồng
 - (e) Các yêu cầu của Chủ đầu tư
 - (f) Các bảng biểu hoàn thành, và
 - (g) Đề xuất của Nhà thầu
3. Khi xem xét đến các khoản thanh toán được thực hiện bởi Chủ đầu tư cho Nhà thầu như đề cập dưới đây, Nhà thầu thỏa thuận với Chủ đầu tư sẽ thiết kế, thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót hư hỏng trong đó đúng với các điều khoản của Hợp đồng.
4. Chủ đầu tư thỏa thuận thanh toán cho Nhà thầu, có xem xét đến việc thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót hư hỏng, Giá Hợp đồng tại các thời điểm và theo phương thức được Hợp đồng quy định.

Để làm chứng điều đó, các bên dưới đây đồng ý thực hiện bản thỏa thuận kể từ ngày tháng và năm ghi ở trên theo đúng luật pháp của các bên

Người ký Người ký

Thay mặt Chủ đầu tư trong sự có mặt của Thay mặt Nhà thầu trong sự có mặt của

Người làm chứng: Người làm chứng:

Tên: Tên:

Địa chỉ: Địa chỉ:

Ngày tháng: Ngày tháng:

THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

[cho Ban xử lý tranh chấp có một người]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng

Tên và các địa chỉ của Chủ đầu tư

Tên và các địa chỉ của thành viên

Xét thấy Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định thành viên để đảm nhận vai trò là người xử lý duy nhất cũng gọi là “Ban xử lý tranh chấp” để xử lý tranh chấp đã nảy sinh liên quan đến.

Chủ đầu tư, Nhà thầu và thành viên cùng thỏa thuận như sau:

1. Các Điều kiện của thỏa thuận xử lý tranh chấp này bao gồm “Các Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp” được bổ sung vào các Điều kiện chung của “Các Điều kiện của Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng” xuất bản lần thứ nhất năm 1999 do Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản sau đây. Trong các điều khoản này bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.
2. *{Các chi tiết sửa đổi với Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, nếu có}*
3. Theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên sẽ được trả khoản phí hàng ngày là cho mỗi ngày.
4. Trong việc xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên cam kết nhận vai trò như Ban xử lý tranh chấp (người xử lý) phù hợp với thỏa thuận xử lý tranh chấp.
5. Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.
6. Thỏa thuận xử lý tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của ...

Người ký Người ký..... Người ký

Thay mặt Chủ đầu tư với
sự có mặt của

Thay mặt Nhà thầu với
sự có mặt của

Thay mặt Thành viên với
sự có mặt của

Người làm chứng: Người làm chứng: Người làm chứng:.....

Tên: Tên: Tên:

Địa chỉ: Địa chỉ: Địa chỉ:

Ngày tháng: Ngày tháng: Ngày tháng:

{Thêm mô tả tóm tắt hoặc tên của vụ tranh chấp}

THỎA THUẬN CỦA BAN XỬ LÝ TRANH CHẤP

[cho mỗi thành viên của Ban xử lý tranh chấp gồm ba người]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng

Tên và các địa chỉ của Chủ đầu tư

Tên và các địa chỉ của Nhà thầu

Tên và các địa chỉ của Thành viên

Căn cứ việc Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định thành viên để đảm nhận vai trò của một trong ba người được gọi chung là “Ban xử lý tranh chấp” [và mong muốn thành viên đảm nhận vai trò là Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp] để xử lý tranh chấp đã nảy sinh liên quan đến.

Chủ đầu tư, Nhà thầu và thành viên cùng thỏa thuận như sau:

1. Các Điều kiện của thỏa thuận xử lý tranh chấp này bao gồm “Các Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp” được bổ sung vào các Điều kiện chung của “Các Điều kiện của Hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng” xuất bản lần thứ nhất năm 1999 do Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản sau đây. Trong các điều khoản này bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.
2. Các chi tiết sửa đổi với Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, nếu có
3. Theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên sẽ được trả khoản phí hàng ngày là cho mỗi ngày.
4. Trong việc xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên cam kết đảm nhận phục vụ theo như qui định trong thỏa thuận xử lý tranh chấp như là một trong ba người cùng hành động như là Ban xử lý tranh chấp.
5. Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.

6. Thỏa thuận xử lý tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của ...

Người ký Người ký..... Người ký

Thay mặt Chủ đầu tư với Thay mặt Nhà thầu với Thay mặt Thành viên với
sự có mặt của sự có mặt của sự có mặt của

Người làm chứng: Người làm chứng: Người làm chứng:.....

Tên: Tên: Tên:

Địa chỉ: Địa chỉ: Địa chỉ:

Ngày tháng: Ngày tháng: Ngày tháng:

{Thêm mô tả tóm tắt hoặc tên của vụ tranh chấp}

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN

Điều kiện hợp đồng Dự án EPC/Chìa khóa trao tay

**Điều kiện chung
Hướng dẫn soạn thảo điều kiện riêng
Các mẫu thư dự thầu, thỏa thuận hợp đồng và
Thỏa thuận xử lý tranh chấp**

Điều kiện Hợp đồng
**DỰ ÁN EPC/
CHÌA KHÓA TRAO TAY**

Sửa đổi lần thứ nhất 1999

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

LỜI GIỚI THIỆU VỀ XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT

Các quyền Sách Đỏ và Sách Vàng của FIDIC (tức dạng tiêu chuẩn về hợp đồng công trình kỹ thuật xây dựng và các công trình điện và máy) đã được sử dụng rộng rãi hàng mấy chục năm và đã được công nhận - qua các sự việc khác - qua các nguyên lý về cân bằng rủi ro được chia sẻ giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu. Các nguyên lý chia sẻ rủi ro đó đã có lợi cho cả đôi bên, Chủ đầu tư ký một hợp đồng với giá rẻ hơn và chỉ chịu chi phí thêm khi các rủi ro bất thường riêng biệt cuối cùng xảy ra thật và Nhà thầu trách được trả giá cho rủi ro mà thực tế khó lường trước được. Các nguyên lý chia sẻ rủi ro một cách cân bằng vẫn tiếp tục ở trong các quyền sách mới “Xây dựng”, “Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng”.

Trong những năm gần đây, đã ghi nhận là ở nhiều thị trường xây dựng, người ta yêu cầu một dạng hợp đồng trong đó việc nắm chắc giá cuối cùng và đôi khi cả thời gian hoàn thành là quan trọng vô cùng. Các Chủ đầu tư trong các hợp đồng chìa khóa trao tay như vậy, muốn trả nhiều hơn - đôi khi rất nhiều - để biết chắc chắn hơn rằng giá cuối cùng đã thỏa thuận sẽ không bị vượt quá. Trong những dự án đó có thể tìm thấy nhiều dự án do tư nhân cung cấp vốn; ở đó những người cho vay lại yêu cầu Chủ đầu tư có độ tin cậy về chi phí của dự án lớn hơn so với sự phân phối rủi ro được quy định ở trong các dạng cổ điển về Hợp đồng FIDIC. Dự án xây dựng (Hợp đồng dạng EPC - Kỹ thuật - Mua sắm - Xây dựng) thường chỉ là một phần của một liên doanh thương mại phức tạp và sự thất bại tài chính hoặc loại khác của dự án xây dựng đó sẽ gây nguy cơ cho cả liên doanh.

Đối với các dự án như vậy, cần phải để cho Nhà thầu chịu trách nhiệm với một mức độ về các rủi ro rộng hơn so với các Sách Đỏ và Vàng truyền thống. Để được chắc chắn hơn về giá cuối cùng, Nhà thầu thường đòi được bảo hiểm về các rủi ro như sự xuất hiện các điều kiện địa chất xấu hoặc không lường trước và về các yêu cầu của Chủ đầu tư hiện nay được biến thành các mục tiêu mong muốn. Nếu Nhà thầu phải chịu các rủi ro đó, Chủ đầu tư rõ ràng phải cho họ thời gian và cơ hội để có được và xem xét tất cả thông tin có liên quan trước khi Nhà thầu được yêu cầu ký một giá hợp đồng cố định. Nhà đầu tư cũng cần nhận biết rằng khi yêu cầu các Nhà thầu chịu trách nhiệm về giá thì các rủi ro đó sẽ làm tăng giá xây dựng và trong một số dự án dẫn đến không thể thực hiện được về mặt thương mại.

Ngay cả trong các hợp đồng như vậy, Chủ đầu tư phải chịu một số rủi ro như các rủi ro về chiến tranh, khủng bố và tương tự cùng những rủi ro bất khả kháng khác. Luôn luôn có thể và đôi khi nên khuyên các Bên thảo luận cách chia sẻ các rủi ro khác trước khi ký hợp đồng. Trong trường hợp dự án BOT (Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao) thường được thương thảo trọn một gói, việc xác định các rủi ro trong hợp đồng xây dựng chìa khóa trao tay trước đây được các nhà bỏ vốn và Nhà thầu EPC thương thảo sẽ có thể cần được xác minh lại để tính đến việc quy định cuối cùng về tất cả các rủi ro giữa các hợp đồng khác nhau trong gói thầu tổng thể.

Ngoài các dự án do tư nhân bỏ vốn rất gần đây được phát triển nhanh và đòi hỏi các điều kiện hợp đồng bảo đảm tính chính xác càng tăng về giá, thời gian và việc hoàn thành, đã từ lâu rõ ràng là nhiều Nhà đầu tư, nhất là ở khu vực công cộng, trên phạm vi rộng của các nước đã đòi hỏi các điều kiện hợp đồng tương tự, ít nhất là đối với Hợp đồng chìa khóa trao tay. Họ thường sử dụng các Sách Đỏ hoặc Sách Vàng không thật đúng nguyên bản và sửa đổi các điều khoản để chuyển cho Chủ đầu tư các rủi ro mà sách của FIDIC vốn gán cho Nhà thầu, như vậy đã sửa đổi rõ rệt các nguyên lý truyền thống về chia sẻ rủi ro một cách cân bằng của FIDIC. Nhu cầu đó của nhiều Chủ đầu tư đã được phát hiện và FIDIC đã công nhận đó là tốt hơn cho

tất cả các bên khi nhu cầu đó được công nhận công khai và điều chỉnh. Để cung cấp một dạng tiêu chuẩn của FIDIC dùng cho các hợp đồng như vậy, các yêu cầu của Chủ đầu tư về việc chuyển nhiều rủi ro hơn cho Nhà thầu đã được xác lập rõ ràng. Do đó Chủ đầu tư không cần phải sửa đổi một dạng tiêu chuẩn dùng cho một cách thu xếp rủi ro khác và Nhà thầu sẽ nhận thấy rõ ràng các rủi ro họ phải gánh thêm. Tất nhiên Nhà thầu sẽ tăng một cách hợp pháp giá hợp đồng của họ để ứng xử với các rủi ro mới tăng thêm.

Dạng dùng cho các dự án EPC/Chìa khóa trao tay này đã có ý định sẽ thích hợp cho không những các hợp đồng EPC trong một liên doanh BOT hoặc tương tự mà cũng cho tất cả nhiều dự án, cả lớn lẫn nhỏ hơn, đặc biệt E và M (Điện và Máy) và các hạng mục gia công thiết bị khác được tất cả các loại nhà đầu tư ở trên thế giới tiến hành, thường trong một môi trường của luật dân sự. Ở đó các cơ quan chính phủ hoặc các nhà phát triển tư nhân muốn thực hiện dự án của họ trên cơ sở chìa khóa trao tay có giá cố định và có sự trao đổi kỹ năng càng của hai phía.

Các nhà đầu tư dùng dạng này bảo đảm “Các yêu cầu của Chủ đầu tư” do họ chuẩn bị phải thể hiện được nguyên lý và thiết kế cơ bản của nhà máy về mặt chức năng. Nhà thầu sẽ được phép yêu cầu soát lại tất cả các thông tin và số liệu liên quan đồng thời tiến hành các điều tra khảo sát cần thiết. Họ cũng sẽ phải tiến hành mọi thiết kế cần thiết và chi tiết hóa về các thiết bị và nhà máy cụ thể dự định cung cấp, cho phép họ cung cấp các giải pháp phù hợp nhất đối với trang bị và kinh nghiệm của họ. Từ đó thủ tục đấu thầu phải cho phép sự thảo luận giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư về các vấn đề kỹ thuật và các điều kiện thương mại. Tất cả các vấn đề đó khi đã được thỏa thuận sẽ trở thành bộ phận của hợp đồng ký kết.

Sau đó Nhà thầu được quyền tự do tiến hành công việc theo cách họ chọn, chỉ cần sao cho kết quả cuối cùng đạt đặc trưng hoàn thành do Nhà đầu tư qui định. Bởi thế Chủ đầu tư chỉ cần tiến hành kiểm tra một cách hạn chế và nói chung không can thiệp vào công việc của Nhà thầu. Rõ ràng là Chủ đầu tư muốn biết và theo dõi sự tiến triển của công việc để chắc rằng tiến độ thời gian đang được tuân thủ. Họ cũng muốn biết chất lượng công việc được như quy định, các bên thứ ba không bị quấy rầy, các thí nghiệm về hoàn thành đều đạt và nói khác đi “Các yêu cầu của Chủ đầu tư” đang được tuân thủ.

Đặc trưng của loại hợp đồng này là Nhà thầu phải chứng tỏ sự tin cậy và sự hoàn thiện của nhà máy và trang thiết bị của họ. Vì thế sự chú ý đặc biệt được dành cho “Kiểm định về hoàn thành” (Thử nghiệm hoàn thành N.D) thường chiếm một thời gian khá lớn và việc nghiệm thu sẽ chỉ tiến hành sau sự kết thúc thắng lợi của các thử nghiệm đó.

FIDIC xác nhận là các dự án do tư nhân bỏ vốn thường cần phải thương thảo nhiều hơn là đối với các dự án có vốn công và từ đó cần có các thay đổi ở bất kỳ dạng tiêu chuẩn hợp đồng nào được kiến nghị cho các dự án với BOT hoặc liên doanh kiểu tương tự. Qua các việc khác, loại dạng tiêu chuẩn đó cần thích nghi với việc tính đến đặc trưng riêng biệt nếu không phải là duy nhất của mỗi dự án, cũng như các yêu cầu của các Nhà cho vay và các nhà cung cấp tài chính khác. Tuy nhiên, các thay đổi đó không làm mất đi sự cần thiết phải có một dạng tiêu chuẩn.

Các điều kiện đó của Hợp đồng EPC/Chìa khóa trao tay không thích hợp cho việc sử dụng trong các trường hợp sau:

- Nếu không có đủ thời gian hoặc thông tin để các nhà bỏ thầu nghiên cứu kỹ lưỡng và kiểm tra lại các yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc để họ tiến hành các thiết kế của họ, các nghiên cứu để xác định rủi ro và đánh giá (cần chú ý đặc biệt đến khoảng 4.12 và 5.1)

- Nếu việc xây dựng dính líu đến công trình ngầm hoặc công trình ở các khu vực khác mà họ không kiểm tra được.
- Nếu Chủ đầu tư dự định giám sát chặt chẽ hoặc kiểm tra công việc của Nhà thầu hoặc thẩm tra phần lớn các bản vẽ xây dựng.
- Nếu số tiền cho mỗi lần tạm ứng đều được một công chức hoặc một người trung gian xác định.

FIDIC khuyên nên dùng các điều kiện hợp đồng cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng trong các trường hợp trên cho các công trình được Nhà thầu thiết kế hoặc ủy nhiệm thiết kế.

LỜI CẢM ƠN

Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC) xin chân thành cảm ơn các thành viên sau đây của Tổ công tác cập nhật tài liệu: Christopher Wade (Trưởng nhóm), SWECO-VBB Thụy Điển; Peter L Booen (Người soạn thảo chính), GIBB Ltd, Vương quốc Anh; Hermann Bayerlein, Fichtner, Đức; Christopher R Seppala (Cố vấn pháp lý), White & Case, Pháp; và Jose F Speziale, IATASA, Argentina.

Việc chuẩn bị được tiến hành dưới sự chỉ đạo chung của Ủy ban về các Hợp đồng của FIDIC bao gồm các ông Dohn B Bowcock, kỹ sư tư vấn, Vương quốc Anh (Chủ tịch); Michael Mortimer Hawkins, Swedpower, Thụy Điển; và Axel-Volkmar Jaeger, Schmidt Reuter Partner, Đức; cùng với ông K B (Jony) Norris, cố vấn đặc biệt.

Các dự thảo được nhiều cá nhân và tổ chức có tên trong danh sách dưới đây rà soát lại. Những nhận xét của họ đã được Nhóm công tác cập nhật nghiên cứu kịp thời và ở những chỗ thích hợp các nhận xét đã có sửa lại lời văn của các điều khoản, Mushtaq Ahmad, NESPAK, Pakistan; Peter Batty, Post Buckley International, Mỹ; Roeland Bertrams Clifford Chance, Hà Lan; Charles G Borthwich, SwedPower, Thụy Điển; Manfred Breege, Lahmeyer International, Đức; Pablo Bueno, TYPSA, Tây Ban Nha; Nael G Bunni, Kỹ sư Tư vấn, Ai len; Ian Fraser, Beca Carter Hollising & Ferner Niu Di lon; Roy Goode, Đại học Oxford, Vương quốc Anh; Dan W Graham, Bristows Cooke & Carpmael, Vương quốc Anh; Mark Griffiths, Griffiths & Armour, Vương quốc Anh; Geoffrey F Hawker, Kỹ sư Tư vấn, Vương quốc Anh; Hesse & Steinberger, VDMA, Đức; Poul E Hvilsted Elsamprojekt, Đan Mạch; Lennart Iwar, Lindahl, Thụy Điển; Gordon L Jaynes, Whitman Breed Abbott & Morgan, Vương quốc Anh; Tonny Jensen (Chủ tịch Ủy ban quản lý chất lượng của FIDIC); COWI, Đan Mạch; Martin Klapper, Hopgood và Ganim, Ôxtrâyliia; Philip Loots và Hiệp hội Nam Phi; Neil McCole, Merz and McLellan, Vương quốc Anh; Matthew Needham Laing, Victoria Russell và Paul J Taylor, Berrymans Lace Mawer, Vương quốc Anh; J Gordon Rees, Binnie Black và Veatch, Vương quốc Anh; Tim Raynolds, Constant & Constant, Anh; David R. Wightman & Gerlando Butera, Nabarro Nathanson, Vương quốc Anh; Hiệp hội các kỹ sư tư vấn Nhật Bản; Cơ quan Công nghiệp Xây dựng Phi Lip Pin; Vereniging voor Bouwrecht, Hà Lan; Tổ chức Quốc tế Các Nhà thầu Châu Âu (EIC); Cơ quan Liên lạc Công nghiệp Kim loại Châu Âu (“ORGALIME”); Hiệp hội Quốc tế Các Nhà thầu làm công việc nạo vét, Hội luật gia Quốc tế; Ngân hàng Phát triển Châu Á; và Ngân hàng Thế giới. Sự thừa nhận của những cá nhân và tổ chức nói trên không có nghĩa là họ đã thông qua các diễn đạt của tất cả các điều khoản. Đặc biệt, EIC và ORGALIME đã nêu rõ các điểm hạn chế về một số điều của hợp đồng EPC.

FIDIC xin được đánh giá cao thời gian và công sức đã bỏ ra của tất cả các cá nhân và tổ chức trên đây.

Quyết định cuối cùng về hình thức và nội dung của tài liệu vẫn thuộc về FIDIC.

LỜI NÓI ĐẦU

Trong năm 1999, Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) đã công bố lần xuất bản thứ nhất của 4 dạng hợp đồng tiêu chuẩn mới:

Điều kiện của Hợp đồng Xây dựng,

Dạng này được khuyến nghị dùng cho các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật do Chủ đầu tư hoặc kỹ thuật do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư, các Nhà tư vấn thiết kế. Theo sự sắp xếp thông thường đối với các loại hợp đồng này thì Nhà thầu xây dựng thực hiện công trình đúng với thiết kế do Chủ đầu tư cung cấp. Tuy nhiên công trình có thể bao gồm một số hạng mục về cơ, điện và/hoặc xây dựng do Nhà thầu thiết kế.

Điều kiện của Hợp đồng Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng,

Dạng này được khuyến nghị dùng cho việc cung cấp nhà máy điện và/hoặc cơ khí và cho việc thiết kế và thi công các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật. Theo sự sắp xếp thông thường đối với loại hợp đồng này thì Nhà thầu thiết kế và cung cấp các nhà máy và/hoặc các công việc khác theo các yêu cầu của Chủ đầu tư mà nó có thể kết hợp cả các công việc hạ tầng, cơ, điện và/hoặc xây dựng.

Điều kiện Hợp đồng cho các Dự án EPC/Chìa khóa trao tay (EPC là: kỹ thuật mua sắm, xây dựng – ND)

Dạng này có thể thích hợp với việc cung cấp trên cơ sở chìa khóa trao tay một dây chuyền hay một nhà máy điện, một xí nghiệp hay cơ sở tương tự hoặc một dự án hạ tầng hoặc một loại dự án phát triển khác mà ở đó: (i) giá thành và thời gian được yêu cầu cao hơn, và (ii) Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn thành đối với thiết kế và thi công công trình, với sự tham gia rất ít của Chủ đầu tư. Theo sự sắp xếp thông thường, đối với các dự án chìa khóa trao tay thì Nhà thầu thực hiện mọi công việc Kỹ thuật, Mua sắm và Xây dựng (EPC): cung cấp trang thiết bị đồng bộ, sẵn sàng để vận hành (tại lúc “chìa khóa trao tay”).

Dạng Hợp đồng ngắn,

Dạng này được khuyến nghị dùng cho các công trình xây dựng hoặc kỹ thuật có vốn tương đối nhỏ. Tùy theo loại công việc và điều kiện cụ thể, dạng này cũng có thể thích hợp đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn, đặc biệt đối với công trình tương đối đơn giản, lập đi lập lại hoặc công trình làm trong thời gian ngắn. Theo sắp xếp thông thường đối với loại hợp đồng này thì Nhà thầu xây dựng công trình phù hợp theo thiết kế do Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư (nếu có) cung cấp, nhưng dạng này cũng có thể thích hợp đối với một hợp đồng có hoặc bao gồm toàn bộ các công việc hạ tầng về cơ, điện và/hoặc xây dựng do Nhà thầu thiết kế.

Các dạng hợp đồng được khuyến nghị cho việc sử dụng chung khi việc đấu thầu được mời trên cơ sở quốc tế. Có thể yêu cầu sửa đổi ở một số quyền hạn pháp lý nào đó, đặc biệt nếu các điều kiện được dùng trong những hợp đồng trong nước. FIDIC coi các văn bản chính thức và đáng tin cậy là bằng tiếng Anh.

Khi soạn thảo Điều kiện Hợp đồng cho dự án EPC/Chìa khóa trao tay này, đã thấy rằng, trong khi có nhiều khoản sẽ được áp dụng rộng rãi thì có một số khoản nào đó cần thiết phải thay đổi để tính đến các tình huống liên quan đến hợp đồng riêng. Những khoản được xem là có thể

áp dụng cho nhiều (nhưng không phải là cho tất cả) hợp đồng đều đã được đưa vào trong Điều kiện chung để chúng kết hợp chặt chẽ trong mỗi hợp đồng.

Điều kiện chung và Điều kiện riêng sẽ cùng bao gồm các Điều kiện của Hợp đồng chi phối các quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Cần thiết phải soạn thảo các Điều kiện riêng cho mỗi hợp đồng riêng lẻ và phải tính đến những khoản đó trong các Điều kiện chung có đề cập tới các Điều kiện riêng.

Đối với đợt công bố này, Điều kiện chung được soạn thảo dựa trên các cơ sở sau đây:

- (i) các khoản thanh toán tạm liên quan đến Giá Hợp đồng trọn gói sẽ được thực hiện theo tiến trình công việc và thành từng đợt được trình bày chi tiết trong một lịch trình thanh toán.
- (ii) nếu lời văn trong Điều kiện chung đòi hỏi phải có thêm dữ liệu điển hình được Chủ đầu tư quy định thì Khoản tham chiếu tới những dữ liệu được chứa đựng trong Điều kiện riêng hoặc yêu cầu của Chủ đầu tư.
- (iii) khi một Khoản trong Điều kiện chung đề cập đến một trường hợp mà các thuật ngữ hợp đồng khác nhau được áp dụng cho các hợp đồng khác nhau thì các nguyên tắc được vận dụng, để viết Khoản này ra thành văn, như sau:
 - (a) nếu những qui định nào đó người sử dụng không muốn áp dụng thì có thể đơn giản gạch bỏ hoặc không viện dẫn; họ sẽ cảm thấy thuận tiện hơn là phải viết đoạn văn bổ sung (trong Điều kiện riêng) bởi vì trong Điều kiện chung đã không có các yêu cầu của họ; hoặc
 - (b) trong những trường hợp khác, ở những chỗ mà việc áp dụng (a) không thích hợp thì khoản nên có các qui định được xem là có thể áp dụng cho hầu hết các hợp đồng.

Ví dụ, Khoản 14.2 (*Ứng trước*) được đưa vào là để cho thuận tiện chứ không phải vì chính sách nào đó của FIDIC liên quan đến việc tạm ứng. Khoản này sẽ không áp dụng được (thậm chí cả nếu nó không bị gạch bỏ) nếu nó bị bỏ qua do không trình bày rõ chi tiết số tiền thanh toán trước. Cần lưu ý rằng một vài quy định nằm trong Điều kiện chung có thể không thích hợp đối với một hợp đồng mang tính điển hình.

Những thông tin tiếp theo về mặt này, ví dụ câu chữ cho những quy định khác, và những tài liệu giải thích khác và 1 phiếu kiểm tra và ví dụ về câu chữ để giúp soạn thảo Điều kiện riêng và những hồ sơ mời thầu khác được gộp chung lại trong lần xuất bản này thành Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng. Trước khi đưa thêm bất cứ ví dụ về câu văn nào, cần kiểm tra để đảm bảo là nó hoàn toàn phù hợp cho tình huống riêng đó; nếu không nó sẽ phải sửa lại.

Ở những chỗ mà văn đưa ra làm ví dụ được sửa lại và trong trường hợp khi có những sửa đổi về lời văn hoặc có các bổ sung khác, cần phải thận trọng để đảm bảo không tạo ra những chỗ tối nghĩa hoặc là của Điều kiện chung hoặc giữa các điều khoản của Điều kiện riêng. Một điều rất cơ bản là tất cả những nhiệm vụ dự thảo này và toàn bộ việc soạn thảo hồ sơ mời thầu phải được giao phó cho người có trình độ thích ứng kể cả về mặt hợp đồng, kỹ thuật và mua sắm.

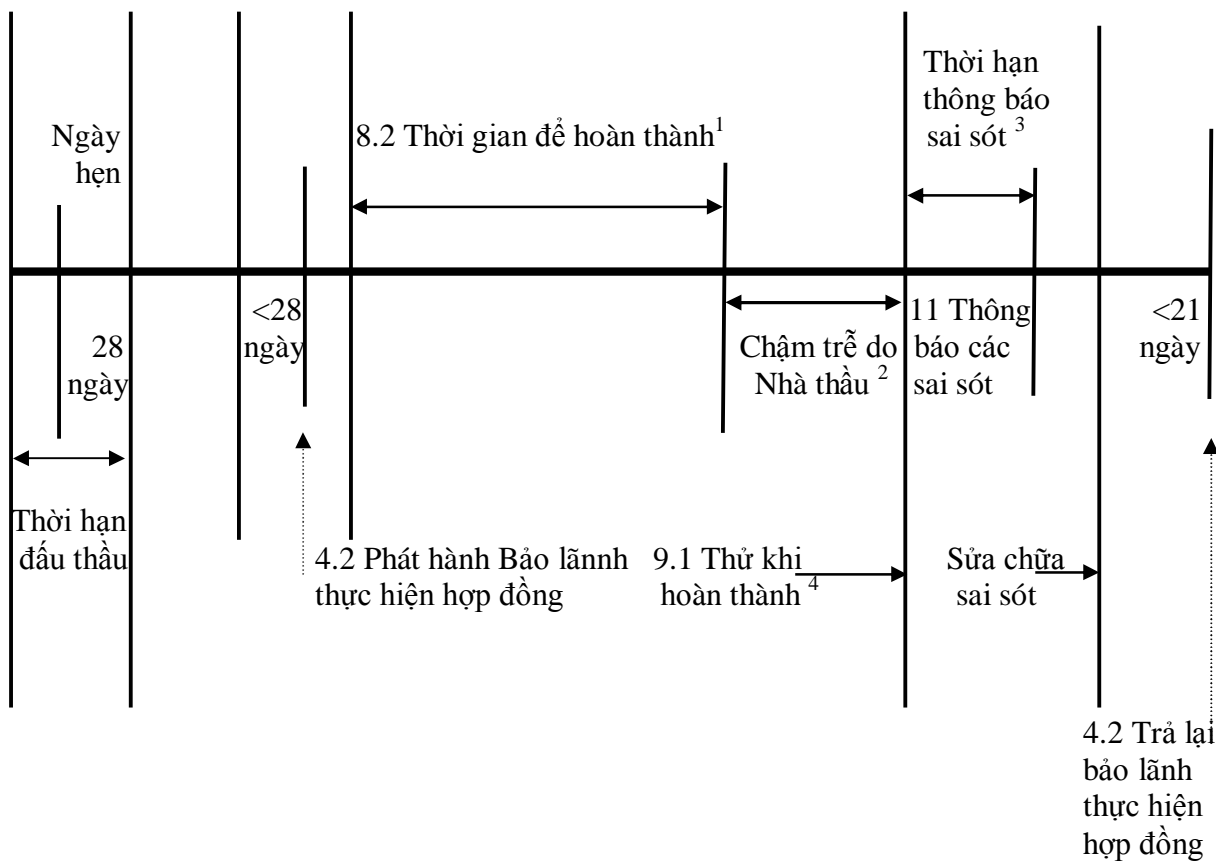
Tài liệu xuất bản này kết thúc với các mẫu Thư dự thầu, Bản thỏa thuận hợp đồng, các phương án thỏa thuận về xử lý tranh chấp. Bản thỏa thuận xử lý tranh chấp này đưa ra lời văn cho bản thỏa thuận giữa Bên Chủ đầu tư và Bên Nhà thầu và người được chỉ định làm nhiệm vụ hoặc là người hòa giải duy nhất hoặc là thành viên của ban hòa giải ba người; và bao gồm (theo tham chiếu) các khoản của Phụ lục của Điều kiện chung.

FIDIC dự định xuất bản một hướng dẫn sử dụng Điều kiện hợp đồng cho Xây dựng, cho Nhà máy và Thiết kế - Xây dựng và cho các Dự án Kỹ thuật, Mua sắm, Xây dựng (EPC)/chìa khóa trao tay.

Nhằm làm rõ trình tự của các hoạt động theo Hợp đồng, có thể tham chiếu các sơ đồ ở hai trang tiếp theo và các Khoản được liệt kê dưới đây (một vài số của Khoản cũng được nêu ra trong các sơ đồ). Những sơ đồ là để minh họa và không được xem là sự diễn giải Các điều kiện của Hợp đồng.

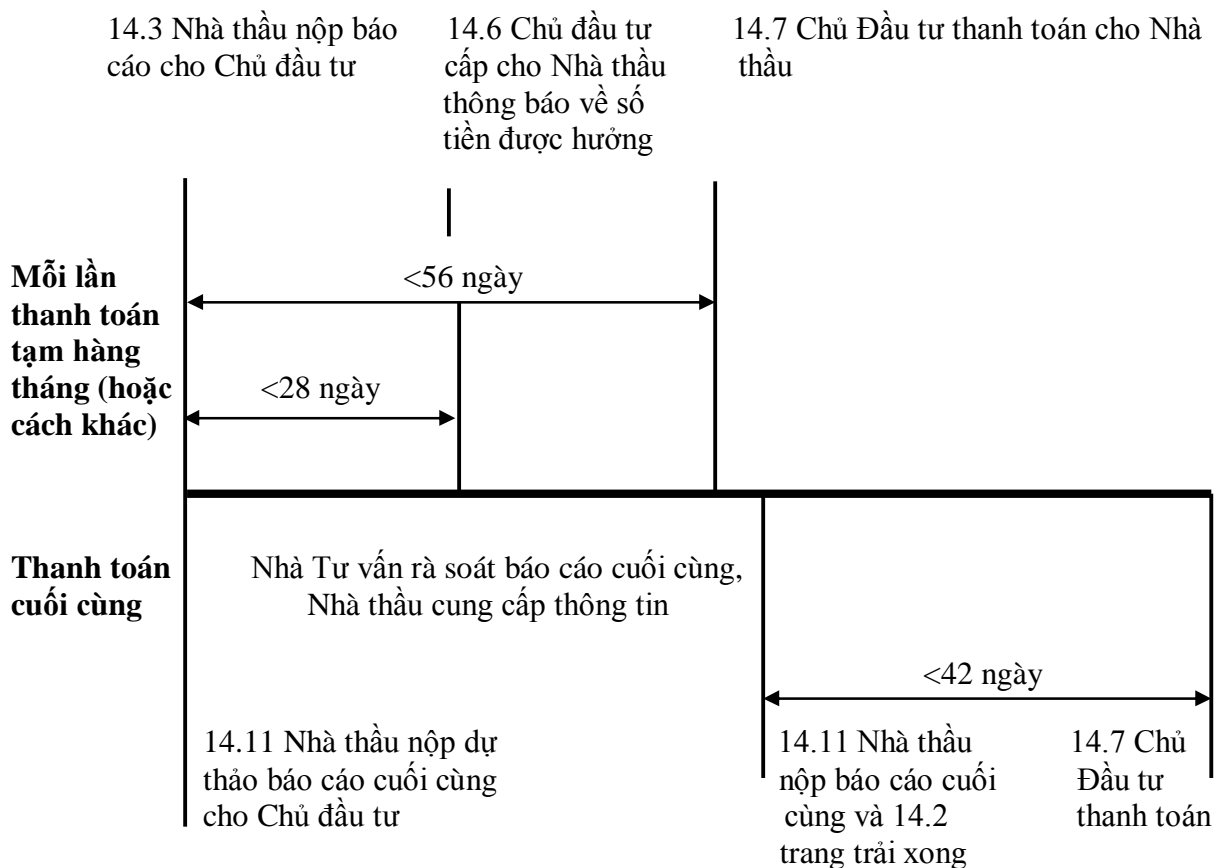
1.1.3.1 & 13.7	Ngày hẹn
1.1.3.2 & 8.1	Ngày khởi công
1.1.6.6 & 4.2	Bảo lãnh thực hiện
1.1.3.3 & 8.2	Thời gian hoàn thành (như được kéo dài theo khoản 8.4)
1.1.3.4 & 9.1	Kiểm định khi hoàn thành
1.1.3.5 & 10.1	Chứng chỉ Nghiệm thu
1.1.3.6 & 12.1	Kiểm định sau khi hoàn thành (nếu có)
1.1.3.7 & 11.1	Thời hạn thông báo sai sót (như đã được kéo dài như 11.3)
1.1.3.8 & 11.9	Chứng chỉ Thực hiện

Phát hành Các Tài liệu mời thầu	Nộp Hồ sơ dự thầu	Ký thỏa thuận Hợp đồng	8.1 Ngày khởi công	10.1 Cấp chứng chỉ nghiệm thu	11.9 Cấp chứng chỉ thực hiện
---------------------------------	-------------------	------------------------	--------------------	-------------------------------	------------------------------

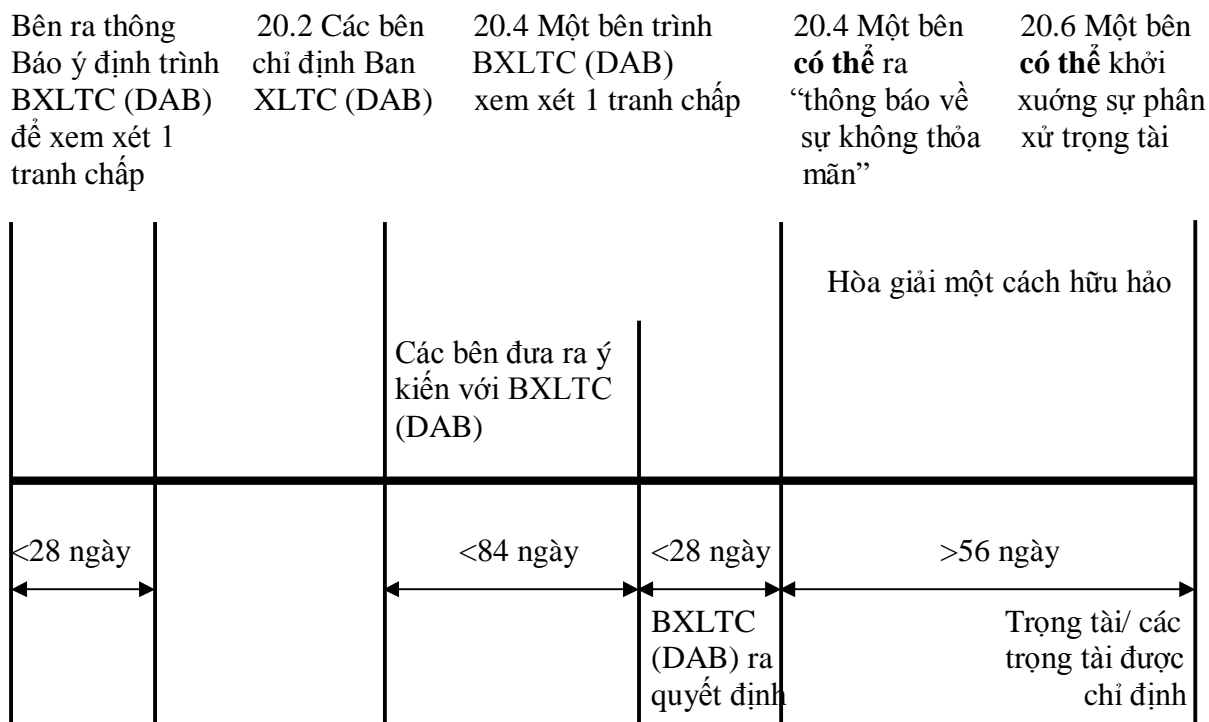


Trình tự diễn hình của các sự việc chính trong các Hợp đồng cho dự án EPC/chiều khóa trao tay

1. Thời gian để hoàn thành phải được nói rõ (trong Điều kiện riêng) như số ngày, có bổ sung thời gian kéo dài theo Khoản 8.4.
2. Nhằm chỉ được ra trình tự của các sự việc, sơ đồ trên đây dựa trên ví dụ về Nhà thầu không tuân thủ đúng với Khoản 8.2.
3. Thời hạn thông báo các sai sót phải được nêu rõ (trong Điều kiện riêng) số ngày, có bổ sung thời gian kéo dài theo Khoản 11.3.
4. Tùy thuộc vào loại công trình mà có thể yêu cầu kiểm định sau khi hoàn thành.



Trình tự diễn hình của các sự việc thanh toán được trừ tính trong Điều 14



Tính liên tục diễn hình của các sự kiện tranh chấp được trừ tính trong Điều 20.

Điều kiện Hợp đồng
**DỰ ÁN EPC/
CHÌA KHÓA TRAO TAY**

Điều kiện chung

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN (FIDIC)

©FIDIC 1999

ĐIỀU KIỆN CHUNG

NỘI DUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Định nghĩa
- 1.2 Diễn giải
- 1.3 Các cách thông tin
- 1.4 Luật và ngôn ngữ
- 1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu
- 1.6 Thỏa thuận hợp đồng
- 1.7 Nhượng lại
- 1.8 Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu
- 1.9 Việc bảo mật
- 1.10 Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu
- 1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư
- 1.12 Các chi tiết bí mật
- 1.13 Tuân thủ luật pháp
- 1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

2. CHỦ ĐẦU TƯ

- 2.1 Quyền tiếp cận Công trường
- 2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận
- 2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư
- 2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư
- 2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

3. VIỆC ĐIỀU HÀNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- 3.1 Đại diện của Chủ đầu tư
- 3.2 Nhân lực khác của Chủ đầu tư
- 3.3 Người được ủy quyền
- 3.4 Các chỉ dẫn
- 3.5 Quyết định

4. NHÀ THẦU

- 4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu

- 4.2 Bảo lãnh thực hiện
- 4.3 Đại diện Nhà thầu
- 4.4 Nhà thầu phụ
- 4.5 Nhà thầu phụ được đề cử
- 4.6 Hợp tác
- 4.7 Định vị các mốc
- 4.8 Các quy định về an toàn
- 4.9 Đảm bảo chất lượng
- 4.10 Dữ liệu về công trường
- 4.11 Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng
- 4.12 Các khó khăn không lường trước được
- 4.13 Quyền về đường đi và các phương tiện
- 4.14 Tránh can thiệp
- 4.15 Đường vào công trường
- 4.16 Vận chuyển hàng hóa
- 4.17 Thiết bị Nhà thầu
- 4.18 Bảo vệ môi trường
- 4.19 Điện, nước và khí đốt
- 4.20 Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư
- 4.21 Báo cáo tiến độ
- 4.22 An ninh công trường
- 4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường
- 4.24 Cổ vật

5. THIẾT KẾ

- 5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung
- 5.2 Các tài liệu của Nhà thầu
- 5.3 Đảm bảo của Nhà thầu
- 5.4 Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật
- 5.5 Đào tạo
- 5.6 Các tài liệu hoàn công
- 5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- 5.8 Lỗi thiết kế

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- 6.1 Thuê mượn nhân viên và lao động

- 6.2 Mức lương và điều kiện lao động
- 6.3 Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư
- 6.4 Luật lao động
- 6.5 Giờ lao động
- 6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động
- 6.7 Sức khỏe và an toàn lao động
- 6.8 Giám sát của Nhà thầu
- 6.9 Nhân lực Nhà thầu
- 6.10 Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu
- 6.11 Hành vi gây rối

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

- 7.1 Cách thức thực hiện
- 7.2 Mẫu mã
- 7.3 Giám định
- 7.4 Kiểm định (thứ)
- 7.5 Từ chối
- 7.6 Công việc sửa chữa
- 7.7 Quyền sở hữu về thiết bị và vật liệu
- 7.8 Lệ phí sử dụng

8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

- 8.1 Khởi công
- 8.2 Thời gian hoàn thành
- 8.3 Chương trình tiến độ
- 8.4 Gia hạn thời gian hoàn thành
- 8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách
- 8.6 Tiến độ thực hiện
- 8.7 Những thiệt hại do chậm trễ
- 8.8 Tạm ngừng công việc
- 8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng
- 8.10 Thanh toán tiền thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng
- 8.11 Kéo dài tình trạng tạm ngừng
- 8.12 Nói lại công việc

9. THỬ (KIỂM ĐỊNH) KHI HOÀN THÀNH

- 9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu
- 9.2 Việc thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 9.3 Thử (kiểm định) lại
- 9.4 Không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- 10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình
- 10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình
- 10.3 Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

- 11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót
- 11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót
- 11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót
- 11.4 Không sửa chữa được sai sót
- 11.5 Di chuyển công việc bị sai sót
- 11.6 Các kiểm định thêm
- 11.7 Quyền được ra vào
- 11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân
- 11.9 Chứng chỉ thực hiện
- 11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành
- 11.11 Giải phóng mặt bằng

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

- 12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành
- 12.2 Thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 12.3 Thử (kiểm định) lại
- 12.4 Không vượt qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

13. BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

- 13.1 Quyền được biến đổi
- 13.2 Tư vấn về giá trị công trình
- 13.3 Thủ tục biến đổi
- 13.4 Thanh toán bằng tiền tệ qui định
- 13.5 Tiền dự chi
- 13.6 Ngày làm việc

- 13.7 Điều chỉnh do thay đổi luật lệ
- 13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

- 14.1 Giá hợp đồng
- 14.2 Ứng trước
- 14.3 Xin cấp thanh toán tạm
- 14.4 Lịch trình thanh toán
- 14.5 Thiết bị và các vật liệu dùng cho công trình
- 14.6 Thanh toán tạm
- 14.7 Ấn định thời hạn thanh toán
- 14.8 Thanh toán bị chậm trễ
- 14.9 Thanh toán tiền giữ lại
- 14.10 Báo cáo khi hoàn thành
- 14.11 Xin cấp thanh toán cuối cùng
- 14.12 Trang trải xong
- 14.13 Thanh toán cuối cùng
- 14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư
- 14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

- 15.1 Thông báo sửa chữa
- 15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
- 15.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng
- 15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng
- 15.5 Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

- 16.1 Quyền tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu
- 16.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu
- 16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu
- 16.4 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

- 17.1 Bồi thường
- 17.2 Sự cần trọng của Nhà thầu đối với công trình
- 17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư

- 17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư
- 17.5 Quyền sở hữu công nghiệp
- 17.6 Giới hạn trách nhiệm

18. BẢO HIỂM

- 18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm
- 18.2 Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu
- 18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản
- 18.4 Bảo hiểm cho nhân lực Nhà thầu

19. BẤT KHẢ KHÁNG

- 19.1 Định nghĩa về bất khả kháng
- 19.2 Thông báo về bất khả kháng
- 19.3 Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất
- 19.4 Các hậu quả của bất khả kháng
- 19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ
- 19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm
- 19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

- 20.1 Khiếu nại của Nhà thầu
- 20.2 Việc cử Ban xử lý tranh chấp
- 20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp
- 20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp
- 20.5 Hòa giải một cách hữu hảo
- 20.6 Trọng tài
- 20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp
- 20.8 Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp

PHỤ LỤC

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

BẢN MỤC LỤC CÁC KHOẢN

Các Định nghĩa được Liệt kê theo Bảng chữ cái tiếng Anh

1.1.3.5	Ngày hẹn	1.1.6.5	Luật
1.1.3.6	Ngày khởi công	1.1.4.5	Nội tệ
1.1.3.7	Hợp đồng	1.1.5.3	Vật liệu
1.1.3.8	Thỏa thuận Hợp đồng	1.1.2.1	Bên
1.1.3.9	Giá Hợp đồng	1.1.3.8	Chứng chỉ thực hiện
1.1.2.3	Nhà thầu	1.1.1.5	Bảo hành thực hiện
1.1.6.1	Hồ sơ Nhà thầu	1.1.6.6	Bảo lãnh thực hiện
1.1.5.1	Thiết bị Nhà thầu	1.1.5.4	Công trình vĩnh cửu
1.1.2.7	Nhân lực Nhà thầu	1.1.5.5	Thiết bị
1.1.2.5	Đại diện Nhà thầu	1.1.4.6	Số tiền tạm thời
1.1.4.2	Chi phí	1.1.4.7	Tiền giữ lại
1.1.6.2	Nước sở tại	1.1.1.5	Lịch trình thanh toán
1.1.2.9	DAB – Ban xử lý tranh chấp	1.1.5.6	Hạng mục công trình
1.1.2.9	Ngày	1.1.6.7	Công trường
1.1.3.7	Thời hạn thông báo sai sót	1.1.4.8	Bản kê khai
1.1.2.2	Chủ đầu tư	1.1.2.8	Nhà thầu phụ
1.1.6.3	Thiết bị Chủ đầu tư	1.1.3.5	Chứng chỉ nghiệm thu
1.1.2.6	Nhân lực Chủ đầu tư	1.1.5.7	Công trình tạm
1.1.2.4	Đại diện của Chủ đầu tư	1.1.1.4	Hồ sơ dự thầu
1.1.1.3	Các yêu cầu của Chủ đầu tư	1.1.3.6	Thử sau khi hoàn thành
1.1.2.10	FIDIC	1.1.3.4	Thử khi hoàn thành
1.1.4.3	Bản kê khai cuối cùng	1.1.3.3	Thời hạn hoàn thành
1.1.6.4	Bất khả kháng	1.1.6.8	Không lường trước được
1.1.4.4	Ngoại tệ	1.1.6.9	Biến đổi
1.1.5.2	Hàng hóa	1.1.5.8	Công trình
		1.1.3.9	Năm

ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Định nghĩa

Trong Những Điều kiện của Hợp đồng (“Những Điều kiện này”) bao gồm Điều kiện riêng và Điều kiện chung này, những từ và cụm từ liệt kê dưới đây sẽ có nghĩa như quy định ở bên dưới. Những từ chỉ người hoặc các bên, có ý nghĩa bao gồm công ty và các đơn vị pháp nhân khác, trừ những chỗ mà ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác.

1.1.1 Hợp đồng

1.1.1.1 **“Hợp đồng”** là những Thỏa thuận Hợp đồng, những Điều kiện này, Yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ dự thầu và các tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng.

1.1.1.2 **“Thỏa thuận Hợp đồng”** là thỏa thuận hợp đồng (nếu có) được tham chiếu tại Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*], bao gồm bất kỳ biên bản ghi nhớ phụ nào kèm theo.

1.1.1.3 **“Yêu cầu của Chủ đầu tư”** là tài liệu được lấy tiêu đề các yêu cầu của Chủ đầu tư, được đưa vào trong Hợp đồng, và bất kỳ sự bổ sung và sửa đổi tài liệu này phù hợp với Hợp đồng. Tài liệu này nêu cụ thể mục đích, phạm vi và/hoặc các tiêu chuẩn thiết kế và/hoặc các đặc tính kỹ thuật khác đối với Công trình.

1.1.1.4 **“Hồ sơ Dự thầu”** là đơn chào hàng được ký bởi Nhà thầu và tất cả các văn bản khác mà Nhà thầu đệ trình (khác với các điều kiện và yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu cũng được đệ trình), được đưa vào trong hợp đồng.

1.1.2 Các bên và các cá nhân

1.1.2.1 **“Bên”** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu theo ngữ cảnh yêu cầu.

1.1.2.2 **“Chủ đầu tư”** là người được gọi là Chủ đầu tư trong thỏa thuận hợp đồng và những người kế tục hợp pháp theo chức danh này.

1.1.2.3 **“Nhà thầu”** là những người được gọi là Nhà thầu trong thỏa thuận hợp đồng và các người kế thừa hợp pháp nhân danh những người này.

1.1.2.4 **“Đại diện Chủ đầu tư”** là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định theo từng thời gian theo Khoản 3.1 [*Đại diện của Chủ đầu tư*], và hành động thay mặt cho Chủ đầu tư.

1.1.2.5 **“Đại diện Nhà thầu”** là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu thỉnh thoảng chỉ định theo Khoản 4.3 [*Đại diện Nhà thầu*] và hành động thay mặt Nhà thầu.

- 1.1.2.6 **“Nhân lực Chủ đầu tư”** là đại diện của Chủ đầu tư, các trợ lý được nói tới trong Khoản 3.2 [*Nhân lực khác của Chủ đầu tư*] và tất cả những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Chủ đầu tư và đại diện Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu là nhân lực Chủ đầu tư.
- 1.1.2.7 **“Nhân lực của Nhà thầu”** là Đại diện của Nhà thầu và tất cả các nhân lực mà Nhà thầu sử dụng trên công trường, có thể bao gồm những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Nhà thầu và của từng Nhà thầu phụ và bất kỳ nguồn nhân lực nào khác giúp việc cho Nhà thầu trong việc thi công công trình.
- 1.1.2.8 **“Nhà thầu phụ”** là người được gọi là thầu phụ ở trong Hợp đồng, hoặc bất kỳ người nào được chỉ định là thầu phụ cho một phần của công trình và những người kế tục hợp pháp theo chức danh của mỗi một trong số những người nói trên.
- 1.1.2.9 **“DAB”** (Ban xử lý tranh chấp) là một người hoặc ba người được gọi như vậy trong Hợp đồng, hoặc những người khác được chỉ định theo Khoản 20.3 [*Bất đồng trong việc cử Ban xử lý Tranh chấp*]
- 1.1.2.10 **“FIDIC”** là Fédération Internationale des Ingénieurs-Conseils, nghĩa là Hiệp hội Quốc tế Các kỹ sư Tư vấn.

1.1.3 Ngày, thứ, thời hạn và hoàn thành

“Ngày hẹn” là ngày vào 28 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp Hồ sơ dự thầu.

- 1.1.3.1 **“Ngày khởi công”** là ngày được thông báo theo Khoản 8.1 [*Ngày khởi công*], trừ phi được nêu khác trong thỏa thuận Hợp đồng.
- 1.1.3.2 **“Thời hạn hoàn thành”** là thời gian để hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) theo Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*] như đã nêu trong Điều kiện riêng với bất cứ sự kéo dài theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], được tính từ ngày khởi công.
- 1.1.3.3 **“Thử (kiểm định) hoàn thành”** là những cuộc thử được chỉ ra trong Hợp đồng hoặc được thỏa thuận giữa hai Bên hoặc được hướng dẫn là một Biến đổi và được tiến hành theo Điều 9 [*Kiểm định khi hoàn thành*] trước khi công trình hoặc hạng mục công trình (tùy trường hợp) được Chủ đầu tư tiếp thu bàn giao.
- 1.1.3.4 **“Chứng chỉ nghiệm thu”** là chứng chỉ được phát hành theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]
- 1.1.3.5 **“Thử (kiểm định) sau khi hoàn thành”** là các cuộc thử (nếu có) được nêu trong Hợp đồng và được thực hiện theo Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*] sau khi công trình hoặc một hạng mục (tùy từng trường hợp) được Chủ đầu tư tiếp nhận.

- 1.1.3.6 **“Thời hạn thông báo sai sót”** là thời hạn thông báo các sai sót của công trình hoặc hạng mục (tùy từng trường hợp) theo Khoản 11.1 [*Hoàn thành phần việc còn dở dang và sửa chữa các sai sót*], như được nêu trong Điều kiện riêng (với bất cứ sự gia hạn theo Khoản 11.3 [*Gia hạn thời hạn thông báo sai sót*], được tính từ ngày công trình hoặc hạng mục công trình được hoàn thành như được xác nhận theo quy định tại Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*]). Nếu thời hạn này không được định rõ trong Điều kiện riêng thì thời hạn sẽ là một năm
- 1.1.3.7 **“Chứng chỉ thực hiện”** là chứng nhận được phát hành theo Khoản 11.9 [*Chứng chỉ thực hiện*]
- 1.1.3.8 **“Ngày”** là ngày theo lịch và “năm” là 365 ngày.

1.1.4 Tiền và thanh toán

- 1.1.4.1 **“Giá hợp đồng”** là giá được nêu rõ trong thỏa thuận Hợp đồng cho việc thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót bao gồm các điều chỉnh (nếu có) phù hợp với Hợp đồng.
- 1.1.4.2 **“Chi phí”** là tất cả các khoản chi hợp lý do Nhà thầu chịu (hoặc sẽ phải chịu), bất kể trong hay ngoài phạm vi công trường, gồm cả chi phí quản lý và các chi phí tương tự, nhưng không gồm lợi nhuận.
- 1.1.4.3 **“Bảng kê khai cuối cùng”** là bảng kê khai được định rõ tại Khoản 14.11 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán cuối cùng*]
- 1.1.4.4 **“Ngoại tệ”** là tiền tệ mà bằng loại tiền đó một phần (hoặc toàn bộ) Giá hợp đồng phải trả nhưng không phải là Nội tệ.
- 1.1.4.5 **“Nội tệ”** là tiền tệ của nước sở tại.
- 1.1.4.6 **“Số tiền tạm thời”** là số tiền (nếu có) được xác định trong Hợp đồng là số tiền tạm thời được cấp để thực hiện một phần bất kỳ của công trình hoặc cung cấp thiết bị, vật liệu hoặc dịch vụ theo Khoản 13.5 [*Số tiền tạm thời*].
- 1.1.4.7 **“Tiền giữ lại”** là tiền Chủ đầu tư giữ lại theo Khoản 14.3 [*Đơn xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm thời*] và trả theo Khoản 14.9 [*Thanh toán tiền bị giữ lại*]
- 1.1.4.8 **“Bản kê khai”** là một bản kê do Nhà thầu đệ trình là một phần của đơn xin thanh toán theo Điều 14 [*Giá hợp đồng và thanh toán*]

1.1.5 Công trình và Hàng hóa

- 1.1.5.1 **“Thiết bị Nhà thầu”** là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, thiết bị của Nhà thầu không bao gồm các công trình tạm, thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có),

thiết bị, vật liệu và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một công trình vĩnh cửu.

- 1.1.5.2 **“Hàng hóa”** là thiết bị, vật liệu, nhà xưởng và công trình tạm trong các loại trên của Nhà thầu hoặc bất cứ một thứ nào thích hợp.
- 1.1.5.3 **“Vật liệu”** là những thứ hoặc tất cả các loại (không phải thiết bị) nhằm tạo nên hoặc đang tạo nên một phần của công trình vĩnh cửu gồm những thứ được cung cấp, chỉ nói về vật liệu (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.5.4 **“Công trình vĩnh cửu”** là các công trình vĩnh cửu được Nhà thầu thiết kế và thi công theo Hợp đồng.
- 1.1.5.5 **“Thiết bị”** là các bộ dụng cụ, máy móc, phương tiện xe cộ sẽ tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của các công trình vĩnh cửu.
- 1.1.5.6 **“Hạng mục”** là một phần công trình được nêu trong Điều kiện riêng là một hạng mục (nếu có).
- 1.1.5.7 **“Công trình tạm”** là tất cả các công trình tạm thời thuộc bất kỳ loại nào (ngoài các thiết bị của Nhà thầu) cần thiết phải có trên công trường để thi công và hoàn thành công trình vĩnh cửu và sửa chữa bất kỳ sai sót nào.
- 1.1.5.8 **“Công trình”** là các công trình tạm và công trình vĩnh cửu hoặc bất kỳ loại thích hợp nào trong đó.

1.1.6 Các định nghĩa khác

- 1.1.6.1 **“Tài liệu Nhà thầu”** là các tính toán, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, sổ tay hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng; được mô tả tại Khoản 5.2 [*Tài liệu Nhà thầu*]
- 1.1.6.2 **“Nước sở tại”** là nước mà công trường (hoặc phần lớn công trường) được đặt ở nước đó, nơi các công trình vĩnh cửu sẽ được thi công.
- 1.1.6.3 **“Thiết bị Chủ đầu tư”** là máy móc, phương tiện xe cộ (nếu có) do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Yêu cầu của Chủ đầu tư; nhưng không bao gồm thiết bị không được Chủ đầu tư tiếp nhận.
- 1.1.6.4 **“Bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 19 [*Bất khả kháng*]
- 1.1.6.5 **“Luật”** là toàn bộ luật pháp quốc gia (hoặc của bang), các đạo luật, pháp lệnh, và các luật khác, các quy chế, các văn bản pháp quy dưới luật của bất kỳ cơ quan công quyền được thành lập theo pháp luật.
- 1.1.6.6 **“Bảo lãnh thực hiện”** là việc bảo đảm (hoặc những bảo đảm, nếu có) theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*]

- 1.1.6.7 “**Công trường**” là những nơi các công trình vĩnh cửu được thi công và là nơi mà thiết bị và vật liệu được chuyển tới và bất cứ nơi nào khác được nêu ra trong Hợp đồng khi tạo nên một bộ phận của công trường.
- 1.1.6.8 “**Không lường trước được**” là điều không thể lường trước được một cách có lý của một Nhà thầu có kinh nghiệm tại thời điểm nộp thầu.
- 1.1.6.9 “**Biến đổi**” là bất kỳ sự biến động nào đối với yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc công việc được chỉ dẫn hoặc chấp thuận là sự biến đổi theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*]

1.2 Diễn giải

Trong, Hợp đồng trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác, còn thì:

- (a) những từ chỉ một giới là gồm tất cả các giới;
- (b) những từ chỉ số ít cũng bao gồm số nhiều và từ ngữ chỉ số nhiều cũng bao gồm cả số ít.
- (c) những quy định bao gồm các từ “đồng ý”, “đã đồng ý” hoặc “thỏa thuận” yêu cầu sự thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản, và
- (d) “được viết” hoặc “bằng văn bản” nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.

Các từ ngữ bên lề và các đầu đề khác sẽ không được xem xét khi diễn dịch các Điều kiện này.

1.3 Các cách thông tin

Bất cứ chỗ nào khi Điều kiện này quy định việc đưa ra hoặc ban hành sự chấp thuận, chứng chỉ, tán thành, quyết định, thông báo và yêu cầu, thì những truyền thông này sẽ phải là:

- (a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), được gửi bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc được truyền đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử được thỏa thuận như đã nêu trong Điều kiện riêng; và
- (b) được chuyển, gửi hoặc truyền đến địa chỉ để thông tin được với người nhận như đã quy định trong Hợp đồng. Tuy nhiên:
 - (i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới một cách tương ứng; và
 - (ii) nếu người nhận không thông báo gì khác khi yêu cầu một sự phê duyệt hoặc một sự đồng ý, thì thông tin có thể được gửi tới địa chỉ mà từ đó đã phát hành yêu cầu.

Những giấy phê duyệt, chứng chỉ, tán thành và quyết định không được bị cản giữ lại hoặc bị làm chậm trễ một cách vô lý.

1.4 Luật và ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều tiết theo luật của nước sở tại (hoặc quyền lực pháp lý khác) được nêu trong Điều kiện riêng.

Nếu có bất cứ phần nào của Hợp đồng được dịch bằng nhiều hơn một thứ ngôn ngữ thì bản dịch thực hiện bằng ngôn ngữ chủ đạo được nêu trong phần Điều kiện riêng, sẽ chiếm ưu thế.

Ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ đã quy định trong Điều kiện riêng. Nếu trong đó không quy định ngôn ngữ giao dịch, thì phải dùng ngôn ngữ mà Hợp đồng (hoặc đa phần Hợp đồng) được soạn thảo.

1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng để giải thích chung giữa các bên. Với mục đích diễn giải, thứ tự ưu tiên của các tài liệu theo trình tự sau:

- (i) Thỏa thuận hợp đồng (nếu có)
- (b) Điều kiện riêng
- (c) Điều kiện chung
- (d) Các Yêu cầu của Chủ đầu tư
- (e) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu khác là bộ phận của Hợp đồng

1.6 Thỏa thuận Hợp đồng

Hợp đồng sẽ hoàn toàn có hiệu lực thi hành từ ngày được nêu rõ trong thỏa thuận Hợp đồng. Chi phí đóng dấu và chi phí tương tự (nếu có) theo luật định liên quan đến việc ký kết thỏa thuận Hợp đồng do Chủ đầu tư chịu.

1.7 Nhượng lại

Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, các bên:

- (a) có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng với sự thỏa thuận trước của phía bên kia theo sự suy xét thận trọng duy nhất của phía bên đó, và
- (b) có thể, dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, nhượng lại quyền thu bất kỳ số tiền đến hạn nào phải trả hoặc sắp đến hạn theo Hợp đồng.

1.8 Sự cẩn trọng và cung cấp tài liệu

Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu cất giữ cẩn thận, trừ phi và cho tới khi được Chủ đầu tư tiếp nhận. Trừ phi có quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn 6 bản sao mỗi bộ tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ trên công trường một bản sao Hợp đồng, các ấn phẩm được nêu trong yêu cầu của Chủ đầu tư, Tài liệu của Nhà thầu, những biến đổi và các thông tin khác được cấp theo Hợp đồng. Người của Chủ đầu tư có quyền được xem tất cả những tài liệu này vào tất cả các thời điểm thích hợp.

Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng thi công công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

1.9 Việc bảo mật

Ngoại trừ trường hợp cần thiết để thực hiện theo nghĩa vụ hoặc tuân theo các Luật hiện hành, cả hai bên đều phải xem các chi tiết của Hợp đồng là bí mật và của riêng mình. Nhà thầu không được xuất bản, cho phép xuất bản hay để lộ bất kỳ chi tiết nào của công trình trên mọi sách báo thương mại hoặc kỹ thuật hoặc một nơi nào khác mà không có sự thỏa thuận trước đó của Chủ đầu tư.

1.10 Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu

Giữa các bên với nhau, Nhà thầu giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với tài liệu của Nhà thầu và các thiết kế khác do (hoặc thay mặt) Nhà thầu làm.

Nhà thầu được xem như (bằng cách ký Hợp đồng) cấp cho Chủ đầu tư một Giấy phép có thể chuyển nhượng, không có thời hạn chấm dứt, không độc quyền, không phải trả tiền bản quyền, về việc sao chụp, sử dụng và thông tin các tài liệu của Nhà thầu, bao gồm cả tiền hành và sử dụng các cải tiến. Giấy phép này phải:

- (a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (dù dài thế nào chăng nữa) của các bộ phận liên quan đến công trình.
- (b) Giao quyền cho ai đó sở hữu một cách thích hợp các phần liên quan đến công trình, sao chụp, sử dụng và thông tin tài liệu của Nhà thầu với mục đích hoàn thành, vận hành, bảo dưỡng, sửa đổi, điều chỉnh, sửa chữa và phá dỡ công trình, và
- (c) trường hợp tài liệu của Nhà thầu ở dạng chương trình máy tính và phần mềm khác, cho phép họ sử dụng trên bất cứ máy tính nào trên công trường và các nơi khác như đã trừ tính cụ thể trong Hợp đồng, kể cả việc thay máy tính do Nhà thầu cấp.

Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu khác do Nhà thầu (hoặc do đại diện của mình) thực hiện, nếu Nhà thầu không đồng ý, Chủ đầu tư (hoặc Đại diện của mình) không được sử dụng, sao chụp hoặc thông tin cho bên thứ 3 vì mục đích khác với những mục đích cho phép trong Khoản này.

1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư

Giữa các bên, Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác về yêu cầu của Chủ đầu tư và các tài liệu khác do Chủ đầu tư hoặc do đại diện của Chủ đầu tư làm ra. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chụp, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì mục đích của Hợp đồng. Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư Nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc thông tin những tài liệu đó cho bên thứ 3, trừ khi điều đó là cần thiết vì mục đích của Hợp đồng.

1.12 Các chi tiết bí mật

Nhà thầu không bị yêu cầu phải tiết lộ cho Chủ đầu tư bất cứ một thông tin nào mà Nhà thầu trình bày trong Hồ sơ dự thầu như là chi tiết bảo mật. Nhà thầu sẽ phải tiết lộ bất kỳ thông tin nào khác mà Điều kiện riêng có thể yêu cầu một cách hợp lý để điều tra và xác định việc tuân thủ Hợp đồng của Nhà thầu.

1.13 Tuân thủ luật pháp

Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ Luật hiện hành. Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng.

- (a) Điều kiện riêng phải có (hoặc sẽ phải có) giấy phép quy hoạch, phân vùng hoặc giấy phép tương tự cho công trình vĩnh cửu, và các giấy phép khác được mô tả trong Yêu cầu của Chủ đầu tư như Chủ đầu tư đã có hoặc sẽ có; và Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Nhà thầu do hậu quả sai sót do mình gây ra; và
- (b) Nhà thầu phải thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và phê chuẩn, theo Luật định liên quan đến thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót; và Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư những hậu quả sai sót của mình.

1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

Nếu Nhà thầu thiết lập (theo luật hiện hành) một liên doanh, tập đoàn hoặc nhóm hợp tác gồm hai hoặc hơn ba người:

- (a) những người này phải có đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm đối với Chủ đầu tư để thực hiện hợp đồng.
- (b) những người này phải thông báo với Chủ đầu tư về người đứng đầu của họ, là người sẽ có thẩm quyền liên kết Nhà thầu và từng người trong số những người này; và
- (c) Nhà thầu phải không được thay đổi cơ cấu hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

2. CHỦ ĐẦU TƯ

2.1 Quyền tiếp cận công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sở hữu toàn bộ các phần của công trường trong suốt thời gian (hoặc những thời gian) như đã quy định trong Điều kiện riêng. Quyền và việc sở hữu có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu trong yêu cầu Hợp đồng Chủ đầu tư phải (cho Nhà thầu) quyền sở hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, thiết bị hoặc phương tiện tiếp cận công trường, Chủ đầu tư phải thực hiện điều này trong thời gian và theo cách thức quy định trong phần Yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Chủ đầu tư có thể giữ lại, chưa cho bất kỳ quyền nào như vậy hoặc quyền sở hữu đó cho tới khi nào nhận được Bảo lãnh thực hiện.

Nếu không quy định thời gian trong Điều kiện riêng, Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sở hữu công trường với hiệu lực từ ngày khởi công.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí do Chủ đầu tư không cho Nhà thầu những quyền sở hữu trong thời gian như vậy, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và được quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] yêu cầu:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*]
- (b) được thanh toán chi phí phát sinh cộng với lãi suất hợp lý, được thêm vào trong Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định vấn đề này.

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà việc Chủ đầu tư không cho phép những quyền ấy cho Nhà thầu là do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu bao gồm một sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ tài liệu nào của Nhà thầu, thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí hoặc lợi nhuận như vậy.

2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận

Chủ đầu tư phải (trường hợp ở vị thế làm được điều này) hỗ trợ hợp lý cho Nhà thầu theo yêu cầu của Nhà thầu:

- (a) Có được bản sao các bộ Luật của nước sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và
- (b) về việc xin giấy phép hoặc giấy chấp thuận mà Luật nước sở tại yêu cầu, gồm những loại:
- (c) Nhà thầu được đòi hỏi phải có theo Khoản 1.13 [*Tuân thủ luật pháp*]
 - (i) để cung cấp hàng hóa, bao gồm thông qua thủ tục hải quan, và
 - (ii) để xuất các thiết bị của Nhà thầu khi đưa chúng ra khỏi công trường.

2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo cho người của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên công trường:

- (a) hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 4.6 [*Hợp tác*]
- (b) hành động tương tự như những gì yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 4.8 [*Những quy định về an toàn*] và theo Khoản 4.18 [*Bảo vệ môi trường*]

2.4 Sự Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải đệ trình, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Nhà thầu, bằng chứng hợp lý là thu xếp tài chính đã được thực hiện và đang được duy trì, điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chủ đầu tư có thể thanh toán Giá hợp đồng (như đã dự toán vào thời điểm đó) theo Điều 14 [*Giá hợp đồng và thanh toán*], nếu Chủ đầu tư dự định thực hiện những thay đổi cụ thể nào đó đối với việc sắp xếp tài chính thì Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu các chi tiết cụ thể.

2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư tự xét thấy mình có quyền với bất kỳ thanh toán nào theo bất cứ điều nào của những Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc kéo dài thời gian thông báo sai sót, Chủ đầu tư phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu. Tuy nhiên, không phải thông báo đối với các khoản thanh toán đúng hạn theo Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí đốt*], theo Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp tự do*], hoặc các dịch vụ khác do Nhà thầu yêu cầu.

Phải thông báo càng có tính hiện thực càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình trạng dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều hoặc cơ sở khiếu nại khác, và phải bao gồm minh chứng của số tiền và/hoặc sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định (i) số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền được Nhà thầu thanh toán và/hoặc (ii) kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót theo Khoản 11.3 [*Kéo dài thời hạn thông báo sai sót*].

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu, hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo Khoản này hoặc đoạn phụ (a) và/hoặc (b) của Khoản 14.6 [*Thanh toán tạm*]

3. VIỆC ĐIỀU HÀNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

3.1 Đại diện của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chỉ định một đại diện để hành động thay mặt cho mình theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Nhà thầu thông báo về tên, địa chỉ, nhiệm vụ và quyền hạn đại diện của mình.

Đại diện của Chủ đầu tư sẽ phải thực thi các nhiệm vụ đã được phân công cho mình, và sẽ thực hiện các quyền lực được ủy thác bởi Chủ đầu tư. Trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư thông báo khác cho Nhà thầu, Đại diện của Chủ đầu tư được coi là có toàn quyền của Chủ đầu tư theo Hợp đồng, ngoại trừ chi tiết cụ thể trong Điều 15 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

Nếu Chủ đầu tư muốn thay thế bất cứ người nào được chỉ định làm đại diện cho mình thì trong vòng không ít hơn 14 ngày, Chủ đầu tư phải cung cấp cho Nhà thầu một thông báo về tên địa chỉ, nhiệm vụ và quyền hạn đại diện của mình.

3.2 Nhân viên khác của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể phân công nhiệm vụ và ủy nhiệm quyền hạn cho các trợ lý, và cũng có thể hủy bỏ sự phân công hoặc ủy quyền đó. Những người trợ lý này của Nhà thầu vẫn có thể là một Nhà thầu vẫn thường trú và/hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát và/hoặc thử các hạng mục thiết bị và/hoặc vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của Chủ đầu tư chỉ có hiệu lực khi nào Nhà thầu nhận được bản sao của văn bản đó.

Những người trợ lý phải là những người có trình độ thích hợp, có đủ trình độ thực hiện những nhiệm vụ và những quyền hạn được giao, và thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được quy định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*]

3.3 Người được ủy quyền

Tất cả những người bao gồm đại diện Chủ đầu tư và các trợ lý, những người được phân công nhiệm vụ hoặc ủy quyền quyền hạn của Chủ đầu tư, sẽ chỉ có quyền đưa ra các chỉ dẫn cho Nhà thầu trong trường hợp được nêu rõ trong việc ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, xem xét, xác nhận, đồng ý, kiểm tra, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định, hoặc các hành động tương tự của người được ủy quyền, để phù hợp với việc ủy quyền, sẽ có cùng hiệu lực như là nếu hành động đó do chính Chủ đầu tư thực hiện. Tuy nhiên:

- (a) nó sẽ không làm giảm bớt bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng của Nhà thầu, bao gồm trách nhiệm về lỗi, sự bỏ sót, sự không nhất quán và không đúng yêu cầu, trừ phi có quy định khác trong thông báo có liên quan đến người được ủy quyền cho các hành động như vậy,
- (b) bất kỳ một sự thất bại nào trong việc không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và, do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Chủ đầu tư trong việc bác bỏ công việc, thiết bị, hoặc vật liệu đó;

- (c) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào của trợ lý thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Chủ đầu tư, là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc biến đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó

3.4 Các chỉ dẫn

Chủ đầu tư có thể đưa ra cho Nhà thầu những chỉ dẫn cần thiết để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Mỗi một chỉ dẫn phải được viết thành văn bản và phải nêu rõ nghĩa vụ liên quan đến nó và các Khoản (hoặc điều khoản khác của Hợp đồng) mà trong đó các nghĩa vụ được ghi rõ. Nếu hướng dẫn dẫn đến một biến đổi thì áp dụng Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*]

Nhà thầu phải tiếp nhận các chỉ dẫn của Chủ đầu tư, hoặc của đại diện Chủ đầu tư hay trợ lý người có quyền hạn chính đáng được ủy quyền theo Điều này.

3.5 Quyết định

Bất kể khi nào Điều kiện này quy định rằng Chủ đầu tư phải thực hiện theo Khoản 3.5 để đồng ý hoặc quyết định vấn đề, Chủ đầu tư phải trao đổi với Nhà thầu để cố gắng đi đến thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận, Chủ đầu tư phải đưa ra một quyết định khách quan phù hợp Hợp đồng với sự xem xét kỹ tất cả các bối cảnh liên quan.

Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu từng thỏa thuận hoặc quyết định với các thông tin cụ thể chứng minh. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ phi Nhà thầu đưa ra một thông báo cho Chủ đầu tư về sự không thỏa mãn của mình với quyết định trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được thông báo. Sau đó, bên kia có thể chuyển sự bất đồng cho Ban xử lý tranh chấp theo Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*].

4. NHÀ THẦU

4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu

Nhà thầu phải thiết kế, thi công và hoàn thành công trình theo Hợp đồng và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình. Khi đã hoàn thành, công trình phải đúng theo mục đích dự định như xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp thiết bị và tài liệu của Nhà thầu được nêu trong Hợp đồng và toàn bộ người của Nhà thầu, hàng hóa, vật liệu tiêu hao, những thứ khác và dịch vụ bất kể là tạm thời hay lâu dài được yêu cầu trong và cho thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Công trình này phải bao gồm tất cả các công việc cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư, hoặc được đề cập đến trong Hợp đồng và tất cả các công việc (kể cả không được nêu trong Hợp đồng) cần thiết cho sự ổn định hoặc việc hoàn thành hoặc sự an toàn và bản thân sự vận hành tốt công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự thỏa đáng, ổn định và an toàn cho việc hoạt động trên công trường, các phương pháp xây dựng và toàn bộ công trình.

Nhà thầu, bất cứ khi nào Chủ đầu tư yêu cầu, phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các phương pháp mà Nhà thầu đề xuất áp dụng cho việc thi công công trình. Không được thay đổi đáng kể những sự bố trí và các phương pháp nếu không thông báo trước với Chủ đầu tư.

4.2 Bảo lãnh thực hiện

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải có được Bảo lãnh thực hiện với số lượng và loại tiền tệ đã xác định trong Điều kiện riêng để thực hiện đúng Hợp đồng. Nếu không quy định số tiền cụ thể trong Điều kiện riêng, sẽ không áp dụng Khoản này.

Nhà thầu phải gửi Bảo lãnh thực hiện cho Chủ đầu tư trong vòng 28 ngày sau khi cả hai bên đã ký thỏa thuận hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện phải do một thể nhân cấp và phải là từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) cấp và được Chủ đầu tư chấp thuận, và phải theo mẫu ở phụ lục Điều kiện riêng hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh thực hiện có giá trị và hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa xong các sai sót. Nếu các điều khoản của Bảo lãnh thực hiện nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa được phép nhận Chứng nhận thực hiện vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo lãnh thực hiện cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư không được đòi thanh toán tiền về Bảo lãnh thực hiện ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư được quyền hưởng theo Hợp đồng trong trường hợp:

- (a) Nhà thầu không gia hạn được hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện như đã mô tả ở đoạn trên, trong trường hợp đó Chủ đầu tư có thể đòi toàn bộ số tiền của Bảo lãnh thực hiện,
- (b) Nhà thầu không trả cho Chủ đầu tư khoản nợ như Nhà thầu thỏa thuận hoặc được xác định phải trả tại Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hoặc Điều 20 [*Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài*], trong vòng 42 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả,
- (c) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót, hoặc
- (d) Trường hợp cho phép Chủ đầu tư được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], bất kể có thông báo chấm dứt hay chưa.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những thiệt thòi cho Nhà thầu về những hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm chi phí và lệ phí tư pháp) do việc khiếu nại về Bảo lãnh thực hiện gây nên ở phạm vi mà Chủ đầu tư không được phép khiếu nại.

Chủ đầu tư phải trả lại Bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu trong vòng 21 ngày sau khi nhận được một bản sao Chứng chỉ nghiệm thu.

4.3 Đại diện Nhà thầu

Nhà thầu phải chỉ định đại diện Nhà thầu và ủy quyền cho người đại diện hành động thay mặt Nhà thầu trong Hợp đồng.

Trừ phi đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tên và các chi tiết của người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu để xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp nhận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không đảm bảo hoạt động với tư cách là người đại diện Nhà thầu thì, một cách tương tự, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này.

Nếu không được sự đồng ý trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.

Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn theo Khoản 3.4 [*Các chỉ dẫn*]

Đại diện của Nhà thầu có thể ủy nhiệm quyền hành, chức năng và thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực và có thể hủy bỏ việc ủy thác này tại bất cứ thời điểm nào. Việc ủy thác hoặc hủy bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Chủ đầu tư nhận được thông báo trước do đại diện Nhà thầu ký, nêu tên người này và quy định quyền hành, chức năng và thẩm quyền được giao hoặc hủy bỏ.

Đại diện của Nhà thầu và những người này phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được xác định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

4.4 Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được giao cho thầu phụ toàn bộ công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về mọi hành động hoặc sai sót của thầu phụ, các đại diện hoặc nhân viên của họ như thể đó là hành động và sai sót của Nhà thầu. Khi đã được xác định trong Điều kiện riêng, không chậm hơn 28 ngày, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư thông báo về:

- (a) dự kiến chọn Nhà thầu phụ với các đặc điểm chi tiết nêu rõ kinh nghiệm có liên quan
- (b) dự kiến bắt đầu công việc của Nhà thầu phụ, và
- (c) dự kiến bắt đầu công việc của Nhà thầu phụ tại hiện trường.

4.5 Nhà thầu phụ được đề cử

Trong Khoản này, “Nhà thầu phụ được đề cử” là một thầu phụ mà Chủ đầu tư, theo Điều 13 [*Biến đổi và Điều chỉnh*], chỉ dẫn cho Nhà thầu thuê làm như một thầu phụ. Nhà thầu không có nghĩa vụ phải thuê một thầu phụ được đề cử mà Nhà thầu không đồng ý một cách hợp lý bằng việc thông báo cho Chủ đầu tư càng nhanh càng tốt với các chi tiết chứng minh.

4.6 Hợp tác

Như đã được quy định trong Hợp đồng hoặc chỉ dẫn của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải tạo ra các cơ hội thích hợp để thực hiện công việc đối với:

- (a) nhân lực của Chủ đầu tư,
- (b) các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và
- (c) các nhân viên của các cơ quan Nhà nước có quyền lực hợp pháp,

là những người có thể được thuê để thực hiện công việc không có trong Hợp đồng ở trên hoặc gần công trường.

Bất cứ sự chỉ dẫn nào như thế sẽ dẫn đến sự biến đổi nếu và ở mức độ nào đó sẽ làm cho Nhà thầu phải chịu các chi phí theo một mức mà một Nhà thầu có kinh nghiệm cũng không thể lường trước được khi nộp Hồ sơ dự thầu. Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng, nếu có yêu cầu Chủ đầu tư trao cho Nhà thầu quyền sử dụng bất cứ nền móng, kết cấu, nhà xưởng hoặc phương tiện tiếp cận nào theo tài liệu của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp những tài liệu này cho Chủ đầu tư vào thời gian và thể theo thể thức quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.

4.7 Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các điểm gốc, tuyến và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

4.8 Các quy định về an toàn

Nhà thầu phải:

- (a) tuân thủ tất cả quy định an toàn hiện hành,
- (b) quan tâm tới sự an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên công trường,
- (c) nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo công trường và công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người này,
- (d) đảm bảo có hàng rào, chiếu sáng, bảo vệ và coi sóc Công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Điều 10 [*Nghiệm thu bàn giao của Chủ đầu tư*], và
- (e) cung cấp các công trình tạm (gồm đường sá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho thực hiện công trình để sử dụng và bảo vệ công chúng và các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận.

4.9 Đảm bảo chất lượng

Nhà thầu phải xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng để tuân thủ yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải thích hợp với các chi tiết đã nêu trong Hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào của hệ thống.

Chi tiết của tất cả các thủ tục và tài liệu chứng minh sự phù hợp phải được nộp cho Chủ đầu tư để thông tin trước khi bắt đầu mỗi giai đoạn thiết kế và thi công. Khi bất cứ tài liệu kỹ thuật nào được gửi cho Chủ đầu tư, bằng chứng của việc chấp thuận từ trước của Nhà thầu phải được thể hiện trên chính tài liệu đó.

Sự phù hợp với hệ thống đảm bảo chất lượng không làm giảm bớt đi bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.

4.10 Dữ liệu về công trường

Chủ đầu tư phải có sẵn để thông báo cho Nhà thầu, trước Ngày hẹn, toàn bộ số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện ngầm dưới đất và thủy văn của công trường, gồm cả các yếu tố môi trường. Cũng như vậy, Chủ đầu tư phải có sẵn cho Nhà thầu tất cả số liệu mà Chủ đầu tư có được sau Ngày hẹn.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm kiểm tra và thấu hiểu các tài liệu đó. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và hoàn thiện của số liệu đó trừ các điều quy định ở khoảng 5.1 [*Nhiệm vụ thiết kế chung*].

4.11 Tính chất đầy đủ của Giá hợp đồng

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính chất đúng và đủ của Giá hợp đồng.

Trừ phi các quy định khác trong Hợp đồng, Giá hợp đồng được chấp nhận bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng (gồm cả nghĩa vụ theo tiền tạm ứng, nếu có) và tất cả những gì cần thiết cho việc thi công và hoàn thành một cách thích hợp công trình và việc sửa chữa các sai sót.

4.12 Khó khăn không lường trước được

Trừ phi đã được quy định khác ở trong Hợp đồng

- (a) Nhà thầu phải xem như có đầy đủ các thông tin cần thiết về rủi ro, khả năng và các trường hợp khác có thể ảnh hưởng hoặc tác động đến công trình;
- (b) Khi ký Hợp đồng, Nhà thầu chấp nhận trách nhiệm toàn bộ về việc lường trước tất cả các khó khăn và chi phí để hoàn thành thắng lợi công trình; và
- (c) Giá hợp đồng sẽ không điều chỉnh để xét tới các khó khăn hoặc chi phí không lường trước được.

4.13 Quyền về đi đường và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu, tự mình, cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

4.14 Tránh can thiệp

Nhà thầu phải không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:

- (a) sự thuận tiện của công chúng, hoặc
- (b) việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.

Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

4.15 Đường vào công trường

Nhà thầu phải được coi là thỏa mãn về sự có sẵn và phù hợp của các tuyến đường tới công trường. Nhà thầu phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ phi được quy định khác trong các Điều kiện này:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng nếu Nhà thầu có yêu cầu khi sử dụng các tuyến đường đó;
- (b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- (c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại.
- (d) Chủ đầu tư không đảm bảo sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào, và
- (e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường vào cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

4.16 Vận chuyển Hàng hóa

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hóa chính khác được vận chuyển tới công trường;
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần cho công trình; và
- (c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hóa và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải của họ.

4.17 Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị Nhà thầu. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình.

4.18 Bảo vệ môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các bước hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trên và ngoài công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và không được vượt quá mức quy định của luật hiện hành.

4.19 Điện, nước và khí đốt

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng cho mục đích thi công Công trình việc cung cấp điện nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu, tự mình phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

4.20 Thiết bị và vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải có sẵn các thiết bị của mình (nếu có) để Nhà thầu dùng cho thi công công trình theo các chi tiết, sự thu xếp và giá cả được nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư thì:

- (a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị của Chủ đầu tư, trừ khi
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Chủ đầu tư phải được đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp, miễn phí, “các vật liệu cung cấp tự do” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra bằng mắt những vật liệu này, và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ phi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra bằng mắt, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra bằng mắt.

4.21 Báo cáo Tiến độ

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các báo cáo tiến độ thực hiện hàng háng sẽ được Nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Nhà tư vấn 6 bản. Báo cáo đầu tiên phải tính từ ngày khởi công đến ngày cuối cùng của tháng đầu. Sau đó, các báo cáo phải được nộp hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong vòng 7 ngày sau ngày cuối cùng của khoảng thời gian liên quan.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn lại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Mỗi báo cáo phải có:

- (a) sơ đồ và mô tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế, Tài liệu của Nhà thầu, mua sắm thiết bị, gia công, vận chuyển tới công trình, thi công, lắp dựng, kiểm tra, và vận hành thử;
- (b) ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên công trường;
- (c) đối với việc gia công chế tạo hạng mục chính của thiết bị và vật tư, tên của nơi sản xuất, tiến độ phân trăm và ngày thực sự hoặc dự kiến:
 - (i) bắt đầu gia công chế tạo và tiến độ trên công trường;
 - (ii) kiểm định của Nhà thầu,
 - (iii) kiểm định, và
 - (iv) vận chuyển và tới công trường;
- (d) các chi tiết được mô tả tại Khoản 6.10 [Hồ sơ nhân lực và thiết bị của Nhà thầu];
- (e) bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử và chứng chỉ của vật liệu;
- (f) danh mục các thay đổi, thông báo được đưa ra theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] và thông báo được đưa ra theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu];
- (g) số liệu thống kê về an toàn, gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và quan hệ công cộng; và
- (h) so sánh tiến độ theo kế hoạch và thực tế, với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

4.22 An ninh công trường

Trừ phi có những quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường, và
- (b) Những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có nhiệm vụ của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên công trường.

4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường, và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt

động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp cho công trình; Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những hàng hóa cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.24 Cổ vật

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo tiếp cho Chủ đầu tư và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] đòi:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí đó và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

5. THIẾT KẾ

5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung

Nhà thầu được xem như đã xem xét kỹ lưỡng trước ngày hẹn các yêu cầu của Chủ đầu tư (bao gồm các đặc trưng thiết kế và tính toán, nếu có). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về thiết kế của công trình và về tính chính xác của các yêu cầu của Chủ đầu tư đó (bao gồm đặc trưng thiết kế và tính toán, nếu có) trừ các điều kiện dưới đây:

Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về sai lầm, thiếu chính xác hoặc thiếu sót nào của bất cứ yêu cầu nào của Chủ đầu tư đã đưa vào Hợp đồng đầu tư và không bị xem là đã đúng ra bảo đảm cho sự chính xác hoặc đầy đủ của tất cả số liệu hoặc thông tin nào ở dưới đây. Bất cứ số liệu hoặc thông tin nào mà Nhà thầu nhận được từ Chủ đầu tư hoặc người khác, không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi trách nhiệm về thiết kế và sự thực hiện của công trình.

Tuy nhiên, Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các phần sau đây của yêu cầu của Chủ đầu tư và về các số liệu và thông tin sau đây được Chủ đầu tư (hoặc người đại diện) cung cấp:

- (a) Các phần, số liệu và thông tin được ghi trong Hợp đồng được xem không được thay đổi hoặc do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm,
- (b) Định nghĩa của các mục đích dự định của công trình hoặc những phần nào đó,
- (c) Đặc trưng của công tác thử (kiểm định) và sự thực hiện của các công trình hoàn thiện, và
- (d) bộ phận, số liệu hoặc thông tin không thể rà soát lại bởi Nhà thầu ngoại trừ các điều quy định khác trong Hợp đồng ra

5.2 Tài liệu của Nhà thầu

Tài liệu của Nhà thầu phải bao gồm tài liệu kỹ thuật được quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu yêu cầu để đáp ứng sự phê duyệt theo pháp quy, và tài liệu mô tả trong Khoản 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*]. Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu của Nhà thầu phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp quy định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*]

Nhà thầu phải chuẩn bị tất cả tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu cần thiết khác để chỉ dẫn cho người của Nhà thầu.

Nếu các yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả các tài liệu của Nhà thầu sẽ được trình cho Chủ đầu tư xem xét thì tài liệu này sẽ được trình cùng với thông báo được nêu dưới đây. Trong các quy định dưới đây của Khoản này, (i) “thời gian xem xét” có nghĩa là thời gian mà Chủ đầu tư cần để xem xét và (ii) “Các tài liệu của Nhà thầu” loại trừ mọi tài liệu không được quy định là cần trình lên để xem xét.

Trừ phi được quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư thì mỗi thời kỳ xem xét không được vượt quá 21 ngày tính từ ngày Chủ đầu tư nhận được tài liệu của Nhà thầu và thông báo của Nhà thầu. Thông báo này phải nêu rõ là tài liệu của Nhà thầu đã được chuẩn bị sẵn sàng để xem xét theo Khoản này và để sử dụng. Thông báo này cũng phải nêu rõ tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng, hoặc phạm vi mà nó không làm đúng được.

Chủ đầu tư, có thể, trong thời gian xem xét, sẽ thông báo cho Nhà thầu rằng tài liệu của Nhà thầu ở mức độ nào đó không đúng với Hợp đồng. Nếu một tài liệu của Nhà thầu không đúng với Hợp đồng thì Nhà thầu phải điều chỉnh lại, trình lại để xem xét lại theo Khoản này và Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí.

Trong mỗi hạng mục của công trình, ngoại trừ phạm vi mà các bên thỏa thuận khác:

- (a) việc thi công hạng mục công trình như vậy sẽ không được bắt đầu trước khi hết hạn thời gian xem xét tất cả các tài liệu của Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thi công;
- (b) việc thi công hạng mục công trình như vậy phải theo đúng những tài liệu của Nhà thầu đã đệ trình để xem xét; và
- (c) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư ngay nếu Nhà thầu muốn thay đổi về thiết kế hoặc tài liệu nào mà trước đó đã được trình để xem xét. Sau đó, Nhà thầu sẽ trình các tài liệu đã được sửa đổi cho Chủ đầu tư theo đúng các thủ tục nêu trên.

Bất cứ sự thỏa thuận nào (theo các đoạn trên) hoặc bất cứ sự xem xét nào (theo khoản này hoặc khác) sẽ không miễn trừ Nhà thầu khỏi trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào.

5.3 Đảm bảo của Nhà thầu

Nhà thầu phải đảm bảo việc thiết kế, các tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và hoàn thành công trình sẽ phải theo đúng với:

- (a) Luật của nước sở tại, và
- (b) hồ sơ hình thành Hợp đồng, như đã được bổ sung hay sửa đổi bằng các biến đổi.

5.4 Những tiêu chuẩn và các quy định kỹ thuật

Công tác thiết kế, các tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và hoàn thành công trình sẽ phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn kỹ thuật của nước sở tại, Luật xây dựng, và Luật môi trường, các Luật hiện hành cho các sản phẩm được tạo ra từ công trình, và các tiêu chuẩn khác được nêu rõ trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, được áp dụng cho công trình hoặc do các Luật hiện hành quy định.

Tất cả những Luật này, đối với công trình và mỗi hạng mục công trình phải là những Luật hiện hành khi công trình hay hạng mục được Chủ đầu tư nghiệm thu theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Các điều khoản tham chiếu trong Hợp đồng về các tiêu

chuẩn được ban hành sẽ được hiểu là những điều khoản tham chiếu đối với lần xuất bản được áp dụng vào Ngày hẹn, trừ phi quy định khác.

Nếu những tiêu chuẩn được áp dụng đã được sửa đổi hay là tiêu chuẩn mới có hiệu lực ở nước sở tại sau Ngày hẹn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và (nếu phù hợp) sẽ kiến nghị áp dụng. Trong trường hợp:

- (a) Chủ đầu tư xác định là cần phải áp dụng, và
- (b) kiến nghị áp dụng sẽ dẫn đến biến đổi.

Khi đó Chủ đầu tư sẽ bắt đầu ghi một sự biến đổi để phù hợp với Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*].

5.5 Đào tạo

Nhà thầu sẽ tiến hành đào tạo nhân lực của Chủ đầu tư về việc vận hành và bảo dưỡng công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu Hợp đồng nêu rõ việc đào tạo phải được tiến hành trước khi nghiệm thu công trình, công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi đào tạo được hoàn thành.

5.6 Tài liệu hoàn công

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và kịp thời cập nhật một bộ hồ sơ đầy đủ các tài liệu hoàn công về công tác thi công công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ và các chi tiết của công trình xây dựng như đã được thi công. Những tài liệu này sẽ được giữ ở công trường và được sử dụng riêng cho những mục đích của Khoản này. Chủ đầu tư sẽ được cung cấp 02 bản sao của những hồ sơ này trước khi tiến hành kiểm định khi hoàn thành.

Ngoài ra, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các bản vẽ hoàn công của các công trình, cho thấy tất cả những chi tiết công trình được thực hiện và trình những bản vẽ đó cho Chủ đầu tư để xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]. Nhà thầu sẽ nhận được sự đồng ý của Chủ đầu tư về kích cỡ của chúng, hệ thống tham chiếu và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi ban hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư những con số cụ thể và các loại bản sao của các bản hoàn công theo các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận được những tài liệu này.

5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

Trước khi tiến hành kiểm định khi hoàn thành, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư những tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời đầy đủ các chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành, bảo dưỡng, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa các thiết bị.

Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận được những tài liệu hướng dẫn chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành và bảo dưỡng và những tài liệu hướng dẫn khác được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư cho những mục đích này.

5.8 Lỗi thiết kế

Nếu phát hiện trong tài liệu của Nhà thầu có các lỗi, bỏ sót, không rõ ràng, không nhất quán hay không phù hợp, Chủ thầu phải chịu mọi chi phí cho việc sửa chữa các lỗi này cũng như các công trình đấu cho đã có sự chấp thuận hoặc đồng ý theo điều này.

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.1 Thuê mướn nhân viên và lao động

Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ sắp xếp việc thuê nhân viên và người lao động, người địa phương hay ở nơi người khác và trả lương, bố trí ăn ở và đi lại cho họ.

6.2 Mức lương và các điều kiện lao động

Nhà thầu sẽ trả mức lương và tôn trọng các điều kiện lao động, không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện lao động được quy định cho các nghề và ngành công nghiệp trong đó công việc của người lao động được thực hiện. Nếu không có mức lương hoặc điều kiện lao động nào đã được quy định mà có thể áp dụng được thì Nhà thầu sẽ áp dụng các mức lương và điều kiện lao động chung ở địa phương mà các chủ thuê người trả cho các nghề và ngành công nghiệp tương tự như của Nhà thầu.

6.3 Những người trong bộ máy Chủ đầu tư

Nhà thầu không được tuyển mộ, hay toan tính tuyển nhân viên và người lao động từ trong bộ máy của Chủ đầu tư.

6.4 Luật lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các Luật lao động hiện hành được áp dụng cho nhân lực của Nhà thầu, bao gồm cả Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và tất cả các những quyền lợi hợp pháp của họ.

Nhà thầu phải yêu cầu các nhân công của mình tuân thủ các Luật đang được áp dụng, bao gồm cả những Luật liên quan đến an toàn lao động.

6.5 Giờ lao động

Không tiến hành làm việc trên công trường vào những ngày nghỉ của địa phương, hoặc ngoài giờ làm việc bình thường, trừ phi:

- (a) có quy định khác trong Hợp đồng,
- (b) có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, hoặc
- (c) công việc không thể tránh được hoặc cần thiết phải làm để bảo vệ cho sự tồn tại hoặc tài sản hay sự an toàn của công trình, trong trường hợp đó Nhà thầu sẽ phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư.

6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động

Trừ phi được quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả các phương tiện ăn ở và bảo vệ sức khỏe cần thiết cho nhân lực của Nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp mọi điều kiện cho nhân viên của Chủ đầu tư như đã nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu không được cho phép bất cứ nhân công nào của Nhà thầu có chỗ ở tạm thời hoặc vĩnh cửu trong khu vực kết cấu của công trình vĩnh cửu.

6.7 Sức khỏe và an toàn lao động

Nhà thầu luôn luôn có những sự cân trọng hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu, phòng chăm sóc người ốm, dịch vụ cấp cứu phải luôn luôn sẵn sàng trên công trường và tại các nơi ở của nhân lực của Nhà thầu và Chủ đầu tư, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.

Nhà thầu sẽ chỉ định một an toàn viên ở công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn. Người này phải có trình độ để đảm nhận trọng trách này, và có quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cung cấp những gì mà người này cần thiết để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

Nhà thầu sẽ gửi cho Chủ đầu tư các chi tiết về tai nạn càng sớm càng tốt sau khi xảy ra. Nhà thầu sẽ gửi những giấy tờ liên quan đến tình trạng sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, thiệt hại về mặt tài sản, như Chủ đầu tư đã yêu cầu một cách hợp lý.

6.8 Giám sát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thiết kế và thi công công trình, và cả thời gian cần thiết sau đó để hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ có sự giám sát cần thiết để vạch kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra và thử nghiệm công việc.

Việc giám sát sẽ được giao cho một số lượng đầy đủ người có đủ kiến thức về ngôn ngữ giao tiếp (được quy định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*]) và về các hoạt động sẽ được tiến hành (bao gồm cả các phương pháp và các kỹ thuật cần thiết, những khó khăn có thể sẽ gặp phải và những biện pháp để phòng tai nạn để thỏa mãn yêu cầu công trình cũng như việc thi công công trình được an toàn.

6.9 Nhân lực Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp tương xứng về nghề nghiệp, công việc làm của mình. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân công nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó:

- (a) khăng khăng giữ thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận,
- (b) thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cẩu thả,
- (c) không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, hoặc
- (d) cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Nếu đúng như vậy, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế.

6.10 Báo cáo về nhân lực và thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng của mỗi cấp bậc nhân viên của Nhà thầu và của mỗi loại thiết bị của Nhà thầu có trên công trường. Các chi tiết sẽ được trình lên hàng tháng, theo biểu mẫu mà Chủ đầu tư đã quy định, cho đến khi Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các công việc còn dở dang vào ngày hoàn thành công trình được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

6.11 Hành vi gây rối

Nhà thầu phải luôn luôn cẩn trọng để tránh bất kỳ các hành vi, phạm luật gây rối hoặc mất trật tự nào do nhân viên của Nhà thầu gây ra và để giữ sự bình ổn và để bảo vệ sự yên bình cho con người và tài sản ở trên và gần công trường.

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

7.1 Cách thức thực hiện

Nhà thầu sẽ thực hiện việc chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công các vật liệu và tất cả các công việc thi công công trình:

- (a) theo cách thức (nếu có) được nêu ra trong Hợp đồng,
- (b) với một tay nghề thành thạo và một cách cẩn thận, phù hợp với cách làm thực tế đã được thừa nhận, và
- (c) với các phương tiện trang bị phù hợp và các vật liệu không nguy hiểm, trừ phi được quy định khác trong Hợp đồng.

7.2 Mẫu mã

Nhà thầu phải nộp các mẫu cho Chủ đầu tư xem xét theo các thủ tục cho tài liệu của Nhà thầu được miêu tả trong Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]; được xác định trong Hợp đồng và bằng chi phí của họ. Mỗi mẫu phải có nhãn hiệu ghi rõ nguồn gốc và dự kiến sử dụng trong công trình.

7.3 Giám định

Người của Chủ đầu tư trong mọi thời điểm thích hợp sẽ:

- (a) được quyền vào tất cả các nơi trên công trường và các nơi để khai thác nguyên vật liệu tự nhiên, và
- (b) trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng (ở trên công trường, nơi được quy định đặc biệt trong hợp đồng hay ở nơi khác) được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo thiết bị, sản xuất và gia công vật liệu

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà nhân viên của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và/hoặc kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất cứ công việc như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Chủ đầu tư sẽ hoặc là tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không có lý do hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy. Trường hợp Nhà thầu không gửi được thông báo thì, nếu và khi Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu phải mở lại công trình ra, sau đó lấp lại và hoàn thiện tất cả đều bằng chi phí của mình.

7.4 Thử (kiểm định)

Khoản này sẽ được áp dụng cho tất cả các cuộc thử được nêu trong Hợp đồng, ngoài việc thử sau khi hoàn thành (nếu có)

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành những kiểm định cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành kiểm định cụ thể của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình khác.

Chủ đầu tư có thể, theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*] có thể thay đổi địa điểm hoặc các chi tiết của các cuộc kiểm định cụ thể hoặc hướng dẫn Nhà thầu để tiến hành các cuộc kiểm định bổ sung. Nếu những cuộc kiểm định bổ sung hoặc thay đổi này cho thấy thiết bị, vật liệu hoặc tay nghề được kiểm định không phù hợp với Hợp đồng thì các chi phí cho việc tiến hành những biến đổi này sẽ do Nhà thầu chịu bất kể những điều khoản khác của Hợp đồng.

Chủ đầu tư phải thông báo trước 24 tiếng đồng hồ cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào cuộc kiểm định. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào cuộc kiểm định tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành kiểm định, trừ phi có sự chỉ dẫn khác từ phía Chủ đầu tư, và các cuộc kiểm định coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư, và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được quyền đòi:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ này, nếu như việc hoàn thành bị chậm hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi chi phí cộng với lợi nhuận hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư sẽ theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu phải trình ngay cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các cuộc kiểm định. Khi các cuộc kiểm định cụ thể đã được tiến hành xong, Chủ đầu tư sẽ chứng thực chứng chỉ kiểm định của Nhà thầu hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả đó. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào các cuộc kiểm định, coi như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

7.5 Từ chối

Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể từ chối các thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc nhân lực tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà thầu với các lý do. Nhà thầu phải sửa chữa sai sót ngay

lập tức và đảm bảo cho các mục đích đã bị bác bỏ được xử lý cho phù hợp với Hợp đồng.

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu là thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề cần được kiểm định lại, các cuộc kiểm định sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện đã làm trước đó. Nếu như việc từ chối và kiểm định lại dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Chủ đầu tư theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*].

7.6 Công việc sửa chữa

Mặc dù đã có những cuộc kiểm định trước đó hay đã cấp chứng chỉ, Chủ đầu tư có thể chỉ dẫn Nhà thầu tiến hành:

- (a) đưa đi khỏi công trường hoặc thay thế các thiết bị, vật liệu không phù hợp với Hợp đồng,
- (b) dỡ bỏ và tiến hành lại công việc nếu không phù hợp với hợp đồng, và
- (c) tiến hành công việc cần gấp để đảm bảo an toàn công trình hoặc do một tai nạn, sự kiện không lường trước hoặc nguyên nhân khác.

Nếu Nhà thầu không tuân theo chỉ dẫn, Chủ đầu tư theo Khoản 3.4 [*Các chỉ dẫn*] sẽ có quyền thuê và trả lương cho người khác tiến hành các công việc. Trừ phi Nhà thầu được hưởng quyền thanh toán cho công việc, Nhà thầu sẽ phải trả theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] tiền thanh toán cho Chủ đầu tư toàn bộ chi phí do không tuân thủ chỉ dẫn gây ra.

7.7 Quyền sở hữu thiết bị và vật liệu

Mỗi hạng mục thiết bị và vật liệu trong phạm vi phù hợp với Luật của nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, nếu nó có trước những thời điểm được nêu dưới đây mà không bị chiếm giữ và bị cản trở:

- (a) khi chúng được cung cấp tới công trường;
- (b) khi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu theo Khoản 8.10 [*Thanh toán đối với thiết bị và vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công trình*].

7.8 Lệ phí sử dụng

Trừ phi có quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ phải trả tiền bản quyền, tiền thuê và những tiền khác cho:

- (a) các vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài công trường, và
- (b) các vật liệu thải do phá dỡ, đào bới và các vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo) trừ trường hợp có bãi thải trên công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng

8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

8.1 Khởi công

Trừ phi có quy định khác trong thỏa thuận Hợp đồng.

- (a) Chủ đầu tư phải chuyển trước cho Nhà thầu không ít hơn 7 ngày Thông báo Ngày khởi công, và
- (b) Ngày khởi công sẽ là trong vòng 42 ngày sau khi Hợp đồng được có hiệu lực theo Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*].

Nhà thầu phải bắt đầu tiến hành thiết kế và thi công công trình ngay trên cơ sở thực tế sau ngày khởi công và sẽ thực hiện công trình đúng thời hạn mà không được chậm trễ.

8.2 Thời hạn hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình, và mỗi hạng mục (nếu có) trong khoảng thời hạn hoàn thành công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) bao gồm:

- (a) đã qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng được yêu cầu cho công trình hoặc hạng mục để được xem xét là đã hoàn thành cho các mục đích nghiệm thu theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*].

8.3 Chương trình tiến độ

Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư chương trình kế hoạch thời gian chi tiết trong vòng 28 ngày sau Ngày khởi công. Nhà thầu cũng sẽ trình chương trình thời gian đã được sửa đổi nếu chương trình kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Trừ phi được nêu khác trong hợp đồng, mỗi chương trình tiến độ sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu sẽ tiến hành để thực hiện công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn chính của công trình,
- (b) thời gian xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*],
- (c) quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng và
- (d) báo cáo hỗ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình, và
 - (ii) số liệu gần đúng về mỗi loại Nhân viên của Nhà thầu và mỗi loại Thiết bị của Nhà thầu cho mỗi giai đoạn chính.

Trừ phi Chủ đầu tư, trong vòng 21 ngày sau khi nhận được chương trình kế hoạch, thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình không phù hợp với Hợp đồng,

Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình kế hoạch và nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Người của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình kế hoạch khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình. Trong trường hợp đó, hoặc nếu Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu là chương trình bị phá sản (so với các phạm vi đã quy định) không đúng Hợp đồng hoặc phù hợp với các tiến triển hiện nay và với các ý định của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một chương trình sửa đổi phù hợp với khoản này.

8.4 Gia hạn Thời gian hoàn thành

Nhà thầu sẽ được phép theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn thời gian hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) có sự biến đổi (trừ phi việc điều chỉnh thời gian hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*],
- (b) nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được kéo dài thêm về mặt thời gian theo một Khoản của những Điều kiện này,
- (c) sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy kết.

Nếu Nhà thầu tự coi như mình đã được phép gia hạn thời gian hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc kéo dài thời gian theo Khoản 20.1, Chủ đầu tư phải xem xét lại những quyết định trước đó và có thể tăng, chứ không được giảm tổng thời gian kéo dài.

8.5 Chậm trễ do Nhà chức trách

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) Nhà thầu đã thực hiện đúng các thủ tục do các nhà chức trách tại nước sở tại quy định,
- (b) Các nhà chức trách này đã làm chậm trễ hoặc đổ vỡ công việc của Nhà thầu, và
- (c) Việc làm chậm hoặc đình chỉ công việc đó không thể được một Nhà thầu có kinh nghiệm lường trước khi nộp Hồ sơ dự thầu

Khi đó việc chậm trễ hoặc đổ vỡ này sẽ được coi là nguyên nhân gây chậm trễ theo phần (b) của Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*].

8.6 Tiến độ thực hiện

Nếu, bất cứ lúc nào:

- (a) tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành công việc trong khoảng thời gian hoàn thành, và/hoặc
- (b) tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với chương trình kế hoạch hiện tại theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*].

mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], khi đó Chủ đầu tư có thể hướng dẫn cho Nhà thầu, theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*], trình một chương trình được sửa đổi và báo cáo hỗ trợ mô tả các phương pháp được sửa đổi mà Nhà thầu đề xuất áp dụng để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong thời gian hoàn thành.

Trừ phi Chủ đầu tư có thông báo khác, Nhà thầu sẽ áp dụng những phương pháp đã được sửa đổi này, mà chúng có thể yêu cầu tăng số giờ làm việc và số lượng nhân lực của Nhà thầu và/hoặc hàng hóa mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và mọi chi phí. Nếu những phương pháp được sửa đổi này dẫn đến những chi phí thêm cho Chủ đầu tư, theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], Nhà thầu sẽ phải thanh toán những chi phí này cho Chủ đầu tư, ngoài những thiệt hại do việc chậm trễ gây ra (nếu có) theo Khoản 8.7 dưới đây.

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*], thì Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] sẽ phải chi trả cho Chủ đầu tư đối với những thiệt hại do lỗi này. Những thiệt hại này sẽ là số tiền được nêu trong Điều kiện riêng, sẽ được trả hàng ngày trong khoảng thời gian giữa thời gian hoàn thành và ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Tuy nhiên, tổng số tiền theo Khoản này sẽ không vượt quá tổng số tiền tối đa do thiệt hại vì chậm trễ gây ra (nếu có) được nêu trong Điều kiện riêng.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi đã gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong Hợp đồng.

8.8 Tạm ngừng công việc

Chủ đầu tư vào bất cứ lúc nào đều có thể hướng dẫn Nhà thầu tạm ngừng tiến độ của một hạng mục hay toàn bộ công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc công trình không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng.

Chủ đầu tư sẽ thông báo nguyên nhân tạm ngừng. Nếu và ở phạm vi nguyên nhân được thông báo, và là trách nhiệm của Nhà thầu, khi đó những Khoản 8.9, 8.10 và 8.11 sẽ không được áp dụng.

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] và/hoặc từ việc tiến hành lại công việc, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo quy định của Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí, được tính trong Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định những vấn đề này.

Nhà thầu sẽ không được quyền kéo dài thời gian, hay thanh toán các chi phí cho việc sửa các hậu quả của lỗi thiết kế, tay nghề hay vật liệu của Nhà thầu gây ra hoặc lỗi của Nhà thầu không bảo vệ, cất giữ hoặc bảo quản theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*]

8.10 Thanh toán tiền thiết bị và các vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công việc

Nhà thầu sẽ được thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu đã không được vận chuyển đến công trường (vào ngày tạm ngừng) nếu:

- (a) Công việc đối với thiết bị hoặc sự cung cấp thiết bị và/hoặc các vật liệu đã bị trì hoãn hơn 28 ngày, và
- (b) Nhà thầu đã đánh dấu thiết bị và hoặc các vật liệu là tài sản của Chủ đầu tư theo hướng dẫn của Chủ đầu tư.

8.11 Tạm ngừng quá lâu

Nếu việc tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] đã tiếp tục diễn ra quá 84 ngày, Nhà thầu có thể yêu cầu Chủ đầu tư cho phép tiếp tục tiến hành công việc. Nếu Chủ đầu tư không cấp phép trong vòng 28 ngày sau khi Nhà thầu đã yêu cầu, Nhà thầu có thể thông báo cho Chủ đầu tư và coi như việc tạm ngừng sẽ bị bỏ qua theo Điều 13 [*Biến đổi và điều chỉnh*] của hạng mục công trình bị ảnh hưởng. Nếu việc tạm ngừng ảnh hưởng đến toàn bộ công trình, Nhà thầu có thể thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Kết thúc Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

8.12 Tiếp tục tiến hành công việc

Sau khi đã nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành, các bên sẽ cùng kiểm tra công trình, thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Nhà thầu sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của công trình, thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.

9. KIỂM ĐỊNH KHI HOÀN THÀNH

9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ hoàn thành các cuộc kiểm định khi hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [*Kiểm định*], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo Khoản 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*].

Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành. Trừ phi đã có thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày mà Chủ đầu tư đã chỉ dẫn.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được tiến hành theo tuần tự sau:

- (a) các kiểm định trước khi đưa vào vận hành thử, sẽ bao gồm các cuộc kiểm tra thích hợp và các cuộc kiểm định chức năng (“khô” hoặc “lạnh”) để đảm bảo rằng mỗi hạng mục thiết bị có thể đảm bảo an toàn cho bước tiếp theo, (b);
- (b) các cuộc kiểm định vận hành thử, sẽ bao gồm cả những cuộc kiểm định vận hành cụ thể để thấy rằng công trình hay hạng mục có thể định vận hành một cách an toàn và nếu có quy định, trong tất cả điều kiện có thể xảy ra, và
- (c) vận hành thử, để cho thấy rằng công trình hay hạng mục hoạt động tốt và đúng với Hợp đồng.

Trong khi vận hành thử, khi công trình đang hoạt động trong điều kiện ổn định; Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư rằng công trình đã sẵn sàng cho bất cứ cuộc kiểm định khi hoàn thành khác, trong đó có các cuộc kiểm định thao tác để thấy được công trình đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và với các bảo lãnh thực hiện.

Vận hành thử sẽ không được tính vào nghiệm thu công trình theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, sản phẩm do công trình tạo ra trong quá trình vận hành thử sẽ là tài sản của Chủ đầu tư.

Khi xem xét kết quả của các cuộc kiểm định khi hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ có các sự chấp nhận thích đáng về tính hiệu quả của bất kỳ sự sử dụng nào về công trình cho sự thực hiện hoặc của đặc tính khác của công trình. Ngay sau khi các công trình hay hạng mục đã vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành như đã nêu trong phần (a), (b) hay (c), Nhà thầu sẽ trình bản báo cáo đã được chứng nhận về kết quả của các cuộc kiểm định này cho Chủ đầu tư.

9.2 Việc kiểm định bị chậm trễ

Nếu các cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Chủ đầu tư, thì Khoản 7.4 [*Kiểm định*] (đoạn 5) và/hoặc Khoản 10.3 [*Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành*] sẽ được áp dụng.

Nếu các cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Nhà thầu, Chủ đầu tư có thể bằng thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc kiểm định trong vòng 21 ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định vào ngày hoặc các ngày trong thời gian đó được Nhà thầu ấn định và phải thông báo cho Chủ đầu tư.

Nếu Nhà thầu không tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành trong vòng 21 ngày thì người của Chủ đầu tư có thể tiến hành các cuộc kiểm định mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và chi phí cho các cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được coi là đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả kiểm định sẽ được chấp nhận là chính xác.

9.3 Kiểm định lại

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành, thì Khoản 7.5 [*Từ chối*] sẽ được áp dụng và Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các công việc có liên quan theo những quy trình và điều kiện tương tự trước đó.

9.4 Không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu công trình hay hạng mục không vượt qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành đã được tiến hành lại theo Khoản 9.3 [*Kiểm định lại*], khi đó Chủ đầu tư có quyền:

- (a) yêu cầu tiếp tục tiến hành kiểm định lại theo Khoản 9.3;
- (b) nếu như việc công trình hay hạng mục không vượt qua các cuộc kiểm định làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư có được từ đó, sẽ loại bỏ công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp), trong trường hợp đó Chủ đầu tư sẽ được các sự bù đắp như phần (c) của Khoản 11.4 [*Không sửa chữa được sai sót*]; hoặc
- (c) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Trong trường hợp của phần (c), Nhà thầu khi đó sẽ thực hiện tất cả các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ bị giảm đi một số tiền để bù vào số tiền mà Chủ đầu tư bị thiệt từ việc giá trị công trình bị giảm đi do việc không qua được kiểm định. Trừ phi việc giảm giá do nguyên nhân này gây ra được nêu cụ thể (hay xác định được phương pháp tính toán) trong Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu việc giảm giá được: (i) hai bên thỏa thuận (khi hoàn thành vừa lòng chỉ riêng về vấn đề này) và sẽ thanh toán trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, hoặc (ii) xác định và thanh toán theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình

Trừ những quy định trong Khoản 9.4 [*Không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành*], công trình sẽ được Chủ đầu tư tiếp nhận khi (i) công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*] và trừ những nội dung được cho phép trong phần (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ theo Khoản này.

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư để xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, công trình đã được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục bằng cách tương tự, Nhà thầu có thể xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho mỗi hạng mục.

Chủ đầu tư, trong vòng 28 ngày sau nhận được đơn của Nhà thầu, sẽ:

- (a) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho Nhà thầu, nêu rõ ngày mà công trình hay hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình hay các hạng mục cho mục đích ban đầu (cho đến khi hoặc trong khi những việc này đang được hoàn thành và các sai sót đang được sửa chữa), hoặc
- (b) bác bỏ đơn và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo Khoản này.

Nếu Chủ đầu tư không cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hay bác bỏ đơn của Nhà thầu trong thời gian 28 ngày và nếu công trình hay hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng, Chứng chỉ nghiệm thu công trình coi như đã được cấp vào ngày thứ 28.

10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình

Các bộ phận của công trình (khác với hạng mục công trình) sẽ không được nghiệm thu hoặc được Chủ đầu tư sử dụng ngoại trừ đã được quy định ở Hợp đồng hoặc đã được hai Bên đồng ý.

10.3 Can thiệp vào các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu quá 14 ngày mà Nhà thầu không tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành vì nguyên nhân do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thì khi đó Nhà thầu sẽ tiến hành các kiểm định hoàn thành càng sớm càng tốt.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ hay phải chịu các chi phí do sự chậm trễ tiến hành các cuộc kiểm định khi hoàn thành gây ra, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn biết và theo Khoản 20.1 được quyền:

- (a) gia hạn thời gian để bù lại cho sự chậm trễ đó, nếu như việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí cộng thêm lợi nhuận hợp lý, tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

Để công trình và tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục cần phải luôn ở trong tình trạng do Hợp đồng quy định (trừ trường hợp bị rách hay hỏng) đến ngày hết hạn của thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu, và
- (b) thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Chủ đầu tư thông báo vào ngày hoặc trước ngày Thời hạn thông báo sai sót của công trình hay hạng mục hết hạn (trường hợp nếu xảy ra)

Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư thông báo.

11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót

Tất cả công việc được nêu trong phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*] sẽ được tiến hành và Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

- (a) thiết kế của công trình,
- (b) Thiết bị, các vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng,
- (c) vận hành hoặc bảo dưỡng không đúng cách mà trách nhiệm thuộc về Nhà thầu (theo Khoản 5.5 đến 5.7 hoặc khác), hoặc
- (d) Nhà thầu không tuân thủ các nghĩa vụ khác.

Nếu và ở mức độ mà việc đó được quy cho nguyên nhân khác, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư thông báo ngay lập tức và khi đó sẽ áp dụng Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*].

11.3 Kéo dài thời hạn thông báo sai sót

Theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài thêm Thời hạn thông báo sai sót về công trình hoặc hạng mục nếu và ở mức độ mà công trình, hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Nhà máy (tùy từng trường hợp và sau khi đã nghiệm thu) không thể sử dụng được cho mục đích đã định do sai sót hoặc hư hỏng. Tuy nhiên, thời hạn thông báo sai sót sẽ không được kéo dài quá 2 năm.

Nếu việc cung cấp và/hoặc lắp đặt thiết bị và/hoặc các vật liệu bị tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] hay Khoản 16.1 [*Quyền Nhà thầu tạm ngừng công việc*], theo Điều này nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không áp dụng cho những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra quá 2 năm sau khi Thời gian thông báo sai sót cho thiết bị, các vật liệu lẽ ra đã không còn hiệu lực.

11.4 Không sửa chữa được sai sót

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về ngày này.

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã thông báo và việc sửa chữa sẽ được thực hiện mà Nhà thầu phải chịu chi phí theo Khoản 11.2 [*Chi phí sửa chữa sai sót*], Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể:

- (a) tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này; và Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] phải trả cho Chủ đầu tư những chi phí hợp lý phát sinh từ việc Chủ đầu tư sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng;
- (b) Đồng ý hoặc quyết định khấu trừ hợp lý trong Giá hợp đồng theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; hoặc
- (c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, theo Hợp đồng hay không, Chủ đầu tư sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả công trình hoặc một phần công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần công trình đó, dọn dẹp công trường và trả thiết bị, các vật liệu lại cho Nhà thầu.

11.5 Di chuyển công việc bị sai sót

Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường hạng mục Nhà máy bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tăng số tiền cho bảo lãnh Hợp đồng bằng chi phí thay thế toàn bộ các phần này hay cung cấp sự bảo đảm phù hợp khác.

11.6 Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và/hoặc kiểm định sau khi hoàn thành đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng sự rủi ro và kinh phí của bên chịu trách nhiệm theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] cho chi phí sửa chữa sai sót.

11.7 Quyền được ra vào

Khi Chúng chỉ thực hiện hợp đồng đã được cấp, Nhà thầu sẽ được quyền tiếp cận tất cả các phần của công trình và các hồ sơ về hoạt động và sự thực hiện của công trình, trừ phi không phù hợp với những hạn chế hợp lý về mặt an ninh của Chủ đầu tư.

11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân

Nhà thầu sẽ, nếu Chủ đầu tư yêu cầu, tìm nguyên nhân dẫn đến sai sót theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư. Trừ phi sai sót đã được sửa chữa bằng chi phí của Nhà thầu theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*], chi phí của việc tìm kiếm nguyên nhân cộng với lợi nhuận hợp lý sẽ được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

11.9 Chứng chỉ thực hiện

Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được coi là đã hoàn thành nếu Nhà thầu chưa được Chủ đầu tư cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.

Chủ đầu tư sẽ cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng trong vòng 28 ngày sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu và đã hoàn thành và kiểm định tất cả công trình, bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót. Nếu Chủ đầu tư không cấp Chứng chỉ thực hiện thì:

- (a) Chứng nhận thực hiện được xem như đã được cấp vào ngày thứ 28 sau ngày đáng lẽ phải được cấp theo yêu cầu của khoản này, và
- (b) Khoản 11.11 [*Giải phóng mặt bằng*] và điểm (a) của Khoản 14.14 [*Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư*] sẽ không được áp dụng.

Chỉ có Chứng chỉ thực hiện mới được coi là cấu thành nên việc chấp nhận công trình.

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp Chứng chỉ thực hiện, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với các mục đích xác định nội dung

11.11 Giải phóng mặt bằng

Khi nhận được Chứng chỉ thực hiện hợp đồng, Nhà thầu sẽ dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Nhà thầu, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại.

Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi công trường trong vòng 28 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp Chứng chỉ thực hiện, Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ hay lưu các vật dụng đó trên công trường.

Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí phát sinh dôi ra cho Chủ đầu tư.

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành được nêu cụ thể trong Hợp đồng, khi đó sẽ áp dụng Điều này. Trừ phi có những quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Chủ đầu tư sẽ cung cấp điện, nhiên liệu, và vật liệu và nhân lực và các thiết bị thích hợp;
- (b) Nhà thầu sẽ cung cấp các thiết bị, máy móc khác và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm thích hợp để tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành một cách có hiệu quả; và
- (c) Tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành với sự có mặt người của Chủ đầu tư và/hoặc của Nhà thầu như các bên kia có thể yêu cầu một cách hợp lý khác.

Các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được thực hiện ngày nếu được sau khi Chủ đầu tư nghiệm thu công trình hoặc hạng mục. Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày về ngày sẽ tiến hành kiểm định sau khi hoàn thành. Trừ phi có sự thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 ngày sau ngày được thông báo, vào ngày hay các ngày được Chủ đầu tư quyết định.

Kết quả của kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được Nhà thầu, người phải chuẩn bị các chi tiết báo cáo, tập hợp và đánh giá. Khi đó, báo cáo sẽ tính đến ảnh hưởng của việc Chủ đầu tư đã sử dụng công trình trước đó.

12.2 Các cuộc kiểm định bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Chủ đầu tư và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được thanh toán các chi phí đó cộng với lợi nhuận hợp lý và tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định về chi phí và lợi nhuận này.

Nếu vì lý do nào đó, không phải do lỗi của Nhà thầu, một cuộc kiểm định sau khi hoàn thành công trình hoặc hạng mục sẽ không thể hoàn thành trong thời gian thông báo sai sót (hoặc bất cứ thời gian nào được hai bên thỏa thuận), khi đó công trình hay hạng mục sẽ được coi như đã vượt qua cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

12.3 Kiểm định lại

Nếu công trình, hoặc hạng mục không qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành thì:

- (a) sẽ áp dụng phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*], và

- (b) mỗi bên có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành của công việc có liên quan với các hạng mục và điều kiện tương tự trong cuộc kiểm định trước đó.

Nếu và ở mức độ mà công trình không vượt qua cuộc kiểm định và phải kiểm tra lại là do những vấn đề nêu trong phần (a) đến (d) của Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] và việc đó dẫn đến phát sinh các chi phí thêm cho Chủ đầu tư, thì theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Nhà thầu sẽ phải trả các chi phí này cho Chủ đầu tư.

12.4 Không vượt qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định nào đó hoặc tất cả các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,
- (b) số tiền phải trả cho những thiệt hại do không qua được cuộc kiểm định nêu rõ (hoặc phương pháp tính toán được xác định) trong Hợp đồng, và
- (c) Nhà thầu trả số tiền này cho Chủ đầu tư trong thời hạn thông báo sai sót.

Khi đó công trình hoặc hạng mục sẽ được coi như đã qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,

Nếu công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành và Nhà thầu đề nghị điều chỉnh hoặc sửa đổi công trình hay hạng mục đó, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể hướng dẫn cho Nhà thầu rằng Nhà thầu sẽ không được ra vào công trình hoặc hạng mục đó nếu chưa thuận tiện cho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm tiến hành điều chỉnh hoặc sửa đổi và để đạt được cuộc kiểm tra, trong khoảng thời gian thích hợp mà Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư thông báo và cho biết thời gian đó là thuận tiện.

Tuy nhiên, nếu Nhà thầu không nhận được thông báo này trong thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm và công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) coi như đã qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong việc không cho phép Nhà thầu ra vào công trình hay nhà máy, để điều tra các nguyên nhân dẫn đến việc không qua được cuộc kiểm định hay để điều chỉnh hoặc sửa đổi, Nhà thầu phải (i) thông báo cho Chủ đầu tư và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được thanh toán các chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, và được tính vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định về chi phí và lợi nhuận này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]

13. BIẾN ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

13.1 Quyền được biến đổi

Việc biến đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp chứng chỉ nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu hoặc hướng dẫn cho Nhà thầu trình đề xuất. Việc sửa đổi sẽ không bao gồm việc bỏ sót công việc nào đó do người khác thực hiện.

Nhà thầu sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm về mỗi việc biến đổi, trừ phi Nhà thầu thông báo ngay cho Chủ đầu tư nêu rõ (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng (i) Nhà thầu không thể có được những phương tiện cần thiết theo yêu cầu cho việc biến đổi, (ii) việc đó sẽ làm giảm sự an toàn hoặc ổn định của công trình hoặc (iii) việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đạt được các bảo lãnh thực hiện. Khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ hủy bỏ, khẳng định hoặc thay đổi hướng dẫn.

13.2 Tư vấn giá trị công trình

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu sẽ đề đạt lên Chủ đầu tư các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục ở Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*].

13.3 Thủ tục biến đổi

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu một đề xuất trước khi hướng dẫn biến đổi, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu là trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) bản mô tả thiết kế được đề xuất và/hoặc công việc sẽ tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng,
- (b) đề xuất của Nhà thầu về các biến đổi cần thiết cho chương trình tiến độ theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*] và cho thời gian hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc điều chỉnh Giá hợp đồng.

Chủ đầu tư, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [*Tư vấn về giá trị công trình*]) sẽ trả lời nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn công việc nào trong khi đợi sự phản hồi từ phía Nhà tư vấn.

Mỗi hướng dẫn thực hiện việc biến đổi đối với bất cứ yêu cầu nào về việc ghi lại các chi phí sẽ được Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu và họ sẽ xác nhận là đã nhận được.

Khi hướng dẫn hay chấp thuận một biến đổi, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định điều chỉnh giá hợp đồng và lịch trình thanh toán theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Những

điều chỉnh này sẽ bao gồm cả lợi nhuận hợp lý và sẽ tính đến việc đề xuất của Nhà thầu theo Khoản 13.3 [*Tư vấn về giá trị công trình*] nếu được áp dụng.

13.4 Thanh toán bằng tiền tệ quy định

Nếu Nhà thầu thanh toán Giá hợp đồng bằng 2 loại tiền tệ trở lên khi việc điều chỉnh được nhất trí, chấp thuận hoặc quyết định như đã nêu ở trên, số tiền phải trả bằng mỗi loại đơn vị tiền tệ sẽ được xác định cụ thể. Cho mục đích này, tỷ lệ tiền tệ thực tế hoặc dự kiến cho Chi phí của công việc được sửa đổi và tỷ lệ các loại tiền tệ khác nhau được xác định trong việc thanh toán Giá hợp đồng sẽ được tham chiếu.

13.5 Tiền dự chi

Tiền dự chi sẽ chỉ được sử dụng toàn bộ hay một phần theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư, và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Toàn bộ số tiền Nhà thầu được chi trả sẽ bao gồm tiền cho công việc, cung cấp hay các dịch vụ mà tiền dự chi có liên quan như Chủ đầu tư đã hướng dẫn. Đối với mỗi khoản tiền dự chi, Chủ đầu tư có thể hướng dẫn:

- (a) công việc sẽ được Nhà thầu thực hiện và định giá trị (bao gồm thiết bị, các vật liệu hay các dịch vụ sẽ được cung cấp) theo Khoản 13.3 [*Thủ tục biến đổi*], và/hoặc
- (b) thiết bị, các vật liệu hoặc dịch vụ được Nhà thầu mua mà tính vào Giá hợp đồng trừ đi các khoản tiền dự chi ban đầu:
 - (i) số tiền thực tế được Nhà thầu trả (hoặc sẽ trả), và
 - (ii) số chi phí quản lý và lợi nhuận, được tính là phần trăm của số tiền thực tế này bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm phù hợp (nếu có) được nêu trong hợp đồng.

Nhà thầu phải, khi Chủ đầu tư yêu cầu, cung cấp báo giá, hóa đơn phiếu mua hàng và giấy biên nhận để làm căn cứ.

13.6 Ngày làm việc

Nếu là công việc nhỏ hoặc phụ, Chủ đầu tư có thể hướng dẫn việc biến đổi sẽ được thực hiện trên cơ sở ngày làm việc. Công việc sau đó sẽ được chỉ định giá theo bảng kê ngày công được nêu trong Hợp đồng, và những thủ tục tiếp theo sẽ áp dụng. Nếu bảng kê ngày công không được nêu trong Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Trước khi đặt hàng hàng hóa cho công việc, Nhà thầu sẽ trình bảng báo giá lên Chủ đầu tư. Khi đề nghị thanh toán, Nhà thầu sẽ trình giấy biên nhận, hóa đơn, phiếu thanh toán của các hàng hóa đó.

Trừ các mặt hàng được nêu trong lịch công việc hàng ngày rằng việc thanh toán sẽ không đúng hạn, hàng ngày Nhà thầu sẽ phải gửi các thông báo chính xác (gồm 02 bản) cho Chủ đầu tư bao gồm các chi tiết sau đây của các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các công việc của ngày trước đó:

- (a) tên, công việc và thời gian của nhân viên Nhà thầu,
- (b) xác định, loại và thời gian của thiết bị Nhà thầu và công trình tạm thời, và
- (c) số lượng và chủng loại thiết bị và các vật liệu được sử dụng.

Một bản chụp của mỗi bản báo cáo nếu chính xác, hoặc khi được đồng ý, sẽ được Chủ đầu tư ký và gửi lại cho Nhà thầu. Nhà thầu khi đó sẽ trình các báo cáo giá của các nguồn đó lên cho Chủ đầu tư trước khi chúng được đưa vào báo cáo tiếp sau theo Khoản 14.8 [*Xin cấp thanh toán tạm*].

13.7 Điều chỉnh do các thay đổi luật lệ

Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh để tính đến việc tăng hoặc giảm chi phí nảy sinh từ thay đổi trong luật pháp của nước sở tại (bao gồm việc ban hành luật mới và việc sửa đổi bổ sung các luật hiện hành) hoặc việc Chính phủ diễn giải có tính pháp lý hoặc chính thức về các Luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc những chi phí phát sinh thêm do việc thay đổi luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được phép:

- (a) kéo dài thời gian cho sự chậm trễ đó nếu việc hoàn thành bị (hoặc sẽ bị) trì hoãn theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí đó, sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

Nếu giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh cho việc tăng hoặc giảm trong chi phí của lao động, hàng hóa và các đầu vào khác của công trình, các điều chỉnh sẽ được tính cho phù hợp với các quy định của Điều kiện riêng.

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

14.1 Giá hợp đồng

Trừ phi có các quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Việc chi trả cho công trình sẽ được tiến hành trên cơ sở giá Hợp đồng trọn gói và được điều chỉnh theo Hợp đồng, và
- (b) Nhà thầu sẽ phải trả tất cả loại thuế, phí được yêu cầu phải trả theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho bất cứ khoản nào của các chi phí này, loại trừ được nêu trong Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*].

14.2 Ứng trước

Chủ đầu tư sẽ ứng trước, như một khoản vay không có lãi suất cho việc huy động và thiết kế, khi Nhà thầu trình một giấy bảo lãnh theo Khoản này bao gồm các chi tiết được nêu trong các Điều kiện riêng, nếu Điều kiện riêng không quy định:

- (a) Số tiền của việc thanh toán trước, như vậy Khoản này sẽ không áp dụng,
- (b) Số lượng và thời điểm của các lần trả tiền, như vậy chỉ có 1 lần,
- (c) Các đồng tiền áp dụng và tỷ lệ, như vậy sẽ là những cái mà Giá hợp đồng được trả, và/hoặc
- (d) Tỷ lệ trả dần cho việc hoàn trả, như vậy nó sẽ được tính bằng cách chia tổng số giá trị của tiền thanh toán trước cho Giá hợp đồng được quy định trong Thỏa thuận Hợp đồng trừ đi tiền tạm ứng.

Chủ đầu tư sẽ trả cho lần thanh toán đầu tiên sau khi nhận được (i) báo cáo (theo Khoản 14.3 [*Xin cấp thanh toán tạm*]), (ii) Bảo lãnh thực hiện theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và (iii) một bảo lãnh bằng số lượng và tiền tệ tương đương với số tiền ứng trước. Bảo lãnh này sẽ được một cơ quan cấp từ trong một nước (hoặc pháp quyền khác) do Chủ đầu tư chấp thuận, và sẽ theo biểu mẫu phụ lục của Điều kiện riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Trừ phi và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh, Khoản này sẽ không áp dụng.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả, nhưng số tiền này có thể sẽ được chiết khấu lũy tiến bởi số tiền mà Nhà thầu trả lại. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh và việc ứng trước đã không được hoàn trả trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi việc thanh toán trước đã được hoàn trả.

Việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các khoản khấu trừ trong thanh toán tạm. Các chiết khấu sẽ dựa trên tỷ lệ trả dần được quy định trong Điều kiện riêng (hoặc nếu không có ở điểm (d)) ở trên, nó sẽ được áp dụng cho số tiền phải trả khác (trừ thanh toán trước và các chiết khấu và việc hoàn trả số tiền giữ lại) cho đến khi mà tiền thanh toán trước được trả lại.

Nếu việc ứng trước vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], Điều 16 [*Tạm ngừng và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19 [*Bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số nợ sẽ là nợ đến kỳ và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3 Xin cấp thanh toán tạm

Nhà thầu sẽ nộp báo cáo (6 bản) lên Chủ đầu tư sau khi hết thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng (nếu không có nêu thì báo cáo sau mỗi tháng) bằng biểu mẫu mà Chủ đầu tư chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ theo Khoản 4.21 [*Báo cáo tiến độ*].

Báo cáo sẽ bao gồm những mục sau, những mục này sẽ được nêu cụ thể bằng các loại tiền tệ khác nhau mà Giá hợp đồng có thể thanh toán theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của công trình được thi công và các tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị cho đến cuối tháng (bao gồm cả biến đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong phần (b) đến (f) dưới đây);
- (b) bất cứ số tiền nào được thêm vào hay giảm đi do có sự thay đổi về luật pháp và thay đổi về chi phí theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do các thay đổi về chi phí*];
- (c) bất cứ số tiền nào bị chiết khấu đi để giữ lại được tính toán bằng cách áp dụng phần trăm do giữ lại được nêu trong Điều kiện riêng đối với tổng số tiền trên cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại đạt tới giới hạn của Số tiền giữ lại (nếu có) được nêu trong Điều kiện riêng;
- (d) số tiền thêm vào hoặc giảm đi cho thanh toán trước và hoàn trả theo Khoản 14.2 [*Ứng trước*],
- (e) việc thêm vào hoặc bớt đi nào có thể trở thành nợ đến hạn theo Hợp đồng hoặc quy định khác thuộc các nội dung của Điều 20 [*Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài*], và
- (f) việc chiết khấu số tiền được xác nhận trong các thanh toán trước đó.

14.4 Lịch trình thanh toán

Nếu Hợp đồng có một Lịch trình thanh toán nêu cụ thể các đợt thanh toán trong đó Giá hợp đồng sẽ được thanh toán, khi đó trừ phi được nêu khác với quy định trong Lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong Lịch trình thanh toán sẽ là các giá trị hợp đồng ước tính cho các mục đích của phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp thanh toán tạm*], ứng với khoản 14.5 [*Thiết bị và các vật liệu dùng cho công trình*], và
- (b) nếu những đợt thanh toán này không được xác định bằng các tham khảo tiến độ thực tế đạt được trong quá trình thi công công trình và nếu tiến độ thực tế được

phát hiện thấy chậm hơn tiến độ của Lịch trình thanh toán, căn cứ vào đó Chủ đầu tư có thể đồng ý hoặc quyết định những đợt thanh toán sửa đổi theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hơn so với tiến độ đã được xác định trước đó.

Nếu Hợp đồng không có Lịch trình thanh toán, Nhà thầu sẽ trình dự toán không ràng buộc đối với các khoản thanh toán mà Nhà thầu muốn được trả góp đúng hạn trong mỗi quý. Dự toán đầu tiên sẽ được trình trong vòng 42 ngày sau Ngày khởi công. Các dự toán được sửa đổi sẽ được nộp theo định kỳ hàng quý cho đến khi Chúng tôi nghiệm thu công trình đã được cấp.

14.5 Thiết bị và các vật liệu sẽ dùng cho công trình

Nếu Nhà thầu được quyền thanh toán tạm thời theo Hợp đồng cho các thiết bị và vật liệu chưa đến công trường thì Nhà thầu vẫn không được hưởng thanh toán đó trừ phi:

- (a) thiết bị và vật liệu đó đã ở trong nước và đánh dấu là tài sản của Chủ đầu tư phù hợp với các chỉ dẫn của Chủ đầu tư, hoặc
- (b) Nhà thầu đã chuyển cho Chủ đầu tư chứng từ về Bảo hiểm và Bảo lãnh của Ngân hàng theo mẫu và do một pháp nhân được Chủ đầu tư chấp thuận cấp với số tiền và loại tiền tệ bằng sự thanh toán đó. Bảo lãnh đó có thể cùng với mẫu đã nêu ở khoản 14.2 [*Ứng trước*] và sẽ có giá trị cho đến khi thiết bị và vật liệu đã được nhập kho ở công trường và được bảo vệ tránh bị mất mát, hư hỏng hoặc xuống cấp.

14.6 Thanh toán tạm

Sẽ không có số tiền nào được chứng nhận hoặc được thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận và thông qua Bảo lãnh Hợp đồng. Sau đó, trong vòng 28 ngày sau khi nhận được Báo cáo và các tài liệu liên quan khác, Chủ đầu tư sẽ cấp cho Nhà thầu thông báo nêu rõ hạng mục nào trong báo cáo mà Chủ đầu tư không đồng ý cùng với các chi tiết hỗ trợ. Thanh toán tạm thời sẽ không bị từ chối loại trừ khi:

- (a) nếu cái gì được cung cấp hoặc công việc được thực hiện bởi Nhà thầu không đúng với Hợp đồng, chi phí cho việc sửa chữa hay thay thế có thể bị từ chối cho đến khi việc sửa chữa hoặc thay thế đã hoàn tất, và/hoặc
- (b) nếu Nhà thầu đã hoặc đang không thực hiện công việc nào đó hoặc nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng và đã được Chủ đầu tư thông báo như vậy, giá trị của công việc này hoặc nghĩa vụ này có thể bị từ chối cho đến khi công việc hoặc nghĩa vụ được thực hiện xong.

Chủ đầu tư, bằng bất kỳ việc thanh toán nào cũng có thể điều chỉnh hoặc sửa cho phù hợp bất cứ thanh toán nào trước đó, thanh toán sẽ được coi là biểu thị việc chấp thuận, phê duyệt đồng ý hoặc thỏa mãn của Chủ đầu tư.

14.7 Ấn định thời hạn thanh toán

Loại trừ việc quy định khác với Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) đợt thanh toán trước đầu tiên trong vòng 42 ngày sau ngày mà Hợp đồng có hiệu lực và tác dụng hoặc trong vòng 21 ngày sau khi nhận được các tài liệu theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và Khoản 14.2 [*Ứng trước*], tùy theo việc nào đến sau;
- (b) số tiền được chứng nhận trong mỗi báo cáo khác với báo cáo cuối cùng trong vòng 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được Báo cáo và các tài liệu bổ trợ, và
- (c) số tiền phải trả cuối cùng trong vòng 42 ngày sau khi nhận được thanh toán cuối cùng và lệnh trả bằng văn bản theo Khoản 14.11 [*Xin cấp Thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Trang trái xong*].

Việc thanh toán số tiền đến hạn phải trả bằng mỗi loại tiền tệ sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng, do Nhà thầu đề xuất, tại nước thanh toán (cho loại tiền tệ này) được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

14.8 Thanh toán bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [*Án định thời hạn thanh toán*], Nhà thầu sẽ được nhận các thanh toán tài chính theo từng tháng trên cơ sở số tiền đã không được thanh toán trong thời gian chậm trễ.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, những khoản thanh toán tài chính này sẽ được tính theo tỷ lệ hàng năm là 3% trên tỷ suất chiết khấu của ngân hàng trung ương ở nước của tiền tệ thanh toán, và sẽ được thanh toán theo tiền tệ đó.

Nhà thầu sẽ được nhận khoản thanh toán này mà không cần có thông báo chính thức và không làm ảnh hưởng quyền lợi hoặc phương sách khác.

14.9 Thanh toán tiền giữ lại

Khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp, và công trình đã qua tất cả các cuộc kiểm định cụ thể (bao gồm cả kiểm định sau khi hoàn thành, nếu có), một nửa đầu của số tiền giữ lại sẽ được thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, phần trăm tương ứng của nửa đầu số tiền giữ lại sẽ được thanh toán khi hạng mục đó đã vượt qua tất cả các cuộc kiểm định.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời hạn thông báo sai sót, việc cân đối nợ tồn đọng của số tiền giữ lại sẽ được thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, tỷ lệ phần trăm tương ứng của nửa sau số tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán ngay sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót của hạng mục.

Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [*Trách nhiệm về sai sót*] hoặc theo Điều 12 [*Kiểm tra sau khi hoàn thành*], Chủ đầu tư sẽ có quyền từ chối về chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc được tiến hành xong.

Tỷ lệ phần trăm tương ứng cho mỗi hạng mục sẽ là giá trị phần trăm của hạng mục như đã nêu trong hợp đồng. Nếu giá trị phần trăm của hạng mục không được nêu cụ thể trong hợp đồng, không có phần trăm nào của mỗi nửa số tiền giữ lại sẽ được áp dụng theo Khoản này cho hạng mục đó.

14.10 Báo cáo khi hoàn thành

Trong vòng 84 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bản của Báo cáo khi hoàn thành cùng với các tài liệu bổ trợ theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ thanh toán tạm*], cho thấy:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm đúng với Hợp đồng cho đến ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình,
- (b) bất cứ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán, và
- (c) dự toán của các khoản tiền khác mà Nhà thầu coi là sẽ đến hạn thanh toán theo Hợp đồng. Các số tiền ước tính sẽ được trình bày riêng lẻ trong báo cáo khi hoàn thành này.

Sau đó Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu theo Khoản 14.6 [*Thanh toán tạm*] và trả theo Khoản 14.7 [*Thời hạn thanh toán*].

14.11 Xin cấp thanh toán cuối cùng

Trong vòng 56 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ thực hiện, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bản của dự thảo báo cáo cuối cùng với các tài liệu bổ trợ trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng, và
- (b) số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc không có thể chứng thực một phần nào của dự thảo báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình thêm thông tin khi Chủ đầu tư có thể yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư báo cáo cuối cùng như hai bên đã nhất trí. Báo cáo này sẽ được gọi là “Báo cáo cuối cùng” trong các điều kiện này.

Tuy nhiên nếu sau khi có những cuộc thảo luận giữa các bên và bất kỳ thay đổi nào trong dự thảo báo cáo cuối cùng mà hai bên đã nhất trí, hiển nhiên là sẽ có tranh chấp, Chủ đầu tư sẽ thanh toán các phần đã thỏa thuận của dự thảo báo cáo cuối cùng phù hợp với Khoản 14.6 [*Thanh toán tạm*] và Khoản 14.7 [*Thời hạn thanh toán*]. Sau đó, nếu tranh chấp được giải quyết theo Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] hoặc Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*], Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư báo cáo cuối cùng.

14.12 Trang trải xong

Khi trình báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình Bản thanh toán trên giấy tờ khẳng định rằng toàn bộ Báo cáo cuối cùng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản thanh toán này có thể nêu rằng nó sẽ có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh Hợp đồng và việc cân bằng nợ nần của số tiền này mà Bản thanh toán sẽ có hiệu lực vào ngày đó.

14.13 Thanh toán cuối cùng

Căn cứ vào điểm (c) Khoản 14.7 [*Thời hạn thanh toán*], Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu số tiền còn nợ, cuối cùng trừ đi tất cả số tiền Chủ đầu tư đã trả trước đây và các Khấu trừ nào theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*].

14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thi công Công trình, trừ khi Nhà thầu đã nêu cụ thể một số tiền dùng cho việc đó:

- (a) trong Báo cáo cuối cùng và cũng,
- (b) (trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình) trong báo cáo khi hoàn thành được nêu trong Khoản 14.10 [*Báo cáo khi hoàn thành*].

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường hay trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý vi phạm hay tiến hành sai công việc do lơ là của Chủ đầu tư.

14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng một loại tiền tệ hoặc nhiều loại tiền tệ được nêu cụ thể trong Thỏa thuận hợp đồng. Trừ phi có các quy định khác trong Điều kiện riêng nếu có hơn một loại tiền tệ được nêu, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau:

- (a) nếu Giá hợp đồng chỉ được tính bằng nội tệ khi:
 - (i) Tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng nội tệ và ngoại tệ và tỷ giá trao đổi ấn định được sử dụng để tính tiền thanh toán như đã nêu cụ thể trong Thỏa thuận hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác của cả hai bên;
 - (ii) việc thanh toán và chiết khấu theo Khoản 13.5 [*Tiền tạm ứng*] và Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*] sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được áp dụng; và
 - (iii) việc thanh toán và chiết khấu khác trong phần (a) đến (d) của Khoản 14.3 [*Xin cấp thanh toán tạm*] sẽ được tính bằng các tiền tệ và tỷ lệ được nêu rõ trong phần (a) (i) ở trên.
- (b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Điều kiện riêng sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được nêu trong Điều kiện riêng;
- (c) các thanh toán khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sẽ được tính bằng loại tiền tệ mà số tiền do Chủ đầu tư đã chi tiêu bằng loại tiền đó hoặc bằng tiền tệ mà cả hai Bên có thể thỏa thuận;
- (d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng loại tiền tệ riêng vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền tệ đó,

Chủ đầu tư có thể thu lại phần cân đối của số tiền này từ các khoản tiền khác mà Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và

- (e) nếu không có tỷ giá trao đổi nào được nêu trong Hợp đồng, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào Ngày khởi điểm và do Ngân hàng nước sở tại xác định.

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15.1 Thông báo sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

15.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] hoặc với một thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo sửa chữa*],
- (b) bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (c) không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục công trình theo Điều 8 [*Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng*],
- (d) cho thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản hoặc bị vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này, hoặc
- (f) đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) dứt lốt, quà cáp hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc:
 - (i) để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
 - (ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu Nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc như được mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng hay ủy lạo một cách hợp pháp cho Người của Nhà thầu sẽ không cho quyền chấm dứt Hợp đồng.

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời Công trường và chuyển các hàng hóa cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng hợp đồng phụ, và (ii) bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành Công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ hàng hóa, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các Công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần Công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

15.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] sẽ đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- (a) tiến hành theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*],
- (b) không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập, và/hoặc
- (c) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành Công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu theo Khoản 15.3 [*Xác định giá tại ngày chấm dứt Hợp đồng*]. Sau khi thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối cho Nhà thầu.

15.5 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực 28 ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ

không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp cho để Nhà thầu khác thi công công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành theo Khoản 16.3 [*Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu*] và sẽ được thanh toán theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*].

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

16.1 Quyền tạm ngưng công việc bởi Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không chứng nhận theo Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*] hoặc Khoản 14.7 [*Án định thời hạn thanh toán*], Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày, sẽ tạm ngưng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ phi và cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng chỉ thanh toán, các chứng từ hợp lý hoặc thanh toán, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Hành động của Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán chậm*] và để chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngưng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] có quyền:

- (a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán cho chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, được tính vào giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

16.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong vòng 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền tạm ngưng công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán đúng theo trong vòng 42 ngày sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thời hạn thanh toán*] mà việc thanh toán phải được tiến hành trong thời gian đó (trừ việc chiết khấu theo Khoản 2.5 ra [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (c) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (d) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],

- (e) việc tạm ngừng bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng tạm ngừng*], hoặc
- (f) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình.

16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 15.5 [*Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư*], khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*] đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

- (a) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.
- (b) chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và
- (c) di dời tất cả hàng hóa khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi công trường.

16.4 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

- (a) trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu,
- (b) thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*], và
- (c) thanh toán cho Nhà thầu số tiền do mất mát về lợi nhuận hoặc mất mát hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt Hợp đồng này.

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

17.1 Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý có liên quan đến:

- (a) tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau, bệnh tật hay chết, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ phi có thể quy cho việc cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ, và
- (b) hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:
 - (i) phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót,
 - (ii) được quy cho sự cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến (1) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết được quy cho sự cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, và (2) các vấn đề mà trách nhiệm không thuộc bảo hiểm, như đã mô tả trong phần (d) (i), (ii) và (iii) của Khoản 18.3 [*Bảo hiểm đối với việc tổn thương người và thiệt hại tài sản*].

17.2 Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, hàng hóa hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm coi sóc, do bất cứ lí do nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Những rủi ro của Chủ đầu tư*], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư

Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 17.4 dưới đây là:

- (a) chiến tranh, thái độ thù địch (bất kể chiến tranh được tuyên bố hay không), xâm lược, hoạt động thù địch nước ngoài,
- (b) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự hoặc chiếm đoạt quyền lực, hoặc nội chiến,
- (c) nổi loạn, bạo động gây hỗn loạn trong nước sở tại do những người không phải là nhân viên của Nhà thầu và người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra.
- (d) bom đạn của chiến tranh, chất nổ, ion hóa gây phóng xạ trong nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh, chất nổ, phát xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ, và
- (e) áp lực của các loại sóng gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh.

17.4 Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, hàng hóa hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do sửa chữa những mất mát hay hư hỏng này Nhà thầu phải gửi một thông báo cho Chủ đầu tư và sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) kéo dài thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi chi phí sẽ được cộng vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

17.5 Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ

Trong Khoản này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ một pa-tăng; thiết kế đã đăng ký, quyền sao chụp, nhãn hiệu, mác thương mại, bí mật thương mại hay quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ khác liên quan đến công

trình; và “khiếu nại” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay kiện tụng đòi hỏi quyền lợi) do thấy rằng bị xâm phạm.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 28 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là mất mọi quyền bồi thường theo Khoản này.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Nhà thầu đối với bất kỳ khiếu nại cho rằng bị xâm phạm, đó là hoặc đã là:

- (a) một kết quả không tránh khỏi của sự phục tùng của Nhà thầu đối với các yêu cầu của Chủ đầu tư, hay
- (b) kết quả của việc công trình đang được sử dụng bởi Chủ đầu tư;
 - (i) vì một mục đích hơn là mục đích được chỉ ra hoặc đã được suy ra một cách thích đáng bởi hợp đồng, hoặc
 - (ii) liên quan đến bất kỳ thứ gì không được cung cấp bởi Nhà thầu, trừ phi việc sử dụng như vậy được tiết lộ cho Nhà thầu trước Ngày khởi công hay được nêu trong Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Chủ đầu tư đối với bất kỳ khiếu nại khác nảy sinh hoặc liên quan đến (i) thiết kế, chế tạo, xây dựng hoặc thực hiện Công trình của Nhà thầu, (ii) sử dụng thiết bị của Nhà thầu, hoặc (iii) sử dụng Công trình một cách đúng đắn.

Nếu một bên có quyền được đền bù theo khoản này, Bên bồi thường có thể (bằng chi phí của mình) tiến hành các cuộc đàm phán để giải quyết khiếu nại và bất cứ điều gì có thể làm tổn hại đến bên đền bù, trừ phi Bên đền bù không thực hiện bất kỳ cuộc đàm phán, kiện tụng hay giải quyết tranh chấp khi được Bên kia yêu cầu.

17.6 Giới hạn của trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ công trình nào, sự mất mát về lợi nhuận, sự mất mát của bất kỳ Hợp đồng nào hay sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hay do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, ngoài những quy định trong Khoản 16.4 [*Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng*] và Khoản 17.1 [*Bồi thường*].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí ga*], Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và vật tư cấp không*], Khoản 17.1 [*Bồi thường*] và Khoản 17.5 [*Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ*], phải không được vượt quá tổng số tiền đã nêu trong Điều kiện riêng hay (nếu tổng số này không được nêu) Giá hợp đồng được xác định trong Thỏa thuận hợp đồng.

Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liêu lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

18. BẢO HIỂM

18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm

Trong Điều khoản này, đối với mỗi loại bảo hiểm “Bên bảo hiểm” có nghĩa là Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì bảo hiểm được quy định trong Khoản liên quan.

Khi Nhà thầu là Bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản mục được Chủ đầu tư thỏa thuận. Các khoản mục này phải tương thích với các khoản mục được cả hai Bên thỏa thuận trước khi họ ký kết thỏa thuận hợp đồng. Thỏa thuận về các khoản mục này phải được quyền ưu tiên đứng trước các quy định của Điều này.

Khi Chủ đầu tư là bên bảo hiểm, mỗi bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản thích hợp với các chi tiết được kèm theo Điều kiện riêng.

Nếu yêu cầu phải bồi thường cho đối tượng bảo hiểm chung, thì việc bồi thường phải được áp dụng riêng cho mỗi đối tượng bảo hiểm như thể một Hợp đồng bảo hiểm riêng biệt đã được phát hành cho mỗi đối tượng trong bảo hiểm chung. Nếu yêu cầu phải bồi thường cho đối tượng được bổ sung vào bảo hiểm chung tức về danh nghĩa được bổ sung cho vào bảo hiểm được quy định trong Điều này, (i) Nhà thầu phải theo Hợp đồng đại diện cho đối tượng bảo hiểm chung bổ sung này ngoại trừ việc Chủ đầu tư đại diện cho các nhân viên của mình, (ii) đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung sẽ không có quyền nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà bảo hiểm hoặc có bất kỳ quan hệ trực tiếp nào với nhà bảo hiểm, và (iii) Bên bảo hiểm phải yêu cầu mọi đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Mỗi Hợp đồng bảo hiểm cho sự mất mát hay thiệt hại sẽ thanh toán bằng các loại tiền tệ được yêu cầu để bù đắp mất mát và thiệt hại. Các khoản thanh toán được nhận từ nhà Bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp mất mát hay thiệt hại.

Bên bảo hiểm liên quan, trong các khoảng thời gian riêng được nêu trong Điều kiện riêng (được tính toán từ ngày khởi công) phải nộp cho bên kia:

- (a) bằng chứng về việc những bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã được thực hiện, và
- (b) các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*], và Khoản 18.3 [*Bảo hiểm tổn thương về người và thiệt hại về tài sản*].

Khi tiền đóng bảo hiểm đã được thanh toán, Bên bảo hiểm phải nộp chứng từ thanh toán cho Bên kia.

Mỗi bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện quy định trong mỗi Hợp đồng bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thông báo các thông tin liên quan đến các thay đổi trong thực hiện thi công công trình cho Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Không bên nào được thay đổi tài liệu đối với các khoản mục bảo hiểm mà không có thỏa thuận trước của Bên kia. Nếu một Nhà bảo hiểm thay đổi (hay dự định) thay đổi, thì Bên được Nhà bảo hiểm thông báo trước phải thông báo ngay cho Bên kia.

Nếu bên bảo hiểm không thực hiện và đảm bảo hiệu lực bảo hiểm như yêu cầu thực hiện và đảm bảo theo Hợp đồng, hoặc không cung cấp chứng cứ đầy đủ và các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm đầy đủ phù hợp với Khoản này, Bên kia có thể (theo sự lựa chọn của mình và không gây tổn hại cho bất cứ quyền lợi hay biện pháp đền bù khác) thực hiện bảo hiểm cho sự cố liên quan và trả tiền đóng bảo hiểm thích đáng. Bên bảo hiểm sẽ thanh toán các khoản tiền đóng bảo hiểm này cho bên kia và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Không có gì trong khoản này giới hạn nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm của Nhà thầu hay Chủ đầu tư theo các điều khoản khác của Hợp đồng hay các khoản mục khác. Mọi khoản không được bảo hiểm hay không được bồi thường bởi nhà bảo hiểm phải do Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư chịu theo các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và không đảm bảo hiệu lực mỗi bảo hiểm hiện có mà nó yêu cầu thực hiện và duy trì theo Hợp đồng, và Bên kia cũng không đồng ý hủy bỏ và cũng không thực hiện Bảo hiểm cho đền bù liên quan đến sai phạm này, thì mọi khoản tiền lẽ ra đã được hoàn trả theo bảo hiểm này phải được Bên bảo hiểm trả.

Các thanh toán bởi một Bên cho bên khác sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hay Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để áp dụng.

18.2 Bảo hiểm công trình và thiết bị của Nhà thầu

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho công trình, máy móc thiết bị, vật tư và tài liệu của Nhà thầu không thấp hơn toàn bộ chi phí phục hồi bao gồm cả các chi phí phá dỡ, di dời chất thải xây dựng và các phí nghiệp vụ và lợi nhuận. Bảo hiểm này sẽ có hiệu lực từ ngày chứng từ được nộp theo phần (a) của Khoản 18.1 [*Yêu cầu chung đối với bảo hiểm*], tới ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Bên bảo hiểm phải duy trì bảo hiểm này để cung cấp bảo hiểm cho đến ngày phát hành Chứng chỉ thực hiện, cho mất mát hay hư hỏng mà Nhà thầu chịu trách nhiệm xuất phát từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, và cho mất mát hay hư hỏng gây nên bởi Nhà thầu hay Nhà thầu phụ trong quá trình hoạt động khác bao gồm những mất mát hay hư hỏng theo Điều 11 [*Trách nhiệm đối với các sai sót*] và Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*].

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho các thiết bị của Nhà thầu không ít hơn toàn bộ giá trị thay thế, bao gồm cả vận chuyển đến công trình. Đối với mỗi hạng mục thiết bị của Nhà thầu, bảo hiểm phải có hiệu lực trong khi thiết bị đang được vận chuyển đến công trình và cho đến khi nó không còn cần thiết như là thiết bị của Nhà thầu nữa.

Trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm theo Khoản này:

- (a) phải được thực hiện và duy trì bởi Nhà thầu như Bên bảo hiểm,

- (b) phải đứng tên chung của các Bên, mà họ có quyền cùng nhận các khoản thanh toán từ các Nhà bảo hiểm, các khoản thanh toán đang giữ hoặc phân bổ giữa các bên cho mục đích duy nhất là bù đắp mất mát hay thiệt hại.
- (c) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại do bất cứ nguyên nhân nào không liệt kê trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*],
- (d) phải bù đắp mất mát hay thiệt hại từ những rủi ro được liệt kê trong phần (c), (g) và (h) của Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], với sự chiết khấu cho từng sự cố không lớn hơn khoản được nêu trong Điều kiện riêng (nếu khoản này không được nêu, phần (d) sẽ không được áp dụng), và
- (e) tuy nhiên có thể loại trừ mất mát hay thiệt hại và sự phục hồi của:
 - (i) một phần của các công trình ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề (nhưng đền bù sẽ gồm các phần khác bị mất mát hay thiệt hại như là kết quả trực tiếp của điều kiện bị khuyết tật này và không giống như được miêu tả trong phần (ii) dưới đây),
 - (ii) một phần của các công trình bị mất mát hay thiệt hại nhằm phục hồi một phần khác của các công trình nếu phần kia ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên vật liệu hay trình độ tay nghề,
 - (iii) một phần của các công trình được bàn giao cho Chủ đầu tư, trừ phi Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý vì mất mát hay thiệt hại, và
 - (iv) các hàng hóa không có trong nước, theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và các vật liệu dự định dùng cho các công trình*].

Nếu quá một năm sau ngày khởi công, sự bồi thường được mô tả trong phần (d) trên đây không còn là các khoản mục hợp lý có tính thương mại, Nhà thầu phải (với tư cách là Bên bảo hiểm) thông báo cho Chủ đầu tư với các chi tiết hỗ trợ. Chủ đầu tư sau đó (i) sẽ có quyền theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán một khoản tương đương các khoản mục hợp lý có tính thương mại như Nhà thầu muốn được trả một khoản bồi thường như vậy, và (ii) được coi như, trừ phi họ có được sự bồi thường ở các khoản mục hợp lý có tính thương mại, đã thông qua sự bỏ sót theo Khoản 18.1 [*Các yêu cầu chung về bảo hiểm*].

18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên về bất kỳ sự mất mát hay hư hỏng, tử vong hay tổn hại thân thể có thể xảy ra đối với mọi tài sản vật chất (ngoại trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và thiết bị của Nhà thầu*] hoặc đối với người (trừ những người được bảo hiểm theo Khoản 18.4 [*Bảo hiểm chi nhân lực của Nhà thầu*]), có thể xảy ra do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận thực hiện.

Bảo hiểm này phải giới hạn cho mỗi sự cố không ít hơn số tiền được nêu trong Điều kiện riêng với không giới hạn số lượng sự cố. Nếu số tiền không được nêu trong Hợp đồng, thì khoản này sẽ không áp dụng.

Ngoại trừ có quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm được nêu rõ trong Khoản này:

- (a) phải có hiệu lực và được duy trì bởi Nhà thầu với tư cách là Bên bảo hiểm,
- (b) phải có các tên chung của các bên,
- (c) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho mọi mất mát hay hư hỏng về tài sản của Chủ đầu tư (trừ những thứ được bảo hiểm theo khoản 18.2) nảy sinh do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (d) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm pháp lý trong phạm vi phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư có các công trình vĩnh cửu được thi công trên, phía trên, bên dưới, trong hoặc xuyên qua bất kỳ vùng đất nào, và chiếm giữ vùng đất này cho các công trình vĩnh cửu,
 - (ii) sự hư hỏng là kết quả không tránh khỏi của các trách nhiệm của Nhà thầu trong thi công các công trình và sửa chữa mọi khuyết tật, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], ngoại trừ việc có khoản bồi thường cho các khoản mục hợp lý có tính thương mại.

18.4 Bảo hiểm cho nhân lực của Nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện và duy trì bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại về hư hỏng, mất mát và chi phí (bao gồm các phí pháp lý và các chi phí) do tổn thất, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ nhân viên nào khác của Nhà thầu.

Chủ đầu tư phải được bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm, ngoại trừ việc bảo hiểm này có thể không gồm các mất mát và khiếu nại phát sinh từ một hành vi hay sự bất cẩn của Chủ đầu tư hay các nhân viên của Chủ đầu tư.

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này giúp thi công công trình. Đối với các nhân công của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với việc tuân thủ theo Điều này.

19. BẤT KHẢ KHÁNG

19.1 Định nghĩa về Bất khả kháng

Trong Điều này, “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- (a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,
- (b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,
- (c) đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và
- (d) thực chất không thể quy cho bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

- (i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,
- (ii) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến,
- (iii) nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.
- (iv) vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ, và
- (v) các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.

19.2 Thông báo về Bất khả kháng

Nếu một bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

19.3 Nghĩa vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất

Mỗi Bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để tối thiểu hóa chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng do bất khả kháng.

Một bên phải gửi thông báo cho bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.

19.4 Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo về bất khả kháng*], và chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]:

- (a) kéo dài thời gian do sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Khoản 19.1 [*Định nghĩa về bất khả kháng*] và, trong trường hợp từ phần (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hay theo thỏa thuận liên quan đến các công việc làm giảm nhẹ tình trạng bất khả kháng theo các khoản bổ sung hay rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự việc và tình trạng bất khả kháng khoản bổ sung hay rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu khỏi phải thực hiện hoặc cho phép họ được giảm nhẹ theo Điều này.

19.6 Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 84 ngày do Bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo Bất khả kháng*] hoặc trong nhiều khoản thời gian mà tổng số là trên 140 ngày do cùng bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [*Chấm dứt công việc và di dời các thiết bị của Nhà thầu*].

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- (b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng:

thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

- (c) mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý với hy vọng hoàn thành công trình;
- (d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và
- (e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật định

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của họ hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của bên này cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

- (a) Các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước, và
- (b) Tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm*] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt theo Khoản 19.6.

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI PHÂN XỬ

20.1 Khiếu nại của Nhà thầu

Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất kỳ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/hoặc bất cứ sự thanh toán thêm bất kỳ Điều khoản nào của các Điều kiện này hoặc có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư mô tả sự việc hay trường hợp dẫn tới việc phát sinh khiếu nại. Thông báo phải được đưa ra ngay và không được quá 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận thấy hoặc lẽ ra đã ý thức được sự việc hoặc trường hợp.

Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại, trong vòng 28 ngày thì thời gian hoàn thành sẽ không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về khiếu nại. Nếu không sẽ áp dụng những quy định sau đây của Khoản này.

Nhà thầu cũng phải trình các thông báo khác theo Hợp đồng yêu cầu và các chi tiết bổ sung cho việc khiếu nại, tất cả đều có liên quan tới sự việc hoặc trường hợp này.

Nhà thầu phải giữ các bản hồ sơ hiện có ở tại công trường hoặc là ở một nơi mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận vì có thể sẽ cần thiết để minh chứng cho khiếu nại. Với việc không thừa nhận trách nhiệm của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể sau khi nhận được bất cứ một thông báo nào theo Khoản này, phải giám sát việc lưu giữ các hồ sơ và/hoặc hướng dẫn Nhà thầu tiếp tục lưu giữ lâu hơn các hồ sơ hiện có. Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư kiểm tra tất cả các hồ sơ, và phải nộp các bản sao (nếu được yêu cầu) cho Chủ đầu tư.

Trong thời gian 42 ngày sau khi Nhà thầu ý thức được (hoặc lẽ ra đã phải ý thức được), về sự việc hoặc trường hợp đưa đến khiếu nại, hoặc là trong khoảng thời gian khác tương tự mà có thể được Nhà thầu đưa ra và được Chủ đầu tư phê duyệt, Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư đầy đủ chi tiết khiếu nại bao gồm cả các chi tiết hỗ trợ về cơ sở của việc khiếu nại và của yêu cầu kéo dài thời gian và/hoặc thanh toán thêm. Nếu sự việc hoặc trường hợp dẫn đến khiếu nại vẫn tiếp tục có hiệu lực thì:

- (a) các chi tiết đầy đủ của khiếu nại sẽ được xem xét như là tạm thời;
- (b) Nhà thầu phải gửi trực tiếp các khiếu nại tạm thời hàng tháng cho thấy sự chậm trễ tích lại và/hoặc khoản tiền khiếu nại và những chi tiết cụ thể mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu; và
- (c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong vòng 28 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà thầu đề xuất và được Chủ đầu tư đồng ý.

Trong vòng 42 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Chủ đầu tư đề xuất và được Nhà thầu chấp nhận, Chủ đầu tư phải trả lời với sự tán thành hay không tán thành

và các nhận xét chi tiết. Họ cũng có thể yêu cầu thêm bất cứ chi tiết nào, nhưng tuy nhiên phải được trả lời trên các nguyên tắc của vụ khiếu nại trong khoảng thời gian đó.

Mỗi Chứng chỉ thanh toán phải bao gồm các khoản tiền khiếu nại như đã được chứng minh hợp lý đúng với các điều khoản liên quan của Hợp đồng. Ngoại trừ và cho đến khi các chi tiết được cung cấp đầy đủ để chứng minh toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được quyền thanh toán cho phần của khiếu nại mà đã có thể chứng minh được.

Chủ đầu tư sẽ phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định (i) gia hạn (nếu có) thời gian hoàn thành (trước hoặc sau hạn định) theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*] và/hoặc (ii) thanh toán thêm (nếu có) mà Nhà thầu được quyền theo Hợp đồng.

Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho mọi khoản khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến khiếu nại, thì bất cứ sự kéo dài thời gian hoàn thành và/hoặc khoản thanh toán thêm sẽ phải được xét đến mức độ (nếu có) mà sự vi phạm này đã cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến việc điều tra khiếu nại, trừ phi khiếu nại không nằm trong đoạn thứ hai của Khoản này.

20.2 Việc cử Ban xử lý tranh chấp

Các tranh chấp phải được phân xử bởi Ban xử lý tranh chấp theo Khoản 20.4 [*Quyết định của Ban xử lý tranh chấp*]. Các bên sẽ cùng chỉ định ra Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn 28 ngày sau khi một bên thông báo cho Bên kia về ý định của mình về việc đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp dựa theo Khoản 20.4.

Ban xử lý tranh chấp gồm, như quy định trong Điều kiện riêng, một hoặc ba người có trình độ phù hợp (“những thành viên”). Nếu số lượng thành viên không đủ quy định như vậy và các Bên không thống nhất, thì Ban xử lý tranh chấp sẽ gồm ba người.

Nếu Ban xử lý tranh chấp bao gồm ba người, thì mỗi Bên sẽ cử một thành viên cho bên kia chấp thuận. Các bên sẽ lấy ý kiến của hai thành viên này và sẽ thuận về thành viên thứ ba, người sẽ được chỉ định làm Chủ tịch.

Tuy nhiên, nếu như có danh sách các thành viên hiện có trong Hợp đồng, thì thành viên sẽ được chọn từ danh sách này hơn là một người nào khác mà không thể hoặc không tự nguyện chấp nhận sự chỉ định vào Ban xử lý tranh chấp.

Sự thống nhất giữa các Bên và cả thành viên duy nhất (“người xử lý tranh chấp”) hoặc là từng người một trong ba thành viên được sẽ kết hợp chặt chẽ bằng việc tham khảo Điều kiện chung, với các sửa đổi được thống nhất giữa các thành viên.

Các khoản thù lao cho thành viên duy nhất hoặc của mỗi một trong ba thành viên sẽ được các bên thống nhất khi thỏa thuận các mục chỉ định. Mỗi bên sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa khoản thù lao này.

Nếu ở thời điểm nào đó mà các bên thỏa thuận, họ có thể chỉ định một người thích hợp hoặc các người để thay thế một hoặc nhiều thành viên của Ban xử lý. Trừ phi các Bên thỏa thuận khác, việc chỉ định sẽ có hiệu lực nếu một thành viên từ chối đảm nhận

hoặc không thể đảm nhận bởi nguyên nhân tử vong, không có năng lực, từ chức hoặc kết thúc nhiệm kỳ. Việc thay thế phải được chỉ định theo cách tương tự như đối với việc chỉ định hoặc thỏa thuận người bị thay thế như mô tả trong khoản này.

Việc chỉ định bất cứ thành viên nào có thể bị kết thúc bằng sự nhất trí của cả hai Bên, nhưng không được bởi Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tự ý hành động. Mặt khác trừ phi có sự đồng ý của cả hai Bên, việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp (gồm mỗi thành viên) sẽ chấm dứt khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về việc phân xử tranh chấp theo Khoản 20.4 trừ phi các tranh chấp khác đã được đưa lên Ban xử lý tranh chấp vào thời gian đó theo Khoản 20.4, ở trường hợp mà thời điểm liên quan sẽ là khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về những tranh chấp này.

20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp

Nếu có bất cứ điều kiện nào dưới đây gồm:

- (a) các Bên bất đồng trong việc chỉ định thành viên duy nhất của Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn được nêu trong đoạn đầu của Khoản 20.2,
- (b) một trong hai Bên không đề cử được thành viên (để bên kia chấp thuận) cho Ban xử lý tranh chấp gồm ba người vào thời hạn đó,
- (c) các Bên không thống nhất việc chỉ định thành viên thứ ba (để giữ vai trò Chủ tịch của Ban xử lý tranh chấp) vào thời hạn đó,
- (d) các Bên không thống nhất việc chỉ định một người thay thế trong vòng 42 ngày sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc do tử vong, không đủ khả năng, từ chức hoặc hết nhiệm kỳ,

thì cơ quan chỉ định hoặc viên chức có tên trong Điều kiện riêng, dựa trên yêu cầu của một Bên nào hoặc cả hai Bên và sau khi trao đổi thỏa đáng với hai Bên, sẽ chỉ định thành viên vào Ban xử lý tranh chấp. Việc chỉ định này sẽ là kết luận cuối cùng. Mỗi Bên phải có trách nhiệm trả một nửa tiền thù lao cho cơ quan hoặc viên chức được quyền chỉ định này.

20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu một tranh chấp (bất cứ loại nào) xảy ra giữa các Bên liên quan đến, hoặc phát sinh ngoài Hợp đồng hoặc việc thi công công trình, bao gồm bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc chứng nhận, xác định, hướng dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Chủ đầu tư, thì ngay sau khi Ban xử lý tranh chấp được chỉ định theo Khoản 20.2 [*Việc cử Ban xử lý tranh chấp*] và 20.3 [*Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp*] mỗi bên có thể đề đạt tranh chấp bằng văn bản cho Ban xử lý tranh chấp để ra quyết định, có gửi các bản sao cho Bên kia. Các ý kiến này phải được nêu rõ là chúng được thực hiện theo Khoản này.

Đối với Ban xử lý tranh chấp có ba người thì Ban xử lý tranh chấp sẽ được coi như đã nhận các ý kiến này vào ngày Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp cũng nhận được.

Hai Bên phải ngay lập tức có đủ mọi thông tin cho Ban xử lý tranh chấp, tạo điều kiện tiếp cận công trường và các phương tiện phù hợp mà Ban xử lý tranh chấp có thể yêu cầu cho mục đích đưa ra quyết định cho việc tranh chấp, Ban xử lý tranh chấp phải được coi là không hành động như các trọng tài.

Trong thời gian 84 ngày sau khi nhận được các ý kiến như vậy, hoặc nhận được khoản tạm ứng theo như Điều 6 của Phụ lục. Những Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, bất cứ kỳ hạn nào muộn hơn, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Ban xử lý tranh chấp đề xuất và được hai Bên chấp thuận Ban xử lý tranh chấp phải đưa ra quyết định của mình, những quyết định này phải hợp lý và phải được công bố rằng nó phù hợp với khoản này. Tuy nhiên nếu như không Bên nào thanh toán đầy đủ các hóa đơn được nộp bởi mỗi thành viên đúng theo Điều 6 của Phụ lục, Ban xử lý tranh chấp sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra quyết định cho đến khi hóa đơn được thanh toán đầy đủ. Quyết định sẽ ràng buộc hai Bên, phải thực hiện ngay lập tức quyết định trừ phi và cho đến khi được xem xét lại theo sự hòa giải hoặc một quyết định trọng tài như được mô tả dưới đây. Trừ phi Hợp đồng đã chấm dứt, khước từ hoặc hủy bỏ, Nhà thầu phải tiếp tục thực hiện công trình theo Hợp đồng.

Nếu một Bên không thỏa mãn với quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì Bên đó trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định, có thể thông báo chi Bên kia về việc chưa thỏa mãn của mình. Nếu Ban xử lý tranh chấp không đưa ra quyết định trong vòng 84 ngày (hoặc thời gian khác được chấp nhận) sai khi nhận được hồ sơ hoặc khoản thanh toán như vậy thì bên này trong vòng 28 ngày sau thời hạn này có thể thông báo cho Bên kia về việc chưa thỏa mãn.

Trong mỗi sự kiện, thông báo về việc chưa thỏa mãn phải công bố là nó phù hợp với Khoản này, và trình bày những vấn đề của Tranh chấp và những lý do chưa thỏa mãn. Ngoại trừ những quy định trong Khoản 20.7 [*Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và 20.8 [*Hết hạn việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp*], không bên nào được quyền khởi sự phân xử tranh chấp trừ khi một thông báo về việc chưa thỏa mãn đã được đưa ra theo khoản này.

Nếu Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định của mình về một vấn đề tranh chấp cho hai bên, và không có thông báo việc chưa thỏa mãn do các bên đưa ra trong vòng 28 ngày sau khi nhận được quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì quyết định sẽ là cuối cùng và ràng buộc cả hai bên.

20.5 Hòa giải một cách hữu hảo

Đối với nội dung mà thông báo chưa thỏa mãn được đưa ra theo Khoản 20.4 ở trên, các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước khi khởi kiện. Tuy nhiên trừ phi các Bên thỏa thuận khác, việc trọng tài phân xử có thể tiến hành vào hoặc sau ngày thứ 56 sau ngày thông báo không thỏa mãn được đưa ra, thậm chí đã không có một cố gắng hòa giải nào.

20.6 Trọng tài

Trừ phi tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải, còn bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến quyết định của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) chưa phải là cuối cùng và ràng buộc

đều phải được giải quyết bởi trọng tài quốc tế. Ngoại trừ có những thỏa thuận khác bởi hai bên:

- (a) tranh chấp phải được giải quyết xong theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế,
- (b) tranh chấp phải được giải quyết bởi ba trọng tài được chỉ định theo các Quy tắc này, và
- (c) việc giải quyết tranh chấp của trọng tài phải được thực hiện bằng ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Các trọng tài sẽ có toàn quyền được xem xét duyệt lại mọi chứng chỉ, xác định, hướng dẫn, các ý kiến hoặc đánh giá của Chủ đầu tư (hay đại diện của họ) và mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp liên quan đến tranh chấp.

Sẽ không bên nào bị hạn chế trong việc đưa ra trước các trọng tài những bằng chứng hay luận cứ trước đây đã được trình tại Ban xử lý tranh chấp hoặc những lý do không thỏa mãn được nêu ra trong thông báo không thỏa mãn. Mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp phải được xem xét như chứng cứ trong phân xử trọng tài.

Việc trọng tài phân xử có thể được bắt đầu trước hoặc sau khi hoàn thành công trình. Trách nhiệm của các Bên và Ban xử lý tranh chấp sẽ không bị thay đổi bởi bất kỳ lý do nào gây ra bởi việc phân xử trọng tài được diễn ra trong quá trình thực hiện công trình.

20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Trong trường hợp mà:

- (a) không Bên nào đưa ra thông báo không thỏa mãn trong thời gian được quy định tại Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*],
- (b) quyết định có liên quan của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) là cuối cùng và bắt buộc
- (c) một Bên không tuân thủ quyết định này thì Bên kia có thể trong khi không làm tổn hại đến các quyền lợi khác có thể có, tự đưa việc không tuân thủ này lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*]. Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*] sẽ không được áp dụng cho việc này.

20.8 Hết hạn việc chỉ định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu tranh chấp xảy ra giữa các bên liên quan đến hoặc phát sinh ngoài hợp đồng hoặc việc thực hiện công trình và không có Ban xử lý tranh chấp tại chỗ, do bởi hết hạn chỉ định hay lý do khác thì:

- (a) Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Hòa giải một cách hữu hảo*] sẽ không áp dụng, và
- (b) Tranh chấp có thể được trực tiếp đưa lên trọng tài phân xử theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*].

PHỤ LỤC

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

1. Định nghĩa

Mỗi “Thỏa thuận xử lý tranh chấp” là một thỏa thuận 3 bên bởi và giữa:

- (a) “Chủ đầu tư”,
- (b) “Nhà thầu”; và
- (c) “Thành viên” người được xác định trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp như là:
 - (i) “và trong trường hợp này, mọi tham khảo đối với “các thành viên khác không áp dụng, hoặc
 - (ii) một trong 3 người được gọi chung là Ban xử lý tranh chấp và ở trường hợp mà hai người còn lại được gọi là “Các thành viên khác”.

Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký (hoặc dự định ký) một hợp đồng được gọi là “Hợp đồng” và được nêu rõ trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp kết hợp với Phụ lục này. Trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp, các cụm từ và từ không được định nghĩa cách khác sẽ có các nghĩa định cho chúng trong Hợp đồng.

2. Các điều khoản chung

Thỏa thuận xử lý tranh chấp sẽ có hiệu lực khi Chủ đầu tư, Nhà thầu và mỗi một thành viên (hoặc thành viên) đều từng người một đã ký vào bản thỏa thuận xử lý tranh chấp.

Khi Thỏa thuận xử lý tranh chấp có hiệu lực, Chủ đầu tư và Nhà thầu phải thông báo cho các thành viên một cách phù hợp. Nếu thành viên không nhận được thông báo nào trong vòng sáu tháng sau khi ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp thì nó sẽ hết hạn và vô hiệu.

Việc tuyển dụng thành viên là sự chỉ định cá nhân. Không được phép có sự ủy nhiệm hay hình thức thầu phụ của Thỏa thuận xử lý tranh chấp nếu không có thỏa thuận trước bằng văn bản của các bên về việc này và của các thành viên khác (nếu có).

3. Sự bảo đảm

Thành viên bảo đảm và thỏa thuận rằng ông/bà ta phải và sẽ phải vô tư và độc lập với Chủ đầu tư, Nhà thầu và đại diện của Chủ đầu tư, thành viên sẽ thông báo ngay cho mỗi người trong số họ và cho các thành viên khác (nếu có), mọi sự việc hay tình huống có thể xuất hiện mâu thuẫn với sự bảo đảm và thỏa thuận của ông/bà ta là vô tư và độc lập.

Khi chỉ định thành viên, Chủ đầu tư và Nhà thầu dựa vào những khả năng tiêu biểu của thành viên là người:

- (a) có kinh nghiệm trong công việc mà Nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng,

- (b) có kinh nghiệm trong diễn giải tài liệu Hợp đồng, và
- (c) thành thạo về ngôn ngữ giao tiếp được xác định trong Hợp đồng.

4. Nghĩa vụ chung của thành viên

Thành viên phải:

- (a) không có lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác từ Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cũng như lợi ích tài chính nào trong Hợp đồng ngoại trừ việc thanh toán theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (b) trước đây không được từ Chủ đầu tư hay Nhà thầu thuê làm Tư vấn hoặc vị trí khác, ngoại trừ trong những trường hợp như đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và Nhà thầu trước khi họ ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (c) đã thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có), trước khi ký Thỏa thuận xử lý tranh chấp và theo sự hiểu biết và hồi tưởng tốt nhất của ông/bà ta, mọi quan hệ nghề nghiệp hay cá nhân với giám đốc, cán bộ hay nhân viên của Chủ đầu tư hay Nhà thầu và mọi dính líu trước đây đến dự án tổng thể mà Hợp đồng là một phần;
- (d) trong thời gian của Thỏa thuận xử lý tranh chấp không được Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu thuê làm tư vấn hoặc vị trí khác ngoại trừ đã được thỏa thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có); và
- (e) tuân theo các quy định về thủ tục nêu trong Phụ lục và Khoản 20.1 của Điều kiện của Hợp đồng;
- (f) không đưa ra lời khuyên cho Chủ đầu tư, Nhà thầu và các nhân viên của Chủ đầu tư hay nhân viên của Nhà thầu liên quan đến quản lý chỉ đạo Hợp đồng, ngoài việc tuân thủ với các quy định về thủ tục trong Phụ lục;
- (g) không được tham gia vào các cuộc bàn bạc hay ký bất kỳ thỏa thuận nào với Chủ đầu tư hay Nhà thầu liên quan đến việc làm thuê cho bất kỳ trong họ như là Nhà tư vấn hoặc vị trí khác, sau khi chấm dứt hoạt động trong khuôn khổ Thỏa thuận xử lý tranh chấp;
- (h) đảm bảo sự sẵn sàng của ông/bà ta cho mọi đợt đi hiện trường hoặc tư vấn nếu cần; và
- (i) xử lý các vấn đề chi tiết của Hợp đồng và mọi hoạt động của Ban xử lý tranh chấp và các thăm dò riêng và bí mật và không công bố hay tuyên bố chúng khi không được sự cho phép trước bằng văn bản của Chủ đầu tư hay Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có).

5. Các nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư và của Nhà thầu

Chủ đầu tư, Nhà thầu, các nhân viên của Chủ đầu tư và các nhân viên của Nhà thầu không được yêu cầu lời khuyên hoặc tham khảo ý kiến của Thành viên Hợp đồng, ngoại trừ những gì trong sự tiến triển bình thường của các hoạt động của Ban xử lý

tranh chấp theo Hợp đồng và Thỏa thuận xử lý tranh chấp ngoại trừ phạm vi đã có thỏa thuận trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu và các Thành viên khác (nếu có). Chủ đầu tư và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm riêng về sự tuân thủ theo điều khoản này, của các nhân viên của Chủ đầu tư và các nhân viên của Nhà thầu.

Ngoại trừ có sự nhất trí bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu, thành viên và các thành viên khác (nếu có), Chủ đầu tư và Nhà thầu cam kết với nhau và với thành viên rằng thành viên sẽ không:

- (a) được chỉ định là nhà trọng tài trong bất kỳ cuộc phân xử trọng tài nào thuộc Hợp đồng;
- (b) được coi là người làm chứng để đưa ra các chứng cứ có liên quan đến bất kỳ tranh chấp nào trước các trọng tài được chỉ định để phân xử theo Hợp đồng; hoặc
- (c) chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ khiếu nại nào về bất cứ việc gì đã được làm hoặc bị bỏ sót trong việc thực hiện hoặc có ý thực hiện các chức năng của thành viên ngoại trừ hành động hay sự bỏ sót biểu hiện tình trạng quá mất tin cậy.

Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng bồi thường chung và bồi thường riêng và gánh chịu cho thành viên những tổn hại từ những khiếu nại, mà ông/bà ta không phải chịu trách nhiệm pháp lý theo như đoạn ở trên.

6. Thanh toán

Thành viên phải được thanh toán như sau, bằng tiền tệ được quy định trong Thỏa thuận xử lý tranh chấp:

- (a) một khoản chi phí hàng ngày sẽ được coi như là thanh toán đầy đủ cho:
 - (i) mỗi ngày làm việc dành cho việc đọc các hồ sơ đã nộp, tham gia nghe các ý kiến (nếu có), chuẩn bị các quyết định, hoặc đi hiện trường (nếu có);
 - (ii) mỗi ngày hay một phần của ngày cho tới thời gian tối đa chuyển đi là 2 ngày mỗi chiều (nếu có) giữa nhà của thành viên và công trường hoặc đến địa điểm họp khác với các thành viên khác (nếu có) hay với Chủ đầu tư và Nhà thầu.
- (b) tất cả các chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến các nhiệm vụ của thành viên, bao gồm cả các chi phí cho dịch vụ thư ký, điện thoại, gửi thư, fax và điện tín, chi phí đi lại, khách sạn, tiền ăn, yêu cầu có biên nhận cho mỗi khoản vượt trên 5% của chi phí hàng ngày nói đến trong phần (a) của Khoản này; và
- (c) mọi khoản thuế quy định cụ thể của nước sở tại về các khoản thanh toán cho thành viên (trừ phi là người bản địa hoặc thường trú) theo khoản 6.

Chi phí hàng ngày phải được quy định trong thỏa thuận xử lý tranh chấp.

Ngay sau khi Thỏa thuận xử lý tranh chấp có hiệu lực, thành viên sẽ, trước khi tham gia bất cứ hoạt động nào theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp, nộp cho Nhà thầu, với một bản sao cho Chủ đầu tư một danh đơn cho (a) khoản ứng trước 25% của tổng dự toán các chi

phí hàng ngày mà ông/bà ta được hưởng và (b) ứng trước một khoản tương đương với tổng chi phí dự toán mà ông/bà ta chịu liên quan đến công việc. Thanh toán cho danh đơn như vậy sẽ do Nhà thầu thực hiện khi nhận danh đơn. Thành viên không có nghĩa vụ phải tiến hành các hoạt động theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp cho đến khi mỗi thành viên đã được thanh toán đầy đủ các danh đơn đã nộp theo đoạn này quy định.

Sau đó thành viên phải nộp cho Nhà thầu, với một bản sao cho Chủ đầu tư, các hóa đơn để cân đối các phí và chi phí của ông/bà ta hàng ngày, trừ đi các khoản đã ứng trước. Ban xử lý tranh chấp sẽ không có nghĩa vụ phải nộp quyết định của mình cho đến khi các danh đơn cho tất cả các phí và chi phí hàng ngày của mỗi thành viên để đưa ra quyết định đã được thanh toán đầy đủ.

Ngoại trừ được trả sớm hơn quy định nêu trên, Nhà thầu phải thanh toán đầy đủ cho mỗi danh đơn của thành viên trong vòng 28 ngày theo lịch sau khi nhận được mỗi danh đơn và sẽ yêu cầu Chủ đầu tư (trong các giải trình theo Hợp đồng) thanh toán một nửa số tiền của các danh đơn này. Chủ đầu tư sau đó phải thanh toán cho Nhà thầu theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu không trả cho thành viên khoản mà ông/bà ta được quyền hưởng theo Thỏa thuận xử lý tranh chấp, Chủ đầu tư phải thanh toán khoản tiền thích đáng cho thành viên và bất cứ khoản nào khác có thể cần để duy trì hoạt động của Ban xử lý tranh chấp; và không làm tổn hại đến quyền lợi hoặc sự bù đắp của Chủ đầu tư. Bổ sung cho các quyền lợi khác phát sinh từ lỗi này, Chủ đầu tư được quyền hưởng sự chi trả toàn bộ số tiền đã trả vượt quá nửa khoản thanh toán này, cộng thêm mọi chi phí để trang trải các khoản tiền này và chi trả các chi phí tính theo tỷ giá quy định ở khoản 14.8 của các Điều kiện hợp đồng.

Nếu Thành viên không nhận được khoản thanh toán đúng trong thời gian 28 ngày sau khi nộp danh đơn hợp lệ, thành viên có thể (i) tạm ngừng dịch vụ của ông/bà ta (không cần thông báo) cho đến khi nhận được thanh toán và/hoặc (ii) xin thôi việc bằng cách gửi thông báo tới Chủ đầu tư và Nhà thầu. Thông báo sẽ có hiệu lực khi cả hai cùng nhận được. Mọi thông báo như vậy sẽ là thông báo cuối cùng và ràng buộc Chủ đầu tư, Nhà thầu và thành viên.

7. Vi phạm của Thành viên

Nếu Thành viên không tuân thủ các nghĩa vụ theo Khoản 4, ông/bà ta sẽ không được quyền hưởng mọi phí và chi phí nêu trên và phải không làm ảnh hưởng đến quyền lợi khác của họ, trả lại cho Chủ đầu tư và Nhà thầu mọi phí và chi phí mà Thành viên và các thành viên khác đã nhận (nếu có), vì việc kiện tụng hay các quyết định (nếu có) của Ban xử lý tranh chấp đã bị vô hiệu.

8. Các tranh chấp

Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh ngoài hoặc liên quan đến Thỏa thuận xử lý tranh chấp, hoặc do vi phạm, chấm dứt hoặc không còn giá trị của nó, cuối cùng sẽ phải được giải quyết theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế bởi một trọng tài được chỉ định theo Quy tắc trọng tài này.

PHỤ LỤC

Các quy tắc về thủ tục

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ phải cung cấp cho Ban xử lý tranh chấp một bản sao tất cả các tài liệu mà Ban xử lý tranh chấp có thể đòi hỏi, bao gồm các tài liệu Hợp đồng, các báo cáo về tiến trình thực hiện các chỉ dẫn về biến đổi, các chứng chỉ và các tài liệu khác liên quan đúng với vấn đề tranh chấp. Mọi trao đổi thông tin giữa Ban xử lý tranh chấp và Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu đều phải được sao lại cho bên kia. Nếu Ban xử lý tranh chấp gồm có 3 người, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ gửi các bản sao tài liệu được yêu cầu và những thông tin trên tới từng thành viên một.
2. Ban xử lý tranh chấp phải thực hiện theo Khoản 20.4 và các quy định này. Tùy thuộc vào thời gian cho phép để đưa ra thông báo về một quyết định và các yếu tố có liên quan khác, Ban xử lý tranh chấp sẽ:
 - (a) hành động một cách công bằng và vô tư đối với cả Chủ đầu tư và Nhà thầu, tạo cho họ cơ hội thích hợp và thuận lợi để thực hiện trường hợp của mình và có trách nhiệm với trường hợp khác, và
 - (b) áp dụng các thủ tục phù hợp với tranh chấp, tránh sự chậm trễ hoặc chi phí không cần thiết.
3. Ban xử lý tranh chấp có thể tiến hành nghe các ý kiến về các ý kiến tranh chấp, tùy từng vụ việc mà Ban sẽ quyết định thời gian và địa điểm để nghe ý kiến và có thể yêu cầu các tài liệu và các luận cứ bằng văn bản từ Chủ đầu tư và Nhà thầu được gửi trước cho Ban hoặc trình bày tại cuộc họp
4. Ngoại trừ có thỏa thuận khác bằng văn bản của Chủ đầu tư và Nhà thầu, Ban xử lý tranh chấp có quyền áp dụng thủ tục thẩm tra, từ chối việc xin tham dự nghe các ý kiến hoặc làm thính giả của bất cứ người nào không phải là các đại diện của Chủ đầu tư và Nhà thầu, và tiến hành trong sự vắng mặt bất cứ bên nào mà Ban xử lý tranh chấp đã thỏa mãn sau khi nhận được các thông báo về thăm dò; nhưng sẽ tự mình quyết định có thể thực hiện quyền này hay không và phạm vi đến đâu.
5. Chủ đầu tư và Nhà thầu tạo điều kiện cho Ban xử lý tranh chấp trong số các việc khác, có quyền:
 - (a) làm thủ tục để áp dụng trong quyết định cho một tranh chấp,
 - (b) quyết định dựa trên quyền hạn của Ban xử lý tranh chấp, và phạm vi của tranh chấp được gửi tới họ,
 - (c) tiến hành bất kỳ cuộc nghe ý kiến nào cho là thích hợp, không bị ràng buộc bởi bất cứ quy tắc hay thủ tục nào khác ngoài những điều quy định trong Hợp đồng và các quy tắc này,
 - (d) chủ động nắm chắc các sự việc và các vấn đề cần cho một quyết định,
 - (e) tận dụng sự hiểu biết của chính chuyên gia của mình, nếu có,

- (f) quyết định thanh toán tài chính theo Hợp đồng,
 - (g) quyết định về việc giảm nhẹ tạm thời như các biện pháp tạm thời hoặc bảo lưu ý kiến, và
 - (h) xem xét kiểm tra và soát lại các chứng chỉ, quyết định, xác định, hướng dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn, có liên quan đến tranh chấp.
- 6.** Ban xử lý tranh chấp sẽ không bày tỏ bất cứ quan điểm nào trong các cuộc nghe ý kiến liên quan đến sự phải trái của các luận cứ các Bên đưa ra từ trước. Ban sẽ đưa ra và thông báo về quyết định của mình theo Khoản 20.4 hoặc là được thỏa thuận trước bằng văn bản với Chủ đầu tư và Nhà thầu. Nếu Ban xử lý tranh chấp gồm ba người thì:
- (a) Ban sẽ nhóm họp riêng sau một cuộc nghe ý kiến, nếu có, để thảo luận và chuẩn bị quyết định của mình;
 - (b) Ban sẽ cố gắng đạt tới quyết định thống nhất. Nếu chứng minh là không thể thống nhất được, thì quyết định đem áp dụng phải được tán thành bởi đa số các thành viên, những người có thể yêu cầu thiểu số còn lại chuẩn bị văn bản báo cáo đề nộp cho Chủ đầu tư và Nhà thầu; và
 - (c) Nếu một thành viên không tham dự buổi họp nghe các ý kiến hoặc không thực hiện đầy đủ các chức năng theo yêu cầu, thì hai thành viên còn lại có thể tiến hành đưa ra quyết định, trừ phi:
 - (i) hoặc Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu không đồng ý họ làm như vậy hoặc
 - (ii) Thành viên vắng mặt là Chủ tịch và ông/bà ta chỉ thị cho thành viên khác không được đưa ra quyết định.

Bản mục lục các khoản

	Khoản	Trang
Quyền được ra vào sau khi nghiệm thu	11.7	222
Đi vào để kiểm tra	7.3	209
Đường vào công trường	4.15	197
Quyền tiếp cận công trường	2.1	189
Các phương tiện bổ sung	4.13	197
Các cách thông tin	1.3	185
Ban Xử lý	20.2	251
Điều chỉnh do các thay đổi về chi phí	13.8	227
Điều chỉnh do các thay đổi về luật pháp	13.7	227
Ứng trước	14.2	228
Thỏa thuận Hợp đồng	1.6	186
Hòa giải	20.5	253
Chấp thuận các tài liệu của Nhà thầu	5.2	202
Sự chấp thuận, Giấy phép hoặc Chứng chỉ	2.2	189
Trọng tài	20.6	253
Tài liệu hoàn công	5.6	204
Nhượng lại	1.7	186
Hỗ trợ bởi Chủ đầu tư	2.2	189
Thẩm quyền của đại diện Chủ đầu tư và các trợ lý	3.2	191
Chậm trễ do Nhà chức trách	8.5	213
Tránh can thiệp	4.14	197
Sự cân trọng đối với công trình	17.2	240
Chứng chỉ thực hiện	11.9	222
Chứng chỉ nghiệm thu	10.1	218
Khiếu nại của Chủ đầu tư	2.5	190
Phụ lục khiếu nại	20.1	250
Giải phóng công trường sau khi có Chứng chỉ thực hiện	11.11	222
Giải phóng công trường sau khi có Chứng chỉ nghiệm thu	4.23	200
Khởi công	8.1	212
Các cách thông tin	1.3	185
Ngôn ngữ cho các thông tin	1.4	186
Hoàn thành các công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót	11.1	220

Báo cáo khi hoàn thành	14.10	232
Thời gian hoàn thành	8.2	212
Các điều kiện không lường trước được	4.12	197
Công tác bảo mật	1.9	187
Các chi tiết mật	1.12	188
Giá Hợp đồng	14.1	228
Tính đầy đủ của Giá Hợp đồng	4.11	197
Nhà thầu tìm kiếm	11.8	222
Khiếu nại của Nhà thầu	20.1	250
Nhiệm vụ thiết kế của Nhà thầu	5.1	202
Các tài liệu của Nhà thầu	5.2	202
Chủ đầu tư sử dụng Các tài liệu của Nhà thầu	1.10	187
Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu	16.1	238
Thiết bị của Nhà thầu	4.17	198
Các nghĩa vụ chung của Nhà thầu	4.1	193
Chấm dứt trách nhiệm của Nhà thầu	2.5	190
Giới hạn trách nhiệm của Nhà thầu	17.6	242
Các nghĩa vụ của Nhà thầu: Kiểm định khi hoàn thành	9.1	216
Hoạt động của Nhà thầu trên công trường	4.23	200
Người của Nhà thầu	6.9	207
Hồ sơ nhân sự và thiết bị của Nhà thầu	6.10	208
Đại diện của Nhà thầu	4.3	194
Giám sát của Nhà thầu	6.8	207
Đảm bảo của Nhà thầu	5.3	203
Hợp tác	4.6	195
Các tiền tệ cho thanh toán các biến đổi	13.4	226
Các tiền tệ cho thanh toán	14.15	233
BXLTC-xem Ban xử lý tranh chấp		
Số liệu về các Điều kiện ở công trường	4.10	196
Ngày làm việc	13.6	226
Thông báo lỗi của Nhà thầu	15.1	235
Chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu	15.2	235
Lỗi của Chủ đầu tư: Quyền tạm ngừng công việc	16.1	238
Chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư	16.2	238

Di chuyển công việc bị sai sót	11.5	221
Không sửa chữa được sai sót	11.4	221
Kéo dài Thời gian thông báo sai sót	11.3	220
Sửa chữa được sai sót	11.1	220
Nhà thầu tìm nguyên nhân	11.8	222
Các định nghĩa	1.1	181
Thiệt hại do chậm trễ	8.7	214
Chậm trễ do Nhà chức trách	8.5	213
Người đại diện	3.3	191
Việc ủy quyền của đại diện của Chủ đầu tư	3.2	191
Lỗi thiết kế	5.8	205
Nhiệm vụ thiết kế chung	5.1	202
Quyết định	3.5	192
Trang trái xong	14.12	232
Hành vi mất trật tự	6.11	208
Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp	20.3	252
Hết hạn chỉ định Ban xử lý tranh chấp	20.8	254
Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp	20.7	254
Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp	20.4	252
Hòa giải hữu hảo	20.5	253
Tài liệu hoàn công	5.6	204
Sự cẩn thận và cung cấp tài liệu	1.8	187
Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	188
Thứ tự ưu tiên của các tài liệu	1.5	186
Điện, nước và khí ga	4.19	199
Truyền tải điện tử các thông tin	1.3	185
Khiếu nại của Chủ đầu tư	2.5	190
Khiếu nại của Chủ đầu tư: Các loại tiền thanh toán	14.15	233
Quyết định của Chủ đầu tư	3.5	192
Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư	15.5	236
Thiết bị, vật liệu cấp không của Chủ đầu tư	4.20	199
Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư	2.4	190
Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư	14.14	233
Người của Chủ đầu tư	2.3	190

Ủy quyền khác của đại diện Chủ đầu tư	3.2	191
Các rủi ro của Chủ đầu tư	17.3	241
Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư	17.4	241
Việc chỉ định đại diện của Chủ đầu tư	3.1	191
Bảo vệ môi trường	4.18	198
Lỗi của Nhà thầu	5.8	205
Kéo dài thời gian hoàn thành	8.4	213
Không vượt qua được các cuộc Kiểm định sau khi hoàn thành	12.4	224
Không vượt qua được các cuộc Kiểm định khi hoàn thành	9.4	217
Tài chính của Chủ đầu tư	2.4	190
Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ	19.5	248
Hậu quả của Bất khả kháng	19.4	248
Định nghĩa Bất khả kháng	19.1	247
Thông báo Bất khả kháng	19.2	247
Bất khả kháng: Chấm dứt không bắt buộc	19.6	248
Cổ vật	4.24	201
Hết trách nhiệm thực hiện Hợp đồng	19.7	249
Vận chuyển hàng hóa	4.16	198
Sức khỏe và an toàn	6.7	207
Bồi thường	17.1	240
Kiểm tra	7.3	209
Các chỉ dẫn	3.4	192
Bảo hiểm tổn thương về người và thiệt hại tài sản	18.3	245
Bảo hiểm đối với nhân viên của Nhà thầu	18.4	246
Bảo hiểm đối với công trình và thiết bị của Nhà thầu	18.2	244
Yêu cầu chung đối với bảo hiểm	18.1	242
Sở hữu trí tuệ và công nghiệp	17.5	241
Tránh can thiệp	4.14	197
Can thiệp vào các cuộc Kiểm tra khi hoàn thành	10.3	218
Sự diễn giải	1.2	185
Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm	1.14	188
Thuê mượn nhân viên và Lao động	6.1	206
Điều kiện ăn ở cho nhân viên và Lao động	6.6	206
Ngôn ngữ	1.4	186

Sự điều chỉnh	1.4	186
Tuân thủ luật pháp	1.13	188
Luật lao động	6.4	206
Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư	14.14	233
Giới hạn trách nhiệm	17.6	242
Trách nhiệm không bị ảnh hưởng bởi Bảo hiểm	18.1	243
Giấy phép hay các phê duyệt	2.2	189
Cách thực hiện	7.1	209
Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng	5.7	204
Thanh toán cho vật liệu khi tạm ngừng	8.10	215
Sở hữu về vật liệu	7.7	211
Thanh toán cho các vật liệu cố định	14.5	230
Vật liệu do Chủ đầu tư cung cấp	4.20	199
Các Nhà thầu phụ được chỉ định	4.5	195
Thông báo vận chuyển hàng hóa	4.16	198
Thông báo sửa chữa	15.1	235
Các thông báo	1.3	185
Nghĩa vụ sau khi có Chứng chỉ thực hiện	11.10	222
Nghĩa vụ chung của Nhà thầu	4.1	193
Các Nhà thầu khác	4.6	195
Thanh toán sau khi Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu	16.4	239
Thanh toán sau khi Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư	15.4	236
Xin cấp thanh toán cuối cùng	14.11	232
Các tiền tệ thanh toán	14.15	233
Thanh toán bị chậm trễ	14.8	231
Thanh toán cuối cùng	14.13	233
Thanh toán cho thiết bị và các vật liệu cho công trình	14.5	230
Thanh toán bằng tiền tệ quy định	13.4	226
Thanh toán cho Nhà thầu sau bất khả kháng	19.4	248
Xin cấp thanh toán tạm	14.3	229
Thanh toán tạm	14.6	230
Lịch trình thanh toán	14.4	229
Án định thời hạn thanh toán	14.7	230
Chứng chỉ thực hiện	11.9	222

Bảo hiểm thực hiện	9.1	216
Bảo lãnh thực hiện	4.2	193
Nhân lực của Nhà thầu	6.9	207
Hành vi mất trật tự	6.11	208
Nhân lực của Chủ đầu tư	2.3	190
Bảo hiểm cho nhân lực của Chủ đầu tư	18.4	246
Đào tạo nhân sự	5.5	204
Thanh toán cho thiết bị và các vật liệu cho công trình trong trường hợp tạm ngừng	8.10	215
Sở hữu thiết bị và các vật liệu	7.7	211
Chương trình	8.3	212
Tiến độ thực hiện	8.6	214
Các báo cáo tiến độ	4.21	199
Số tiền tạm ứng	13.5	226
Đảm bảo chất lượng	4.9	196
Tuân thủ các quy định và luật pháp	1.13	188
Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật	5.4	203
Từ chối	7.5	210
Hết trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo luật	19.7	249
Công việc sửa chữa	7.6	211
Chi phí cho sửa chữa sai sót	11.2	220
Di dời Thiết bị của Nhà thầu sau khi kết thúc	16.3	239
Đại diện của Nhà thầu	4.3	194
Đại diện của Chủ đầu tư	3.1	191
Trách nhiệm về công trình	4.1	193
Tiếp tục tiến hành công việc sau khi tạm ngừng	8.12	215
Chiết khấu số tiền giữ lại	14.3	229
Thanh toán số tiền giữ lại	14.9	231
Quyền được biến đổi	13.1	225
Khiếu nại về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	17.5	241
Quyền sở hữu trí tuệ trong các tài liệu của Nhà thầu	1.10	187
Quyền sở hữu trí tuệ trong các tài liệu của Chủ đầu tư	1.11	188
Quyền về đường đi và các phương tiện	4.13	197
Tiền bản quyền	7.8	211

Các thủ tục đảm bảo an toàn	4.8
Các mẫu nguyên vật liệu	7.2
Định vị các mốc	4.7
Giải phóng mặt bằng	11.11
Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường	4.23
Dữ liệu về công trường	4.10
An ninh công trường	4.22
Báo cáo cuối cùng	14.11
Báo cáo giữa kỳ	14.3
Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ	19.5
Các Nhà thầu phụ	4.4
Giám sát của Nhà thầu	6.8
Yêu cầu bố trí lại mặt bằng	8.9
Tạm ngừng do lỗi của Chủ đầu tư	16.1
Tạm ngừng công việc	8.8
Tạm ngừng bị kéo dài	8.11
Nghiệm thu bộ phận của công trình	10.2
Nghiệm thu công trình và các hạng mục	10.1
Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu	16.2
Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu	16.4
Quyền chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư	15.5
Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư	15.4
Chấm dứt Hợp đồng không bắt buộc sau khi xảy ra bất khả kháng	19.6
Chấm dứt Hợp đồng không bắt buộc: thích hợp với Chủ đầu tư	15.5
Đánh giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng	15.3
Chấm dứt Hợp đồng: Ngừng công việc	16.3
Kiểm định	7.4
Kiểm định sau khi hoàn thành	12.1
Kiểm định sau khi hoàn thành bị chậm trễ	12.2
Tiến hành lại các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành	12.3
Kiểm định thêm	11.6
Kiểm định khi hoàn thành	9.1
Kiểm định khi hoàn thành bị chậm trễ	9.2
Không vượt qua được các cuộc Kiểm định khi hoàn thành	9.4

Bảo hiểm Bên thứ ba	18.3
Thời gian thanh toán	14.7
Đào tạo	5.5
Các khó khăn không lường trước được	4.12
Các nghĩa vụ không hoàn thành	11.10
Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng	15.3
Tư vấn về giá trị công trình	13.2
Thủ tục biến đổi	13.3
Biến đổi	13.1
Biến đổi; Các tiền tệ quy định	13.4
Các mức lương và các điều kiện lao động	6.2
Giờ làm việc	6.5
Sự can thiệp của Nhà thầu đối với công trình	17.2

Điều kiện Hợp đồng
**DỰ ÁN EPC/
CHÌA KHÓA TRAO TAY**

Điều kiện chung

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU

CHÚ Ý VỀ VIỆC CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

1. Các quy định chung
2. Chủ đầu tư
3. Việc điều hành của Chủ đầu tư
4. Nhà thầu
5. Thiết kế
6. Nhân viên và lao động
7. Thiết bị, vật liệu và tay nghề
8. Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng
9. Kiểm định khi hoàn thành
10. Nghiệm thu của Chủ đầu tư
11. Trách nhiệm về sai sót
12. Kiểm định sau khi hoàn thành
13. Biến đổi và điều chỉnh
14. Giá Hợp đồng và thanh toán
15. Chấm dứt bởi Chủ đầu tư
16. Tạm ngừng và chấm dứt bởi Nhà thầu
17. Rủi ro và trách nhiệm
18. Bảo hiểm
19. Bất khả kháng
20. Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài

PHỤ LỤC CÁC MẪU BẢO LÃNH

Hướng dẫn soạn thảo Điều kiện riêng

Giới thiệu

Các điều khoản của Điều kiện Hợp đồng cho dự án EPC/Chìa khóa trao tay đã được Hiệp hội Quốc tế Các kỹ sư Tư vấn (FIDIC) chuẩn bị và được khuyến nghị sử dụng chung cho một thực thể chịu trách nhiệm toàn diện về một dự án kỹ thuật (bao gồm thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp đặt) Nhà máy và cho thiết kế và thi công các công trình xây dựng và kỹ thuật mà các Ứng thầu được tham dự đấu thầu quốc tế. Việc điều chỉnh các điều kiện có thể được yêu cầu trong một số cơ sở pháp lý, đặc biệt nếu được sử dụng với các hợp đồng trong nước.

Phần lớn các dự án chìa khóa trao tay có thể yêu cầu thương lượng giữa các bên. Nghiên cứu các đề xuất của những Ứng thầu, Chủ đầu tư có thể cần gặp và thảo luận với họ về các đề xuất kỹ thuật mà Chủ đầu tư cho là thích hợp. Theo cách sắp xếp thông thường cho loại hình hợp đồng này, Nhà thầu sẽ tiến hành Kỹ thuật – Mua sắm và Xây dựng đồng thời cung cấp các phương tiện được trang bị đầy đủ, sẵn sàng cho việc vận hành (theo kiểu “Chìa khóa trao tay”)

Hướng dẫn sau đây nhằm trợ giúp cho những người soạn thảo các Điều kiện riêng bằng cách đưa ra các phương án cho các khoản khác nhau ở những nơi thích hợp. Trong chừng mực có thể, các cách viết mẫu cũng được đưa xen vào. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chỉ đưa ra bản ghi nhớ.

Trước khi sử dụng bất kỳ cách viết mẫu nào, cần phải kiểm tra để đảm bảo rằng nó hoàn toàn thích hợp cho các trường hợp cụ thể. Trừ phi nó được coi là thích hợp, cách viết mẫu cần phải được sửa đổi trước khi sử dụng.

Ở chỗ nào cách viết mẫu được sửa đổi, và trong mọi trường hợp có các sửa đổi hoặc bổ sung khác, cần chú ý để đảm bảo không làm cho tối nghĩa, hoặc ở trong Điều kiện chung hoặc ở giữa các điều của Điều kiện riêng.

Trong khi chuẩn bị các Điều kiện của Hợp đồng để đưa vào tài liệu thầu, đoạn sau có thể được sử dụng:

Các Điều kiện Hợp đồng bao gồm “Điều kiện chung”, là một phần của “Điều kiện Hợp đồng cho dự án EPC/Chìa khóa trao tay” Xuất bản lần thứ nhất 1999 của Hiệp hội Quốc tế Các kỹ sư Tư vấn (FIDIC) và “Điều kiện riêng” sau đây bao gồm các sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung.

Các khoản của Điều kiện chung cần có tư liệu đưa vào Điều kiện riêng:

- 1.1,3.3 và 8.2 Thời gian hoàn thành
- 1.1,3.7 và 11.1 Thời gian thông báo sai sót
- 1.1,5.6 Định nghĩa của mỗi hạng mục (nếu có)
- 1.3 Hệ thống điện tử dùng cho thông tin
- 1.4 Luật và Ngôn ngữ
- 2.1 Thời gian để có mặt bằng
- 4.2 Bảo lãnh thực hiện

4.4	Thông báo về thầu phụ
8.7, 12.4 và 14.15(d)	Tồn thất do chậm thi công
13.8	Điều chỉnh do thay đổi chi phí
14.2	Ứng trước
14.3(c)	Tiền giữ lại
17.6	Giới hạn của trách nhiệm
18.1	Bảo hiểm của Chủ đầu tư
18.2(d)	Bảo hiểm về rủi ro của Chủ đầu tư
18.3	Bảo hiểm sự tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản
20.2	Số lượng thành viên của Ban xử lý tranh chấp
20.3	Việc chỉ định thực thể Ban xử lý tranh chấp

Các lưu ý khi soạn thảo các Hồ sơ dự thầu

Hồ sơ dự thầu phải được soạn thảo bởi các kỹ sư có trình độ phù hợp quen với các khía cạnh kỹ thuật của các công trình được yêu cầu, và nên được các luật sư có trình độ thích hợp soát xét. Các Hồ sơ mời thầu được cấp cho các ứng thầu sẽ bao gồm các Điều kiện Hợp đồng, các yêu cầu của Chủ đầu tư, và (nếu được) dạng mẫu thích hợp của Thư dự thầu. Ngoài ra, mỗi ứng thầu cần nhận được các dữ liệu nêu trong Khoản 4.10 và các chỉ dẫn cho ứng thầu để thông báo cho họ các vấn đề mà Chủ đầu tư muốn họ đưa vào Hồ sơ dự thầu của họ nhưng không phải là một phần của các yêu cầu của Chủ đầu tư cho công trình.

Khi Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký bản thỏa thuận Hợp đồng, Hợp đồng (khi đó sẽ có hiệu lực và tác dụng hoàn toàn) bao gồm Hồ sơ dự thầu và các bản ghi nhớ kèm theo thỏa thuận Hợp đồng.

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần nêu rõ các yêu cầu cụ thể cho công trình khi được hoàn thành, bao gồm các yêu cầu chi tiết về chất lượng và phạm vi, và có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các vật dụng nào đó, như các mặt hàng tiêu dùng. Các vấn đề được đề cập trong một số hoặc tất cả các Khoản sau đây có thể gồm có:

- 1.8 Số các bản sao của các tài liệu của Nhà thầu
- 1.13 Các Giấy phép mà Chủ đầu tư có
- 2.1 Sở hữu theo giai đoạn các móng, kết cấu, máy móc hoặc phương tiện ra vào
- 4.1 Các mục đích được yêu cầu cho công trình
- 4.6 Các Nhà thầu khác (và các người khác) trên công trường
- 4.7 Các mốc, tuyến và cao độ để tham khảo
- 4.18 Hạn chế về môi trường
- 4.19 Điện, nước, khí ga và các dịch vụ khác sẵn có trên công trường
- 4.20 Thiết bị của Chủ đầu tư và vật liệu cấp không
- 5.1 Yêu cầu, tư liệu và thông tin mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm
- 5.2 Các tài liệu của Nhà thầu được yêu cầu xem xét
- 5.4 Các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy tắc xây dựng
- 5.5 Đào tạo vận hành cho nhân lực của Chủ đầu tư
- 5.6 Các bản vẽ hoàn công và các hồ sơ khác của công trình
- 5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- 6.6 Điều kiện sinh hoạt của nhân viên
- 7.2 Các mẫu vật liệu
- 7.3 Các yêu cầu kiểm tra ngoài hiện trường
- 7.4 Kiểm định trong quá trình gia công, chế tạo và/hoặc xây dựng
- 9.1 Kiểm định khi hoàn thành
- 9.4 Thiệt hại do không vượt qua các cuộc kiểm định khi hoàn thành

12.1 Kiểm định sau khi hoàn thành

12.4 Thiệt hại do không vượt quá các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

Nhiều Khoản trong Điều kiện chung có đề cập tới Điều kiện riêng về các số liệu phải được Chủ đầu tư xác định một cách cụ thể hoặc Hồ sơ dự thầu nêu các số liệu phải được Ứng thầu xác định một cách cụ thể.

Các chỉ dẫn cho các Ứng thầu có thể cần nêu rõ mọi khó khăn hạn chế về các số liệu nêu trong Hồ sơ dự thầu, và/hoặc nêu rõ phạm vi các thông tin khác mà mỗi Ứng thầu sẽ đưa vào cùng với Hồ sơ dự thầu. Nếu mỗi Ứng thầu phải có bảo lãnh của công ty mẹ và/hoặc Bảo lãnh dự thầu, các yêu cầu này (áp dụng trước khi Hợp đồng có hiệu lực) sẽ đưa vào các chỉ dẫn cho Ứng thầu: các biểu mẫu sẽ được kèm vào tài liệu này như là Phụ lục A và B. Các chỉ dẫn có thể bao gồm cả các vấn đề được đề cập đến trong một số hoặc tất cả các Khoản sau:

4.3 Đại diện Nhà thầu (họ, tên và lý lịch)

4.9 Hệ thống đảm bảo chất lượng

9.2 Kiểm định khi hoàn thành

12.1 Kiểm định sau khi hoàn thành

18 Bảo hiểm

20 Giải quyết tranh chấp

Một hợp đồng chìa khóa trao tay điển hình bao gồm thiết kế, xây dựng, tài sản cố định, máy móc và thiết bị (f.f.e), mà phạm vi của chúng được nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Cần phải xem xét đầy đủ đến các yêu cầu chi tiết như mức độ mà công trình được trang bị đầy đủ, sẵn sàng để vận hành, với các phụ tùng thay thế và vật liệu tiêu hao được vận hành trong một thời gian xác định. Ngoài ra, Nhà thầu có thể được yêu cầu vận hành công trình, vận hành thử trong một vài tháng theo Khoản 9.1 (c) hoặc vận hành trong một vài năm.

Điều dễ hiểu là các ứng thầu thường miễn cưỡng khi phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, phải chịu chi phí lớn trong việc chuẩn bị các thiết kế dự thầu. Khi chuẩn bị các hướng dẫn cho ứng thầu, cần phải nghĩ đến phạm vi chi tiết mà các ứng thầu có thể thực sự chuẩn bị được và đưa vào Hồ sơ dự thầu của mình. Mức độ chi tiết cần được nêu cụ thể trong hướng dẫn ứng thầu. Cần chú ý rằng có thể không có việc mô tả trong các tài liệu cấu thành nên Hợp đồng, mà nó chỉ có hiệu lực và tác dụng khi bản thoả thuận được ký kết.

Cần xem xét đến việc có trả công cho các Ứng thầu nếu, để cung cấp một Hồ sơ dự thầu tốt, họ phải tiến hành các nghiên cứu hoặc tiến hành công việc thiết kế có tính nguyên tắc (thiết kế sơ bộ N.D).

Điều 1 **Các quy định chung**

Khoản 1.1 **Các định nghĩa**

Điều kiện riêng phải xác định thời gian hoàn thành công trình, và thời hạn thông báo sai sót.

Nếu công trình được nghiệm thu theo nhiều giai đoạn, một việc ít xảy ra cho hợp đồng chìa khóa trao tay, Điều kiện riêng phải xác định mỗi gian đoạn như là một phân đoạn và phải xác định các phạm vi, giới hạn địa lý và thời gian hoàn thành.

Có thể cần thiết phải sửa đổi một số định nghĩa. Ví dụ:

- 1.1.3.1 Ngày hẹn có thể xác định là một ngày theo lịch cụ thể.
- 1.1.4.4 Có thể yêu cầu một loại ngoại tệ cụ thể bởi tổ chức tài chính
- 1.1.4.5 Có thể yêu cầu một loại tiền tệ khác là đồng nội tệ của Hợp đồng
- 1.1.6.2 Cách dùng từ “Nước sở tại” có thể không thích hợp cho công trường ở khu vực cắt qua biên giới.

Khoản 1.2 **Sự Diễn giải**

Nếu việc dùng từ “lợi nhuận” sẽ được quy định chính xác hơn, Khoản này có thể đổi khác:

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 1.2, thêm vào:

Trong các Điều kiện này, những quy định bao gồm cụm từ “chi phí cộng lợi nhuận hợp lý” yêu cầu lợi nhuận này phải là 1/20 (5%) của chi phí đó.

Khoản 1.3 **Các cách thông tin**

Điều kiện riêng phải xác định hệ thống thông tin điện tử (nếu có) và cũng phải xác định địa chỉ để Nhà thầu chuyển thông báo đến Chủ đầu tư.

Khoản 1.4 **Luật và Ngôn ngữ**

Điều kiện riêng phải xác định:

- (a) Luật quản lý Hợp đồng,
- (b) Nếu phần nào của Hợp đồng đã được viết soạn theo một thứ tiếng và sau đó dịch ra thứ tiếng chính thống, và
- (c) (Nếu thông tin liên lạc không được viết cùng thứ tiếng với Hợp đồng) ngôn ngữ để liên lạc với nhau.

Khoản 1.5 **Thứ tự ưu tiên của tài liệu**

Thông thường cần có một thứ tự ưu tiên dự phòng khi sau này phát hiện có sự mâu thuẫn trong các tài liệu hợp đồng. Nếu trình tự ưu tiên không được nêu trước, Khoản này phải được thay đổi:

VÍ DỤ: Bỏ Khoản 1.5 và thay bằng:

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng phải được lấy làm giải thích chung cho các bên với nhau. Nếu thấy có sự tối nghĩa hoặc không nhất quán, trình tự ưu tiên có thể sẽ theo luật hiện hành chi phối.

Khoản 1.6 Thỏa thuận Hợp đồng

Thỏa thuận Hợp đồng là tài liệu khiến cho Hợp đồng có hiệu lực và thường được đi trước bằng thương thảo. Do đó bản thỏa thuận Hợp đồng cần phải được soạn một cách thận trọng. Mẫu Thỏa thuận cần phải có trong tài liệu Hồ sơ dự thầu như một phụ lục của Điều kiện riêng: một mẫu làm ví dụ có thể tìm thấy ở phần cuối của ấn phẩm này.

Bản Thỏa thuận Hợp đồng cần ghi rõ tên của mỗi bên, Giá hợp đồng, các loại tiền thanh toán, số tiền cho mỗi tiền tệ và các điều kiện tiên quyết nào cần được thỏa mãn trước khi Hợp đồng có tác dụng và hiệu lực: tất cả cần được các bên nhất trí. Nếu cần đàm phán lâu dài trong nhận thầu, bản thỏa thuận Hợp đồng cũng cần ghi ngày hẹn và/hoặc ngày khởi công.

Nếu Chủ đầu tư muốn đoán trước khả năng đề xuất một thư chấp thuận, thì cần sửa đổi lại khoản bằng cách bỏ câu đầu trong đó có nói rằng Hợp đồng sẽ có đầy đủ hiệu lực và tác dụng khi hai bên ký kết bản thỏa thuận Hợp đồng. Thư dự thầu cần phải có đoạn sau:

“Trừ phi và cho đến khi một thỏa thuận chính thức được soạn và thi hành, thư dự thầu cùng với bản viết chấp thuận của Ngài sẽ hợp thành một hợp đồng ràng buộc giữa chúng ta với nhau”.

Khoản 1.10 Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu

Có thể cần các điều Khoản bổ sung nếu toàn bộ quyền sử dụng các phần riêng của phần mềm máy tính (ví dụ) được giao cho Chủ đầu tư. Các điều Khoản này cần phải tuân theo các luật hiện hành.

Khoản 1.13 Tuân thủ Luật pháp

.Nếu Chủ đầu tư sẽ thu xếp giấy phép nhập khẩu và tương tự thì điều khoản khác sẽ thích hợp.

KHOẢN MẪU CHO HỢP ĐỒNG NHÀ MÁY

Thêm vào phần cuối của Khoản 1.13:

Tuy nhiên, Nhà thầu, vào đúng thời điểm, phải nộp các chi tiết về hàng hóa cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư cần nhanh chóng có toàn bộ giấy phép hoặc chứng chỉ nhập khẩu cần thiết cho những hàng hóa này.

Chủ đầu tư cũng phải có hoặc cấp giấy phép đồng ý bao gồm giấy phép thi công, quyền đi lại và các thỏa thuận được yêu cầu cho công trình.

Khoản 1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

Đối với một Hợp đồng lớn, cần có quy định cụ thể các yêu cầu chi tiết đối với liên doanh. Ví dụ, mỗi thành viên cần có bảo lãnh của công ty mẹ: một mẫu ví dụ được đưa kèm tài liệu này, xem Phụ lục A.

Nếu Bảo lãnh thực hiện là theo mẫu bảo lãnh của ngân hàng, thì nó phải được phát hành bởi (a) hoặc ngân hàng ở nước sở tại hoặc (b) trực tiếp từ một ngân hàng nước ngoài được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu Bảo lãnh thực hiện không theo mẫu của ngân hàng, nó phải do một cơ quan tài chính có đăng ký hoặc được phép kinh doanh ở nước sở tại cấp.

Khoản 4.3 Đại diện của Nhà thầu

Nếu đã biết Đại diện tại thời điểm nộp Hồ sơ dự thầu, ứng thầu có thể đề xuất Đại diện này. Ứng thầu có thể đề xuất người khác, đặc biệt nếu việc giao hợp đồng có thể bị chậm. Nếu ngôn ngữ quy định theo luật không giống ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày (theo Khoản 1.4) hoặc nếu vì lý do nào khác cần quy định Đại diện Nhà thầu phải thông thạo một thứ tiếng cụ thể, cần bổ sung một trong số câu sau:

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 4.3, thêm vào:

Đại diện Nhà thầu và tất cả những người khác đều phải thông thạo
.....(điền tên ngôn ngữ)

VÍ DỤ: ở phần cuối của Khoản 4.3, thêm vào:

Nếu Đại diện Nhà thầu, hoặc những người này không thông thạo tiếng.....(điền tên thứ tiếng), Nhà thầu phải có phiên dịch giỏi có mặt thường xuyên trong suốt thời gian làm việc.

Khoản 4.4 Nhà thầu phụ

Nếu Chủ đầu tư muốn nhận được các thông báo theo Khoản này thì yêu cầu của họ phải được xác định trong Điều kiện riêng

VÍ DỤ: Nhà thầu sẽ gửi các thông báo được mô tả ở điểm (a) (b) và (c) của Khoản 4.4 cho các thầu phụ sau:

(liệt kê các hoạt động và/hoặc bộ phận công trình có liên quan)

Khoản 4.12 Những khó khăn không lường trước được

Nếu công trình bao gồm đào hầm hoặc, các công trình dưới mặt đất quan trọng, thông thường điều thích hợp là chuyển rủi ro các điều kiện đất không lường trước được cho Chủ đầu tư. Các Nhà thầu chịu trách nhiệm sẽ rất miễn cưỡng gánh các rủi ro của điều kiện đất xa lạ khó hoặc không thể đánh giá trước được. Điều kiện của Hợp đồng Nhà máy - Thiết kế - Xây dựng cần được sử dụng cho các trường hợp đó của công trình được Nhà thầu (hoặc nhân danh của...) thiết kế.

Khoản 4.19 Điện, nước và khí đốt

Nếu những dịch vụ này đã có sẵn để Nhà thầu sử dụng, yêu cầu Chủ đầu tư cần đưa ra các chi tiết, bao gồm địa điểm và giá cả.

Khoản 4.22 **An ninh của Công trường**

Nếu Nhà thầu cùng sử dụng công trường với các Nhà thầu khác, Khoản 4.8 và/hoặc 4.22 cần phải sửa đổi và nghĩa vụ của Chủ đầu tư cần được xác định.

Điều 5 **Thiết kế**

Khoản 5.1 **Các nghĩa vụ thiết kế chung**

Nếu Các Yêu cầu của Chủ đầu tư có thiết kế sơ bộ, để lập dự án khả thi, các ứng thầu phải được thông báo phạm vi mà thiết kế sơ bộ của Chủ đầu tư là một gợi ý hoặc yêu cầu. Nếu Khoản này xét thấy không phù hợp, các điều khoản của Điều kiện FIDIC về Hợp đồng cho Nhà máy - Thiết kế - Xây dựng có thể thích hợp.

Khoản 5.2 **Tài liệu của Nhà thầu**

“Các tài liệu của Nhà thầu” được định nghĩa là các tài liệu mà Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư, như đã nêu ở đâu đó trong hợp đồng mà thông thường có thể không bao gồm tất cả tài liệu kỹ thuật mà người của Nhà thầu sẽ cần để thi công công trình. Ví dụ đối với các yêu cầu của Chủ đầu tư cho một hợp đồng Nhà máy có thể là thích hợp khi quy định rằng tài liệu của Nhà thầu phải có các bản vẽ cho thấy Nhà máy được lắp như thế nào và yêu cầu mọi thông tin khác để:

- (a) chuẩn bị các móng thích hợp và các phương tiện chống đỡ khác,
- (b) cung cấp lối vào thích hợp trên công trường cho Nhà máy và mọi trang bị cần thiết và đến địa điểm lắp ráp Nhà máy, và/hoặc nối các phương tiện cần thiết tới Nhà máy,
- (c) thực hiện những liên kết cần thiết với máy

Có thể phải xác định cụ thể các “thời kỳ xem xét” khác nhau, có tính đến thời gian cần thiết để rà soát các loại bản vẽ khác nhau, và/hoặc khả năng nộp trình thực tế ở các giai đoạn cụ thể của quá trình thiết kế.

Điều 6 **Nhân viên và lao động**

Khoản 6.6 **Cơ sở vật chất cho nhân viên và lao động**

Nếu Chủ đầu tư sẽ làm sẵn chỗ ở, phải quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ đầu tư làm việc này.

Khoản 6.8 **Giám sát của Nhà thầu**

Nếu ngôn ngữ được quy định không giống ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày (theo Khoản 1.4) hoặc nếu vì một lý do nào đó, cần phải quy định là nhân viên giám sát của Nhà thầu phải thông thạo một thứ tiếng cụ thể, cần bổ sung các câu sau:

VÍ DỤ: Bổ sung vào phần cuối của Khoản 6.8:

Một tỷ lệ thích hợp các nhân viên giám sát của Nhà thầu phải có trình độ

(điền tên ngôn ngữ)

để làm việc hoặc Nhà thầu phải có số lượng đầy đủ các phiên dịch giỏi luôn có mặt tại công trường trong giờ làm việc.

Các Khoản bổ sung:

Có thể bổ sung một số Khoản, để tính đến tình trạng và vị trí công trường:

KHOẢN MẪU

Nhân viên và lao động nước ngoài

Nhà thầu có thể nhập vào bất kỳ người nào cần thiết cho việc thi công công trình. Nhà thầu phải đảm bảo rằng những người này được nhập vào với visa cư trú và giấy phép làm việc cần thiết. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trả lại họ về nơi mà họ đã được thuê hoặc về địa chỉ của những người mà Nhà thầu đã nhập. Trong trường hợp tử vong ở nước sở tại của bất kỳ người nào trong số đó hoặc thành viên của gia đình họ, thì, cũng tương tự, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm có những sắp xếp phù hợp để đưa họ trở về hoặc chôn cất.

KHOẢN MẪU

Nước uống có chất rượu hoặc thuốc gây nghiện

Nhà thầu sẽ không nhập khẩu, bán, cho, trao đổi hoặc bằng cách nào khác chuyển nhượng bất kỳ loại nước uống có chất rượu hoặc thuốc gây nghiện, cũng như sẽ không cho phép hoặc chấp nhận việc nhập khẩu, bán, cho, trao đổi hoặc chuyển nhượng bởi người của Nhà thầu, trừ phi điều này phù hợp với luật pháp của nước sở tại.

KHOẢN MẪU

Vũ khí và đạn dược

Nhà thầu sẽ không cho, thông qua trao đổi hàng hoặc bằng cách nào khác, chuyển nhượng cho bất kỳ ai về bất cứ vũ khí và đạn dược thuộc bất kỳ loại nào, hoặc cho phép người của Nhà thầu làm điều đó.

KHOẢN MẪU

Ngày lễ và các phong tục tôn giáo

Nhà thầu phải tôn trọng những ngày lễ được thừa nhận, ngày nghỉ và tôn giáo hoặc các phong tục khác của nước sở tại.

Điều 7

Thiết bị, vật liệu và tay nghề

Khoản bổ sung

Nếu Hợp đồng được một tổ chức cung cấp tài chính mà các nguyên tắc hoặc chính sách của tổ chức đó yêu cầu một sự hạn chế về việc sử dụng vốn của họ, cần bổ sung thêm Khoản:

KHOẢN MẪU:

Toàn bộ hàng hóa phải có xuất xứ ở nước có nguồn thích hợp như đã quy định trong(điền tên tài liệu hướng dẫn mua sắm thiết bị đã được phát hành).

Hàng hóa phải được vận chuyển bởi các phương tiện vận chuyển từ những nước có nguồn thích hợp, trừ phi được Chủ đầu tư miễn cho bằng văn bản trên cơ sở các chi phí quá khả năng hoặc sự chậm trễ. Bảo lãnh, bảo hiểm và dịch vụ ngân hàng phải do Nhà bảo hiểm và ngân hàng của các nước có nguồn thích hợp cung cấp.

Điều 8 Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng công việc

Khoản 8.7 Thiệt hại do chậm trễ

Theo nhiều hệ thống pháp luật, số tiền của những thiệt hại được định trước này phải được ước tính hợp lý tổn thất có thể xảy ra cho Chủ đầu tư trong trường hợp chậm trễ. Điều kiện riêng phải xác định số tiền hàng ngày cho công trình và mỗi hạng mục được biểu thị hoặc là một số tiền hoặc là một tỷ lệ: xem Khoản 14.15 (b).

VÍ DỤ: Trong Khoản 8.7, số tiền tham khảo ở câu thứ hai sẽ là 0,02% của Giá hợp đồng như là thiệt hại do chậm trễ đối với công trình, được trả (hàng ngày) theo các tỷ lệ đồng tiền (tiền tệ) mà Giá hợp đồng được thanh toán. Đối với mỗi hạng mục, số tiền hàng ngày đó là 0,02% của giá Hợp đồng cuối cùng của hạng mục đó, được trả (hàng ngày) theo các đồng tiền đó. Số tiền tối đa về thiệt hại do chậm trễ sẽ là 1% của Giá hợp đồng được nêu trong Thỏa thuận hợp đồng.

Khoản bổ sung:

Việc khuyến khích hoàn thành sớm có thể có trong tài liệu thầu (mặc dù Khoản 13.2 đề cập tới việc hoàn thành nhanh hơn).

KHOẢN MẪU:

Các hạng mục được yêu cầu hoàn thành vào các ngày được đưa ra trong trong yêu cầu của Chủ đầu tư để những hạng mục này có thể được Chủ đầu tư nắm giữ và sử dụng trước khi hoàn thành toàn bộ công trình. Các chi tiết của công việc được yêu cầu thực hiện để cho phép Nhà thầu được hưởng tiền thưởng và số tiền thưởng được quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Để tính tiền thưởng, phải xác định các ngày hoàn thành các hạng mục. Không cho phép điều chỉnh các ngày hoàn thành với lý do gia hạn thời gian hoàn thành.

Điều 9 Kiểm định khi hoàn thành

Khoản 9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần phải mô tả các cuộc kiểm định mà Nhà thầu tiến hành trước khi được cấp Chứng chỉ nghiệm thu. Có thể là thích hợp cho Hồ sơ dự thầu nếu có các sắp xếp chi tiết, sự phối hợp v.v...Nếu công trình được kiểm định và nghiệm thu theo các giai đoạn,

các yêu cầu kiểm định có thể phải xem xét ảnh hưởng của một số phần của công trình còn chưa hoàn thành.

Cách viết trong các phần gồm các điều kiện được áp dụng điển hình cho một Hợp đồng Nhà máy, nhưng mặt khác có thể yêu cầu sửa đổi. Cụ thể là, điểm (c) đề cập tới việc vận hành thử, trong quá trình đó bất cứ sản phẩm nào do công trình tạo ra sẽ thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Vì vậy Chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý sản phẩm đó, và được quyền giữ lại số tiền bán sản phẩm đó. Nếu Nhà thầu giữ lại sản phẩm đó, Khoản này cần phải được sửa đổi thích hợp.

Khoản 9.4 Không qua được các cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu phần khấu trừ được đề cập trong đoạn cuối, dựa trên mức độ không đạt được, được nêu trong Điều kiện riêng hoặc các yêu cầu của Chủ đầu tư, tiêu chuẩn vận hành tối thiểu có thể chấp nhận được cần được quy định cụ thể.

Điều 10 Nghiệm thu của Chủ đầu tư

Khoản 10.1 Chứng chỉ nghiệm thu

Nếu công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn, một điều không bình thường ở Hợp đồng chìa khóa trao tay, các giai đoạn này cần được xác định theo điều 1 trong Điều kiện riêng. Cần có các xác định chính xác về địa lý.

Điều 11 Trách nhiệm đối với sai sót, hư hỏng

Khoản 11.10 Các nghĩa vụ chưa hoàn thành

Có thể cần phải xem xét ảnh hưởng của Khoản này liên quan tới thời hạn trách nhiệm theo quy định của luật hiện hành.

Điều 12 Kiểm định sau khi hoàn thành

Khoản 12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành

Trong một dự án chìa khóa trao tay EPC, Nhà thầu được yêu cầu đặc biệt chứng minh tính tin cậy và hoạt động của Nhà máy trong quá trình kiểm định hoàn thành và công trình chỉ được nghiệm thu sau khi kiểm định thành công. Cá biệt, có thể cần tiến hành kiểm định hoàn thành sau khi Chủ đầu tư đã nghiệm thu và vận hành công trình sao cho việc bảo hành thực hiện được thực hiện trong các điều kiện vận hành bình thường. Ví dụ sau khi ngừng vận hành của Nhà máy.

Các yêu cầu của Chủ đầu tư cần mô tả các cuộc kiểm định mà Chủ đầu tư yêu cầu, sau khi nghiệm thu, để xác định rõ công trình có đáp ứng đầy đủ các Bảo lãnh thực hiện đã hứa trong Hồ sơ dự thầu không. Đối với một số loại công trình, thật khó có thể quy định rõ những cuộc kiểm định này, mặc dù chúng cần thiết để có một kết quả thành công. Có thể là thích hợp nếu hồ sơ dự thầu bao gồm các sắp xếp chi tiết, và/hoặc nêu rõ thiết bị được yêu cầu, ngoài những thứ đã có ở nhà máy.

Các điều khoản trong Điều kiện chung được dựa trên các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành do Nhà thầu với sự giúp đỡ của Chủ đầu tư như người quan sát, vật tiêu hao. Nếu trù liệu có sự sắp xếp khác thì chúng cần phải được quy định cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, và Khoản này cần được sửa đổi cho thích hợp. Ví dụ, các Điều khoản trong Điều kiện Hợp đồng Nhà máy và thiết kế xây dựng của FIDIC được dựa trên các cuộc kiểm định do Chủ đầu tư thực hiện và các nhân viên vận hành của họ với sự hướng dẫn của nhân viên Nhà thầu.

Khoản 12.4 **Không qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành**

Nếu sẽ áp dụng phần đầu của Khoản này, phương pháp tính thiệt hại do không đạt được (dựa trên mức độ không đạt) cần được định rõ trong Điều kiện riêng hoặc trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, và cũng phải định rõ tiêu chuẩn hoàn thiện thành tối thiểu có thể chấp nhận.

Điều 13 **Biến đổi và điều chỉnh**

Các biến đổi có thể tiến hành bằng bất kỳ 1 trong 3 cách:

- (a) Chủ đầu tư có thể chỉ dẫn biến đổi theo Khoản 13.1, mà không có thỏa thuận trước về sự khả thi hoặc giá cả;
- (b) Nhà thầu có thể đề xuất của riêng mình theo Khoản 13.2, mà sẽ có lợi cho cả hai bên, hoặc;
- (c) Chủ đầu tư có thể có một đề xuất theo Khoản 13.3, tìm kiếm sự thống nhất để giảm thiểu sự tranh chấp.

Khoản 13.5 **Các khoản tiền dự chi**

Mặc dù, nói chung, không thích hợp cho loại Hợp đồng này, có thể yêu cầu số tiền dự chi cho các phần công trình mà chúng không yêu cầu phải định giá với rủi ro của Nhà thầu. Ví dụ cần có Khoản tiền dự chi để mua hàng hóa mà Chủ đầu tư muốn lựa chọn, hoặc giải quyết sự không chắc chắn lắm về các điều kiện mặt bằng. Nhất thiết phải xác định phạm vi của từng Khoản tiền dự chi vì phạm vi được xác định sau đó sẽ không được tính vào các phần khác của khoản tiền của giá hợp đồng. Nếu định giá được Khoản tiền dự chi theo Khoản 13.5 (b), tỷ lệ phần trăm phải được tính trong Hồ sơ dự thầu.

Khoản 13.8 **Điều chỉnh đối với việc thay đổi chi phí**

Có thể yêu cầu các Khoản về điều chỉnh nếu việc Nhà thầu phải chịu rủi ro bất hợp lý của việc tăng giá do lạm phát. Cách diễn đạt các điều khoản dựa trên các chỉ số chi phí được đăng tải cho Điều kiện Hợp đồng FIDIC và Nhà máy – Thiết kế - Xây dựng là thích hợp. Cần thận trọng trong việc tính sự điều hòa giá cả/hệ số “a”, “b”, “c”,..., tổng số không được vượt quá số thống nhất), và trong việc lựa chọn và xác định cụ thể các chỉ số chi phí. Lời khuyên của chuyên gia có thể sẽ cần thiết.

Điều 14 **Giá hợp đồng và thanh toán**

Khoản 14.1 **Giá hợp đồng**

Khi viết Điều kiện riêng, cần xem xét số tiền và thời gian thanh toán cho Nhà thầu. Dòng tiền mặt chủ động rõ ràng có lợi cho Nhà thầu, các Ứng thầu phải xem xét thủ tục thanh toán tạm thời khi chuẩn bị Hồ sơ dự thầu của mình.

Thông thường, loại Hợp đồng này dựa vào giá trọn gói, không điều chỉnh giá hoặc điều chỉnh ít. Vì vậy, Nhà thầu phải chịu rủi ro khi thay đổi chi phí phát sinh từ thiết kế của họ. Giá tiền trọn gói có thể gồm hai hoặc nhiều Khoản tiền, được tính theo loại tiền tệ thanh toán (có thể, nhưng không cần, bao gồm cả đồng nội tệ).

Để đánh giá sự biến đổi, có thể yêu cầu các Ứng thầu gửi kèm bảng thông kê chi tiết về giá, bao gồm số lượng, tỷ giá đơn vị và các thông tin khác về giá. Thông tin này có thể cũng sẽ hữu ích cho việc định giá Khoản thanh toán tạm. Tuy nhiên thông tin không thể đã mang tính cạnh tranh. Khi Hồ sơ dự thầu đang được chuẩn bị, Chủ đầu tư vì vậy phải quyết định có chấp nhận trả số tiền theo bảng tính chi tiết của Ứng thầu hay không. Nếu không chấp nhận, Chủ đầu tư cần đảm bảo người đại diện của họ phải có kinh nghiệm cần thiết để đánh giá những thay đổi có thể được yêu cầu.

Có thể yêu cầu các Khoản bổ sung để bao trùm được các ngoại lệ đối với việc lựa chọn trong Khoản 14.1 và các vấn đề khác liên quan tới việc thanh toán.

Nếu không áp dụng Khoản 14.1 (b), cần bổ sung thêm các Khoản:

KHOẢN MẪU VỀ MIỄN THUẾ QUAN

Tất cả hàng hóa do Nhà thầu nhập khẩu vào nước sở tại phải được miễn thuế hải quan và các thuế nhập khẩu khác, nếu có sự cho phép bằng văn bản từ trước của Chủ đầu tư để nhập khẩu. Chủ đầu tư phải ký xác nhận các giấy tờ miễn thuế cần thiết do Nhà thầu chuẩn bị để xuất trình cho việc thông qua hàng hóa và cũng phải cung cấp các tài liệu xin miễn thuế sau:

(Mô tả tài liệu cần thiết mà Nhà thầu không thể chuẩn bị được)

Nếu không được cấp thủ tục miễn thuế, thuế hải quan phải trả và đã trả phải được Chủ đầu tư hoàn lại.

Toàn bộ hàng hóa nhập khẩu không kết hợp với hoặc không dùng hết cho công trình phải được xuất khẩu khi kết thúc hợp đồng.

Nếu không xuất khẩu, những hàng hóa này phải được đánh giá để nộp thuế như áp dụng với những hàng hóa liên quan theo luật của nước này.

Tuy nhiên không được miễn thuế đối với:

- (a) hàng hóa giống như những hàng hóa được sản xuất trong nước, trừ phi không có đủ số lượng hoặc hàng hóa có tiêu chuẩn khác cần cho công trình; và

- (b) các yếu tố thuế hoặc thuế quan vốn có trong giá hàng hóa hoặc dịch vụ được mua trong nước mà chúng được coi như đã có trong số tiền được chấp thuận theo giá Hợp đồng đã thỏa thuận.

Thuế cảng, cầu cảng và loại trừ những gì đã đề ra ở trên, các yếu tố thuế hoặc thuế quan vốn có trong giá hàng hóa hoặc dịch vụ sẽ được coi như đã bao gồm trong giá hợp đồng đã thỏa thuận.

KHOẢN MẪU VỀ MIỄN THUẾ

Nhân viên người nước ngoài không phải nộp thuế thu nhập tại nước sở tại đối với thu nhập được trả bằng ngoại tệ, hoặc đối với thuế thu nhập đánh vào tiền chi tiêu, thuê nhà và các dịch vụ tương tự do Nhà thầu chi trả trực tiếp cho nhân viên của Nhà thầu, hoặc các Khoản phụ cấp tại chỗ. Nếu nhân viên của Nhà thầu nhận được phần thu nhập ở nước sở tại bằng một ngoại tệ, họ có thể chuyển về nước (sau khi hoàn thành thời hạn công tác ở công trình) các khoản tiền còn lại của số tiền thu nhập được trả bằng ngoại tệ.

Chủ đầu tư phải xin miễn thuế đối với Khoản này. Nếu không xin được, Chủ đầu tư phải hoàn trả các Khoản thuế liên quan đã trả.

Khoản 14.2

Ứng trước

Khi soạn thảo Điều kiện riêng, cần xem xét lợi ích của việc ứng trước. Trừ phi không áp dụng Khoản này, các Khoản được miêu tả từ điểm (a) đến điểm (d) của Khoản này phải được xác định trong Điều kiện riêng và mẫu bảo lãnh có thể chấp nhận được phải có trong tài liệu thầu, kèm với Điều kiện riêng: mẫu ví dụ được đính kèm tài liệu này, là Phụ lục E.

Mẫu bảo lãnh có thể chấp nhận được phải có trong tài liệu thầu, kèm với Điều kiện riêng: mẫu ví dụ được kèm theo tài liệu này, là Phụ lục E.

Nếu Nhà thầu phải cung cấp các hạng mục thiết bị chính, cần xem xét lợi ích của việc thanh toán theo giai đoạn trong khi chế tạo. Chủ đầu tư có thể xem xét có nên có một mẫu bảo lãnh, vì lẽ những thanh toán này không liên quan tới những thứ thuộc sở hữu của mình. Nếu Nhà thầu được thanh toán theo giai đoạn trước khi xếp hàng xuống tàu, tài liệu thầu có thể gồm:

- (a) các điều khoản trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu liên quan tới thời gian ứng trước (theo Khoản này) theo các giai đoạn chế tạo; hoặc
- (b) trong lịch trình thanh toán hoặc các tài liệu khác sẽ được sử dụng để xác định giá trị Hợp đồng theo Khoản 14.3 (a), một giá cho từng giai đoạn này (Lịch trình cần liên quan tới việc Nhà thầu cung cấp bảo lãnh được xác định ở Khoản 14.5)

Khoản 14.3

Áp dụng thanh toán tạm

Điều kiện riêng phải xác định tỷ lệ phần trăm của việc giữ lại cho điểm (c) và cũng phải quy định một tỷ lệ cho số tiền trả lại.

Khoản 14.4 **Lịch trình thanh toán**

Điều kiện chung bao gồm các Điều Khoản thanh toán tạm thời cho Nhà thầu, có thể được dựa trên một lịch trình thanh toán. Nếu sử dụng các cơ sở khác để xác định giá trị tạm thời, cần bổ sung các chi tiết vào Điều kiện riêng. Nếu các thanh toán được quy định cụ thể trong lịch trình thanh toán, có thể là một trong số các mẫu sau:

- (a) số tiền (hoặc phần trăm của giá dự toán theo Hợp đồng cuối cùng) có thể được đưa vào theo từng tháng (hoặc thời gian khác) trong thời gian hoàn thành, mà có thể tỏ ra là không hợp lý, nếu tiến độ của Nhà thầu khác nhiều so với dự kiến mà dựa vào nó lịch trình thanh toán được lập; hoặc
- (b) lịch trình thanh toán có thể được dựa trên tiến độ thực tế đạt được khi thi công công trình, điều đó cần quy định cụ thể các mốc thanh toán. Có thể xảy ra bất đồng khi công việc được yêu cầu cho một mốc thanh toán gần đạt được nhưng bản cân đối chỉ có thể được hoàn thành một vài tháng sau đó.

Khoản 14.7 **Thanh toán**

Nếu áp dụng một thời hạn thanh toán khác, Khoản này có thể được sửa đổi:

VÍ DỤ: Trong điểm (b) của Khoản 14.7, xóa “56” thay bằng “42”

Nếu nước/các nước thanh toán cần được quy định, có thể nêu chi tiết trong Hồ sơ dự thầu.

Khoản 14.8 **Thanh toán chậm trễ**

Nếu tỷ suất chiết khấu tại ngân hàng trung ương ở nước có đồng tiền thanh toán không thích hợp để định giá chi phí tài chính của Nhà thầu, có thể phải quy định một tỷ giá mới. Một cách chọn lựa khác, có thể thanh toán chi phí tài chính thực, có xem xét đến việc thu xếp tài chính trong nước.

Khoản 14.9 **Thanh toán số tiền giữ lại**

Nếu một phần của số tiền bị giữ lại được trả, và được thay bằng một bảo lãnh thích hợp, có thể thêm Khoản bổ sung. Mẫu bảo lãnh chấp nhận được cần có trong Hồ sơ dự thầu, cùng với Điều kiện riêng; mẫu ví dụ được kèm theo tài liệu, là phụ lục F.

KHOẢN MẪU VỀ GIẢI PHÓNG NGOẠI LỆ

Khi số tiền giữ lại đã tớiChủ đầu tư sẽ phải thanh toán% số tiền giữ lại cho Nhà thầu nếu họ có giấy bảo lãnh, theo mẫu và được một pháp nhân cung cấp do Chủ đầu tư chấp thuận với số tiền và tiền tệ bằng số tiền thanh toán.

Nhà thầu phải đảm bảo Giấy Bảo lãnh còn hạn và có hiệu lực cho tới khi Nhà thầu đã thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các hư hỏng, như đã quy định trong phần Bảo lãnh Hợp đồng thực hiện tại Khoản 4.2, và được hoàn trả cho Nhà thầu một cách thích hợp. Việc trả khoản tiền giữ lại này được thay cho việc trả nửa số tiền còn lại của số tiền giữ lại theo đoạn hai của Khoản 14.9.

Khoản 14.15**Tiền tệ thanh toán**

Nếu toàn bộ số tiền được thanh toán phải là đồng nội tệ thì phải nêu tên trong thỏa thuận Hợp đồng, và chỉ áp dụng câu đầu tiên của Khoản này. Một cách lựa chọn khác, Khoản này có thể được thay thế:

KHOẢN MẪU VỀ HỢP ĐỒNG THANH TOÁN BẰNG MỘT LOẠI TIỀN

Đồng tiền thanh toán phải là đồng nội tệ và toàn bộ số tiền thanh toán theo Hợp đồng phải là đồng nội tệ. Khoản tiền thanh toán bằng đồng nội tệ phải được tự do chuyển đổi, loại trừ những số tiền thanh toán chi phí trong nước. Phần trăm tính cho chi phí trong nước được quy định trong Hồ sơ dự thầu.

Thu xếp tài chính

Đối với Hợp đồng lớn ở một số thị trường, có thể cần có đảm bảo về tài chính từ các pháp nhân như: cơ quan viện trợ, ngân hàng phát triển, cơ quan tín dụng xuất khẩu hoặc các tổ chức tài chính quốc tế khác. Nếu đầu tư tài chính là từ những nguồn này, Điều kiện riêng có thể cần phối hợp với các yêu cầu đặc biệt của chúng. Việc dùng từ chính xác phụ thuộc vào tổ chức liên quan, vì vậy cần tham khảo để đảm bảo yêu cầu của họ, và sự phê duyệt dự thảo Hồ sơ dự thầu.

Các yêu cầu đó có thể bao gồm các thủ tục dự thầu cần được sử dụng để khiến cho hợp đồng cuối cùng thích hợp cho việc cung cấp tài chính, và/hoặc các Khoản riêng có thể cần để đưa vào Điều kiện riêng. Các ví dụ sau chỉ rõ một số vấn đề mà các yêu cầu của tổ chức tài chính có thể đề cập tới:

- (a) sự ngăn cấm do sự phân biệt đối xử với một số công tu vận tải của một nước nào đó;
- (b) bảo đảm Hợp đồng tùy thuộc vào luật trung lập được chấp nhận rộng rãi;
- (c) điều khoản để phân xử theo các luật quốc tế công nhận và ở một địa điểm trung lập;
- (d) cho Nhà thầu có điều kiện để ngừng/kết thúc trong trường hợp có sai sót trong các việc sắp xếp tài chính;
- (e) hạn chế quyền để loại bỏ;
- (f) xác định các thanh toán còn nợ trong trường hợp kết thúc;
- (g) xác định Hợp đồng không trở thành có hiệu lực cho đến khi một số điều kiện trước đây được thỏa mãn, bao gồm các điều kiện ứng trước cho thu xếp tài chính; và
- (h) Bắt buộc Chủ đầu tư thanh toán bằng tài sản của họ nếu, vì nguyên nhân nào đó, vốn do thu xếp tài chính không đủ để thanh toán nợ Nhà thầu, dù cho đó là sai sót sắp xếp tài chính hoặc điều khác.

Thêm vào đó, tổ chức tài chính hoặc ngân hàng có thể muốn Hợp đồng phải có các tham chiếu cho phần thu xếp tài chính, đặc biệt nếu Khoản tiền được thu xếp từ nhiều nguồn cho các nội dung công việc khác nhau. Sẽ là bình thường đối với Điều kiện riêng bao gồm các Khoản đặc

biệt xác định các hạng, loại thiết bị khác nhau và quy định cụ thể các tài liệu sẽ được trình lên tổ chức cung cấp tài chính liên quan để được thanh toán. Nếu các yêu cầu của tổ chức tài chính không được đáp ứng, có thể gặp khó khăn (hoặc thậm chí không thể) đảm bảo việc cấp tài chính phù hợp cho dự án, và/hoặc tổ chức tài chính có thể khước từ cung cấp tài chính cho một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng.

Tuy nhiên, ở những nơi mà việc cấp tài chính không bị ràng buộc đối với xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ một nước nào đó nhưng được cung cấp đơn giản bởi các ngân hàng thương mại cho Chủ đầu tư vay, những ngân hàng này có thể quan tâm đến việc đảm bảo rất hạn chế quyền của Nhà thầu. Những ngân hàng này có thể muốn Hợp đồng loại bỏ các tham chiếu đối với việc thu xếp tài chính và/hoặc hạn chế quyền của Nhà thầu theo Điều 16.

DẠNG KHOẢN MÀ MỘT TỔ CHỨC CUNG CẤP TÀI CHÍNH CÓ THỂ YÊU CẦU:

Giá hợp đồng được xây dựng như sau:

Phân tích thành các hạng mục và/hoặc cung cấp/ giao/ và sẽ được thanh toán bởi Chủ đầu tư cho Nhà thầu như sau:

(a)% của Giá hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu trong vòng 24 ngày khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau:

- (i) Hóa đơn thương mại cho Chủ đầu tư xác định giá thanh toán hiện nay để trả,
- (ii) Bảo lãnh tiền ứng trước được Ngân hàng cấp dưới dạng phụ lục,
- (ii) Bảo lãnh thực hiện được Ngân hàng cấp dưới dạng phụ lục, và
- (iii) Chứng chỉ thanh toán tạm xác nhận tiền phải thanh toán và xác định số tiền,

(b)% của Giá hợp đồng để cung cấp thiết bị được thanh toán như sau:

(i)% của giá hợp đồng dự toán về thiết bị được cung cấp, bằng cách thanh toán trực tiếp từ Chủ đầu tư cho Nhà thầu về mỗi hạng mục được chờ đến, theo các tài liệu sau:

Hóa đơn thương mại (gốc),

Tài liệu chuyên chở (gốc),

Chứng nhận về xuất xứ (gốc),

Chứng nhận về bảo hiểm (gốc),

Chứng nhận thanh toán tạm (gốc) xác nhận khoản tiền thanh toán cần thiết và xác định số tiền,

(ii)% của Giá hợp đồng dự toán của thiết bị được cung cấp, được thanh toán theo thỏa thuận vay cho Nhà thầu về mỗi hạng mục được chờ đến, với Chứng chỉ chất lượng theo mẫu kèm theo và các bản sao của các tài liệu được liệt kê ở điểm (b) (i) ở trên.

- (c) Sự cân bằng giá Hợp đồng được trả như sau:
- (i)% của giá trị Hợp đồng dự toán của các dịch vụ cung cấp, do Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu về việc thực hiện dịch vụ liên quan với các tài liệu sau:
- Hóa đơn thương mại (gốc),
- Chứng chỉ thanh toán tạm thời (gốc) xác nhận việc thanh toán phải trả và xác định số tiền.
- (ii)% của giá trị Hợp đồng dự toán của các dịch vụ cung cấp, được thanh toán từ thỏa thuận vay cho Nhà thầu với Chứng chỉ chất lượng theo mẫu kèm theo và các bản sao các tài liệu được liệt kê ở điểm (c) (i) ở trên.
- (d) Các thanh toán trực tiếp của Chủ đầu tư được xác định trong điểm (b) sẽ được thực hiện bởi một thư tín dụng không thể đòi được do Chủ đầu tư lập chuyển cho Nhà thầu và được một Ngân hàng thích hợp cho Nhà thầu xác nhận.

Các thu xếp nói trên (liên quan đến tổ chức cung cấp tài chính Chủ đầu tư và Nhà thầu) có thể được Chủ đầu tư, hoặc Nhà thầu khởi xướng trước khi nộp Hồ sơ dự thầu. Ở góc độ khác, Nhà thầu có thể được chuẩn bị để bắt đầu việc thu xếp tài chính và duy trì trách nhiệm đối với chúng, mặc dù Nhà thầu có thể không có khả năng hoặc không sẵn sàng cung cấp tài chính từ chính nguồn của mình. Các yêu cầu của ngân hàng cung cấp tài chính của Nhà thầu sẽ có những tác động đến thái độ của họ trong thương thảo Hợp đồng. Họ có thể yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán tạm thời, mặc dù tỷ lệ lớn giá Hợp đồng có thể được giữ lại cho tới khi công trình được hoàn thành.

Có thể là thích hợp cho Chủ đầu tư, khi chuẩn bị tài liệu thầu, dự tính yêu cầu tiếp theo bằng việc đảm bảo cung cấp một bảo lãnh cho nội dung thanh toán mà Nhà thầu sẽ nhận khi hoàn thành công trình. (Các) mẫu bảo lãnh chấp nhận được phải có trong Hồ sơ dự thầu, kèm với Điều kiện riêng: một mẫu ví dụ được đưa ra kèm tài liệu này, Phụ lục G. Có thể bổ sung Khoản sau:

CÁC QUY ĐỊNH MẪU CHO TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Chủ đầu tư phải xin (bằng chi phí của mình) một giấy bảo lãnh thanh toán số tiền và những loại tiền tệ và do một pháp nhân cấp, như đã nêu trong Chủ đầu tư phải chuyển bảo lãnh cho Nhà thầu trong vòng 28 ngày sau khi hai bên ký Thỏa thuận Hợp đồng. Giấy bảo lãnh phải theo mẫu đính kèm Điều kiện riêng này hoặc theo mẫu khác được Nhà thầu chấp thuận. Trừ phi và cho tới khi Nhà thầu nhận được giấy bảo lãnh, Chủ đầu tư không được thông báo theo Khoản 8.1.

Bảo lãnh phải được trả lại cho Chủ đầu tư tại thời điểm sớm nhất của những thời điểm sau:

- (a) khi Nhà thầu đã được thanh toán Giá hợp đồng được quy định trong thỏa thuận Hợp đồng,

- (b) khi nghỉ vụ theo bảo lãnh hết hạn hoặc đã được hoàn thành; hoặc
- (c) khi Chủ đầu tư đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 15 **Chấm dứt bởi Chủ đầu tư**

Khoản 15.2 **Chấm dứt bởi Chủ đầu tư**

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư cần phải kiểm tra rõ ràng cách dùng từ của Khoản này, và mỗi lý do chấm dứt dự kiến là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng.

Khoản 15.5 **Quyền chấm dứt của Chủ đầu tư**

Trừ phi không phù hợp với các yêu cầu của Chủ đầu tư và/hoặc các tổ chức tài chính, cần bổ sung thêm một câu:

VÍ DỤ: thêm vào phần cuối của Khoản 15.5

Chủ đầu tư cũng phải trả cho Nhà thầu số tiền do bất cứ sự mất mát hoặc thiệt hại nào do sự chấm dứt gây ra.

Điều 16 **Tạm ngừng và chấm dứt bởi Nhà thầu**

Khoản 16.2 **Chấm dứt bởi Nhà thầu**

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư cần phải kiểm tra kỹ cách dùng từ ngữ của Khoản này là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng. Nhà thầu cần phải kiểm tra kỹ mỗi lý do chấm dứt dự kiến là phù hợp với luật này.

Điều 17 **Rủi ro và trách nhiệm**

Khoản 17.6 **Giới hạn trách nhiệm**

VÍ DỤ: Trong Khoản 17.6, số tiền được đề cập trong câu gán cuối phải là:

Khoản bổ sung: Sử dụng chỗ ở/ phương tiện của Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu sử dụng tạm thời phương tiện của Chủ đầu tư, cần bổ sung một Khoản:

KHOẢN MẪU:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cẩn trọng đối với các hạng mục được nêu chi tiết ở dưới, từ thời hạn sử dụng hoặc chiếm giữ của Nhà thầu, cho tới thời hạn chuyển giao hoặc trả lại (ở nơi nào mà việc chuyển giao hoặc trả lại được tiến hành sau thời hạn được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình):

(điền chi tiết)

Nếu có mất mát hoặc hư hỏng xảy ra đối với các hạng mục trên trong thời gian Nhà thầu phải chịu trách nhiệm, xuất phát từ bất cứ lý do nào ngoài những lý do mà Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm, Nhà thầu phải, bằng chi phí của mình, sửa chữa hư hỏng và mất mát đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 18 **Bảo hiểm**

Việc dùng từ trong Điều kiện chung thể hiện việc bảo hiểm sẽ được thu xếp do “Bên Bảo hiểm” đó là Nhà thầu trừ phi có quy định khác trong Điều kiện riêng. Do đó, bảo hiểm được Nhà thầu cung cấp phải phù hợp theo các khoản chung đã thỏa thuận với Chủ đầu tư. Chi dẫn cho những Ứng thầu, vì vậy, có thể yêu cầu những Ứng thầu cung cấp chi tiết các khoản dự kiến. Điều kiện riêng phải xác định số tiền tối thiểu về được khấu trừ theo điểm (d) của Khoản 18.2 và số tiền tối thiểu của bảo hiểm của bên thứ ba theo Khoản 18.3.

Nếu Chủ đầu tư thu xếp một bảo hiểm nào đó theo Điều này, tài liệu thầu cần phải có các chi tiết như là phụ lục của Điều kiện riêng (để Ứng thầu có thể ước tính các bảo hiểm khác họ muốn có để bảo đảm cho bản thân họ), bao gồm các điều kiện, giới hạn, sự loại trừ và miễn giảm; theo mẫu của một bản sao của mỗi loại bảo hiểm. Chủ đầu tư có thể thấy khó ký những bảo hiểm đã mô tả trong đoạn 3 của Khoản 18.2 (đối với thiết bị của Nhà thầu, bao gồm thiết bị của Thầu phụ) vì Chủ đầu tư không biết số tiền hoặc trị giá những hạng mục thiết bị này. Cần có câu sau đây trong Điều kiện riêng:

VÍ DỤ: Xóa đoạn cuối của Khoản 18.2 và thay bằng:

Tuy nhiên, những bảo hiểm được nêu trong hai đoạn đầu của Khoản 18.2 phải do Chủ đầu tư ký và duy trì như là Bên Bảo hiểm, và không phải do Nhà thầu.

Điều 19 **Bất khả kháng**

Trước khi mời thầu, Chủ đầu tư phải xác minh rằng từ ngữ của điều này là phù hợp với luật điều chỉnh Hợp đồng.

Điều 20 **Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài**

Khoản 20.2 **Chỉ định Ban xử lý tranh chấp**

Hợp đồng phải gồm các quy định theo điều 20, trong khi khuyến khích các bên đạt được sự thỏa thuận về tranh chấp trong lúc công trình vẫn tiếp tục, cho phép họ đưa các vấn đề tranh chấp lên một Ban xử lý tranh chấp công bằng (“BXLTC”).

Thành công của việc xử lý phụ thuộc vào, trong số các yếu tố khác, niềm tin của các bên đối với các cá nhân đã được thỏa thuận sẽ nằm trong Ban xử lý tranh chấp. Vì vậy, nhất thiết là các ứng cử viên vào vị trí này không bị áp đặt do một trong hai bên, và nếu cá nhân được chọn theo Khoản 20.3, việc lựa chọn phải do một cơ quan hoàn toàn vô tư thực hiện. FIDIC sẽ thực hiện vai trò này, nếu cơ quan này được ủy thác đúng với cách viết được gợi ý ở dưới theo Khoản 20.3.

Khoản 20.2 đưa ra việc bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp sau khi một bên thông báo dự định của mình sẽ đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp. Tuy nhiên, đối với một số loại dự án nhất định, đặc biệt là những dự án liên quan đến công việc lớn trên công trường, nơi mà sẽ thích hợp nếu Ban xử lý tranh chấp đến thăm công trường thường xuyên, có thể quyết định duy trì hoạt động của một Ban xử lý tranh chấp thường xuyên. Trong trường hợp này, Khoản 20.2 và 20.4 cùng với Phụ lục và Phụ thêm vào Điều kiện chung, và Thỏa thuận xử lý tranh chấp, phải được sửa đổi để tuân thủ với các viết phù hợp trong Điều kiện Hợp đồng Xây dựng FIDIC.

Khoản 20.2 cung cấp 2 cách sắp xếp khác nhau cho Ban xử lý tranh chấp (BXLTC):

- (a) một người, với tư cách là thành viên duy nhất của BXLTC, đã ký thỏa thuận tay ba với cả hai bên; hoặc
- (b) một Ban xử lý tranh chấp gồm 3 người, mỗi người đã ký thỏa thuận tay ba với hai bên.

Mẫu của thỏa thuận tay ba này có thể là một trong hai cách đã trình bày ở phần cuối của ấn phẩm này, thích hợp cho việc sắp xếp được áp dụng. Cả hai mẫu này kết hợp (để tham khảo) Điều kiện chung của Thỏa thuận xử lý tranh chấp, là Phụ lục của Điều kiện chung bởi vì chúng cũng được đề cập tới trong Khoản 20.2. Theo mẫu nào trong hai mẫu Thỏa thuận xử lý tranh chấp này, mỗi cá nhân được tham khảo như một thành viên.

Trước khi ký kết Hợp đồng, cần xem xét liệu Ban xử lý tranh chấp 1 người hay 3 người sẽ thích hợp hơn cho một dự án cụ thể, có tính đến quy mô, thời gian và các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

Việc bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp có thể được thuận lợi bằng cách có một danh sách các thành viên tiềm năng đã được chấp thuận trong Hợp đồng.

Khoản 20.3 Không thỏa thuận được Ban xử lý tranh chấp

VÍ DỤ: Thẻ nhân hoặc viên chức chỉ định sẽ là Chủ tịch FIDIC hoặc một người được Chủ tịch cử.

Khoản 20.5 Hòa giải

Những quy định của Khoản này là để khuyến khích các bên giải quyết một tranh chấp một cách hữu hảo, không cần trọng tài: ví dụ, bằng thương lượng trực tiếp, hòa giải, dàn xếp, hoặc các dạng giải quyết tranh chấp lựa chọn khác. Thủ tục hòa giải, để thành công, thường phụ thuộc vào niềm tin và sự chấp thuận thủ tục của cả hai bên. Vì vậy, không bên nào được tìm cách nắm bắt bên kia chấp nhận thủ tục.

Khoản 20.6 Trọng tài

Hợp đồng nên gồm các điều khoản cho giải quyết bằng trọng tài quốc tế đối với bất cứ tranh chấp nào mà nó không giải quyết được bằng hòa giải. Trong các Hợp đồng xây dựng quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế có nhiều lợi thế về vụ kiện ở tòa án quốc gia, và có thể dễ được các bên chấp thuận hơn.

Cần xem xét cẩn thận để đảm bảo rằng những quy định trọng tài quốc tế được chọn là tương hợp với các quy định của Khoản 20 và với các nội dung khác được làm rõ trong Hợp đồng. Các quy định trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế (“ICC” được đóng ở 38 Cours Albert

1^{er}, 75008 Paris, Pháp) thường có trong các Hợp đồng quốc tế. Trong sự thiếu vắng các quy định cụ thể về số lượng trọng tài và nơi trọng tài phân xử, Tòa án trọng tài quốc tế của ICC sẽ quyết định số lượng trọng tài (thường là 3 trong tranh chấp xây dựng lớn) và nơi trọng tài phân xử.

Nếu các quy định trọng tài UNCITRAL (hoặc các đơn vị trọng tài khác không phải là ICC) được lựa chọn, cần chỉ định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, một tổ chức chỉ định trọng tài hoặc quản lý việc trọng tài, trừ phi tổ chức này được nêu tên (và vai trò cụ thể của họ) trong Các quy định trọng tài. Có thể cũng cần đảm bảo, trước khi chỉ định một tổ chức trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, là có chuẩn bị bổ nhiệm hoặc quản lý.

Đối với các dự án lớn được đấu thầu quốc tế, thông thường nơi phân xử phải là ở một nước khác với nước của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu. Nước này cần phải có luật trọng tài hiện đại và không thành kiến và đã phê chuẩn một công ước song phương hoặc đa phương (như Công ước Niu Oóc 1958 về thừa nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài) hoặc cả hai, mà sẽ tạo điều kiện thi hành một quyết định trọng tài ở các nước của các bên.

Có thể xem là mong muốn trong một số trường hợp cho các Bên khác tham gia vào phân xử trọng tài giữa các Bên, tạo ra một trọng tài đa Bên. Trong khi điều này có thể là khả thi, các điều khoản về trọng tài đa Bên yêu cầu soạn thảo kỹ, và thường cần được soạn thảo trên cơ sở từng trường hợp. Chưa có mẫu tiêu chuẩn về điều khoản trọng tài đa Bên cho sử dụng quốc tế nào được ban hành.

Các Phụ lục

CÁC MẪU BẢO LÃNH

(Các) mẫu bảo lãnh có thể chấp nhận được cần phải có trong tài liệu thầu: đối với Phụ lục A và/hoặc B, trong phần chỉ dẫn cho các Ứng thầu; và đối với các Phụ lục C đến G, được kèm theo Điều kiện riêng. Các mẫu sau đây, (loại trừ Phụ lục A) kết hợp với Các quy tắc thống nhất do Phòng thương mại quốc tế xuất bản (“ICC”, được đóng ở 38 Cours Albert 1^{er}, 75008 Paris, Pháp), có thể phải được điều chỉnh cho đúng với luật hiện hành. Mặc dù ICC xuất bản các hướng dẫn Các quy tắc thống nhất này, cần có sự cố vấn về pháp lý trước khi soạn thảo các bảo lãnh. Chú ý rằng số tiền được bảo lãnh phải được tính bằng tất cả các loại tiền tệ, như đã quy định trong Hợp đồng, theo đó người bảo lãnh trả cho người thụ hưởng.

Phụ lục A

MẪU BẢO LÃNH CỦA CÔNG TY MẸ

{Xem trang , và các ý kiến tại Khoản 1.14}

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của Chủ đầu tư.....

.....(Cùng với những người kế thừa và thừa hưởng)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Nhà thầu”) đang đệ trình một bản chào cho Hợp đồng này theo thư mời thầu của các ông, và các điều kiện trong thư mời thầu của các ông yêu cầu bản chào của Nhà thầu phải được hỗ trợ bằng một bảo lãnh của công ty mẹ.

Đề các ông, với tư cách là Chủ đầu tư, xem xét, giao Hợp đồng cho Nhà thầu, chúng tôi (tên của công ty mẹ).....bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện với các ông, như một nghĩa vụ đầu tiên, việc thực hiện đúng tất cả các trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng, gồm việc Nhà thầu tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện theo ý nghĩa và ý định của chúng.

Nếu Nhà thầu không thực hiện như vậy các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình và không tuân thủ Hợp đồng, chúng tôi sẽ bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ mất mát, thiệt hại và các chi phí (gồm chi phí và phí pháp lý) phát sinh từ việc không thực hiện này mà Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Bảo lãnh này sẽ chính thức có hiệu lực và tác dụng khi Hợp đồng chính thức có hiệu lực và tác dụng. Nếu Hợp đồng chưa chính thức có hiệu lực và tác dụng trong vòng một năm kể từ ngày có giấy bảo lãnh này, hoặc nếu các ông tỏ thái độ rằng các ông không định ký kết Hợp đồng với Nhà thầu, bảo lãnh này sẽ bị hủy bỏ và vô hiệu. Bảo lãnh này sẽ tiếp tục có hiệu lực và tác dụng cho đến khi Nhà thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng, khi bảo lãnh này sẽ hết hạn và sẽ được trả lại cho chúng tôi, và theo đó nghĩa vụ của chúng tôi sẽ được hoàn thành đầy đủ.

Bảo lãnh này sẽ áp dụng và bổ sung cho Hợp đồng khi được Chủ đầu tư và Nhà thầu sửa đổi hoặc thay đổi theo từng đợt. Chúng tôi sau đây cho phép họ thỏa thuận bất kỳ sửa đổi hoặc thay đổi nào, việc thực hiện đúng những cái và tuân thủ những cái mà Nhà thầu cũng được bảo lãnh dưới đây. Nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng tôi trước bảo lãnh đó sẽ không được hoàn thành do một sự cho phép về thời gian hoặc bất kể đặc ân nào khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu, hoặc do sự biến đổi hoặc tạm dừng công trình được thực hiện theo Hợp đồng, hoặc do bất cứ sửa đổi của Hợp đồng hoặc của tổ chức Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư, hoặc do bất cứ vấn đề nào khác, bất kể là chúng tôi có biết và đồng ý hoặc không biết và không đồng ý.

Bảo lãnh này sẽ do luật của cùng một quốc gia điều chỉnh (hoặc cơ quan quyền lực khác) như luật điều chỉnh Hợp đồng và bất cứ tranh chấp nào theo bảo lãnh này sẽ được giải quyết cuối cùng theo Các quy định trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế do một hoặc nhiều trọng tài được chỉ định theo các quy định này. Chúng tôi khẳng định rằng lợi ích của bảo lãnh này có thể chuyển nhượng chỉ phụ thuộc vào các quy định này. Chúng tôi khẳng định rằng lợi ích của bảo lãnh này có thể được chuyển nhượng chỉ phụ thuộc vào các quy định về chuyển nhượng của Hợp đồng.

Ngày.....(Các) Chữ ký.....

Phụ lục B

MẪU BẢO LÃNH THẦU

[Xem trang]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....

.....(người mà tài liệu thầu xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) đang đệ trình một bản chào cho Hợp đồng này theo thư mời thầu của các ông, và các điều kiện trong thư mời thầu của các ông (“các điều kiện của thư mời thầu”, được đề ra trong tài liệu có tên Các hướng dẫn cho các Nhà dự thầu) yêu cầu bản chào của người có trách nhiệm này phải được hỗ trợ bằng một bảo lãnh thầu.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng cộng lại không quá số tiền.....(bằng chữ:.....) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản của ông và bản viết trình bày của ông (theo yêu cầu) nêu rõ rằng:

- (a) Người chịu trách nhiệm đã, không được sự đồng ý của các ông, rút lại bản chào của mình sau thời hạn cuối cùng được quy định cho đệ trình và trước khi hết hạn thời hạn hiệu lực của chúng, hoặc
- (b) Người chịu trách nhiệm đã từ chối chấp nhận việc sửa chữa các sai sót trong bản chào của mình theo các điều kiện của thư mời thầu, hoặc
- (c) Ông đã trao (đã tham gia vào) Hợp đồng cho người có trách nhiệm và anh ta không giao bảo lãnh thực hiện theo khoản 4.2 của các Điều kiện của Hợp đồng.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào phải có chữ ký của ông mà chữ ký đó phải được các ngân hàng của ông hoặc phòng công chứng chứng thực. Nhu cầu và biên bản được chứng thực này vào hoặc trước (*thời hạn 35 ngày sau khi hết hạn hiệu lực của Thư dự thầu*)....., khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả lại cho chúng tôi.

Bảo lãnh này theo Các quy tắc thống nhất về Bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ trường hợp đã quy định ở trên.

Ngày.....(Các) Chữ ký.....

Phụ lục C

MẪU BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG – BẢO LÃNH THEO NHU CẦU

[Xem ý kiến tại Khoản 4.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....người mà Hợp đồng xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này, yêu cầu họ có bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng số không quá (“Số tiền được bảo lãnh bằng chữ:.....”) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản của ông và bản viết trình bày của ông (theo yêu cầu) nói rằng:

- (a) Người chịu trách nhiệm vi phạm trách nhiệm của mình theo Hợp đồng, và
- (b) nội dung mà người chịu trách nhiệm vi phạm

[Theo bản sao có công chứng biên bản nghiệm thu toàn bộ công trình mà chúng tôi nhận được theo điều 10 của các Điều kiện Hợp đồng, số tiền được bảo lãnh này sẽ được giảm.....% và chúng tôi sẽ thông báo ngay cho ông rằng chúng tôi đã nhận được chứng nhận này và đã giảm số tiền bảo lãnh thích hợp]⁽¹⁾

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào cũng phải có chữ ký của [bộ trưởng/giám đốc] của các ông mà chữ ký đó phải được các ngân hàng của các ông hoặc phòng công chứng chứng thực. Nhu cầu và biên bản đã được chứng thực này phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 70 ngày sau hạn dự kiến thời hạn xác định các hư hỏng của công trình*).....(ngày hết hạn), khi bảo lãnh này hết hạn và sẽ được trả cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu chứng nhận thực hiện theo Hợp đồng còn chưa được cấp vào thời hạn 28 ngày trước ngày hết hạn này. Chúng tôi cam kết thanh toán cho các ông số tiền được bảo lãnh khi chúng tôi nhận được, trong vòng 28 ngày, yêu cầu bằng văn bản của các ông và bản trình bày viết rằng chứng chỉ thực hiện không được cấp, vì những lý do được quy cho người chịu trách nhiệm, và bảo lãnh này còn chưa được gia hạn.

Bảo lãnh này sẽ do các luật của.....điều chỉnh và phải theo các quy định về bảo lãnh theo nhu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, loại trừ đã quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký.....

⁽¹⁾ *Khi soạn thảo Hồ sơ dự thầu, người soạn thảo cần xác định xem liệu có đưa đoạn văn ở trong ngoặc [] vào không.*

Phụ lục D

MẪU BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG – GIẤY BẢO ĐẢM

[Xem ý kiến tại khoản 4.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....

.....(cùng với những người kế thừa và thụ hưởng, tất cả như đã được xác định trong hợp đồng là Chủ đầu tư)

Bằng Giấy bảo lãnh này, (*tên và địa chỉ của Nhà thầu*).....(người là Nhà thầu theo Hợp đồng này) là người chịu trách nhiệm và (*tên và địa chỉ của người bảo lãnh*) là người bảo lãnh được duy trì không thể hủy ngang và ràng buộc chặt với người thụ hưởng bằng tổng số tiền..... (“Số tiền theo giấy bảo lãnh” bằng chữ:.....) cho việc thực hiện đúng toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm này của người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng. [Số tiền theo giấy bảo lãnh này sẽ được chiết khấu.....% khi phát hành Chứng nhận bàn giao toàn bộ công trình theo Điều 10 của các Điều kiện của Hợp đồng]⁽¹⁾

Giấy bảo lãnh này sẽ có hiệu lực từ ngày khởi công như đã quy định trong Hợp đồng.

Đối với sự không đáp ứng của người chịu trách nhiệm trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ Hợp đồng nào, hoặc do xảy ra bất cứ sự việc hoặc trường hợp nào đã được liệt kê tại Khoản 15.2 của các Điều kiện của Hợp đồng, người bảo lãnh sẽ phải làm thỏa mãn và trả tiền cho những thiệt hại mà người thụ hưởng phải chịu do sự không đáp ứng, sự việc hoặc trường hợp đó,⁽²⁾. Tuy nhiên, toàn bộ trách nhiệm của người bảo lãnh phải không được quá số tiền theo Giấy bảo lãnh.

Nghĩa vụ và trách nhiệm của người bảo lãnh sẽ không hoàn thành do bất kể sự cho phép về thời gian hoặc bất cứ đặc ân nào khác mà người thụ hưởng dành cho người chịu trách nhiệm, hoặc do bất kể sự biến đổi hoặc tạm dừng công trình được thực hiện theo Hợp đồng, hoặc do sự sửa đổi Hợp đồng hoặc quy ước của người chịu trách nhiệm hoặc người thụ hưởng, hoặc do bất cứ vấn đề nào khác, bất kể có hoặc không có sự biết rõ hoặc đồng ý của người bảo lãnh.

Bất cứ khiếu nại nào thuộc Giấy bảo lãnh này phải được người bảo lãnh nhận vào hoặc trước (*thời hạn sáu tháng sau hạn dự kiến thời hạn thông báo hư hỏng của công trình*) (“Ngày hết hạn”), khi giấy bảo lãnh này sẽ hết hạn và sẽ được trả lại cho người bảo lãnh.

Lợi ích của Giấy bảo lãnh này có thể được chuyển nhượng theo các quy định về chuyển nhượng Hợp đồng và phụ thuộc vào việc người bảo lãnh nhận được các bằng chứng về việc tuân thủ toàn bộ các quy định này.

Giấy bảo lãnh này phải được điều chỉnh bởi luật của cùng một nước (hoặc cơ quan quyền lực khác) như luật điều chỉnh Hợp đồng này. Giấy bảo lãnh này kết hợp và sẽ phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về Giấy bảo lãnh Hợp đồng, do Phòng Thương mại quốc tế phát hành số 524, và các từ ngữ được sử dụng trong Giấy bảo lãnh này phải chứa đựng các ý nghĩa được nêu trong các quy tắc này.

Do vậy, Giấy bảo lãnh này được ban hành bởi Người chịu trách nhiệm và Người bảo lãnh phát hành vào (ngày tháng năm).....

Chữ ký đại diện hoặc thay mặt người chịu trách nhiệm.....

Chữ ký đại diện hoặc thay mặt người bảo lãnh.....

(1) Khi soạn thảo Hồ sơ dự thầu, người biên soạn phải xác định liệu có đưa vào đoạn văn lựa chọn đã trình bày trong dấu ngoặc đơn [] hay không

(2) Bổ sung: [và không được quyền thực hiện các nghĩa vụ của người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng]

hoặc: [hoặc theo lựa chọn của Người bảo lãnh (sẽ được thực hiện bằng văn bản trong vòng 42 ngày nhận được khiếu nại nêu rõ sự không đáp ứng) thực hiện các nghĩa vụ của Người chịu trách nhiệm theo Hợp đồng]

Phụ lục E

MẪU BẢO LÃNH CHO ỨNG TRƯỚC

[Xem ý kiến tại khoản 14.2]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....

.....(người mà Hợp đồng quy định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi đã được thông báo rằng.....(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này và muốn nhận được một khoản ứng trước, mà Hợp đồng yêu cầu họ phải có giấy bảo lãnh.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng số tiền không quá(“Số tiền bảo lãnh bằng chữ:.....”) trên cơ sở việc chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và bản trình bày viết nêu rằng:

- (a) việc người chịu trách nhiệm không thanh toán lại số tiền thanh toán trước theo các điều kiện của Hợp đồng, và
- (b) số tiền mà người chịu trách nhiệm không thanh toán lại.

Bảo lãnh này sẽ có hiệu lực khi người chịu trách nhiệm nhận được [lần đầu tiên] số tiền ứng trước. Số tiền bảo lãnh này sẽ được chiết khấu theo số tiền thanh toán trước được thanh toán cho các ông, như đã có bằng chứng bởi các thông báo của các ông được ban hành theo Khoản 14.6 của các Điều kiện của Hợp đồng. Khi nhận được (từ người chịu trách nhiệm) một bản sao của từng thông báo giải thích, chúng tôi sẽ thông báo ngay cho ông số tiền bảo lãnh đã được điều chỉnh thích hợp.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào đều phải có (các) chữ ký của ông mà phải được các ngân hàng của ông hoặc Phòng Công chứng chứng thực. Yêu cầu đã được chứng thực và biên bản phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*Thời hạn 70 ngày sau khi hết hạn theo dự kiến của thời hạn hoàn thành*).....(“Thời hạn hết hạn”), khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả lại cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu khoản tiền ứng trước không được thanh toán vào thời hạn 28 ngày trước ngày hết hạn này. Chúng tôi cam kết trả cho ông số tiền bảo lãnh này khi chúng tôi nhận được, trong vòng 28 ngày, yêu cầu bằng văn bản của ông và biên bản rằng số tiền ứng trước đã chưa được thanh toán lại và bảo lãnh này còn chưa được gia hạn.

Bảo lãnh này sẽ do các luật của.....điều chỉnh và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế phát hành số 458, trừ các quy định ở trên.

Thời gian.....(Các) chữ ký.....

Phụ lục F

MẪU GIẤY BẢO LÃNH TIỀN GIỮ LẠI

[Xem ý kiến tại khoản 14.9]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....

.....(người mà Hợp đồng xác định là Chủ đầu tư)

Chúng tôi được thông báo(sau đây được gọi là “Người chịu trách nhiệm”) là Nhà thầu của các ông theo Hợp đồng này và muốn nhận được một thanh toán sớm (một phần) số tiền giữ lại, mà Hợp đồng yêu cầu họ phải có một bảo lãnh.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Chủ đầu tư, một số tiền hoặc những số tiền tổng số không quá(“Số tiền bảo lãnh”) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và bản trình bày viết của các ông nêu rõ:

- (a) người chịu trách nhiệm không thực hiện nghĩa vụ của mình để sửa chữa các thiếu sót cụ thể mà họ phải chịu trách nhiệm theo Hợp đồng, và
- (b) tính chất của các sai sót này.

Tại bất cứ thời điểm nào, nghĩa vụ của chúng tôi theo bảo lãnh này sẽ không được lớn hơn tổng số tiền giữ lại mà các ông đã chuyển cho người chịu trách nhiệm, như các thông báo của ông đã chứng minh theo Khoản 14.6 của các Điều kiện của Hợp đồng với một bản sao được chuyển cho chúng tôi.

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào cũng phải có (các) chữ ký của ông mà những chữ ký đó phải được các ngân hàng của ông hoặc phòng Công chứng chứng thực. Nhu cầu và trình bày đã được chứng thực phải do chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 70 ngày sau hạn dự kiến thời hạn xác định các hư hỏng của công trình*)(“Thời hạn hết hạn”), khi bảo lãnh này hết hạn và được trả lại cho chúng tôi.

Chúng tôi đã được thông báo rằng người thụ hưởng có thể yêu cầu người chịu trách nhiệm gia hạn bảo lãnh này nếu Chứng chỉ thực hiện theo Hợp đồng không được ban hành vào thời hạn 28 ngày trước thời hạn này. Chúng tôi cam kết thanh toán cho ông số tiền bảo lãnh này khi chúng tôi nhận được, trong vòng thời hạn 28 ngày này, yêu cầu của các ông bằng văn bản và trình bày của các ông là chứng chỉ thực hiện đã không được ban hành và bảo lãnh này đã không được gia hạn.

Bảo lãnh này phải được điều chỉnh bởi các luật pháp của.....và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ các quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký.....

Phụ lục G

MẪU BẢO LÃNH THANH TOÁN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Xem trang Tài chính của Nhà thầu]

Mô tả tóm tắt Hợp đồng.....

Tên và địa chỉ của người thụ hưởng.....

.....(Người mà Hợp đồng xác định là Nhà thầu)

Chúng tôi được thông báo rằng(người mà Hợp đồng quy định là Chủ đầu tư và người sau đây gọi là “Người chịu trách nhiệm”) được yêu cầu có một bảo lãnh ngân hàng.

Theo yêu cầu của người chịu trách nhiệm, chúng tôi (*tên ngân hàng*)theo đây cam kết thanh toán không hủy ngang cho các ông, người thụ hưởng/ Nhà thầu, một số tiền hoặc những số tiền tổng số không vượt quá(bằng chữ) khi chúng tôi nhận được yêu cầu bằng văn bản và biên bản của các ông nêu:

- (a) rằng, về thanh toán đúng theo Hợp đồng, người chịu trách nhiệm đã không thanh toán đầy đủ vào thời hạn 14 ngày sau thời hạn của thời gian đã quy định trong Hợp đồng mà trong thời gian đó việc thanh toán này lẽ ra đã phải được thực hiện, và
- (b) số tiền mà người chịu trách nhiệm đã không thanh toán.

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào đều phải được đính kèm theo một bản sao của [*danh mục tài liệu chứng minh quyền được thanh toán*]....., về việc mà người chịu trách nhiệm đã không thanh toán đầy đủ.

Bất cứ nhu cầu thanh toán nào đều phải có (các) chữ ký của ông mà chữ ký này phải do các ngân hàng của ông hoặc Phòng Công chứng chứng thực. Nhu cầu và trình bày đã được chứng thực phải được chúng tôi nhận tại văn phòng này vào hoặc trước (*thời hạn 6 tháng sau khi hạn dự định về thời hạn thông báo hư hỏng*)..... khi bảo lãnh này hết hạn và phải được trả cho chúng tôi.

Bảo lãnh này phải do các luật của.....điều chỉnh và phải phụ thuộc vào các quy tắc thống nhất về bảo lãnh theo yêu cầu, do Phòng Thương mại quốc tế xuất bản số 458, trừ các quy định ở trên.

Ngày.....Chữ ký.....

Điều kiện Hợp đồng
DỰ ÁN EPC/
CHÌA KHÓA TRAO TAY

**Các mẫu Thư dự thầu, Thỏa thuận
Hợp đồng và Thỏa thuận xử lý tranh chấp**

ĐIỀU KIỆN CHUNG

**HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO
ĐIỀU KIỆN RIÊNG**

**CÁC MẪU THƯ DỰ THẦU,
THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG
VÀ THỎA THUẬN XỬ LÝ
TRANH CHẤP**

THƯ DỰ THẦU

HỢP ĐỒNG

KÍNH GỬI:

Chúng tôi đã kiểm tra Các điều kiện của Hợp đồng, Các yêu cầu của Chủ đầu tư, các bảng biểu, các phụ lục và chú thích kèm theo số:.....hoặc công trình được nêu trên đây. Chúng tôi đã kiểm tra, hiểu và soát xét các tài liệu này và tin rằng chúng không có sai sót. Do vậy chúng tôi xin được thiết kế, thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót nảy sinh theo đúng với các tài liệu này và Hồ sơ dự thầu được kèm theo của chúng tôi (bao gồm cả thư này) với các giá được nêu trong Hồ sơ dự thầu:

Chúng tôi chấp nhận các khuyến nghị của các ông về việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp như đã nêu trong danh sách

[Chúng tôi đã kèm theo khuyến nghị của chúng tôi đối với thành viên khác của Ban xử lý tranh chấp trong Hồ sơ dự thầu, có tên là danh sách thành viên tiềm năng của Ban xử lý tranh chấp].*

Chúng tôi nhất trí tuân thủ theo Hồ sơ dự thầu này cho đến..... và nó sẽ ràng buộc chúng tôi và có thể được chấp nhận ở bất kỳ thời điểm nào trước ngày này..

Nếu đề nghị này được chấp nhận, chúng tôi sẽ cung cấp Bảo lãnh hợp đồng theo quy định, bắt đầu công việc ngay sau khởi công và hoàn thành các công trình đúng với các tài liệu có tên trên trong thời hạn hoàn thành. Chúng tôi cam kết rằng công trình sẽ đúng với Bảo lãnh thực hiện được kèm theo Hồ sơ dự thầu.

Chúng tôi hiểu rằng các ông không bắt buộc phải chấp nhận bản chào giá thấp nhất hay bất kỳ bản chào khác mà các ông có thể nhận được.

Chữ ký: với tư cách là:

Có thẩm quyền ký Thư dự thầu và thay mặt cho.....

Địa chỉ:

.....

Ngày:

* Nếu ứng thầu không chấp nhận, đoạn này có thể được bỏ hoặc thay thế bằng:

Chúng tôi không chấp nhận các khuyến nghị của các ông về chỉ định Ban xử lý tranh chấp. Chúng tôi đã đưa các khuyến nghị của chúng tôi vào Hồ sơ dự thầu về danh sách thành viên tiềm năng của Ban xử lý tranh chấp. Nếu những khuyến nghị này không được các ông chấp nhận, chúng tôi đề xuất rằng Ban xử lý tranh chấp sẽ được chỉ định chung theo Khoản 20.2 của Các Điều kiện của Hợp đồng, *[sau khi một Bên thông báo ý định của họ đưa tranh chấp cho DAB xử lý]*.

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Thỏa thuận này được lập vào ngày tháng năm

Giữa của (dưới đây được gọi là “Chủ đầu tư”) của một Bên

Và của (dưới đây được gọi là “Nhà thầu”) của Bên kia

Căn cứ mong muốn của Chủ đầu tư đối với công trình được biết đến là cần được thực hiện bởi Nhà thầu, và đã chấp nhận hồ sơ thầu của Nhà thầu để thực hiện và hoàn thành công trình này và sửa chữa mọi sai sót, hư hỏng trong đó.

Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận như sau:

1. Trong thỏa thuận này các từ ngữ và câu chữ phải có cùng nghĩa được ấn định riêng cho chúng trong các Điều kiện Hợp đồng được tham khảo dưới đây.
2. Các tài liệu sau đây phải được coi như là để tạo thành, được hiểu và diễn giải như một phần của thỏa thuận này:
 - (a) Bản ghi nhớ kèm theo đây (bao gồm bản phân tích Giá hợp đồng)
 - (b) Phần phụ chú
 - (c) Các Điều kiện của Hợp đồng
 - (d) Các yêu cầu của Chủ đầu tư
 - (e) Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu
3. Khi xem xét đến các khoản thanh toán được thực hiện bởi Chủ đầu tư cho Nhà thầu như đề cập dưới đây, Nhà thầu thỏa thuận với Chủ đầu tư sẽ thiết kế, thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót hư hỏng trong đó đúng với các điều khoản của Hợp đồng.
4. Chủ đầu tư thỏa thuận thanh toán cho Nhà thầu, có xem xét đến việc thực hiện và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót hư hỏng, Giá Hợp đồng tại các thời điểm và theo phương thức được Hợp đồng quy định.
5. Hợp đồng sẽ có hiệu lực đầy đủ và hiệu quả vào ngày mà các điều kiện sau được thỏa mãn:

[Danh sách các điều kiện tiên quyết]

Chủ đầu tư sẽ phải nhanh chóng xác nhận cho Nhà thầu về ngày mà tất cả các điều kiện đó đã được thỏa mãn trong thời gian các ngày mà thời hạn nêu trên đã được đề ra trong thỏa thuận thì thỏa thuận này sẽ không có hiệu lực và tác dụng và bất cứ bảo lãnh nào đặt ra có liên quan đến các công việc trên đều bị hủy bỏ. *Tùy chọn]*

6. Ngày khởi công sẽ là..... *Tùy chọn]*

Để làm chứng điều đó, các bên dưới đây đồng ý thực hiện bản thỏa thuận kể từ ngày tháng và năm ghi ở trên theo đúng luật pháp của các bên

Người ký	Người ký
Thay mặt Chủ đầu tư trong sự có mặt của	Thay mặt Nhà thầu trong sự có mặt của
Người làm chứng:	Người làm chứng:
Tên:	Tên:
Địa chỉ:	Địa chỉ:
Ngày tháng:	Ngày tháng:

THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

[cho Ban xử lý tranh chấp có một người]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng

Tên và các địa chỉ của Chủ đầu tư

Tên và các địa chỉ của Nhà thầu

Tên và các địa chỉ của thành viên

Xét thấy Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định thành viên để đảm nhận vai trò là người xử lý duy nhất cũng gọi là “Ban xử lý tranh chấp” để xử lý tranh chấp đã nảy sinh liên quan đến.

Chủ đầu tư, Nhà thầu và thành viên cùng thỏa thuận như sau:

1. Các Điều kiện của thỏa thuận xử lý tranh chấp này bao gồm “Các Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp” được bổ sung vào các Điều kiện chung của “Các Điều kiện của Hợp đồng cho dự án EPC/Chìa khóa trao tay” xuất bản lần thứ nhất năm 1999 do Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản sau đây. Trong các điều khoản này bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.

2. *{Các chi tiết sửa đổi với Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, nếu có}*

3. Theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên sẽ được trả khoản phí hàng ngày là cho mỗi ngày.

4. Trong việc xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên cam kết nhận vai trò như Ban xử lý tranh chấp (người xử lý) phù hợp với thỏa thuận xử lý tranh chấp.

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.

2. Thỏa thuận xử lý tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của

Người ký Người ký..... Người ký

Thay mặt Chủ đầu tư với Thay mặt Nhà thầu với Thay mặt Thành viên với
sự có mặt của sự có mặt của sự có mặt của

Người làm chứng: Người làm chứng: Người làm chứng:

Tên: Tên: Tên:

Địa chỉ: Địa chỉ: Địa chỉ:

Ngày tháng: Ngày tháng: Ngày tháng:

{Thêm mô tả tóm tắt hoặc tên của vụ tranh chấp}

THỎA THUẬN CỦA BAN XỬ LÝ TRANH CHẤP

[cho mỗi thành viên của Ban xử lý tranh chấp gồm ba người]

Tên và các chi tiết của Hợp đồng

Tên và các địa chỉ của Chủ đầu tư

Tên và các địa chỉ của Nhà thầu

Tên và các địa chỉ của Thành viên

Căn cứ việc Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký kết Hợp đồng và mong muốn cùng chỉ định thành viên để đảm nhận vai trò của một trong ba người được gọi chung là “Ban xử lý tranh chấp” [và mong muốn thành viên đảm nhận vai trò là Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp] để xử lý tranh chấp đã nảy sinh liên quan đến.....

Chủ đầu tư, Nhà thầu và thành viên cùng thỏa thuận như sau:

1. Các Điều kiện của thỏa thuận xử lý tranh chấp này bao gồm “Các Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp” được bổ sung vào các Điều kiện chung của “Các Điều kiện của Hợp đồng về Xây dựng” xuất bản lần thứ nhất năm 1999 do Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) xuất bản, và các điều khoản sau đây. Trong các điều khoản này bao gồm cả phần sửa đổi và bổ sung cho Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, các từ ngữ và câu chữ có nghĩa như nhau như đã được ấn định trong Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.

2. {Các chi tiết sửa đổi với Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, nếu có}. Ví dụ

Trong các quy định có tính thủ tục được kèm trong Điều kiện chung về thỏa thuận xử lý tranh chấp, quy định được thay bằng: “.....”]

3. Theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên sẽ được trả như sau:

Chi phí giữ lại: theo tháng lịch

Cộng phí hàng ngày là mỗi ngày

4. Trong việc xem xét các khoản phí này và các khoản thanh toán khác do Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, thành viên cam kết đảm nhận phục vụ theo như qui định trong thỏa thuận xử lý tranh chấp như là một trong ba người cùng hành động như là Ban xử lý tranh chấp.

5. Chủ đầu tư và Nhà thầu cùng cam kết chung và cam kết riêng chi trả cho thành viên, có xem xét việc thực hiện các dịch vụ này, theo Điều 6 của Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp.

6. Thỏa thuận xử lý tranh chấp này sẽ được điều chỉnh theo luật của ...

Người kýNgười ký.....Người ký
Thay mặt Chủ đầu tư với Thay mặt Nhà thầu với Thay mặt Thành viên với
sự có mặt của sự có mặt của sự có mặt của
Người làm chứng: Người làm chứng: Người làm chứng:.....
Tên: Tên:Tên:
Địa chỉ: Địa chỉ:Địa chỉ:
Ngày tháng: Ngày tháng: Ngày tháng:
{Thêm mô tả tóm tắt hoặc tên của vụ tranh chấp}